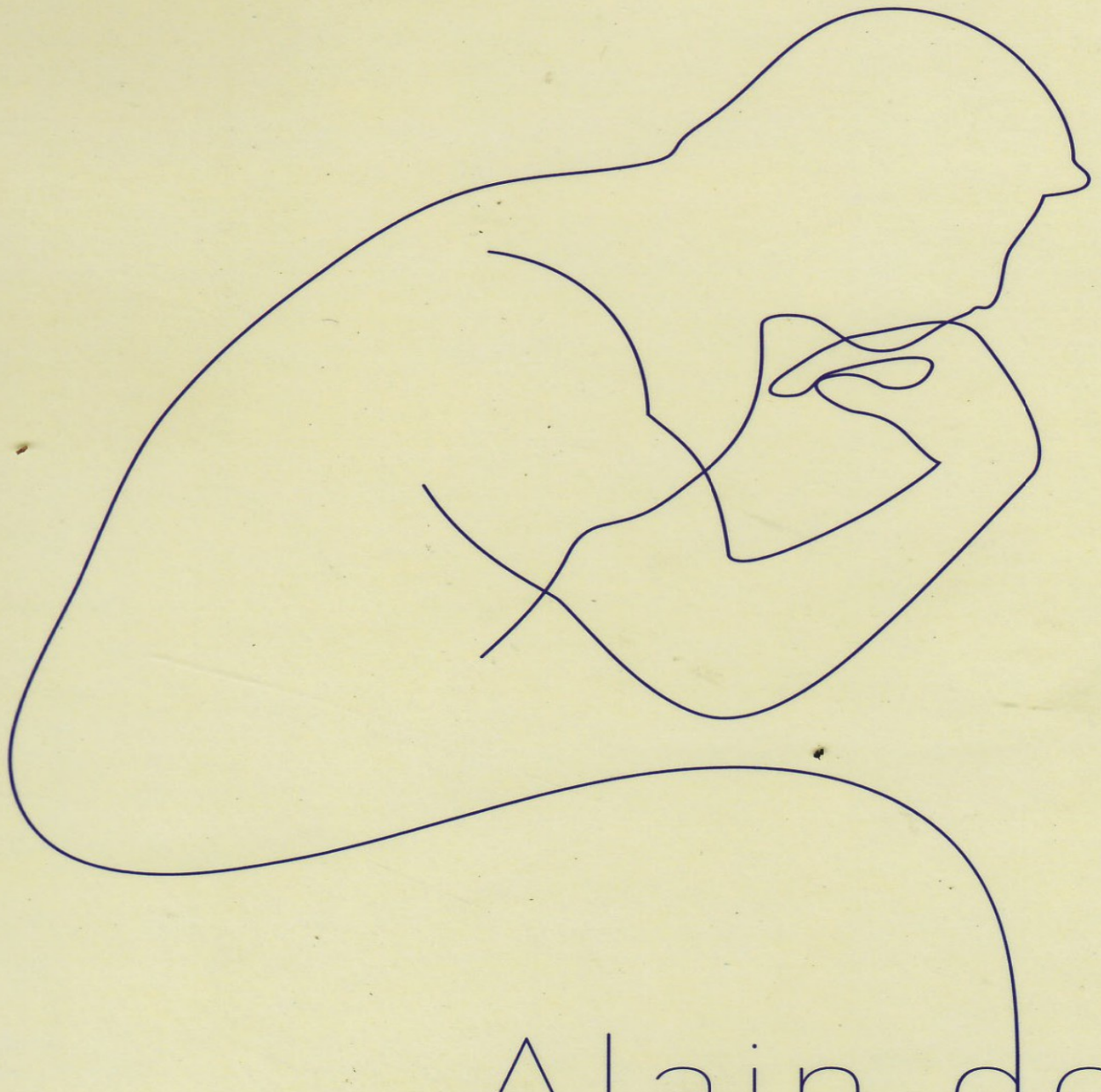


The International Bestseller



Alain de
Botton
Sự an ủi
của triết học

Mục Lục

I NIỀM AN ỦI KHI KHÔNG ĐƯỢC YÊU THÍCH

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

II NIỀM AN ỦI KHI KHÔNG CÓ ĐỦ TIỀN

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5
- 6

III NIỀM AN ỦI CHO NỖI THẤT VỌNG

- 1
- 2
- 3

IV NIỀM AN ỦI CHO SỰ THIẾU THỐN

- 1
- 2
- 3
- 4

V NIỀM AN ỦI CHO TRÁI TIM TAN VỠ

- 1
- 2

3

VI NIỀM AN ỦI CHO KHÓ KHĂN

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

I
NIỀM AN ỦI KHI KHÔNG ĐƯỢC YÊU
THÍCH

1

Mấy năm trước, vào một mùa đông New York lạnh buốt, có một chiều rảnh rỗi trước khi bay đi London, tôi lang thang trong một phòng tranh vắng vẻ nằm ở tầng trên của Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan. Căn phòng sáng trưng và ngoài tiếng kêu ro ro của hệ thống sưởi dưới sàn thì nó hoàn toàn yên tĩnh. Sau khi đã chán những bức họa trong các bộ sưu tập trường phái Ấn tượng, tôi đi tìm quán cà phê với hy vọng sẽ được uống một cốc sữa sô cô la kiểu Mỹ mà thời đó tôi cực kỳ thích. Đúng lúc ấy, tôi bắt gặp một bức tranh sơn dầu, phần chú thích ghi nó được vẽ tại Paris mùa thu năm 1786 bởi họa sĩ 83 tuổi Jacques-Louis David.

Socrates, sau khi bị dân chúng Athens kết án tử hình, đang chuẩn bị cầm cốc thuốc độc, vây quanh ông là những người bạn đang đau khổ. Mùa xuân năm 399 trước Công nguyên, ba công dân Athens đã khởi kiện dân sự chống lại nhà triết học này. Họ buộc tội ông không tôn thờ các vị thần của thành quốc, truyền bá những tôn giáo mới và làm hư hỏng thanh niên Athens - và với những tội nghiêm trọng như vậy, họ yêu cầu kết án tử hình.

Socrates đáp lại với sự thanh thản đã trở thành huyền thoại. Mặc dù được cho cơ hội để từ bỏ triết lý của mình tại tòa, ông đã kiên định với điều mình tin là đúng hơn những điều mà ông biết là phổ biến. Theo Plato, Socrates đã ngạo nghễ nói với bồi thẩm đoàn:

Miễn là tôi còn thở và còn khả năng, tôi sẽ không bao giờ ngừng thực hành triết học,

khuyến khích các vị và làm sáng tỏ sự thật cho tất cả những người tôi gặp... Và thưa các quý ông... dù các vị có tuyên bố tôi trắng án hay không thì các vị cũng biết rằng tôi sẽ không thay đổi những gì tôi làm, kể cả khi tôi có phải chết cả trăm lần.

Và như thế, Socrates bị đưa đến một nhà tù của Athens, cái chết của ông đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử triết học.

Một dấu hiệu cho thấy tầm quan trọng của nó có lẽ là mức độ thường xuyên mà nó xuất hiện trong hội họa. Năm 1650, họa sĩ Pháp Charles-Alphonse Dufresnoy vẽ bức *Cái chết của Socrates*, hiện được trưng bày tại Galleria Palatina ở Florence (phòng tranh này thì không có quán cà phê).

Thế kỷ 18 là thời kỳ đỉnh cao của mối quan tâm đối với cái chết của Socrates, nhất là khi Diderot thu hút sự chú ý đến tiềm năng hội họa của nó trong một đoạn của tác phẩm *Luận thuyết về Kịch thơ* của mình.

Jacques-Louis David nhận vẽ bức tranh vào mùa xuân năm 1786 theo đặt hàng của Charles-Michel Trudaine de la Sablière, một Nghị viên giàu có và là một học giả Hy Lạp tài năng. Tiền công rất hào phóng, với 6.000 livre tạm ứng và 3.000 livre thanh toán khi giao tranh (Louis XVI trả có 6.000 livre cho bức tranh lớn hơn *Lời thề của Horatii*). Khi được trưng bày tại cuộc triển lãm tranh thường niên năm 1787, nó lập tức được đánh giá là bức tranh đẹp nhất về cái chết của Socrates. Đức ông Joshua Reynolds cho rằng đó là “tác phẩm nghệ thuật tinh tế và đáng ngưỡng mộ nhất từng xuất hiện kể từ *Capella Sistina**, và *Stanza* của Raphael. Bức tranh này có thể làm rạng danh Athens trong thời đại Pericles.”

Tôi mua năm tấm bưu thiếp có tranh của David trong khu bán đồ

lưu niệm của bảo tàng và sau đó, khi máy bay bay ngang qua những cánh đồng đóng băng của Newfoundland (có màu xanh nhạt khi trăng tròn và trời trong), tôi giở một tấm bưu thiếp ra xem trong khi ăn bữa tối nhạt nhẽo mà cô tiếp viên đặt trên bàn khi tưởng tôi đang ngủ. Plato ngồi ở chân giường với chiếc bút và cuộn giấy bên cạnh, một nhân chứng lặng lẽ cho sự bất công của nhà nước. Khi Socrates chết thì Plato mới 29 tuổi nhưng David biến ông thành một ông già với mái tóc bạc và vẻ nghiêm nghị. Trên lối đi, vợ của Socrates là Xanthippe đang được cai ngục đưa vào phòng giam. Bảy người bạn với những biểu hiện đau khổ khác nhau. Crito, người bạn thân thiết nhất của Socrates, ngồi cạnh ông, ngược nhìn thầy với sự tôn kính và lo lắng. Nhưng nhà triết học với dáng ngồi thẳng, thân thể và cơ bắp của một vận động viên, không biểu hiện bất kỳ sự sợ hãi hay hối tiếc nào. Việc rất nhiều người Athens cho rằng ông là kẻ ngu ngốc không làm lay chuyển niềm tin của Socrates. David định vẽ Socrates đang uống thuốc độc nhưng nhà thơ André Chenier gợi ý rằng bức tranh sẽ kịch tính hơn nhiều nếu Socrates được thể hiện ở động tác đang kết thúc một luận điểm triết học trong khi bình thản đưa tay cầm cốc thuốc độc sẽ kết liễu cuộc đời mình, điều này vừa thể hiện sự tuân thủ của ông đối với luật pháp Athens, vừa thể hiện lòng trung thành với niềm tin của mình. Chúng ta đang chứng kiến những khoảnh khắc đầy tính khai trí cuối cùng của một con người siêu việt.

Tấm bưu thiếp để lại cho tôi ấn tượng mạnh như vậy có lẽ vì cái thái độ mà nó mô tả trái ngược hoàn toàn với tôi. Khi trò chuyện, tôi ưu tiên việc được người khác yêu mến hơn là nói sự thật. Mong muốn làm hài lòng người khác khiến tôi cười trước những câu đùa

bình thường giống như các bậc cha mẹ khi xem buổi diễn mở màn vở kịch ở trường học của bọn trẻ. Với người lạ, tôi cư xử theo cách mà nhân viên tiếp tân chào những vị khách giàu có trong khách sạn - sự nhiệt tình đầu môi xuất phát từ mong muốn bừa bãi, bệnh hoạn được yêu mến. Tôi không công khai nghi ngờ những tư tưởng mà số đông tin theo. Tôi muốn được những nhân vật quyền lực chấp nhận, và rất lâu sau khi gặp họ, tôi vẫn lo lắng không biết họ có thấy chấp nhận được tôi hay không. Khi đi qua cửa hải quan hay lái xe bên cạnh xe cảnh sát, tôi có mong muốn kỳ cục là được những nhân viên mặc đồng phục nghĩ tốt về mình.

Nhưng triết gia đã không oằn mình trước việc không được yêu thích và sự lên án của nhà nước. Ông đã không rút lại suy nghĩ của mình bởi lời phàn nàn của người khác. Hơn thế nữa, sự tự tin của ông có nguồn gốc sâu xa hơn là tính nóng nảy hay lòng can đảm kiêu kiể không sợ sùng. Nó có nền tảng vững chắc từ triết học. Triết học đã cho Socrates những niềm tin để từ đó ông có được sự tự tin một cách lý trí, trái ngược với sự cuồng tín, khi đối mặt với sự phản đối.

Đêm hôm ấy, khi máy bay đang bay qua những vùng đất đóng băng, sự độc lập về suy nghĩ đó là một phát hiện đầy kích thích. Nó hứa hẹn là đối trọng cho xu hướng trì trệ đi theo lối mòn tư duy và hành động được xã hội chấp nhận. Cuộc đời và cái chết của Socrates là lời mời gọi cho sự hoài nghi về trí tuệ.

Nhìn rộng ra, sự hoài nghi về trí tuệ Socrates là biểu tượng tối cao

của nó - dường như đang kêu gọi chúng ta hãy nhận lấy một nhiệm vụ vừa sâu sắc vừa tức cười: đó là trở nên thông thái nhờ triết học. Mặc dù có những khác biệt lớn giữa các nhà tư tưởng được mô tả như là những triết gia qua các thời kỳ khác nhau (trên thực tế, nhóm người này đa dạng đến mức nếu họ có tụ tập ở một bữa tiệc cocktail khổng lồ thì chẳng những họ không có gì để nói với nhau mà rất có thể sẽ choảng nhau chỉ sau vài ly rượu), nhưng chúng ta vẫn có thể lọc ra một nhóm nhỏ những người sống cách nhau nhiều thế kỷ cùng chia sẻ sự trung thành lỏng lẻo với tầm nhìn của triết học theo như nguyên gốc tiếng Hy Lạp của từ này - *philo*, tình yêu; - *sophia*, minh triết - nhóm người gắn bó với nhau bởi mối quan tâm chung đối với việc nói những điều an ủi và thiết thực về nguyên nhân những nỗi đau khổ lớn nhất của chúng ta. Đó chính là những người mà tôi sẽ tìm đến.

2

Xã hội nào cũng có quan niệm về những gì người ta nên tin và cách cư xử để tránh bị ngờ vực và không ưa. Một số quy ước xã hội được nêu rõ ràng dưới hình thức luật lệ, những quy ước khác được thể hiện một cách trực giác hơn trong bộ phận rộng lớn gồm các phán xét mang tính đạo đức và thực tiễn được mô tả là “lẽ thường” - chúng quy định ta nên mặc gì, nên tuân thủ những giá trị tài chính nào, nên quý trọng ai, nên theo những quy tắc nào và nên xử lý đời sống gia đình ra sao. Việc đặt câu hỏi về những quy ước này sẽ bị xem là kỳ cục và thậm chí là gây sự. Người ta không đặt câu hỏi về “lẽ thường” đơn giản là vì những phán xét của nó được cho là quá hợp lý để bị sẫm soi.

Ví dụ, trong một cuộc nói chuyện bình thường, khó mà chấp nhận được việc đặt một câu hỏi về mục đích mà xã hội gán cho lao động.

Hoặc yêu cầu một cặp vợ chồng mới cưới giải thích cặn kẽ lý do đằng sau quyết định kết hôn của họ.

Hoặc hỏi những người đi nghỉ một cách cặn kẽ về những giả định đằng sau chuyến đi của họ.

Người Hy Lạp cổ đại có nhiều quy ước về lẽ thường và tuân thủ chúng rất nghiêm túc. Một dịp cuối tuần, khi đang xem sách trong một hiệu sách cũ ở Bloomsbury, tôi thấy một bộ sách lịch sử dành cho trẻ em với nhiều tranh ảnh và hình minh họa rất đẹp. Bộ sách này bao gồm cuốn *Bên trong một thị trấn Ai Cập*, *Bên trong một tòa lâu đài* và

một tập sách mà tôi mua cùng với cuốn bách khoa toàn thư về các loài cây độc, *Bên trong một thị trấn Hy Lạp cổ*.

Trong đó có nói về cách ăn mặc được cho là bình thường ở các thành quốc Hy Lạp vào thế kỷ 5 trước Công nguyên.

Cuốn sách nói rằng người Hy Lạp tin vào rất nhiều vị thần: thần tình yêu, săn bắn và chiến tranh, thần có quyền năng đối với mùa màng, lửa và biển cả. Trước khi làm gì, họ đều cầu khẩn các vị thần ở đền thờ hoặc ở điện thờ nhỏ tại gia và hiến tế súc vật để tỏ lòng tôn kính. Việc này khá tốn kém: cần một con bò cho lễ hiến tế thần Athena; cần một con dê cho thần Artemis và Aphrodite; cần một con gà trống hoặc gà mái cho thần Asclepius.

Người Hy Lạp coi việc sở hữu nô lệ là điều tốt. Vào thế kỷ 5 trước Công nguyên, chỉ riêng ở Athens lúc nào cũng có từ 80.000 đến 100.000 nô lệ, với tỷ lệ là một nô lệ trên ba người tự do.

Người Hy Lạp cũng rất coi trọng chiến đấu và tôn thờ lòng can đảm trên chiến trường. Một người đàn ông chỉ được coi là đàn ông đích thực khi biết chém đầu đối thủ. Hình ảnh chiến binh Athens kết liễu cuộc đời của một chiến binh Ba Tư (được vẽ trên một chiếc đĩa vào thời Chiến tranh Ba Tư lần thứ hai) cho thấy cách hành xử phù hợp là như thế nào.

Phụ nữ hoàn toàn phục tùng chồng và cha. Họ không có bất kỳ vai trò nào trong chính trị hay đời sống công, không được thừa kế tài sản hay sở hữu tiền. Họ thường lấy chồng lúc 13 tuổi, lấy người được cha họ lựa chọn bất kể có phù hợp về mặt tình cảm hay không.

Đối với những người đương thời của Socrates thì chẳng có điều gì trong số những điều kể trên là đáng chú ý. Họ sẽ ngạc nhiên và tức

giận nếu được hỏi lý do chính xác của việc hiến tế gà trống cho thần Asclepius là gì, hay tại sao đàn ông phải giết người thì mới được coi là có đạo đức. Hỏi những điều đó cũng bị coi là ngu xuẩn giống như hỏi tại sao tiếp sau mùa đông lại là mùa xuân hay sao đá lại lạnh.

Nhưng không phải chỉ có sự thù nghịch của người khác mới ngăn cản ta đặt câu hỏi đối với hiện trạng (status quo). Sự sẵn sàng hoài nghi của ta có thể bị dập tắt một cách phũ phàng bởi một giác quan nội tại cho rằng các quy ước xã hội hẳn phải có cơ sở vững chắc, ngay cả khi ta không chắc cơ sở ấy là cái gì, bởi vì từ xưa đến nay biết bao nhiêu người vẫn tuân thủ những quy ước đó. Có thể những niềm tin ấy rất sai lầm và ta là người duy nhất nhận ra điều đó. Ta dập tắt những nghi ngờ của mình và thuận theo đám đông vì không thể tin rằng mình là người tiên phong phát hiện ra những sự thật khó khăn mà đến nay chưa ai biết.

Để vượt qua sự nhu mì của bản thân, chúng ta nên tìm đến nhà hiền triết.

3

1. Cuộc đời

Socrates sinh năm 469 trước Công nguyên tại Athens. Cha ông, Sophroniscus, được cho là một nhà điêu khắc, còn mẹ, Phaenarete, là bà đỡ. Thời trẻ, Socrates theo học triết gia Archelaus, và từ đó ông thực hành triết học mà không hề viết ra bất kỳ điều gì. Ông không thu học phí khi giảng bài và do đó trượt dần vào nghèo túng; mặc dù ông cũng ít quan tâm đến của cải vật chất. Cả năm trời ông chỉ mặc đúng một chiếc áo choàng và gần như thường xuyên đi chân trần (người ta nói rằng ông sinh ra là để trả thù đám thợ giày). Cho đến trước khi chết, ông đã có vợ cùng ba người con. Vợ ông, Xanthippe, cực kỳ tai tiếng vì tính nết thô lỗ (khi được hỏi tại sao lại lấy người đó, ông trả lời rằng người huấn luyện ngựa cần phải luyện tập với những con vật trái tính nhất). Ông dành phần lớn thời gian ở ngoài đường, trò chuyện với bạn bè ở những nơi công cộng của Athens. Họ đánh giá cao sự thông thái và khiếu hài hước của ông, ít người đánh giá cao hình thức của ông: thấp người, râu ria xồm xoàm và hói, dáng đi lắc lư buồn cười, và khuôn mặt thì được ví giống như đầu con cua, một con đười ươi hay nói chung là kỳ quặc. Ông có cái mũi tẹt, môi dày và cặp mắt lồi dưới đám lông mày rậm rạp không theo hàng lối gì hết.

Tuy nhiên, điều kỳ quặc nhất là ông có thói quen đến gần một người Athens bất kỳ, không cần biết tầng lớp, tuổi tác, nghề nghiệp, không cần biết họ có cho ông là dở hơi hay phiền phức, và không ý tứ

gì hết, ông yêu cầu họ giải thích một cách chính xác tại sao họ lại có những niềm tin cụ thể nào đó, và họ coi điều gì là ý nghĩa của cuộc đời. Một người bình thường, kinh ngạc trước cách hành xử của Socrates, đã thuật lại như sau:

Mỗi khi có ai đó đến gặp và trò chuyện với Socrates thì mọi việc luôn diễn ra như sau: cho dù lúc đầu người đó nói về một chủ đề hoàn toàn khác thì Socrates cũng sẽ liên tục ngắt lời cho đến khi bắt được họ nói về lối sống hiện tại của mình cũng như cách mà họ đã sống trong quá khứ. Và một khi đã bắt được thì Socrates sẽ không để người đó đi cho đến khi ông đã khai thác một cách đầy đủ và chân thực ở mọi góc độ.

Thói quen này của Socrates được hỗ trợ bởi khí hậu và kiểu quy hoạch đô thị của Athens. Khí hậu Athens ấm áp trong suốt nửa năm và điều này giúp ông có nhiều cơ hội trò chuyện với mọi người ngoài đường phố một cách tự nhiên. Những hoạt động mà ở phương Bắc thường diễn ra đằng sau các bức tường bùn của những túp lều tối tăm mờ mịt khói thì tại Athens có thể diễn ra dưới bầu trời trong xanh. Người Athens thường la cà ở quảng trường, chỗ hàng cột của cổng vòm Poikile* hay cổng vòm Zeus Bleutheros và trò chuyện với người lạ vào chiều muộn, khoảng thời gian được ưa thích so với tính thực dụng của buổi trưa và sự lo lắng mà buổi tối mang lại.

Sự thoải mái này cũng một phần là nhờ quy mô của thành phố. Khoảng 240.000 người sống tại Athens và khu cảng biển. Chỉ mất chưa tới một giờ để đi từ đầu này đến đầu kia thành phố, từ Piraeus đến cửa Algeus. Cư dân thành phố cảm thấy có sự gắn kết giống như học sinh cùng một trường hay khách mời tại một đám cưới. Không phải chỉ có những kẻ cuồng tín và say rượu mới đi bắt chuyện với người lạ ở nơi công cộng.

Chúng ta không đặt câu hỏi về nguyên trạng chủ yếu là do chúng ta gắn cái phổ biến với cái đúng - ngoài lý do thời tiết và quy mô của thành phố. Nhà triết học chân đất đã đặt ra quá nhiều câu hỏi để xác định xem liệu có phải những điều phổ biến diễn ra đều có ý nghĩa của chúng.

2. Quy luật Lẽ thường

Nhiều người cho rằng các câu hỏi đó thật là điên rồ. Một số người trêu chọc ông. Vài kẻ muốn giết ông. Trong vở kịch *Những đám mây*, được công diễn lần đầu tại nhà hát Dionysus vào mùa xuân năm 423 trước Công nguyên, Aristophanes cho người dân Athens thấy một bức tranh biếm họa về nhà triết học từ chối chấp nhận lẽ thường mà không xem xét logic của nó một cách cặn kẽ. Diễn viên đóng vai Socrates xuất hiện trên sân khấu trong một cái giỏ treo trên cần câu, vì ông từng tuyên bố rằng trí óc mình làm việc tốt hơn ở trên cao. Ông đắm chìm vào những suy nghĩ quan trọng đến nỗi không có thời gian giặt giũ hay làm việc nhà. Vì thế cái áo choàng của ông bốc mùi kinh khủng và nhà thì đầy sâu bọ, nhưng ít nhất thì ông đã có thể suy nghĩ về những câu hỏi quan trọng nhất của cuộc đời. Chúng bao gồm: con bọ chết có thể nhảy xa với khoảng cách bằng mấy lần chiều dài cơ thể nó? Lũ muỗi phát ra tiếng kêu vo ve qua đường miệng hay đường hậu môn? Mặc dù Aristophanes không nói kỹ hơn về câu trả lời cho các câu hỏi của Socrates nhưng chắc hẳn như vậy cũng đã đủ để khán giả thấy được sự liên quan của chúng.

Aristophanes đang nhấn mạnh một lời chỉ trích quen thuộc nhằm vào giới trí thức, đó là so với những người không bao giờ mạo hiểm

phân tích vấn đề một cách có hệ thống thì họ thường bị cuốn xa rời những quan điểm hợp lý. Làm nổi bật sự khác biệt giữa nhà soạn kịch và nhà triết học là một sự đánh giá đối lập về tính đầy đủ của những lý giải thông thường. Trong con mắt của Aristophanes, người tỉnh táo có thể thỏa mãn với hiểu biết rằng con bọ chết có khả năng nhảy xa so với kích thước của chúng và muỗi phát ra tiếng kêu vo ve từ đâu đó, còn Socrates thì bị cho là chứa chấp sự nghi ngờ điên rồ đối với lẽ thường và sự khao khát trái khoáy đối với những lý giải phức tạp và ngu ngốc khác.

Trước những cáo buộc này, chắc hẳn Socrates sẽ đáp trả rằng trong những trường hợp cụ thể, mặc dù có lẽ là không liên quan đến bọ chết, thì lẽ thường có thể đòi hỏi sự suy xét kỹ lưỡng hơn. Sau những cuộc trò chuyện ngắn với nhiều người Athens, những quan điểm phổ biến về việc làm thế nào để sống tốt, những quan điểm được đa số cho là bình thường và không có gì đáng để hỏi, lại bộc lộ sự thiếu hụt đáng ngạc nhiên mà cung cách tự tin của những người ủng hộ chúng đã che giấu quá tài tình. Trái ngược với những gì mà Aristophanes hy vọng, những người mà Socrates trò chuyện hầu như không biết mình đang nói gì.

3. Hai cuộc đối thoại

Trong tác phẩm *Laches*, Plato viết rằng, vào một buổi chiều ở Athens, Socrates đến gặp hai vị tướng đáng kính là Nicias và Laches. Hai vị tướng đã chiến đấu chống lại quân Sparta trong cuộc chiến Peloponnesla, và nhận được sự kính trọng của những người lớn tuổi trong thành phố và sự ngưỡng mộ của lớp trẻ. Sau này cả hai đều

chết trên chiến trường: Laches chết trong trận Mantinea năm 418 trước Công nguyên, Nicias chết trong cuộc viễn chinh đen đui đến Sicily năm 413 trước Công nguyên. Không có bức chân dung nào của họ còn sót lại nhưng người ta có thể hình dung rằng hình ảnh của họ trên chiến trường giống như hình hai người đàn ông trên lưng ngựa khắc trên bức phù điêu trong điện Parthenon.

Hai vị tướng này gắn liền với một quan niệm lễ thường. Họ tin rằng một người chỉ được coi là can đảm khi ở trong quân ngũ, trưởng thành trên chiến trường và tiêu diệt kẻ thù. Nhưng khi gặp họ ngoài đường, Socrates bị thôi thúc hỏi thêm vài câu hỏi:

SOCRATES: Laches, hãy thử nói xem lòng can đảm là gì?

LACHES: Socrates, theo tôi điều đó chẳng có gì khó. Nếu một người sẵn sàng đứng trong quân ngũ, đối mặt với kẻ thù và không trốn chạy thì anh có thể chắc rằng người đó có lòng can đảm.

Nhưng Socrates nhớ rằng trong trận Plataea năm 479 trước Công nguyên, một đội quân Hy Lạp dưới sự chỉ huy của Pausanias, quan nhiếp chính của Sparta, ban đầu đã rút lui nhưng sau đó đã đánh bại đội quân Ba Tư của Mardonius một cách can đảm.

SOCRATES: Chuyện kể rằng trong trận Plataea, người Sparta nổi dậy chống lại [người Ba Tư], nhưng không sẵn sàng chiến đấu và đã rút lui. Khi quân Ba Tư đuổi theo, hàng ngũ của họ bị phá vỡ; sau đó người Sparta quay lại chiến đấu như thể sẵn sàng tử trận.

Điều này làm cho Laches phải nghĩ lại và ông nêu ra một quan điểm lễ thường thứ hai: lòng can đảm là một dạng của sự bền bỉ.

Nhưng Socrates chỉ ra rằng sự bèn bỉ có thể bị hướng vào những mục tiêu bừa bãi. Để phân biệt lòng can đảm thực sự với sự cuồng nhiệt điên rồ thì cần có một yếu tố khác. Bạn đồng hành của Laches là Nicias, với sự dẫn dắt của Socrates, đề xuất rằng lòng can đảm sẽ phải đi kèm với tri thức, sự nhận thức cái thiện và cái ác, và không phải lúc nào cũng gắn với chiến tranh.

Chỉ qua một cuộc trò chuyện ngắn ngoài đường người ta cũng có thể phát hiện ra sự thiếu hụt nghiêm trọng về định nghĩa chuẩn cho một đức tính rất được ngưỡng mộ của người Athens. Họ đã không tính đến lòng can đảm bên ngoài chiến trường hay tầm quan trọng của tri thức đi kèm với sự bèn bỉ. Vấn đề này nghe có vẻ tầm thường nhưng lại có những ngụ ý vô cùng to lớn. Nếu một vị tướng cho rằng việc ra lệnh cho đội quân của mình rút lui là hèn nhát, ngay cả khi đó là hành động hợp lý duy nhất, thì việc định nghĩa lại lòng can đảm sẽ mở rộng những lựa chọn và giúp ông ta đối phó với những lời chỉ trích.

Trong tác phẩm *Meno* của Plato, Socrates nói chuyện với một người cực kỳ tự tin về sự đúng đắn của một quan niệm lẽ thường. Meno, một nhà quý tộc hống hách, tới thăm Attica từ quê nhà Thessaly và nói về mối quan hệ giữa tiền bạc và phẩm hạnh. Ông nói với Socrates rằng để là người có phẩm hạnh thì phải rất giàu có, và sự nghèo khó luôn luôn là thất bại của cá nhân chứ không phải sự tình cờ.

Chúng ta cũng không có bức chân dung nào của Meno nhưng khi

xem một cuốn tạp chí cho đàn ông của Hy Lạp, tôi hình dung rằng hẳn Meno sẽ giống người đàn ông đang uống sâm banh trong một hồ bơi sáng choang ánh đèn.

Một người đàn ông có đạo đức, Meno tự tin nói với Socrates, là người vô cùng giàu có và sở hữu những thứ tốt đẹp. Socrates hỏi Meno thêm mấy câu:

SOCRATES: Theo ngài những thứ tốt có nghĩa là sức khỏe và tài sản?

MENO: Tôi nghĩ nó bao gồm cả vàng và bạc, cũng như một vị trí cao và danh giá trong bộ máy nhà nước.

SOCRATES: Đó có phải là những thứ duy nhất mà ngài cho là tốt không?

MENO: Đúng, ý tôi là tất cả những thứ kiểu như vậy.

SOCRATES:... Ngài cho rằng việc “có được” những thứ đó có cần phải “công bằng và chính đáng” không, hay điều đó với ngài không quan trọng? Liệu ngài có coi một người là có phẩm hạnh ngay cả khi họ có được những thứ tốt một cách không công bằng hay không?

MENO: Chắc chắn là không.

SOCRATES: Như vậy có vẻ là việc có được [vàng và bạc] phải gắn với sự công bằng, chừng mực, lòng hiếu thảo hoặc những yếu tố khác của phẩm hạnh... Thực ra, việc không có vàng hay bạc, nếu xuất phát từ thất bại trong việc có được chúng, trong những trường hợp mà việc có được chúng là không chính đáng, thì bản thân nó lại là phẩm hạnh.

MENO: Có vẻ như vậy.

SOCRATES: Như thế có nghĩa là việc có các thứ đó không hề làm cho một người trở nên tốt đẹp hơn là không có chúng...

MENO: Kết luận của ngài có vẻ như là tất yếu.

Sau đó, Socrates còn cho Meno thấy rằng tiền bạc và ảnh hưởng bản thân chúng không phải là những đặc điểm cần và đủ của phẩm hạnh. Người giàu có thể được ngưỡng mộ nhưng điều đó còn phụ thuộc vào việc tài sản của họ từ đâu mà có, và sự nghèo khó bản thân

nó không cho thấy điều gì về giá trị đạo đức của một cá nhân. Không có lý do ràng buộc nào để một người giàu cho rằng tài sản của mình đảm bảo cho phẩm hạnh, và không có lý do ràng buộc nào để một người nghèo nghĩ rằng sự nghèo khó của mình là dấu hiệu của sự đồi bại.

4. Tại sao người khác có thể không biết?

Các chủ đề này có thể đã cũ nhưng ý nghĩa đằng sau chúng thì không: người khác có thể sai, ngay cả khi họ có vị trí quan trọng, ngay cả khi họ tán đồng những niềm tin đã được đa số tin theo qua hàng thế kỷ. Lý do chỉ đơn giản là họ chưa xem xét niềm tin của mình một cách logic.

Meno và các vị tướng có những quan niệm sai bởi vì họ tiếp thu những quy phạm phổ biến mà không kiểm tra tính logic của chúng. Để chỉ ra sự thụ động một cách khác thường của họ, Socrates đã so sánh việc sống mà không suy nghĩ một cách có hệ thống với việc thực hiện một hoạt động như làm đồ gốm hay đóng giày mà không tuân theo hay thậm chí không biết các quy trình kỹ thuật. Chúng ta khó có thể tưởng tượng rằng một cái bình gốm tốt hay một chiếc giày tốt lại được làm ra chỉ nhờ trực giác; vậy thì tại sao lại cho rằng có thể thực hiện một nhiệm vụ phức tạp hơn nhiều như sống một cuộc đời mà lại không cần đến bất kỳ sự suy ngẫm nào về những giả định hay mục đích của nó?

Có lẽ là vì chúng ta không tin rằng sống cuộc đời của mình lại là một việc phức tạp như vậy. Chắc chắn có những việc khó nhìn bên

ngoài rất khó, trong khi những việc khác cũng khó thì nhìn lại rất dễ dàng. Có được quan niệm đúng đắn về việc sống như thế nào rơi vào loại thứ hai, làm một chiếc bình gốm hay một chiếc giày rơi vào loại thứ nhất.

Làm một chiếc bình gốm rõ ràng là rất khó. Trước tiên đất sét được mang đến Athens, thường là từ một giếng lớn ở Mũi Kolias cách thành phố khoảng 7 dặm về phía Nam, rồi đặt trên một cái bàn xoay và xoay với tốc độ từ 50 đến 150 vòng một phút, tốc độ này tỷ lệ nghịch với đường kính của sản phẩm (bình càng hẹp thì tốc độ xoay càng lớn). Tiếp đến nó được cọ bằng bột biển, mài nhẵn, phủ bề mặt và gắn quai.

Tiếp đó, chiếc bình được phủ một lớp men màu đen làm từ đất sét mịn trộn với bồ tát. Khi lớp men đã khô, người ta đặt nó vào lò đã làm nóng tới 800°C và có lỗ thông khí. Nó chuyển sang màu đỏ sẫm, kết quả của quá trình đất sét cứng lại và chuyển hóa thành ô-xít sắt. Lúc này, người ta làm nóng lò lên 950°C và đóng lỗ thông khí. Lá ước được đưa thêm vào lò để tạo độ ẩm, làm cho thân bình chuyển sang màu đen xám và lớp men thành màu đen than (ô-xít sắt từ). Sau vài giờ, người ta mở cửa thông gió, lấy lá ước ra khỏi lò và lúc này nhiệt độ trong lò giảm xuống còn 900°C . Trong khi lớp men giữ nguyên màu đen từ lần đốt lò thứ hai thì thân bình trở lại màu đỏ sẫm của lần thứ nhất.

Không ngạc nhiên khi ít người Athens không chút đắn đo muốn tự làm một chiếc bình gốm. Nghề gốm trông phức tạp và thực tế cũng phức tạp. Tuy nhiên, thật không may là việc có được những quan

niệm đạo đức đúng đắn thì lại không như vậy. Đây là một vấn đề rắc rối, bề ngoài có vẻ rất đơn giản nhưng thực chất lại vô cùng phức tạp.

Socrates khuyến khích chúng ta không nên chùn bước trước sự tự tin của những người không có khả năng nhìn ra sự phức tạp này và xây dựng niềm tin của họ mà không có sự khắt khe ít nhất cũng phải như một người thợ gốm. Những gì được tuyên bố là hiển nhiên và “tự nhiên” lại hiếm khi như vậy. Nhận thức được điều này dạy cho chúng ta phải suy nghĩ rằng thế giới này linh hoạt hơn vẻ bề ngoài của nó bởi vì những quan niệm đã được xác lập thường không ra đời từ quá trình lập luận hoàn hảo mà là từ sự mù mẫm về trí tuệ kéo dài qua hàng thế kỷ. Có thể không có lý do xác đáng nào để mọi việc diễn ra theo cách mà chúng vẫn diễn ra.

5. Suy nghĩ độc lập như thế nào?

Nhà hiền triết không chỉ giúp chúng ta nhận thức được rằng người khác có thể sai mà ông còn mang lại cho chúng ta một phương pháp đơn giản để tự mình xác định điều gì là đúng. Ít có nhà hiền triết nào lại có quan niệm tối giản hơn về những điều cần thiết để khởi đầu một cuộc sống có suy nghĩ. Chúng ta không cần phải có nhiều năm tháng được học hành một cách chính thống hay một cuộc sống thoải mái để làm việc này. Bất kỳ ai với đầu óc hiếu kỳ, sáng sủa và muốn đánh giá một niềm tin thông thường đều có thể bắt đầu cuộc trò chuyện với một người bạn trên đường, và nếu áp dụng phương pháp của Socrates, trong vòng chưa tới nửa giờ, họ đều có thể nảy sinh một hay hai ý tưởng đột phá.

Phương pháp đánh giá quan niệm lễ thường của Socrates xuất hiện trong tất cả các đoạn đối thoại ở phần đầu và giữa trong tác phẩm của Plato, và do được tiến hành theo các bước nhất quán, nó có thể được trình bày dưới hình thức giống như một cuốn sách hướng dẫn hay sách dạy nấu ăn, và có thể áp dụng cho bất kỳ niềm tin nào mà ta được yêu cầu tin theo hoặc cảm thấy cần phải chống lại. Theo phương pháp này, tính đúng đắn của một phát biểu không thể được xác định bằng việc liệu nó có được số đông tin theo, hoặc từ lâu đã trở thành niềm tin phổ biến của những người quan trọng hay không. Một phát biểu đúng là một phát biểu không thể bị phủ định bằng lập luận. Một phát biểu là đúng nếu như nó không thể bị chứng minh là sai. Nếu nó có thể bị chứng minh là sai thì dù cho có bao nhiêu người tin đi chăng nữa, dù nó có vĩ đại đến cỡ nào đi nữa thì nó chắc chắn là sai và chúng ta đã đúng khi nghi ngờ nó.

Phương pháp tư duy của Socrate:

1. Xác định một tuyên bố được mô tả một cách tự tin là “lễ thường”

Hành động một cách can đảm bao gồm việc không rút lui trên chiến trường.

Để là người có phẩm hạnh thì phải có tiền.

2. Hãy tưởng tượng rằng mặc dù người đưa ra tuyên bố đó tự tin

vào lời nói của mình thì tuyên bố đó vẫn là sai. Tìm những tình huống hoặc hoàn cảnh mà tuyên bố đó là sai.

Người ta có thể can đảm nhưng vẫn rút lui trong một trận chiến hay không?

Người ta có thể không rút lui trong một trận chiến nhưng không can đảm hay không?

Người ta có thể có tiền nhưng không có phẩm hạnh hay không?

Người ta có thể không có tiền nhưng vẫn có phẩm hạnh hay không?

3. Nếu có thể tìm thấy một ngoại lệ thì định nghĩa đó phải là sai hoặc ít nhất không chính xác.

Một người có thể can đảm và rút lui.

Một người có thể không rút lui nhưng không can đảm. Một người có thể có tiền và là kẻ lừa đảo. Một người có thể nghèo và có đạo đức.

4. Tuyên bố ban đầu phải được làm mềm đi để tính đến các ngoại lệ.

Hành động can đảm có thể bao gồm cả việc rút lui và tiến lên trong một trận chiến.

Người có tiền chỉ có thể được coi là có phẩm hạnh nếu như họ kiếm tiền một cách có đạo đức, và có những người không có tiền nhưng vẫn là người có phẩm hạnh nếu như họ phải trải qua những tình huống mà không thể vừa có tiền vừa giữ được phẩm hạnh.

5. Nếu tìm thấy ngoại lệ cho các tuyên bố đã được điều chỉnh thì quá trình này phải lặp lại. Chân lý, trong chừng mực mà con người có thể đạt tới, nằm ở một tuyên bố mà xem ra không thể bị chứng minh là sai. Chính bằng việc tìm ra cái không phải chân lý mà ta có thể đến gần nhất với chân lý.

6. Sản phẩm của tư duy, bất kể Aristophanes có bóng gió điều gì đi chăng nữa, ưu việt hơn sản phẩm của trực giác.

Đương nhiên là chúng ta có thể đạt tới chân lý mà không cần triết lý. Không cần áp dụng phương pháp Socrates ta cũng biết rằng những người không có tiền vẫn được coi là có phẩm hạnh nếu như họ trải qua những tình huống mà không thể vừa có tiền vừa giữ được phẩm hạnh, hay hành động can đảm có thể bao gồm việc rút lui trong chiến đấu. Tuy nhiên, có nguy cơ là chúng ta sẽ không biết trả lời thế nào với những người không đồng tình với ta, trừ phi ta đã suy nghĩ một cách logic về những ý kiến đối lập với quan điểm của mình. Những nhân vật quan trọng có thể khiến chúng ta phải cân nhắc, chẳng hạn khi họ mạnh mẽ tuyên bố rằng phải có tiền thì mới có phẩm hạnh hay chỉ có những kẻ hèn nhát mới thoái lui trong chiến đấu. Nếu thiếu các phản lập luận (ví dụ như trận Plataea hay việc làm giàu trong một xã hội tham nhũng) thì ta sẽ phải thừa nhận một cách yếu ớt hay khó chịu rằng ta cảm thấy mình đúng mà không thể giải thích tại sao.

Socrates gọi một niềm tin đúng mà không kèm theo hiểu biết về cách đáp trả những phản bác bằng lập luận là *ý kiến đúng*, và cho rằng

nó có vị trí thấp hơn so với *tri thức*, bởi vì tri thức phải bao gồm không chỉ hiểu biết về nguyên nhân tại sao một điều được coi là đúng mà còn cả nguyên nhân tại sao điều ngược lại là sai. Ông ví hai phiên bản của chân lý như hai tác phẩm của nhà điêu khắc vĩ đại Daedalus. Chân lý có được nhờ trực giác giống như một bức tượng đặt trên bệ ở ngoài trời mà không có gì chống đỡ.

Một cơn gió mạnh có thể quật đổ bức tượng bất kỳ lúc nào. Nhưng chân lý được chống đỡ bởi lý lẽ và sự hiểu biết về các phản lập luận giống như một bức tượng được bắt chặt xuống đất bằng dây cáp.

Phương pháp tư duy của Socrates hứa hẹn cho chúng ta một cách xây dựng quan điểm theo đó ta có thể cảm thấy thực sự tự tin, ngay cả khi gặp bão tố.

4

Năm 70 tuổi, Socrates gặp phải một cơn cuồng phong. Ba người Athens - nhà thơ Meletus, chính trị gia Anytus và nhà hùng biện Lycon - cho rằng ông là một người kỳ dị và xấu xa. Họ buộc tội ông không tôn thờ các vị thần của thành quốc, làm băng hoại kết cấu xã hội của Athens và làm cho thanh niên trẻ chống lại cha của họ. Họ tin rằng cần phải làm cho ông im lặng và thậm chí là xử tử ông.

Thành quốc Athens đã thiết lập những quy trình để phân biệt điều phải trái. Ở phía Nam quảng trường thành phố là Tòa Heliasts, một công trình lớn với các hàng ghế gỗ dành cho bồi thẩm đoàn ở một bên còn bục dành cho công tố viên và bị cáo ở phía bên kia. Quá trình xét xử bắt đầu bằng bài phát biểu của bên công tố, tiếp đó là phát biểu của bên bào chữa. Sau đó, bồi thẩm đoàn từ 200 đến 2.500 người sẽ quyết định có buộc tội hay không bằng cách bỏ phiếu hoặc giơ tay biểu quyết. Phương pháp xác định đúng sai bằng cách đếm số người ủng hộ một đề xuất nào đó được sử dụng trong toàn bộ đời sống chính trị và pháp luật của Athens. Cứ hai hoặc ba lần mỗi tháng, toàn bộ công dân nam, tổng cộng khoảng 30.000 người, được mời đến tập trung trên ngọn đồi Pnyx nằm ở phía Tây Nam quảng trường để quyết định những vấn đề quan trọng của thành quốc thông qua việc giơ tay biểu quyết. Đối với Athens, quan điểm của đa số được coi là chân lý.

Có 500 công dân tham gia bồi thẩm đoàn trong phiên xử Socrates. Bên công tố bắt đầu bằng việc yêu cầu bồi thẩm đoàn xem xét coi triết

gia đang đứng trước mặt họ là một người không đứng đắn. Ông ta đã hỏi những thứ trên trời dưới đất, ông ta là kẻ dị giáo, ông ta đã dùng những phương kế tu từ để khiến lập luận yếu hơn đánh bại lập luận mạnh hơn, và ông ta gây ảnh hưởng xấu đến lớp trẻ, làm họ hư hỏng một cách có chủ đích thông qua các cuộc đối thoại của mình.

Socrates cố gắng đáp trả những lời buộc tội đó. Ông nói rằng mình chưa bao giờ đưa ra lý thuyết về thiên đường hay tìm hiểu những gì bên dưới mặt đất, ông không phải là kẻ dị giáo và rất tin vào những hoạt động thiêng liêng; ông chưa bao giờ làm hư hỏng giới trẻ Athens - chỉ là vài thanh niên có những ông bố giàu có và quá nhiều thời gian rảnh rỗi đã thực hành phương pháp đặt câu hỏi của ông và gây bực mình cho vài người có vai vế khi chứng minh rằng họ chẳng biết gì cả. Nếu như ông có làm ai hư hỏng thì đó cũng không phải là chủ đích của ông, bởi vì chẳng có lý do gì để một người cố ý gây ảnh hưởng xấu lên người khác, vì như thế thì chính người đó cũng có nguy cơ bị hại. Và nếu như ông có vô ý làm người khác hư hỏng thì lẽ ra chỉ cần nói với ông điều đó để thay đổi thay vì đưa ra xét xử tại tòa.

Ông thừa nhận đã sống một cuộc sống có vẻ kỳ dị:

Tôi đã lo là những thứ mà phần lớn mọi người quan tâm - kiếm tiền, chăm lo cho tài sản, kiếm danh trong quân đội hay trong xã hội, hoặc những vị trí quyền lực khác, hay tham gia các câu lạc bộ chính trị và những bữa tiệc đã hình thành nên xã hội của chúng ta.

Tuy nhiên, ông cho rằng việc ông theo đuổi triết học xuất phát từ khao khát đơn giản là làm cho đời sống của người Athens trở nên tốt

đẹp hơn:

Tôi đã nỗ lực thuyết phục mỗi người không nghĩ về lợi ích vật chất của họ nhiều hơn nghĩ về sự khỏe mạnh của tinh thần và đạo đức.

Ông giải thích rằng đó là cam kết của mình đối với triết học và ông không thể từ bỏ hoạt động đó ngay cả khi bồi thẩm đoàn coi đó là điều kiện để tha tội:

Tôi sẽ tiếp tục nói theo cách khác thường của mình, “Bạn tốt của tôi, anh là người Athens và anh thuộc về một thành phố vĩ đại nhất và nổi tiếng nhất thế giới về minh triết và sức mạnh. Anh có thấy xấu hổ không khi chỉ quan tâm làm sao có được càng nhiều tiền càng tốt, càng nhiều danh dự và tiếng tăm càng tốt, trong khi bỏ bê suy nghĩ hay chân lý, không chú trọng tìm hiểu và hoàn thiện tâm hồn mình?” Và nếu như có bất kỳ ai trong số các ngài phản đối, và tuyên bố rằng mình có quan tâm đến điều đó, tôi sẽ không bỏ đi hoặc để người đó đi ngay mà tôi sẽ hỏi và kiểm tra anh ta... Tôi sẽ làm điều này với mỗi người mà tôi gặp, bất kể trẻ hay già, bất kể là người nước ngoài hay đồng bào của tôi.

Đến lượt bồi thẩm đoàn 500 người đưa ra quyết định. Sau một thời gian ngắn cân nhắc, 220 người cho rằng Socrates vô tội, 280 người cho rằng có tội. Triết gia đáp trả một cách châm biếm: “Tôi không nghĩ là cách biệt lại nhỏ thế.” Nhưng ông không mất tự tin; không hề ngập ngừng hay hoảng hốt, ông giữ vững niềm tin vào công trình triết học mà đa số chiếm 56% đám đông đã kết luận là sai trái.

Chúng ta không có được sự điềm tĩnh như vậy, chúng ta dễ dàng òa khóc chỉ vì vài lời nói về tính cách hay thành tích của mình, bởi sự tán thành của người khác hình thành nên phần cốt yếu trong khả năng tin rằng mình đúng của chúng ta. Chúng ta cảm thấy cần phải coi việc không được ưa thích là vấn đề quan trọng không chỉ vì

những lý do thực dụng, những lý do liên quan đến sự thăng tiến hay tồn tại mà quan trọng hơn là vì việc bị chế giễu có vẻ như là dấu hiệu hiển nhiên cho thấy ta đang lạc lối.

Như một lẽ tự nhiên, Socrates có thể sẽ thừa nhận rằng đôi khi chúng ta sai và cần phải nghi ngờ chính quan điểm của mình, nhưng ông cũng sẽ thêm một chi tiết tối quan trọng để làm thay đổi ý thức của chúng ta về mối quan hệ giữa chân lý và việc không được ưa thích: những sai lầm trong suy nghĩ và cách sống của chúng ta không bao giờ và không cách nào được chứng tỏ chỉ bởi việc ta bị phản đối.

Điều nên khiến chúng ta lo lắng không phải bao nhiêu người phản đối ta mà là những lập luận của họ đưa ra khi phản đối ta chặt chẽ đến mức nào. Do vậy, ta đừng nên quan tâm đến bản thân việc không được ưa thích mà nên tìm hiểu những lý giải cho việc đó. Thật đáng sợ khi biết rằng đa số trong cộng đồng cho rằng ta sai, nhưng trước khi từ bỏ quan điểm của mình, ta cần xem xét phương pháp mà họ tiến hành để đưa ra kết luận. Chính sự đúng đắn trong phương pháp suy luận của họ sẽ quyết định mức độ mà ta cần để ý đến sự phản đối của họ.

Chúng ta dường như có xu hướng làm ngược lại: nghe tất cả mọi người, buồn bực vì mỗi lời không tử tế và mỗi nhận xét châm biếm. Chúng ta không tự vấn câu hỏi cốt yếu nhất và có khả năng an ủi lớn nhất: những lời chỉ trích cay độc đó được đưa ra trên cơ sở gì? Chúng ta đánh đồng sự phản đối của người chỉ trích đã suy nghĩ một cách thấu đáo và trung thực với những người phản đối xuất phát từ thói

ganh ghét và đố kỵ.

Chúng ta nên dành thời gian nhìn vào đằng sau những lời chỉ trích. Như Socrates đã rút ra, những suy nghĩ nằm ở gốc rễ của lời chỉ trích, mặc dù được nguy trang cẩn thận, vẫn có thể cực kỳ lệch lạc. Dưới ảnh hưởng nhất thời của tâm trạng, những người chỉ trích ta có thể đã kết luận một cách mù quáng. Họ có thể hành động do sự bốc đồng hay thành kiến và dùng địa vị của mình để làm cho những linh cảm của họ mang vẻ cao đạo. Có thể quá trình suy nghĩ của họ giống như của một kẻ say rượu hoặc một người làm gốm nghiệp dư.

Thật không may là khác với nghề gốm, ban đầu rất khó có thể phân biệt được một sản phẩm tư duy tốt với một sản phẩm tồi. Không khó để phân biệt chiếc bình do một người thợ say rượu làm ra so với chiếc bình của người thợ tỉnh táo.

Việc ngay lập tức tìm ra được một định nghĩa ưu việt hơn thì khó hơn nhiều.

Lòng can đảm là sự bền bỉ một cách thông minh.

Người đứng trong hàng ngũ và chiến đấu với kẻ thù là người can đảm.

Một suy nghĩ tồi được nói ra một cách quyền uy, mặc dù không có bằng chứng về việc nó được sinh ra như thế nào, thoát đầu có thể có sức nặng như một suy nghĩ đúng. Nhưng sự tôn trọng của chúng ta đối với người khác sẽ bị đặt nhầm chỗ nếu ta chỉ tập trung vào kết

luận của họ và đó là nguyên nhân vì sao Socrates hối thúc ta hãy suy nghĩ kỹ về logic mà họ dùng để đưa ra kết luận đó. Ngay cả khi chúng ta không thể thoát khỏi hậu quả của sự chống đối thì ít nhất cũng không bị cảm giác bất ổn là mắc lỗi.

Ý tưởng trên lần đầu xuất hiện trước khi phiên xử diễn ra một thời gian, khi Socrates nói chuyện với Polus, một thầy giáo dạy thuật hùng biện nổi tiếng từ Sicily đến thăm Athens. Polus có một số quan điểm chính trị đáng sợ mà ông rất hăng hái thuyết phục Socrates. Polus cho rằng đối với con người, cuộc sống hạnh phúc nhất là khi trở thành nhà độc tài bởi vì sự thống trị cho phép ta làm những gì mình muốn như tống kẻ thù vào ngục, chiếm tài sản của chúng và xử tử chúng.

Socrates lắng nghe một cách lịch sự, sau đó trả lời Polus bằng một loạt lập luận logic nhằm chứng minh rằng hạnh phúc nằm ở việc làm điều tốt. Nhưng Polus không hề lay chuyển và khẳng định lại quan điểm của mình bằng cách chỉ ra rằng các nhà độc tài thường được nhiều người tôn kính. Ông nhắc đến Archelaus, Vua Macedonia, người đã ám sát chú, anh họ của mình và một người kế vị hợp pháp mới 7 tuổi mà vẫn được dân chúng ở Athens ủng hộ. Polus kết luận rằng số người ủng hộ Archelaus là bằng chứng cho thấy lý thuyết của ông về chế độ độc tài là đúng.

Socrates lịch sự thừa nhận rằng rất dễ tìm ra những người thích Archelaus trong khi khó mà tìm thấy người ủng hộ quan điểm làm việc tốt mang lại hạnh phúc: “Nếu ngài muốn gọi nhân chứng để chứng minh điều tôi nói là sai thì ngài có thể chắc rằng quan điểm của ngài sẽ được hầu hết mọi người ở Athens ủng hộ,” Socrates giải

thích, “cho dù họ có sinh ra và lớn lên ở đây hay không.”

Nếu muốn, chắc hẳn ngài sẽ có được sự ủng hộ của Nicias, con trai của Niceratus, cùng với các anh em, những người đã được tạc nguyên một dãy tượng trong khuôn viên Rạp hát Dionysus. Chắc hẳn ngài cũng sẽ có được sự ủng hộ của Aristocrates, con trai của Scellius... Ngài có thể vờ cả gia đình Pericles, nếu muốn, hoặc bất kỳ một gia đình Athens nào khác mà ngài lựa chọn.

Nhưng điều mà Socrates bác bỏ một cách mạnh mẽ đó là bản thân việc lập luận của Polus nhận được sự ủng hộ rộng rãi không bao giờ chứng tỏ lập luận đó là đúng:

Poius, vấn đề là ngài đang tranh luận với tôi bằng một kiểu bác bỏ mang tính hùng biện mà những viên quan pháp đình cho là thành công. Ở đó người ta cũng nghĩ là mình chứng minh được phía bên kia sai nếu gọi được nhiều nhân chứng có tiếng tăm ủng hộ cho lập luận của mình, trong khi đối phương chỉ có thể gọi được một nhân chứng hoặc không ai cả. Nhưng khi nói về chân lý thì kiểu bác bỏ này hoàn toàn vô giá trị bởi vì ở tòa, một người hoàn toàn có thể bị đánh bại bởi một bầy nhân chứng rỗng tuếch đằng sau vẻ tôn kính bề ngoài và tất cả đều làm chứng chống lại anh ta.

Sự tôn trọng đích thực không bắt nguồn từ ý chí của đám đông mà từ lập luận đúng. Khi làm bình gốm, chúng ta nên nghe lời khuyên của những người biết cách biến lớp men thành màu đen than ở nhiệt độ 800°C; và khi xem xét các vấn đề đạo đức - làm thế nào để sống hạnh phúc, can đảm, chính trực và tốt đẹp - chúng ta không nên lo sợ những suy nghĩ xấu xa, cho dù nó có phát ra từ miệng của các bậc thầy hùng biện, các vị tướng oai phong hay các quý tộc ăn mặc chải chuốt đến từ Thessaly.

Điều này nghe có vẻ cao ngạo, và nó đúng là như thế. Không phải ai cũng đáng để lắng nghe. Tuy vậy, sự cao ngạo của Socrates không

hề mang dấu hiệu nào của thói hợm hĩnh hay thành kiến. Ông có thể bộc lộ sự thiên vị trong những quan điểm mà ông quan tâm nhưng sự thiên vị này không dựa vào giai cấp hay tiền bạc, thành tích trong quân đội hay quốc tịch, mà dựa vào lập luận, điều mà ông nhấn mạnh là khả năng mà ai cũng có.

Theo gương Socrates, khi đối mặt với những lời chỉ trích, chúng ta nên hành xử như một vận động viên đang luyện tập để thi đấu Olympic.

Về các môn thể thao, có thể tham khảo cuốn *Bên trong một thị trấn Hy Lạp cổ*.

Hãy tưởng tượng chúng ta là những vận động viên. Huấn luyện viên đưa ra một bài tập nhằm tăng sức mạnh cho bắp chân để thi đấu môn ném lao. Người ngoài nhìn vào thấy bài tập này thật kỳ cục, họ mỉa mai và phàn nàn rằng chúng ta đang để vuột mất cơ hội giành chiến thắng. Trong nhà tắm, chúng ta nghe tiếng một người nói với người khác rằng chúng ta *chỉ lo khoe các múi cơ ở bắp chân hơn là giúp thành quốc giành chiến thắng*. Những lời mỉa mai thật cay độc, nhưng ta không cần lo lắng về chúng nếu nghe theo Socrates trong cuộc trò chuyện với bạn ông là Crito:

SOCRATES: Khi một người... coi trọng [việc tập luyện] thì anh ta sẽ chú ý đến tất cả những lời khen ngợi, chỉ trích và ý kiến của mọi người, ai cũng như ai, hay chỉ những lời của một người có trình độ, là vị thầy thuốc hay huấn luyện viên?

CRITO: Chỉ khi những lời đó là của một người có trình độ.

SOCRATES: Vậy thì anh ta chỉ nên lo lắng khi bị chỉ trích và vui sướng khi nhận lời khen của một người mà thôi, chứ không phải của dân chúng.

CRITO: Đương nhiên.

SOCRATES: Anh ta nên điều chỉnh hành vi, tập luyện và ăn uống dưới sự chỉ bảo của

huấn luyện viên, người có kiến thức chuyên môn, chứ không phải theo ý kiến của dân chúng.

Giá trị của lời chỉ trích phụ thuộc vào quá trình tư duy của người chỉ trích chứ không phải bởi số lượng hay vị thế của họ:

Anh có cho rằng người ta không nên nghe theo ý kiến của tất cả mọi người mà chỉ một vài người thôi... rằng người ta nên tôn trọng những ý kiến tốt và bỏ qua những ý kiến tồi? Và ý kiến tốt là ý kiến của người hiểu biết, còn ý kiến tồi là của người không hiểu biết... Vậy nên, bạn tốt của tôi, chúng ta không nên quá quan tâm đến những gì mà dân chúng nói về ta, nhưng cần quan tâm đến ý kiến của chuyên gia về các vấn đề liên quan đến sự công bằng và bất công.

Các bồi thẩm viên tại Phiên tòa Heliasts không phải là những chuyên gia. Phần lớn trong số họ là người già và cựu chiến binh, những người coi việc làm bồi thẩm viên là một cách kiếm thêm thu nhập dễ dàng. Thù lao của bồi thẩm viên là 3 obol một ngày, ít hơn của một người lao động chân tay nhưng khá hữu ích với một người 63 tuổi và chán việc ngồi nhà. Yêu cầu đối với bồi thẩm viên chỉ cần là công dân, có trí tuệ minh mẫn và không mắc nợ - tuy nhiên sự minh mẫn không được đánh giá theo tiêu chuẩn của Socrates mà chỉ cần họ có thể đi được trên một đường thẳng và nói đúng tên mình khi được hỏi. Thành viên bồi thẩm đoàn thường ngủ gật trong các phiên xử, hiếm khi có kinh nghiệm về những trường hợp tương tự hay hiểu biết pháp luật liên quan và không hề được hướng dẫn cách tuyên án như thế nào.

Bồi thẩm đoàn trong phiên xử Socrates là những người cực kỳ thiên kiến. Họ bị ảnh hưởng bởi sự châm biếm của Aristophanes và cho rằng triết gia có một phần lỗi trong những thảm họa đã đổ xuống

thành quốc một thời hùng mạnh trong giai đoạn cuối của thế kỷ này. Cuộc chiến Peloponnesia kết thúc bi thảm và liên minh sparta-Ba Tư đã khiến Athens quy ngã, thành quốc bị bao vây, đội chiến thuyền bị phá hủy và đế chế bị tan rã. Bệnh dịch bùng phát ở các khu vực nghèo khó và nền dân chủ bị đàn áp bởi những nhà độc tài đã giết chết hàng ngàn người. Với những kẻ thù của Socrates, không phải ngẫu nhiên mà nhiều nhà độc tài từng giao du với ông. Critias và Charmides đã thảo luận về vấn đề đạo đức với Socrates và dường như kết quả mà những người này thu về sau các buổi trò chuyện là niềm ham mê giết chóc.

Có thể giải thích như thế nào về sự suy sụp của Athens? Tại sao thành quốc vĩ đại nhất ở Hy Lạp, chính những người mà 75 năm trước đó đã đánh bại người Ba Tư trên đất liền ở Plataea và trên biển ở Mycale, lại phải chịu một loạt thất bại nhục nhã liên tiếp như vậy? Người đàn ông trong chiếc áo choàng bản thủ đi lang thang trên phố hỏi mọi người những câu hỏi kỳ quặc dường như là câu trả lời rõ ràng và hoàn hảo nhất.

Socrates hiểu rằng không có cơ hội nào cho mình. Ông còn không có đủ thời gian để biện hộ. Bị cáo chỉ có vài phút để trình bày trước bồi thẩm đoàn, đến khi nước đã chảy hết từ chiếc bình này sang chiếc bình kia theo như đồng hồ của tòa:

Tôi tin rằng mình không bao giờ làm hại ai một cách có chủ ý, nhưng tôi không thể thuyết phục các vị về điều này bởi vì chúng ta có quá ít thời gian. Nếu, giống như các thành quốc khác, các vị dành không chỉ một ngày mà là vài ngày để tranh tụng về các vụ trọng án thì tôi tin mình có thể thuyết phục được các vị; nhưng trong hoàn cảnh hiện tại thì việc bác bỏ những lời cáo buộc nghiêm trọng trong một khoảng thời gian ngắn là

không dễ dàng.

Phiên tòa của người Athens không phải là diễn đàn để tìm ra sự thật. Nó là một sự kiện chớp nhoáng quy tụ những ông già và thương binh không tin vào phân tích lý trí mà chỉ chờ nước từ bình này chảy hết sang bình kia.

Hắn là rất khó để nhớ được điều này, hắn Socrates đã phải vận đến sức mạnh được tích tụ qua bao nhiêu năm tháng trò chuyện với người dân Athens: *sức mạnh để trong những hoàn cảnh nhất định, không quan tâm đến ý kiến của người khác*. Socrates không phải là kẻ ngoan cố, ông không bác bỏ những ý kiến này do ghét bỏ, bởi vì làm như vậy là trái với niềm tin của ông về lý tính tiềm tàng của mỗi con người. Nhưng trong phần lớn cuộc đời mình, ngày nào ông cũng dậy từ lúc bình minh và nói chuyện với người dân Athens; ông biết cách mà trí óc họ vận hành và không may là họ thường không suy nghĩ một cách có lý trí, ngay cả khi ông hy vọng một ngày nào đó họ sẽ làm như vậy. Ông nhận thấy rằng họ có thiên hướng coi nhẹ việc đưa ra ý kiến và thường nghe theo những quan niệm đã được chấp nhận mà không băn khoăn gì. Ông nói ra điều này vào thời điểm đang phải đối mặt với sự thù địch cao độ không phải do kiêu ngạo. Ông có niềm tin vào bản thân của một người có lý trí, hiểu rằng kẻ thù của mình có thể không suy nghĩ một cách đúng đắn, ngay cả khi ông không hề tuyên bố rằng suy nghĩ của mình luôn đúng. Sự phản đối của họ có thể giết chết ông nhưng nó không có nghĩa là ông sai.

Đương nhiên Socrates có thể từ bỏ triết lý của mình và giữ lấy mạng sống. Ngay cả nếu có bị kết tội thì ông cũng có thể thoát chết,

nhưng ông đã bỏ qua cơ hội đó mà không hề đắn đo. Chúng ta không nên trông chờ vào lời khuyên từ Socrates về cách để thoát khỏi án tử hình mà nên nhìn vào ông như là ví dụ rõ nét nhất về cách giữ vững niềm tin vào một quan điểm sáng suốt khi đối mặt với sự phản đối phi lý.

Bài phát biểu của nhà triết học đi tới đoạn kết xúc động:

Nếu các vị khép tôi vào tội chết thì các vị sẽ không dễ dàng tìm được một người thay thế vị trí của tôi. Sự thật là, nói một cách hài hước thì tôi được Thượng đế gán vào thành quốc của chúng ta, như thể con ruồi trâu đậu trên một con ngựa thuần chủng lớn, mà do kích thích khổng lồ của mình, con ngựa thường lười biếng và cần đến sự kích thích của con ruồi trâu... Nếu nghe theo lời khuyên của tôi, các vị sẽ để tôi sống. Tuy nhiên, tôi ngờ rằng chẳng bao lâu sau, các vị sẽ tỉnh dậy và trong cơn bực bội, các vị sẽ nghe theo lời khuyên của Anytus và kết liễu cuộc đời tôi bằng một cái tát; rồi sau đó các vị sẽ ngủ tiếp.

Ông đã không nhầm. Khi quan tòa yêu cầu bỏ phiếu lần thứ hai và cũng là lần cuối cùng, 360 thành viên bồi thẩm đoàn bỏ phiếu kết tội chết. Các bồi thẩm viên trở về nhà, kẻ có tội bị đưa vào ngục.

5

Trong nhà ngục lúc đó hẳn là tối tăm và những âm thanh từ đường phố vọng vào chắc hẳn có cả những lời chế nhạo của người Athens dự đoán về kết cuộc của nhà tư tưởng với bộ mặt của vị thần rừng. Lẽ ra ông đã bị xử tử ngay nếu như bản án không trùng với thời điểm phái đoàn thường niên của Athens tới Delos. Theo truyền thống, trong thời gian này, thành quốc sẽ không xử tử bất kỳ ai. Là một người tốt bụng, Socrates nhận được sự cảm thông của người gác ngục. Ngày cuối đời của Socrates được làm dịu bớt khi người gác ngục cho phép mọi người vào thăm ông. Một đoàn người kéo đến: Phaedo, Crito, Critobulus - con trai của Crito, Apollodorus, Hermogenes, Epigenes, Aeschines, Antisthenes, Cteslppus, Menexenus, Simmias, Cebes, Phaedondas, Euclides và Terpsion. Họ không giấu nổi sự đau xót khi chứng kiến con người mà cả đời mình chỉ đối xử với người khác bằng sự tử tế tuyệt vời cùng lòng hiếu kỳ giờ đây đang chờ đợi cái chết như một phạm nhân.

Bức tranh của David thể hiện hình ảnh Socrates được vây quanh bởi những người bạn đau buồn, tuy vậy, chúng ta cần lưu ý rằng tình cảm mà họ dành cho ông chỉ là thiểu số trong một biển người hiểu lầm và ghét bỏ ông.

Để thể hiện sự đối nghịch với tâm trạng trong phòng giam và cho thấy sự đa dạng, Diderot có thể đề nghị vài người trong số rất nhiều những họa sĩ có tiềm năng, thay vì vẽ cảnh Socrates uống thuốc độc thì chuyển sang thể hiện tâm trạng của những người Athens khác

trước cái chết của ông - và kết quả có thể là những bức tranh với cái tên như *Năm bồi thẩm viên chơi bài sau một ngày ở tòa* hay *Những người luận tội kết thúc bữa tối và chuẩn bị đi ngủ*. Một họa sĩ với xu hướng thể hiện cảm xúc bi ai có thể sẽ đặt tên cho những cảnh này một cách đơn giản hơn, ví dụ như *Cái chết của Socrates*.

Đến ngày thi hành án, chỉ có mình Socrates vẫn giữ được bình tĩnh. Vợ và ba người con của ông được đưa tới nhưng Xanthippe kêu khóc quá thảm thiết khiến Socrates phải yêu cầu đưa bà ra ngoài. Những người bạn lặng lẽ hơn nhưng cũng đầy nước mắt. Ngay cả viên cai ngục, tuy đã từng chứng kiến nhiều người bị xử tử nhưng cũng không nén nổi xúc động với lời từ biệt vung về:

“Trong thời gian ngài ở đây, tôi thấy ngài là người hào phóng, lịch thiệp và là người tử tế nhất trong số những người từng đến nơi này... Ngài biết thông điệp mà tôi mang đến: xin từ biệt, và hãy gắng đối mặt với điều không thể tránh khỏi một cách nhẹ nhàng nhất có thể.” Nói rồi anh ta quay đi và bước ra ngoài trong nước mắt.

Tiếp đó người thi hành án bước vào, mang theo cây độc cần đã được nghiền nhỏ.

Khi nhìn thấy người này, Socrates nói: “Nào, anh bạn, anh là chuyên gia trong chuyện này, giờ thì ta phải làm gì?” “Uống thôi,” anh ta nói, “và đi lại một chút cho đến khi chân cảm thấy nặng thì nằm xuống, lúc đó thuốc độc sẽ phát tác.” Nói rồi người thi hành án đưa chiếc cốc cho Socrates. Ông cầm một cách hoàn toàn bình thản... tay không hề run và mặt không hề biến sắc. Ông đưa cốc lên miệng, uống sạch một cách hài hước và không một chút nhản mặt. Cho tới lúc đó, hầu hết chúng tôi đều có thể kiềm chế không khóc [Phaedo kể lại]; nhưng khi nhìn Socrates uống cốc thuốc độc, thấy rằng ông thực sự đã uống, chúng tôi không thể kìm nén lâu hơn nữa, về phần tôi, nước mắt cứ thế tuôn ra... Crito còn khóc trước cả tôi và đã đi ra ngoài vì không thể kìm được nước mắt. Apollodorus, trước đó đã khóc không ngừng, thì đến lúc này bật ra những con nước nỏ

khiến cho mọi người có mặt tại đó đều òa khóc theo, trừ Socrates.

Nhà triết học kêu gọi các bạn hữu hãy giữ bình tĩnh - “Những người bạn kỳ lạ của tôi, các bạn thật là biết cách cư xử!” - ông chế giễu họ - rồi đứng dậy đi quanh phòng giam để cho thuốc độc ngấm nhanh. Khi cảm thấy nặng chân, ông nằm ngửa xuống và bần chân rồi cẳng chân dần mất cảm giác; thuốc độc ngấm lên phần trên cơ thể, đến ngực, ông dần mất ý thức. Hơi thở của ông chậm dần. Khi nhìn thấy đôi mắt người bạn thân nhất của mình không còn chuyển động nữa, Crito bước đến và vuốt mắt cho Socrates:

Và đó [Phaedo nói]... là sự kết thúc của người bạn của chúng tôi, người mà chúng tôi có thể nói một cách công bằng sau chừng đó thời gian biết nhau, là người can đảm nhất, cũng là người thông thái và ngay thẳng nhất.

Thật khó mà không khóc trước cảnh tượng này. Có lẽ bởi vì Socrates được cho là có cái đầu giống như củ hành và hai mắt đặc biệt cách xa nhau nên cảnh tượng cái chết của ông khiến tôi nghĩ về một buổi chiều mà tôi đã khóc khi xem bộ phim *Người Voi* (The Elephant Man).

Dường như cả hai người đã phải chịu những số phận buồn thảm nhất - là người tốt nhưng lại bị coi là có tội.

Chúng ta có thể không bao giờ bị chế giễu do khiếm khuyết về ngoại hình hay bị kết tội chết vì sứ mệnh của đời mình nhưng có một cái gì đó mang tính phổ quát trong kịch bản bị hiểu lầm mà hai câu chuyện trên là những ví dụ bi thảm và mang tính tổng quát. Đời sống xã hội bị cản trở bởi sự khác biệt giữa cách người khác nhìn ta và thực tế của ta. Khi ta cần trọng thì bị coi là ngu dốt. Sự nhút nhát bị coi là

kiêu ngạo và mong muốn làm hài lòng người khác bị coi là xu nịnh. Chúng ta đấu tranh để làm sáng tỏ một sự hiểu lầm nhưng cổ họng ta khô rát và những lời nói ra không phải là lời ta muốn nói. Kẻ thù tàn độc được cất nhắc vào vị trí cao hơn và lăng mạ ta trước mặt người khác. Nhìn vào sự thù ghét đầy bất công dành cho một nhà triết học vô tội, ta cảm nhận được sự cộng hưởng của nỗi đau mà bản thân ta từng trải qua dưới bàn tay của những người hoặc không thể hoặc không muốn cho ta sự công bằng.

Nhưng trong tấn bi kịch trên phần nào cũng có sự cứu rỗi. Không lâu sau cái chết của nhà triết học, tâm trạng của người dân thành quốc bắt đầu có sự thay đổi. Isocrates kể lại rằng khán giả xem vở *Palameaes* của Euripides đã òa khóc khi nghe đến cái tên Socrates; Diodorus thì nói những người buộc tội Socrates cuối cùng đã bị người dân Athens trừng trị. Plutarch kể người dân Athens trở nên căm ghét bọn họ đến mức từ chối tắm cùng và tẩy chay họ cho đến khi, trong cơn cùng quẫn, họ treo cổ tự sát. Diogenes kể lại rằng không lâu sau cái chết của Socrates, thành quốc cũng kết án tử hình đối với Meletus, buộc Anytus và Lycon đi lưu đày và cho dựng một bức tượng Socrates bằng đồng rất tốn kém do nhà điêu khắc vĩ đại Lysippus thực hiện.

Nhà triết học đã tiên đoán cuối cùng Athens sẽ đi theo con đường của ông, và đúng là như vậy. Có thể sự cứu rỗi này nghe thật khó tin. Chúng ta quên mất rằng cần phải có thời gian để định kiến bị đánh đổ và sự ghen tức nhạt phai đi. Câu chuyện này khuyến khích chúng ta tự lý giải việc mình không được người khác yêu thích thay vì nhìn

nó qua con mắt giấu cợt của bồi thẩm đoàn. Socrates bị phán xét bởi 500 người đàn ông với trí tuệ hạn chế, họ nuôi dưỡng sự ngờ vực vô lý bởi vì Athens đã thua trong cuộc chiến tranh Peloponnesia và bởi vì bị cáo trông khác thường. Vậy mà ông vẫn giữ vững niềm tin vào sự phán xét của những tòa án lớn hơn. Mặc dù chúng ta chỉ sống ở một nơi tại một thời điểm nhưng qua ví dụ này, chúng ta có thể tưởng tượng mình sống ở một nơi khác, vào một thời đại khác hứa hẹn sẽ phán xét chúng ta một cách khách quan hơn. Chúng ta có thể không thuyết phục được bồi thẩm đoàn nơi đây vào thời điểm này về sự đúng đắn của bản thân ta, nhưng chúng ta có thể được an ủi bởi triển vọng được hậu thế phán xét.

Tuy nhiên, cái chết của Socrates có thể quyến rũ ta bởi những lý do sai lầm. Nó có thể thôi thúc một niềm tin dựa trên cảm tính vào mối liên hệ chắc chắn giữa việc bị ghét bỏ với sự chính đáng. Dường như số phận của các bậc thánh nhân và thiên tài là phải bị hiểu lầm lúc ban đầu, rồi sau đó được Lysippus dựng tượng. Chúng ta có thể không phải thiên tài cũng chẳng phải thánh. Chúng ta có thể chỉ đơn giản là bất chấp lý lẽ và tin tưởng một cách trẻ con rằng chưa bao giờ ta đúng hơn là khi người khác bảo ta sai.

Đây không phải là ý định của Socrates. Cho rằng không được ưa chuộng đồng nghĩa với chân lý là sự ngây thơ, cũng giống như cho rằng không được ưa chuộng đồng nghĩa với sai lầm. Sự đúng đắn của một quan điểm hay hành động không được xác định bởi việc nó được nhiều người tin theo hay phi báng mà bởi vì nó tuân theo những quy

luật logic. Không phải vì một lập luận bị số đông phản đối mà nó sai, còn đối với những người theo chủ nghĩa bất tuân anh hùng, cũng không phải vì thế mà nó đúng.

Nhà triết học đã chỉ cho chúng ta một con đường thoát khỏi hai ảo tưởng lớn lao: một là ta luôn luôn nên nghe theo sự phán xét của công luận; hai là không bao giờ.

Theo gương ông, chúng ta sẽ được tưởng thưởng xứng đáng nếu cố gắng luôn nghe theo sự phán xét của lập luận.

II

NIỀM AN ỦI KHI KHÔNG CÓ ĐỦ TIỀN

1

Hạnh phúc, danh sách những thứ cần có

1. Một căn nhà theo kiến trúc tân cổ điển trường phái George ở trung tâm London. Chelsea (Paradise Walk, Quảng trường Markham), Kensington (phía Nam đường Campden Hill, Horton Street), Công viên Holland (đường Aubrey). Nhìn bề ngoài giống như lối lên phía trước của tòa nhà Hội Nghệ thuật Hoàng gia do anh em nhà Adam thiết kế (năm 1772-4). Những khung cửa sổ lớn theo phong cách Venice được đỡ bằng các cột Ionic (và ô trên cửa ra vào chạm trổ hình cây kim ngân) để bắt ánh nắng nhạt lúc chiều muộn của London.

2. Một chiếc máy bay đậu tại Farnborough hoặc Biggin Hill (một chiếc Dassault Falcon 900cc hoặc Gulfstream IV) với hệ thống điện tử dành cho những hành khách lo lắng, hệ thống cảnh báo gần mặt đất, radar phát hiện nhiễu loạn và hệ thống lái tự động CAT II. Ở phần đuôi và sườn máy bay, thay cho những đường kẻ sọc tiêu chuẩn là hình vẽ tĩnh vật, chẳng hạn hình một con cá của Velazquez hoặc ba quả chanh của Sanchez Cotán trong bộ sưu tập *Quả và Rau* được trưng bày tại bảo tàng Prado.

3. Villa Orsetti ở Marlia gần Lucca. Phòng ngủ nhìn ra hồ với tiếng róc rách của đài phun nước. Phía sau nhà, một giàn hoa mộc lan

Delavayi leo dọc bờ tường, một sân thượng cho mùa đông, một cái cây lớn cho mùa hè và bãi cỏ để vui chơi. Những khoảnh vườn được cắt tỉa cẩn thận nâng niu, những cây sung và xuân đào. Những cây bách được trồng theo ô vuông, những luống oải hương, những cây cam và một vườn cây ô liu.

4. Thư viện với một chiếc bàn lớn, lò sưởi, cửa sổ nhìn ra vườn. Những cuốn sách phiên bản đầu tiên với mùi sách cũ dễ chịu, những trang sách ngả vàng, cảm giác thô ráp khi chạm vào. Ở kệ trên cùng là tượng bán thân của các nhà tư tưởng lớn cùng quả địa cầu chiêm tinh. Giống như thiết kế của thư viện trong cung điện của Vua William III của Hà Lan.

5. Một phòng ăn giống như của Belton House ở Lincolnshire. Một chiếc bàn dài bằng gỗ sồi cho 12 người ngồi. Những bữa tối thường xuyên với bạn bè. Những cuộc chuyện trò thông minh nhưng vui vẻ. Không khí luôn luôn triu mến. Một đầu bếp chu đáo và người giúp việc ân cần giúp giải quyết bất kỳ rắc rối hành chính nào (đầu bếp thành thạo các món pancake zucchini, mì tagliatelle với nấm truffle, xúp cá, cơm risotto, chim cút, cá John Dory và gà nướng). Một phòng khách nhỏ để nghỉ ngơi, uống trà và ăn sô cô la.

6. Một chiếc giường gắn vào vách tường (giống như của Jean-François Blondel ở Paris). Ga gối hồ cứng được thay hằng ngày, áp vào má mát lạnh. Giường cực rộng, nơi ta có thể nằm mình trên đó mà ngón chân không chạm tới thành giường. Ngăn tủ âm tường để

nước và bánh quy, và một ngăn khác để ti vi.

7. Một phòng tắm rộng mênh mông, bồn tắm bằng đá cẩm thạch với thiết kế vỏ sò màu xanh cô ban đặt trên bục ở giữa phòng. Vòi nước có thể điều chỉnh được bằng chân, nước chảy thành dòng lớn và nhẹ nhàng. Phòng tắm có cửa sổ áp mái để lấy ánh sáng mặt trời. Sàn bằng đá vôi được sưởi ấm. Trên tường treo bản sao các bức bích họa trong Đền Isis ở Pompeii.

8. Đủ tiền để sống với những điều mà ta quan tâm.

9. Một căn hộ penthouse dành cho dịp cuối tuần ở phần mũi của Île de la Cité, được trang trí bằng những kiệt tác nội thất Pháp trong giai đoạn đỉnh cao của tầng lớp quý tộc (và giai đoạn mà chính quyền yếu kém nhất) - dưới sự trị vì của Vua Louis XVI. Một chiếc tủ nhỏ hình bán nguyệt của Grevenich, một cái kệ của Saunier, một cái bàn viết có ngăn (bonheur-dujour) của Vandercruse-La Croix. Những buổi sáng lười biếng đọc *Pariscope* trên giường, ăn bánh cuộn nhân sô cô la trên những chiếc đĩa sứ Sèvres và tán gẫu về sự tồn tại, và thỉnh thoảng trêu đùa với một cô gái là hóa thân của nàng *Madonna* trong tranh của Giovanni Bellini (bức tranh được trưng bày tại Galleria dell' Accademia ở Venice). Đằng sau vẻ đẹp buồn, nàng phóng khoáng và hài hước một cách sâu sắc, và nàng sẽ mặc đồ của Agnès B và Max Mara khi đi dạo ở khu Marais.

2

Có một nhà triết học đường như thẩu hiểu và muốn giúp đỡ chúng ta, và đó là một nhân vật bất thường trong số những huynh đệ khắc kỷ và thường là căm ghét lạc thú. “Tôi không biết làm sao mình có thể nhận thức cái tốt đẹp,” ông nói, “nếu tôi bỏ đi thú vui của vị giác, nếu tôi bỏ đi thú vui tình dục, nếu tôi bỏ đi thú vui của thính giác, và nếu tôi bỏ đi cảm xúc ngọt ngào dấy lên khi nhìn thấy những hình thù đẹp đẽ.”

Epicurus sinh năm 341 trước Công nguyên trên hòn đảo Samos xanh tươi, cách bờ biển phía Tây bán đảo Tiểu Á vài dặm. Ông học triết từ sớm, mười bốn tuổi đã đi nghe các bài giảng của Pamphilus, nhà triết học theo trường phái Plato và nhà triết học nguyên tử Nausiphanes. Nhưng ông nhận thấy rằng mình không thể đồng tình với những gì họ dạy và vào những năm cuối của tuổi 20, ông quyết định sắp xếp lại những ý nghĩ của mình thành triết lý sống riêng. Người ta cho rằng ông đã viết 300 cuốn sách về hầu hết mọi chủ đề, bao gồm *Về tình yêu*, *Về Âm nhạc*, *Về Giải quyết Công bằng*, *Về Cuộc sống Con người* (gồm bốn cuốn) và *Về Thiên nhiên* (gồm 37 cuốn), nhưng do một loạt những biến cố thảm khốc qua nhiều thế kỷ, hầu hết số sách này đã bị thất lạc và triết lý của ông chỉ có thể được tái dựng từ một vài mảnh rời rạc còn sót lại cũng như theo lời kể của những người theo trường phái Epicurean sau này.

Điểm nổi bật làm nên sự khác biệt trong triết lý của Epicurus là sự nhấn mạnh tầm quan trọng của lạc thú: ông cho rằng “lạc thú là điểm khởi đầu và là mục tiêu của một cuộc sống hạnh phúc”, khẳng định điều mà nhiều người đã suy nghĩ từ lâu nhưng triết học hiếm khi chấp nhận. Nhà triết học thú nhận tình yêu đối với thức ăn ngon: “Khởi đầu và nguồn gốc của mọi thứ tốt đẹp là niềm sung sướng của cái dạ dày. Ngay cả trí tuệ và văn hóa cũng phải được quy vào đây.” Triết học được thực hiện một cách đúng đắn không gì khác chính là chỉ dẫn tới lạc thú:

Người nào cho rằng mình chưa sẵn sàng hoặc đã quá tuổi cho triết học thì cũng giống như người nói rằng mình quá trẻ hoặc quá già để hạnh phúc.

Không nhiều nhà triết học từng thú nhận một cách thành thực mối quan tâm tới lối sống coi trọng lạc thú. Nó gây sốc cho nhiều người, nhất là khi họ biết rằng Epicurus đã nhận được sự tài trợ của một số người giàu có, trước tiên là ở vùng Lampsacus thuộc Dardanelles, và sau đó là ở Athens, và ông đã dùng tiền của họ xây dựng một trường triết học để khuyến khích hạnh phúc. Trường học này nhận cả đàn ông và phụ nữ và khuyến khích họ cùng nhau sống và học về lạc thú. Hình dung về những gì diễn ra bên trong ngôi trường đó vừa gây kích thích vừa khó chấp nhận về mặt đạo đức.

Thường xuyên có thông tin rò rỉ từ những môn đệ bất bình của Epicurus kể lại chi tiết hoạt động của ông giữa các bài giảng. Timocrates, anh trai của Metrodorus - phụ tá của Epicurus - phát tán tin đồn rằng Epicurus phải nôn hai lần mỗi ngày vì ăn quá nhiều.

Diotimus, nhà triết học theo chủ nghĩa khắc kỷ, đã có một hành động không hay ho gì là cho xuất bản năm mươi bức thư dâm dục mà ông cho là Epicurus viết khi đang say và điên vì tình dục.

Bất chấp những lời chỉ trích trên, các bài giảng của Epicurus vẫn tiếp tục được ủng hộ. Chúng được truyền bá trên khắp khu vực Địa Trung Hải; các trường học về lạc thú được mở ra ở Syria, Judea, Ai Cập, Italy và Gaul; triết lý của ông vẫn còn ảnh hưởng tới tận 500 năm sau đó và chỉ dần bị dập tắt bởi sự thù nghịch cấm cản những người dị tộc và tín đồ Thiên Chúa giáo trong giai đoạn suy tàn của Đế chế La Mã ở phương Tây. Ngay cả khi đó thì tên của Epicurus vẫn đi vào nhiều ngôn ngữ dưới dạng thức tính từ như là một sự tưởng nhớ đến những mối quan tâm của ông (*Từ điển Tiếng Anh của Oxford* định nghĩa từ *Epicurean* là tận tâm với sự mưu cầu lạc thú; do đó cũng gần nghĩa với xa hoa, khoái lạc, phàm ăn).

Khi đang xem lướt các ấn phẩm tại một sạp báo ở London, 2340 năm sau khi nhà triết học ra đời, tôi thấy mấy tờ tạp chí *Epicurean Life*, một tạp chí ra hàng quý với những bài viết về khách sạn, du thuyền và nhà hàng, in trên những tờ giấy sáng bóng như một quả táo được lau kỹ.

Nội dung chính của những mối quan tâm của Epicurus được thể hiện rõ hơn tại The Epicurean, một nhà hàng tại một thị trấn nhỏ ở Worcestershire. Thực khách của nhà hàng ngồi trên những chiếc ghế tựa lưng cao trong không gian yên tĩnh, được phục vụ bữa tối với món sò biển khô và cơm risotto với nấm xép và nấm truffle.

3

Sự nhất quán của những người theo triết lý mà Epicurus xây dựng nên qua các thời kỳ, từ nhà triết học Diotimus theo chủ nghĩa khắc kỷ đến những biên tập viên của tờ *Epicurean Life*, xác nhận cái cách mà theo đó mỗi khi từ “khoái lạc” được nhắc đến thì dường như đã rõ là nó mang nghĩa gì. “Tôi cần những gì cho một cuộc sống hạnh phúc?” không phải là câu hỏi khó khi mà tiền không phải là vấn đề.

Tuy vậy, câu hỏi “Tôi cần những gì cho một cuộc sống khỏe mạnh?” lại có thể khó trả lời hơn, chẳng hạn như khi chúng ta bị ảnh hưởng bởi những cơn đau đầu kỳ lạ lặp đi lặp lại hoặc một cảm giác khó chịu khủng khiếp ở vùng bụng sau bữa tối. Chúng ta biết là có vấn đề nhưng khó mà tìm ra giải pháp.

Khi đau đớn, lý trí dễ nghĩ đến việc chấp nhận một số phương pháp chữa trị kỳ lạ: dùng con đĩa, để chảy máu, cây tầm ma hầm, khoan hộp sọ. Cơn đau khủng khiếp dội lên ở thái dương và phía sau đầu, như thể cả hộp sọ bị kẹp lại và thít chặt. Đầu có cảm giác sắp bị nổ tung, về mặt trực giác, điều cần nhất lúc này dường như là phải làm thế nào để cho một ít không khí lọt được vào hộp sọ. Người bị đau yêu cầu một người bạn đặt đầu mình lên bàn và khoan một lỗ nhỏ ở bên cạnh. Ông ta chết vài giờ sau đó vì xuất huyết não.

Việc đi khám một thầy thuốc tốt thường được cho là điều nên làm, bất chấp không khí u ám của nhiều phòng chờ phẫu thuật vì những

người có suy nghĩ một cách lý trí và sâu sắc về cách thức vận hành của cơ thể thường hiểu rõ việc làm thế nào để khỏe mạnh hơn là một người tin vào linh cảm. Nghề y mang hàm ý về tính thứ bậc giữa sự bối rối của người không có chuyên môn về điều bất thường đang xảy ra với họ và kiến thức đúng đắn hơn mà bác sĩ sở hữu để lập luận một cách logic. Bác sĩ cần phải bù đắp cho sự thiếu khả năng nhận biết cơ thể mình của người bệnh, mà sự thiếu hụt này đôi khi có thể gây chết người.

Trung tâm của thuyết Epicurean là tư tưởng cho rằng chúng ta rất kém cỏi trong việc trả lời một cách trực giác cả hai câu hỏi “Điều gì sẽ làm ta hạnh phúc?” cũng như “Điều gì sẽ làm ta khỏe mạnh?” Câu trả lời nhanh nhất mà đầu óc ta nghĩ ra lại thường dễ sai lầm nhất. Tâm hồn ta không nói ra vấn đề của nó một cách rõ ràng hơn cơ thể ta và những chẩn đoán mang tính trực giác của ta cũng hiếm khi chính xác hơn. Khoan hộp sọ có thể được coi là biểu tượng của những khó khăn trong việc hiểu về tâm lý cũng như về cơ thể của bản thân chúng ta.

Một người đàn ông cảm thấy không thỏa mãn. Việc thức dậy vào buổi sáng thật khó khăn, anh ta cáu kỉnh và bị phân tâm với gia đình. Một cách trực giác, anh ta đổ lỗi cho lựa chọn nghề nghiệp và bắt đầu tìm kiếm phương án thay thế, bất chấp chi phí cao của việc này. Đó là lần cuối cùng tôi giờ cuốn *Bên trong một thị trấn Hy Lạp cổ*.

Người đàn ông quyết định một cách nhanh chóng rằng mình sẽ hạnh phúc với nghề bán cá, anh ta mua một cái lưới và một gian hàng đất đỏ trong chợ. Tuy thế sự âu sầu của anh ta vẫn không hề giảm đi.

Chúng ta, như lời của Lucretius, nhà thơ theo trường phái Epicurean, thường giống như "một người ốm mà không biết nguyên nhân vì sao mình ốm".

Ta tìm đến bác sĩ vì họ hiểu rõ bệnh tật của cơ thể hơn bản thân ta. Cũng vì lý do đó mà chúng ta nên tìm đến các nhà triết học khi tâm hồn không được khỏe mạnh - và đánh giá họ theo những tiêu chuẩn tương tự:

Thuốc men chẳng mang lại lợi ích gì nếu chúng không chữa được bệnh tật tương tự như vậy, triết học cũng vô dụng nếu nó không thể làm dịu đi nỗi thống khổ của tâm hồn.

Đối với Epicurus, nhiệm vụ của triết học là giúp chúng ta giải thích những xung động mơ hồ của đau khổ và khát vọng, từ đó cứu rỗi ta khỏi rơi vào những mô thức sai lầm về hạnh phúc. Chúng ta phải chấm dứt việc hành động một cách bốc đồng, và thay vào đó phải xem xét sự hợp lý trong những mong muốn của ta theo phương pháp đặt câu hỏi gần giống như cách mà hơn một trăm năm trước đó Socrates đã dùng để đánh giá các định nghĩa đạo đức. Và bằng việc đưa ra những chẩn đoán đôi khi có vẻ như trái với trực giác về những đau khổ của ta, triết học - Epicurus hứa - sẽ dẫn đường cho ta đến với những cách chữa trị ưu việt hơn và đến với hạnh phúc đích thực.

4

Những người đã nghe lời đồn chắc hẳn sẽ rất ngạc nhiên khi biết được sở thích thực sự của nhà triết học. Không hề có ngôi nhà lớn nào. Đồ ăn rất giản dị, Epicurus uống nước lọc thay vì rượu và bữa tối chỉ cần có bánh mì, rau và một vốc ô liu. “Hãy gửi cho tôi một nồi pho mát để tôi có thể mở tiệc bất cứ khi nào tôi muốn.” ông bảo bạn mình như vậy. Đó là sở thích của một người đã từng mô tả lạc thú như là mục đích sống của đời mình.

Epicurus không định lừa dối ai. Đam mê lạc thú của ông lớn hơn nhiều so với cuộc truy hoan mà những kẻ buộc tội ông có thể tưởng tượng ra. Chỉ là sau khi phân tích một cách lý trí, ông đã đi đến một số kết luận về những điều khiến cho cuộc sống trở nên dễ chịu - và thật may cho những người không có được khoản thu nhập lớn, có vẻ như những nguyên liệu cần thiết cho lạc thú, dù có mơ hồ đến đâu thì cũng không hề đắt đỏ chút nào.

Hạnh phúc, danh sách những thứ cần có, theo Epicurus

1. Tình bạn

Khi trở về Athens năm 306 trước Công nguyên vào năm 35 tuổi, Epicurus thu xếp cuộc sống một cách khá khác thường. Ông cùng nhóm bạn chuyển đến một ngôi nhà lớn cách trung tâm Athens vài

dặm, ở khu Melite, nằm giữa chợ và cảng Piraeus. Sống cùng ông có Metrodorus và em gái, nhà toán học Polyaenus, Hermarchus, Leonteus và vợ là Themista, cùng một thương nhân tên là Idomeneus (người sau này sẽ lấy em gái của Metrodorus). Nhà đủ rộng để mỗi người có một phòng riêng, có các phòng chung để ăn uống và trò chuyện.

Epicurus nhận xét:

Trong số những điều mà trí khôn mang lại cho chúng ta để sống cả cuộc đời trong hạnh phúc thì điều vĩ đại nhất từ trước đến nay là tình bạn.

Với cách nhìn nhận về bạn bè như vậy, Epicurus khuyên chúng ta đừng bao giờ đi ăn một mình:

Trước khi ăn hay uống bất kỳ thức gì, hãy cân nhắc thật kỹ người mà bạn ăn hay uống cùng thay vì bản thân đồ ăn thức uống: bởi vì ăn một mình mà không có bạn bè, đó là cuộc đời của một con sư tử hay một con sói.

Gia đình của Epicurus là một gia đình lớn nhưng có vẻ như trong đó không hề có sự ứ rũ hay gò bó, chỉ có sự thông cảm và dịu dàng.

Chúng ta không tồn tại trừ phi có người nhận thấy ta tồn tại, những điều ta nói không có ý nghĩa gì cho đến khi có người khác hiểu chúng, trong khi đó, được vây quanh bởi bạn bè nghĩa là bản thể của chúng ta được khẳng định; sự hiểu biết và quan tâm của họ có khả năng kéo ta ra khỏi sự tê liệt. Qua những lời nhận xét nhỏ, đôi khi trêu chọc, họ thể hiện rằng họ biết những nhược điểm của ta và chấp nhận chúng, và như thế, họ thừa nhận rằng ta có chỗ đứng trong thế

giới này. Chúng ta có thể hỏi họ “Anh ta có đáng sự không” hay “Bạn có bao giờ cảm thấy...?” và được thấu hiểu, thay vì gặp phải câu trả lời bối rối như “Không, tôi không thấy như vậy” - điều đó có thể khiến ta có cảm giác, ngay cả khi có người ở bên, rằng ta cô độc như một nhà thám hiểm vùng cực.

Bạn bè đích thực không đánh giá ta dựa trên những tiêu chuẩn tầm thường, họ quan tâm đến cái gốc của con người ta; giống như các bậc cha mẹ lý tưởng, tình yêu mà họ dành cho ta không bị ảnh hưởng bởi vẻ bề ngoài hay vị trí trong xã hội, vì thế, chúng ta không phải e ngại khi mặc quần áo cũ và thổ lộ rằng năm nay ta chỉ kiếm được ít tiền. Khát vọng trở nên giàu có không phải lúc nào cũng nên được hiểu là sự khao khát đơn thuần một cuộc sống xa hoa; động cơ quan trọng hơn có thể là mong muốn được coi trọng và được đối xử tử tế. Có thể chúng ta phấn đấu trở nên giàu có không vì lý do gì khác ngoài việc có được sự tôn trọng và chú ý của những người mà nếu không đã lờ ta đi. Epicurus chỉ ra nhu cầu cơ bản đó của chúng ta và nhận thấy rằng vài người bạn đích thực có thể mang lại tình yêu và sự tôn trọng mà ngay cả gia sản lớn cũng không thể mang lại.

2. Tự do

Epicurus và bạn bè của mình còn có một phát kiến mang tính cách mạng khác. Để không phải làm việc cho người mà họ không thích và không phải nghe những lời lăng mạ, họ đã không làm việc trong môi trường mang nặng tính buôn bán của Athens (Chúng ta phải giải phóng bản thân khỏi ngục tù của các công việc và đời sống chính trị

hằng ngày) và xây dựng cái mà có thể được mô tả chính xác nhất là một công xã, chấp nhận một cuộc sống đơn giản hơn để đổi lấy sự độc lập. Họ có thể kiếm được ít tiền hơn nhưng sẽ không bao giờ phải nghe theo mệnh lệnh của những ông chủ đáng ghét.

Họ mua một mảnh vườn nhỏ gần nhà, cách cổng Dipylon cũ một đoạn, và trồng các loại rau, có lẽ là *bliton* (bắp cải), *krommyon* (hành tây) và *kinara* (một loại cây là tổ tiên của cây actisô ngày nay với phần gốc ăn được còn phần thân có vảy thì không). Khẩu phần ăn hằng ngày của họ không sang trọng cũng không nhiều nhưng giàu mùi vị và đủ dinh dưỡng. Epicurus giải thích cho người bạn Menoeceus rằng “[Người khôn ngoan] không chọn lượng thức ăn nhiều nhất mà chọn thứ vừa ý nhất.”

Sự giản dị không ảnh hưởng đến suy nghĩ của họ về địa vị bởi vì với việc tự tách mình khỏi những giá trị của Athens, họ đã không còn đánh giá bản thân mình dưới góc độ vật chất. Không cần thiết phải thấy xấu hổ vì những bức tường trống trơn và không ích lợi gì khi khoe khoang vàng bạc. Không có gì cần phải chứng tỏ về mặt tài chính với những người bạn sống bên ngoài trung tâm kinh tế và chính trị của thành quốc.

3. Suy nghĩ

Ít có phương thuốc nào chữa trị bệnh lo lắng tốt hơn là suy nghĩ. Bằng cách viết vấn đề ra giấy hoặc đưa ra thảo luận, ta làm cho những khía cạnh cốt lõi của chúng nổi bật lên. Và khi đã hiểu được

bản chất thì ta có thể loại bỏ, nếu không phải bản thân vấn đề thì cũng là những đặc tính phụ khiến chúng trở nên trầm trọng: đó là sự bối rối, sự lệch lạc và tính bất ngờ.

Khu vườn - như cách mà mọi người biết đến cộng đồng của Epicurus - là nơi khuyến khích suy nghĩ. Theo Diogenes Laertius, Metrodorus đã viết tới 12 tác phẩm, trong đó có hai tác phẩm hiện đã bị thất lạc là *Con đường Minh triết* và *Về Sức khỏe yếu* của Epicurus. Trong những căn phòng chung của ngôi nhà ở Melite và ngoài vườn rau, chắc hẳn đã có nhiều cơ hội mổ xẻ các vấn đề với những con người vừa thông minh vừa có sự đồng cảm.

Epicurus đặc biệt quan tâm đến việc bản thân mình và các bạn phải phân tích sự lo lắng về tiền bạc, bệnh tật, cái chết và những hiện tượng siêu nhiên. Epicurus cho rằng nếu người ta nghĩ một cách có lý trí về sự chết chóc thì họ sẽ nhận ra rằng đằng sau cái chết chẳng có gì ngoài sự quên lãng và rằng “điều gì không gây rắc rối khi nó xảy ra là một nỗi lo lắng vô căn cứ”. Thật ngớ ngẩn khi đánh động bản thân về một tình cảnh mà ta sẽ không bao giờ phải trải qua:

Chẳng có điều gì là đáng sợ đối với một người thực sự hiểu được rằng sống không có gì đáng sợ.

Phân tích một cách tỉnh táo giúp bình ổn tâm trí; nó giúp cho các bạn bè của Epicurus không phải nhìn thấy những khó khăn có thể ám ảnh họ trong môi trường thiếu sự suy tưởng bên ngoài khu vườn.

Sự giàu có ít khi làm cho người ta khốn khổ. Tuy nhiên, điểm then

chốt trong lập luận của Epicurus là nếu chúng ta có tiền mà không có bạn bè, tự do và một cuộc sống có suy nghĩ thì *ta sẽ không bao giờ thực sự hạnh phúc*, và nếu như ta có những thứ sau mà không có tài sản thì *ta sẽ không bao giờ bất hạnh*.

Để làm nổi bật những điều thiết yếu cho hạnh phúc và những gì có thể bỏ qua mà không hối tiếc nếu như chúng ta bị tước mất sự giàu sang do bất công xã hội hay những bất ổn kinh tế, Epicurus phân các nhu cầu của chúng ta thành ba loại:

Trong số các mong muốn, có cái tự nhiên và cần thiết. Có những cái khác tự nhiên nhưng không cần thiết. Và có những mong muốn không tự nhiên cũng không cần thiết.

ĐIỀU GÌ LÀ CẦN THIẾT VÀ KHÔNG CẦN THIẾT ĐỂ HẠNH PHÚC

Tự nhiên và cần thiết

Bạn bè

Tự do

Suy nghĩ (về những nguồn cơn chính của sự lo âu: cái chết, bệnh tật, nghèo đói, mê tín)

Thức ăn, chỗ ở, quần áo

Tự nhiên nhưng không cần thiết

Một ngôi nhà lớn

Các phòng tắm riêng

Yến tiệc

Người hầu

Cá, thịt

Không tự nhiên cũng không cần thiết

Danh tiếng

Đặc biệt đối với những người không thể kiếm ra tiền hoặc sợ mất tiền, sự phân loại của Epicurus gợi ý rằng hạnh phúc phụ thuộc vào một số vấn đề tâm lý phức tạp và khá độc lập với vật chất, vượt lên trên những phương tiện cần thiết để mua quần áo ấm để mặc, một nơi để ở và đồ ăn - đó là một loạt ưu tiên được thiết kế để khơi gợi suy nghĩ ở những người đánh đồng hạnh phúc với kết quả của những kế hoạch tài chính lớn và bất hạnh với thu nhập khiêm tốn.

Mối quan hệ giữa tiền bạc và hạnh phúc theo quan điểm của Epicurus có thể được thể hiện bằng biểu đồ như sau: khả năng mang lại hạnh phúc của tiền bạc đã có sẵn chỉ với một mức thu nhập thấp và sẽ không tăng lên với mức thu nhập cao nhất. Hạnh phúc của chúng ta sẽ không ngừng lại với số tiền lớn hơn nhưng Epicurus quả quyết rằng chúng ta sẽ không *vượt qua* mức độ hạnh phúc mà những người có thu nhập thấp đã đạt được.

Phân tích này dựa trên một nhận thức đặc biệt về hạnh phúc. Đối với Epicurus, chúng ta hạnh phúc nếu không thực sự đau khổ. Bởi vì chúng ta đau khổ nếu thiếu thức ăn và quần áo nên chúng ta phải có đủ tiền để mua chúng. Nhưng đau khổ là từ quá mạnh để miêu tả điều sẽ xảy ra nếu chúng ta buộc phải mặc một chiếc áo khoác bình thường thay vì áo cashmere hoặc ăn sandwich thay vì sò điệp. Vì thế, lập luận ở đây là:

Khi mà sự đau khổ do ham muốn đã bị loại bỏ thì những món ăn đơn giản cũng mang lại sự hài lòng giống như một bàn ăn sang trọng.

Việc chúng ta thường xuyên ăn những món giống như bức tranh bên phải hay bức tranh bên trái không thể là nhân tố chính chi phối đầu óc của ta.

Việc ăn thịt không làm dịu đi bất kỳ mối lo nào hay ham muốn nào mà nếu không được thỏa mãn sẽ gây đau khổ... Cái mà nó mang lại không phải là việc duy trì sự sống mà là sự hài lòng... giống như việc uống các loại rượu độc đáo, tất cả những điều đó đều không cần thiết cho bản chất của chúng ta.

Chúng ta dễ có xu hướng cho rằng việc sống đơn giản như vậy với người Hy Lạp cổ đại thì dễ hơn bởi vì họ làm gì có những thứ xa xỉ như ngày nay. Tuy nhiên, vẫn có thể bảo vệ lập luận trên khi chỉ ra sự thiếu cân bằng về tỷ lệ giữa giá cả và hạnh phúc ở các sản phẩm hiện đại hơn.

Chúng ta sẽ không hạnh phúc với chiếc xe bên trái nếu thiếu bạn bè, với một căn biệt thự mà thiếu tự do, với ga trải giường êm ái nhưng quá nhiều lo lắng khi đi ngủ. Cho đến khi nào những nhu cầu phi vật chất vẫn chưa được quan tâm thì đường kẻ trên biểu đồ hạnh phúc vẫn sẽ ở dưới thấp.

Để tránh mua những thứ mà ta không cần hay tiếc nuối những thứ mà ta không thể mua, lúc mà bạn thèm muốn một đồ vật đắt tiền, hãy tự hỏi một cách nghiêm khắc rằng mình làm như thế có đúng không. Chúng ta nên tiến hành một loạt thử nghiệm suy nghĩ trong đó hãy tự đặt mình vào thời điểm trong tương lai khi mà ham muốn của ta đã được thỏa mãn để xem mức độ hạnh phúc của ta lúc đó sẽ như thế nào:

Phương pháp đặt câu hỏi sau đây cần được áp dụng đối với mọi ham muốn: Điều gì sẽ

xảy ra nếu tôi đã đạt được điều mình mong muốn? Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi không đạt được nó?

Một phương pháp mà, mặc dù không tìm được bằng chứng cho thấy Epicurus là cha đẻ của nó, cần được tiến hành theo ít nhất năm bước - và cũng không bất công khi nói rằng ngôn ngữ để diễn tả phương pháp này giống như ngôn ngữ của một cuốn cẩm nang hay sách dạy nấu ăn.

1. Xác định một kế hoạch để hạnh phúc.

Để hạnh phúc khi đi nghỉ, tôi phải ở tại một căn biệt thự.

2. Tưởng tượng rằng kế hoạch có thể sai. Tìm những ngoại lệ về mối liên hệ có thể có giữa thứ mà ta ham muốn với hạnh phúc. Liệu ta có thể sở hữu thứ đó nhưng vẫn không thấy hạnh phúc hay không? Liệu ta có thể hạnh phúc mà không cần sở hữu thứ đó hay không?

Liệu tôi có thể tiêu tốn tiền bạc vào việc ở trong một căn biệt thự mà vẫn không cảm thấy hạnh phúc?

Liệu tôi có thể cảm thấy hạnh phúc mà không cần tốn nhiều tiền đến vậy để ở trong một căn biệt thự?

3. Nếu tìm thấy ngoại lệ thì thứ mà ta ham muốn không thể là nguyên nhân cần và đủ cho hạnh phúc.

Có khả năng tôi sẽ cảm thấy tồi tệ khi ở trong căn biệt thự nếu chẳng hạn như tôi thấy biệt lập và cô đơn vì không có bạn bè. Tôi có thể thấy

hạnh phúc trong một chiếc lều nếu chẳng hạn như tôi ở cùng một người tôi yêu mến và tôn trọng tôi.

4. Để chính xác thì kế hoạch ban đầu phải không quá cứng nhắc để có thể tính đến các ngoại lệ.

Việc tôi có thể thấy hạnh phúc trong một căn biệt thự đắt giá phụ thuộc vào việc tôi ở cùng người mà tôi yêu mến và tôn trọng tôi.

Tôi có thể thấy hạnh phúc mà không cần tốn tiền cho một căn biệt thự sang trọng, miễn là tôi ở cùng người mà tôi yêu mến và tôn trọng tôi.

5. Những nhu cầu thực sự giờ đây có vẻ như khác xa mong muốn lúc ban đầu.

Hạnh phúc phụ thuộc vào việc có bạn bè tâm đầu ý hợp hơn là căn biệt thự trang hoàng lộng lẫy.

Việc sở hữu tài sản xa hoa nhất không làm dịu đi những xáo động của tâm hồn, cũng không sinh ra niềm vui đặc biệt.

5

Vậy thì tại sao những đồ vật đắt giá không mang lại niềm vui đặc biệt mà chúng ta vẫn bị chúng thu hút mạnh mẽ đến vậy? Đó là bởi vì một sai lầm tương tự như sai lầm của người bị bệnh đau đầu đã cho khoan lỗ ở hộp sọ của mình: những đồ vật đắt giá mang lại cảm giác giống như là giải pháp hợp lý cho những nhu cầu mà ta không hiểu. Đồ vật mô phỏng ở chiều không gian vật chất cái mà ta cần ở chiều không gian tâm lý. Chúng ta cần phải sắp xếp lại tâm trí mình nhưng lại bị quyến rũ bởi những giá đồ mới. Chúng ta mua chiếc áo cashmere như là vật thế chỗ cho lời tâm tình của bạn bè.

Chúng ta không phải là người duy nhất có lỗi về sự bối rối này. Hiểu biết hạn chế của ta về nhu cầu của bản thân trở nên trầm trọng hơn do cái mà Epicurus gọi là “ý kiến rối hơi” của những người xung quanh ta, những ý kiến không phản ánh thứ bậc tự nhiên những nhu cầu của ta, nhấn mạnh sự xa hoa và của cải và hiếm khi nhấn mạnh tình bạn, tự do và suy nghĩ. Sự thắng thế của các ý kiến rối hơi này không phải là điều tình cờ. Các doanh nghiệp có lợi trong việc làm lệch lạc thứ tự ưu tiên mà ta sắp xếp các nhu cầu của mình, trong việc thúc đẩy cách nhìn nhận mang tính vật chất về cái tốt và hạ thấp những thứ không thể bán được.

Và cách mà chúng ta bị cám dỗ là thông qua sự đánh đồng một cách ranh mãnh giữa những đồ vật vô ích với những nhu cầu khác bị

lãng quên của chúng ta.

Có thể chúng ta mua một chiếc xe jeep nhưng với Epicurus, tự do là thứ mà ta đang tìm kiếm.

Có thể thứ ta mua là rượu khai vị nhưng với Epicurus, điều mà ta tìm kiếm là tình bạn.

Có thể ta mua đồ tắm sang trọng nhưng với Epicurus, suy nghĩ mới là điều khiến ta bình tâm.

Để trung hoà sức mạnh của những hình ảnh xa hoa, những người theo chủ nghĩa Epicurean đánh giá cao tầm quan trọng của quảng cáo.

Vào khoảng những năm 120, ở chợ trung tâm của Oinoanda, một thị trấn với 10.000 dân nằm ở góc Tây Nam của bán đảo Tiểu Á, một hàng cột đá khổng lồ dài 80 mét, cao gần 4 mét được dựng lên, trên đó có khắc những lời nói của Epicurus để thu hút sự chú ý của người đến mua sắm:

Đồ ăn thức uống sang trọng... không bao giờ giúp thoát khỏi tai họa và mang lại một cơ thể khỏe mạnh. Con người phải coi tài sản quá lớn so với tự nhiên là những thứ không ích lợi gì hơn là nước chảy vào chiếc thùng đã đầy tràn.

Giá trị thực sự không được sinh ra bởi rạp hát và nhà tắm, nước hoa và tinh dầu thơm, mà bởi khoa học tự nhiên.

Người đã bỏ tiền dựng nên bức tường này là Diogenes, một trong

những công dân giàu có nhất của Oinoanda. 400 năm sau khi Epicurus và những người bạn dựng nên Khu vườn ở Athens, Diogenes muốn chia sẻ với những người dân khác trong thị trấn về bí quyết hạnh phúc mà ông đã học được từ triết lý của Epicurus. Ông giải thích điều này trên một góc của bức tường:

Khi đã bước vào buổi hoàng hôn của đời mình (sắp đến lúc tôi rời bỏ thế giới này do tuổi già), trước khi bị thần chết đem đi, tôi muốn sáng tác một bài ca ngợi ca sự đủ đầy của lạc thú, và qua đó giúp những người mà quan niệm của họ đã được xác lập. Lúc này, nếu chỉ có một người, hoặc hai hoặc ba hoặc bốn hoặc năm người... đang gặp khó khăn thì tôi sẽ nói chuyện với từng người một... nhưng bởi vì đa số đang mắc phải một căn bệnh thường gặp, giống như dịch bệnh, với quan niệm sai lầm về mọi việc, và bởi vì số lượng những người này đang tăng lên (do cạnh tranh với nhau nên họ nhiễm bệnh của nhau như lũ cừu)... nên tôi muốn dùng cái cổng vòm này để quảng cáo công khai những phương thuốc có thể mang lại sự cứu rỗi.

Bức tường khổng lồ bằng đá vôi được khắc khoảng 25.000 từ nói về mọi khía cạnh tư tưởng của Epicurus, đề cập đến tầm quan trọng của tình bạn và phân tích sự lo âu. Cư dân thị trấn đến mua sắm ở các cửa hiệu của Oinoanda đã được cảnh báo một cách chi tiết rằng họ không thể kỳ vọng nhiều ở hạnh phúc từ việc mua sắm này.

Nếu như chúng ta không phải là những sinh vật quá dễ bị ảnh hưởng thì quảng cáo đã không thịnh hành như vậy. Chúng ta muốn các thứ khi chúng được trưng bày đẹp đẽ và mất hứng thú khi chúng bị bỏ qua hoặc không được nói tốt. Lucretius ta thán về cách mà những thứ ta muốn “được lựa chọn bởi lời truyền miệng thay vì bởi bằng chứng của cảm giác [của ta]”.

Thật không may là không thiếu những hình ảnh gây thêm muốn về các sản phẩm sang trọng và những không gian đắt tiền, trong khi

những không gian và con người bình thường thì ít được nhắc đến. Chúng ta ít được khuyến khích chú ý đến những thứ nhỏ bé có thể mang lại sự hài lòng như chơi với trẻ em, nói chuyện với bạn bè, buổi chiều ngoài trời nắng ấm, căn nhà sạch sẽ, bánh mì mới nướng phết pho mát (Hãy gửi cho tôi một nồi pho mát để tôi có thể mở tiệc bất cứ khi nào tôi muốn). Đây không phải là những thứ được tôn vinh trên các trang tạp chí *Epicurean Life*.

Nghệ thuật có thể giúp xóa đi thiên kiến này. Lucretius tiếp thêm sức mạnh cho luận điểm bảo vệ sự giản dị của Epicurus bằng cách giúp chúng ta, thông qua những vần thơ bằng tiếng Latin, cảm nhận được sự hài lòng mà những thứ không hề đắt đỏ có thể đem lại:

Nhu cầu của cơ thể tự nhiên của ta thực ra rất ít, không nhiều hơn những thứ cần thiết để xua đi nỗi đau, và cũng để mang lại nhiều niềm vui cho bản thân. Tự nhiên không thường xuyên tìm kiếm bất kỳ thứ gì đáng hài lòng hơn thế, không phàn nàn khi không được chứng kiến cảnh tượng lộng lẫy của buổi dạ tiệc xa hoa được thắp sáng suốt đêm bởi những ngọn đuốc rực cháy trên tay các nam thanh nữ tú đứng quanh nhà. Nếu đại sảnh không lấp lánh với đồ bạc và ánh lên sắc vàng, nếu những thanh dầm không được chạm trổ và mạ vàng, và vang lên theo thanh âm tiếng sáo, thì cũng có sao? Bản chất tự nhiên không nhớ đến sự xa hoa này khi người ta có thể cùng nhau nằm trên cỏ mềm bên dòng suối, dưới những tán cây cao và làm tươi mới cơ thể mình một cách đầy mãn nguyện chỉ với chi phí rất nhỏ. Tuyệt vời hơn nữa nếu thời tiết đẹp và mùa của năm tô điểm thảm cỏ xanh bằng những bông hoa.

Khó mà đánh giá được tác động của bài thơ của Lucretius đối với hoạt động thương mại trong thế giới Hy Lạp-La Mã cổ đại. Khó mà biết được những người đi mua sắm ở Oinoanda có tìm thấy cái họ cần và không mua cái họ không cần bởi vì đoạn quảng cáo khổng lồ đang đập vào mắt họ hay không. Nhưng có khả năng một chiến dịch

quảng cáo theo kiểu Epicurean được lắng xê cẩn thận sẽ thúc đẩy sự sụp đổ của kinh tế toàn cầu. Bởi vì, theo Epicurus, phần lớn các doanh nghiệp kích thích ham muốn không cần thiết ở những người không hiểu được nhu cầu thực sự của mình, do vậy mức tiêu dùng sẽ bị phá vỡ bởi sự tự nhận thức cao hơn và coi trọng sự giản dị. Epicurus chắc hẳn sẽ không bị ảnh hưởng bởi điều đó:

Khi đánh giá bằng mục đích tự nhiên của cuộc đời thì sự nghèo khó là tài sản lớn; còn giàu có vô biên là sự nghèo khó lớn lao.

Điều này dẫn chúng ta đến một lựa chọn: một mặt, những xã hội nào kích thích ham muốn không cần thiết thì có được sức mạnh kinh tế khổng lồ; mặt khác, các xã hội kiểu Epicurean có thể thỏa mãn các ham muốn vật chất cơ bản nhưng không bao giờ đưa được mức sống vượt quá ngưỡng tồn tại. Trong thế giới kiểu Epicurean sẽ không có các tượng đài hoành tráng, không có tiến bộ khoa học kỹ thuật và ít động lực giao thương với các châu lục xa xôi. Một xã hội trong đó nhu cầu của con người hạn chế hơn cũng là một xã hội có ít nguồn lực hơn. Tuy nhiên, nếu chúng ta tin theo nhà triết học thì một xã hội như vậy sẽ không bất hạnh. Lucretius nói rõ hơn về lựa chọn này. Trong một thế giới không có các giá trị của Epicurus:

Con người mãi mãi là kẻ thù của một nỗi thống khổ vô nghĩa và phù hiếm, chúng ta để cuộc sống trôi qua trong phiền muộn, trong nỗi lo lắng vô ích vì không nhận thức được giới hạn của vật chất và sự lớn lên của sự hài lòng đích thực.

Tuy nhiên, trong lúc đó:

Chính sự không hài lòng đã thúc đẩy cuộc sống tiến lên phía trước, hướng ra biển lớn.

Chúng ta có thể hình dung được câu trả lời của Epicurus. Cho dù những cuộc phiêu lưu ra biển lớn ấn tượng đến mức nào thì cách duy nhất đánh giá giá trị của chúng là sự hài lòng mà chúng mang lại:

Chính sự hài lòng là thứ mà chúng ta có thể viện đến, lấy cảm xúc làm tiêu chuẩn để đánh giá mọi thứ.

Và bởi vì của cải của xã hội tăng lên dường như không đảm bảo hạnh phúc tăng lên, Epicurus có thể sẽ cho rằng hạnh phúc của chúng ta không thể phụ thuộc vào những nhu cầu có thể được đáp ứng bằng những thứ đắt giá.

6

Hạnh phúc, danh sách những điều cần có

1. Một túp lều
2. Tình bạn
3. Tránh thái độ bề trên, kẻ cả, đấu đá nội bộ và cạnh tranh.
4. Suy nghĩ

5. Một cô nàng là hiện thân của *Madonna* trong bức họa của Giovanni Bellini (được trưng bày tại Galleria deir Accademia ở Venice), vẻ buồn mơ màng của nàng che giấu sự phóng khoáng và khiếu hài hước sâu sắc - và nàng sẽ mặc đồ bằng vải sợi tự nhiên mua giảm giá tại các cửa hiệu khiêm tốn.

Hạnh phúc có thể không dễ gì có được. Những trở ngại chủ yếu để đạt được hạnh phúc không phải là vấn đề tài chính.

III

NIỀM AN ỦI CHO NỖI THẤT VỌNG

1

Mười ba năm trước khi vẽ bức tranh *Cái chết của Socrates*, Jacques-Louis David chú ý đến một nhà triết học khác cũng đối mặt cái chết bằng sự bình thản kỳ lạ, giữa tiếng than khóc thảm thiết của bạn bè và gia đình.

Bức *Cái chết của Seneca*, được chàng họa sĩ 25 tuổi David vẽ vào năm 1773, thể hiện những thời khắc cuối cùng của nhà triết học theo chủ nghĩa khắc kỷ ở một căn nhà ngoại vi thành Rome vào tháng Tư năm 65. Trước đó vài giờ, một viên sĩ quan tới nhà mang theo lệnh của hoàng đế rằng Seneca phải tự kết liễu đời mình ngay tức thì. Một âm mưu lật đổ Nero - vị hoàng đế 28 tuổi - đã bị phát hiện và Nero, một kẻ điên cuồng không ai kiềm chế nổi, đã trả thù một cách bừa bãi. Mặc dù không có bằng chứng nào về việc Seneca có liên quan tới âm mưu trên, mặc dù ông đã là thầy giáo của hoàng gia trong năm năm và là một cận thần trung thành trong suốt một thập kỷ, Nero vẫn buộc ông phải chết để cho chắc chắn. Đến lúc này, Nero đã ám sát người anh cùng cha khác mẹ của mình là Britannicus, mẹ là Agrippina và vợ Octavia; hắn đã giết hại một loạt nghị sĩ và hiệp sĩ của Rome bằng cách quăng họ cho cá sấu và sư tử ăn thịt; và hắn tiệc tùng khi Rome bị thiêu rụi trong trận hỏa hoạn kinh hoàng năm 64.

Khi nghe lệnh của Nero, các bạn hữu của Seneca tái mặt và bắt đầu khóc than, nhưng nhà triết học, theo lời kể của Tacitus mà David

đọc được, vẫn vô cùng bình thản và cố gắng làm cho họ thôi khóc cũng như khơi dậy lòng can đảm của họ.

Triết lý của họ biến đâu mất rồi, ông hỏi, và cả quyết tâm chống lại những bất hạnh chực chờ mà họ đã khuyến khích nhau trong suốt bao năm qua? “Ai cũng biết rõ Nero là một kẻ tàn bạo!” ông nói thêm. “Sau khi đã giết mẹ và anh trai, hẳn chỉ còn phải giết nốt thầy giáo và gia sư của mình nữa thôi.”

Ông quay sang vợ là Paulina và dịu dàng ôm lấy bà (“khác xa so với sự bình thản trong triết học của ông” - Tacitus nói) và bảo bà hãy lấy cuộc đời rất đáng sống của ông làm niềm an ủi. Nhưng bà không thể chấp nhận cuộc sống mà không có ông, và muốn được chết cùng ông. Seneca không khước từ mong ước của vợ mình:

Tôi sẽ không ngăn cản việc bà trở thành một tấm gương đẹp đến vậy. Chúng ta sẽ chết với sự ngoan cường như nhau, mặc dù cái chết của bà là vì mục đích cao cả hơn.

Tuy nhiên, do hoàng đế Nero không muốn thêm tiếng xấu cho sự tàn bạo của mình nên khi quân lính nhìn thấy Paulina cắt động mạch tay bằng dao, họ đã giằng lấy con dao và băng bó cánh tay cho bà.

Việc tự sát của Seneca không thành công. Cơ thể đã lão hóa của ông không cho phép máu chảy đủ nhanh, ngay cả khi ông đã cắt động mạch ở gót chân và sau đầu gối. Vì vậy, với lý trí tỉnh táo, ông yêu cầu bác sĩ chuẩn bị một cốc thuốc độc cần, giống như của Socrates ở Athens 464 năm trước. Từ lâu ông đã coi Socrates là tấm gương vượt lên trên hoàn cảnh nhờ triết học (ông thể hiện sự ngưỡng mộ này trong một lá thư được viết vài năm trước đó):

Ông đã phải chịu đựng nhiều khi ở nhà, nếu chúng ta nghĩ về vợ ông, một người đàn bà với tính khí thô lỗ và miệng lưỡi ghê gớm, hay về các con ông... Ông đã sống trong thời chiến và dưới sự cai trị của những tên bạo chúa... nhưng tất cả đều không mấy ảnh hưởng đến tâm hồn của Socrates, thậm chí không làm thay đổi những tính cách đặc trưng của ông. Thật là một sự khác biệt tuyệt vời và hiếm có! Ông vẫn giữ vững quan điểm sống cho đến tận phút cuối đời... giữa tất cả sự quấy nhiễu của Fortune*, ông không hề bị ảnh hưởng.

Nhưng mong muốn được nối gót nhà triết học thành Athens của Seneca không thực hiện được. Ông uống cốc thuốc độc và nó không mang lại tác dụng. Sau hai nỗ lực bất thành, cuối cùng, ông yêu cầu người ta đặt mình vào bồn tắm hơi, nơi ông sẽ từ từ ngạt thở mà chết, đau đớn nhưng bình thản, không hề bị ảnh hưởng bởi sự quấy nhiễu của Fortune.

Bức họa theo phong cách rococo của David không phải bức đầu tiên, cũng không phải bức đẹp nhất vẽ về cảnh tượng này. Seneca trông giống như một *pasha** đang nằm xuống chứ không phải một nhà triết học sắp lìa đời. Paulina với bầu ngực bên phải bị lộ ra ngoài, ăn mặc giống như đi nghe opera chứ không phải một phụ nữ sống trong Đế chế La Mã. Tuy vậy, cho dù vụng về thế nào thì sự thể hiện của David về cảnh tượng đó lại phù hợp với sự ngưỡng mộ từ lâu đối với cách mà nhà triết học La Mã chấp nhận số phận bi thảm của mình.

Những mong muốn của Seneca mâu thuẫn với thực tại một cách đột ngột và cực đoan nhưng ông không hề trở nên bạc nhược; những đòi hỏi gây sốc của thực tại được ông đáp ứng một cách đàng hoàng. Qua cái chết của mình, Seneca, cùng với các nhà tư tưởng khắc kỷ

khác, giúp tạo ra sự gắn kết lâu bền giữa bản thân từ “triết lý” và một cách tiếp cận chừng mực, bình tĩnh với thảm kịch. Theo lời kể của Tacitus, phản ứng của Seneca trước các bạn hữu đang than khóc là hỏi rằng *triết lý* của họ đâu mất rồi, và quyết tâm chống lại vận rủi luôn đe dọa của họ ở đâu, như thế hai điều đó về cơ bản là một.

Trong suốt cuộc đời, Seneca đã đối mặt và chứng kiến những thảm kịch khủng khiếp xảy ra quanh mình. Động đất đã san phẳng Pompeii; Rome và Lugdunum bị thiêu thành tro bụi; người dân thành Rome và đế chế La Mã rên xiết dưới ách thống trị của Nero, và trước đó là Caligula, hay cái tên rất chính xác mà Suetonius đặt cho hắn - “Quái vật” - kẻ đã từng gào lên giận dữ “Ta ước gì tất cả lũ người La Mã các người chỉ có một cái cổ!”

Seneca cũng phải trải qua nhiều mất mát cá nhân. Ông được đào tạo để làm chính trị nhưng mới ngoài 20 tuổi, ông bị bệnh lao hạ gục. Căn bệnh kéo dài sáu năm và khiến ông rơi vào trạng thái trầm cảm đến mức muốn tự sát. Ông tham gia chính trị vào thời điểm Caligula lên nắm quyền. Ngay cả sau khi tên Quái vật đã bị ám sát vào năm 41, Seneca vẫn ở trong tình thế nguy hiểm. Một âm mưu của nữ hoàng Messalina, dù không phải lỗi của Seneca, đã khiến ông bị hạ nhục và bị lưu đày ra đảo Corsica trong suốt tám năm. Khi được triệu về Rome, trái với mong muốn của mình, ông bị giao một nhiệm vụ nguy hiểm nhất trong triều - đó là trở thành gia sư cho con trai 12 tuổi của Agrippina là Lucius Domitius Ahenobarbus, người mà 15 năm sau đó đã ra lệnh cho ông tự kết liễu đời mình trước mặt vợ và gia

đình.

Seneca hiểu tại sao mình có thể chống chọi được với sự lo âu:

Tôi nợ [triết học] cả cuộc đời, và đó là nghĩa vụ nhỏ bé nhất mà tôi cần thực hiện.

Trải nghiệm đã mang lại cho Seneca một cuốn từ điển về sự thất vọng và trí tuệ mang lại cho ông câu trả lời. Hàng năm trời nghiên cứu triết học giúp ông chuẩn bị đối mặt với cái ngày khủng khiếp mà viên sĩ quan của Nero gõ cửa nhà ông.

2

Từ điển của Seneca về sự thất vọng

Giới thiệu

Mặc dù phạm vi của sự thất vọng là rất lớn - từ việc bị toác ngón chân đến cái chết bất thành linh - nhưng mọi sự thất vọng đều có một cấu trúc cơ bản: đó là sự va chạm giữa một mong muốn với thực tế không giống như vậy.

Sự va chạm xuất hiện từ khi chúng ta là một đứa trẻ còn ẵm ngửa, khi ta phát hiện ra rằng nguồn gốc cho sự thỏa mãn nằm ngoài khả năng kiểm soát của ta và rằng sự vận hành của thế giới thường không tuân theo mong muốn của ta.

Tuy thế, với Seneca, miễn là chúng ta có được sự thông thái bằng cách học thói quen không làm trầm trọng thêm sự buồn bực của thế giới bằng phản ứng của bản thân ta, bằng những cơn thịnh nộ bùng phát, bằng sự tự thương hại, lo âu, cay đắng, tự cho mình là đúng và bệnh hoang tưởng.

Ý tưởng xuyên suốt các tác phẩm của Seneca là: tốt hơn hết chúng ta nên chịu đựng những nỗi thất vọng mà ta đã chuẩn bị đối mặt và hiểu rõ, và ta sẽ bị tổn thương nhiều nhất bởi những điều mà ta không hiểu được và ít trông đợi nhất. Triết học phải giúp ta thích nghi với những khía cạnh thật của thực tế, và như thế tránh cho ta, nếu không phải bản thân nỗi thất vọng, thì ít nhất cũng là toàn bộ

những cảm xúc độc hại mà nó mang lại.

Nhiệm vụ của triết học là chuẩn bị cho mong ước của ta hạ cánh một cách nhẹ nhàng nhất trên bức tường thực tại thô cứng.

Sự tức giận

Những va chạm vô cùng ấu trĩ. Chúng ta không tìm thấy cái điều khiến từ xa hoặc chùm chìa khóa, đường bị chặn, nhà hàng hết chỗ, thế nên chúng ta đóng sầm cửa, nhổ trụi cây cảnh và găm lên.

1. Nhà triết học coi đó là một dạng điên:

Không có con đường nào dẫn đến sự điên rồ nhanh hơn. Nhiều người [giận dữ].., nguyên rủa con mình hãy chết đi, đẩy bản thân vào cảnh bần hàn, phá hoại nhà cửa, chối bỏ việc mình đang giận dữ, giống như người điên không thừa nhận rằng mình điên. Trở thành kẻ thù của những người bạn thân... bất chấp luật pháp... họ làm mọi thứ bằng vũ lực... Họ bị khống chế bởi những điều xấu xa nhất, tồi tệ hơn tất thảy những điều tồi tệ khác.

2. Khi bình tĩnh hơn, người tức giận có thể xin lỗi và giải thích rằng họ bị lấn át bởi một thế lực mạnh hơn bản thân họ, nghĩa là mạnh hơn lý trí của họ. “Chúng”, hay là con người lý trí của họ, không định lãng mạn và hối hận vì đã la hét; “chúng” đánh mất quyền kiểm soát vào tay những thế lực đen tối hơn nằm ở bên trong. Vì thế, người tức giận viện đến cái nhìn chủ đạo của tâm thức trong đó quyền năng lý trí, nơi con người thực của họ trú ngụ, được mô tả là đôi khi bị tấn công bởi những cảm xúc mãnh liệt mà lý trí không đồng nhất với chúng và cũng không thể chịu trách nhiệm cho chúng.

Cách nhìn này hoàn toàn trái ngược với quan điểm của Seneca về

lý trí. Theo ông, sự tức giận không xuất phát từ sự bùng nổ cảm xúc không thể kiểm soát mà từ một sai lầm cơ bản (và có thể sửa chữa được) trong lập luận. Ông thừa nhận rằng lý trí không phải lúc nào cũng điều khiển cảm xúc của chúng ta: nếu bị vẩy nước lạnh vào người thì cơ thể ta không có cách nào khác là phải rùng mình, nếu có người chọc ngón tay vào mắt thì ta phải chớp mắt. Nhưng sự tức giận không phải là một loại chuyển động tự nhiên của cơ thể, nó chỉ có thể bùng nổ trên cơ sở một số quan niệm nhất định mà lý trí đưa ra; chỉ cần thay đổi quan niệm, ta có thể thay đổi thiên hướng giận dữ của mình.

3. Và theo quan điểm của Seneca, điều làm chúng ta giận dữ là những ý niệm lạc quan một cách nguy hiểm về thế giới và về những người khác.

4. Việc chúng ta phản ứng tồi tệ như thế nào khi bị thất vọng được quyết định chủ yếu bởi điều mà chúng ta nghĩ là bình thường. Chúng ta có thể thất vọng vì trời mưa nhưng việc chúng ta quen với các cơn mưa có nghĩa là rất khó để phản ứng một cách giận dữ khi trời mưa. Sự thất vọng của chúng ta được trung hòa bởi điều mà ta hiểu là có thể kỳ vọng ở thế giới, bởi kinh nghiệm của chúng ta về thứ được cho là bình thường mà ta có thể hy vọng. Chúng ta không bị nổi tức giận lẫn át mỗi khi không có được thứ mà mình muốn, ta chỉ như vậy khi cho rằng ta có quyền có được chúng. Sự tức giận lớn nhất của chúng ta xuất phát từ những sự kiện vi phạm niềm tin của ta về quy luật cơ bản của sự tồn tại.

5. Người có tiền có thể kỳ vọng một cuộc sống khá thoải mái trong đế chế La Mã cổ đại. Nhiều bạn bè của Seneca có nhà lớn ở thủ đô và biệt thự ở vùng quê. Nhà có nhiều phòng tắm, khu vườn với hàng cột đá, đài phun nước, tranh ghép mosaic, tranh tường và ghế ngồi mạ vàng. Có một dàn nô lệ lo việc nấu ăn, trông trẻ và chăm sóc vườn cây.

6. Tuy nhiên, dường như những người có điều kiện lại có mức độ giận dữ đặc biệt cao. “Sự giàu sang khuyến khích tính cách nóng nảy,” Seneca viết, sau khi quan sát những người bạn giàu có của mình than phiền bởi vì cuộc đời không diễn ra như họ hy vọng.

Seneca quen biết một người giàu có, Vedius Pollio, bạn của Hoàng đế Augustus. Có lần một nô lệ của Vedius làm rơi chiếc khay đựng cốc pha lê trong một bữa tiệc. Vedius ghét tiếng vỡ của thủy tinh và tức giận đến mức ra lệnh quăng người nô lệ này vào bể cá mút đá*.

7. Sự tức giận như vậy không bao giờ vượt quá khả năng lý giải. Vedius Pollio tức giận vì một lý do xác định được: bởi vì ông ta tin vào một thế giới mà ở đó đồ thủy tinh không bao giờ rơi vỡ trong các bữa tiệc. Chúng ta la hét khi không tìm thấy chiếc điều khiển từ xa bởi niềm tin ngầm bên trong về một thế giới trong đó điều khiển không bị đặt nhầm chỗ. Sự tức giận được sinh ra bởi một niềm tin, mà nguồn gốc đầy lạc quan của nó gần như là nực cười (dù ảnh hưởng của nó có nguy hại thế nào), rằng sự thất vọng không được đưa vào trong hợp đồng cuộc sống.

8. Chúng ta cần phải cẩn trọng hơn. Seneca đã cố gắng thay đổi quy mô của những kỳ vọng để ta không rống lên mỗi khi chúng sụp đổ:

Khi bữa tối được đem ra muộn vài phút:

Tại sao phải đá bàn đá ghế? Phải đập cốc đập chén? Phải đập đầu vào cột?

Khi có tiếng ồn khó chịu:

Tại sao một con ruồi lại làm bạn tức giận mà không ai thèm đứng lên đuổi nó đi, hay một con chó lại chặn đường bạn, hay chiếc chìa khóa lại bị người hầu bắt cần làm rơi?

Khi sự yên tĩnh của phòng ăn bị phá vỡ:

Tại sao lại đi lấy roi vào giữa đêm, chỉ bởi vì những người nô lệ nói chuyện?

Chúng ta phải chung sống hòa bình với sự không hoàn hảo cần thiết của tồn tại:

Có gì đáng ngạc nhiên khi kẻ xấu làm việc xấu, hay khi kẻ thù làm hại ta hay khi bạn bè làm ta bực mình, khi con cái ta mắc lỗi hay khi người hầu không nghe lời?

Khi ta thôi kỳ vọng nhiều đến vậy, ta sẽ thôi tức giận.

Cú sốc

Một chiếc máy bay của hãng Hàng không quốc gia Thụy Sĩ chở 229 người cất cánh theo lịch trình trên hành trình từ New York đi Geneva. 50 phút sau khi rời sân bay Kennedy, trong lúc các tiếp viên hàng không đang đẩy những chiếc xe đồ ăn dọc theo lối đi của chiếc McDonald Douglas MD-11 thì cơ trưởng thông báo có khói trong buồng lái. 10 phút sau, máy bay biến mất khỏi màn hình radar. Cổ máy khổng lồ mỗi cánh dài 52 mét đã đâm xuống vùng biển lạnh ngoài khơi Halifax, Nova Scotia, làm thiệt mạng toàn

bộ hành khách và phi hành đoàn. Nhân viên cứu hộ cho biết rất khó để xác định được những gì mà chỉ vài giờ trước đó còn là những con người với cuộc sống và dự định. Người ta tìm thấy nhiều hành lý trôi nổi trên biển.

1. Nếu chúng ta không chú trọng nguy cơ thảm họa xảy ra bất ngờ và trả giá cho sự ngây thơ của mình thì đó là vì thực tại có hai đặc tính đối lập nhau một cách tàn nhẫn: một mặt là sự nối tiếp và chắc chắn đã tồn tại qua nhiều thế hệ; mặt khác là những biến cố không được báo trước. Chúng ta bị chia rẽ giữa niềm tin có cơ sở là ngày mai cũng giống như ngày hôm nay và khả năng một sự kiện khủng khiếp sẽ xảy ra và sau đó chẳng còn gì giống như trước nữa.

2. Hình ảnh của nàng có trên mặt sau của nhiều đồng tiền La Mã, một tay cầm chiếc giỏ hình sừng dê đựng các loại quả*, tay kia cầm chiếc đĩa. Nàng xinh đẹp và thường mặc chiếc áo chùng nhẹ với nụ cười duyên dáng. Tên nàng là Fortune (Nữ thần Định mệnh). Ban đầu nàng là nữ thần bảo trợ mùa màng và sự sinh sôi, con gái cả của Jupiter, nàng được vinh danh bằng một lễ hội vào ngày 25 tháng Năm. Nhiều đền thờ nàng ở khắp Italy thường xuyên được thăm viếng bởi những người hiếm muộn con cái và nông dân đến cầu mưa. Dần dần quyền năng của nàng trở nên rộng lớn hơn, nàng được gắn với tiền bạc, sự thăng tiến, tình yêu và sức khỏe. Chiếc giỏ hình sừng dê của nàng là biểu tượng của quyền năng ban phát ân huệ, còn chiếc đĩa là biểu tượng của quyền năng đen tối có thể thay đổi số mệnh. Nàng có thể ban lộc khắp nơi, rồi với tốc độ đáng sợ, nàng vung cây đĩa, vẫn giữ nụ cười bình thản khi nhìn chúng ta hóc đến chết vì một

chiếc xương cá hay biến mất trong một vụ lở đất.

3. Do chúng ta bị tổn thương nhiều nhất bởi những điều mà ta không trông đợi, và do phải tính đến mọi khả năng (“Không có gì mà Fortune không dám làm”), Seneca cho rằng chúng ta phải luôn luôn tính đến khả năng thảm kịch sẽ xảy ra. Không ai nên đi một chuyến xe ô tô, hay bước xuống cầu thang, hay chào tạm biệt một người bạn mà không có nhận thức về những khả năng chết người có thể xảy ra, nhận thức mà Seneca chắc hẳn sẽ mong là không u ám hay kịch tính một cách không cần thiết.

Chúng ta không được bỏ qua bất kỳ khả năng nào. Trí óc của ta cần đi trước để đối phó với mọi vấn đề và điều mà ta cần cân nhắc không phải những gì sẽ xảy ra theo thói quen mà là những gì có thể xảy ra.

4. Về bằng chứng cho thấy mọi thứ có thể trở về con số 0 chỉ với những điều bé nhỏ như thế nào, chỉ cần nâng cánh tay lên và dành một chút thời gian quan sát dòng máu được bơm qua những mạch máu xanh mong manh của ta:

Con người là gì? Một cấu trúc mà ngay cả cái rung lắc nhẹ nhất, một cú ném nhẹ nhất cũng có thể vỡ tan... Một cơ thể yếu ớt và mong manh, ở trạng thái tự nhiên nó không có khả năng tự vệ, phải phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người khác và chịu tác động của mọi điều khủng khiếp mà Fortune đem lại.

5. Lugdunum từng là một trong những nơi định cư giàu có nhất của người La Mã ở Gaul. Nằm ở điểm giao cắt của sông Arar và sông

Rhone, nó có vị trí thuận lợi là cửa ngõ giao thương và nằm trên các tuyến đường quân sự. Thành phố có những phòng tắm công cộng sang trọng, rạp hát và sở đúc tiền của nhà nước. Năm 64, một tàn lửa rơi khỏi tay và biến thành một đám cháy lan rộng ra những con phố hẹp. Các cư dân hoảng loạn nhảy ra khỏi cửa sổ để thoát nạn khi lửa lan đến. Ngọn lửa liếm dần từng ngôi nhà và đến khi mặt trời mọc trên toàn thành phố Lugdunum, từ vùng ngoại ô cho đến chợ, từ đền thờ đến nhà tắm công cộng, tất cả đều bị thiêu rụi thành than. Những người sống sót không còn gì ngoài bộ quần áo ấm khói mà họ đang mặc, thảng thốt nhìn những công trình danh giá đã bị thiêu rụi không còn nhận ra hình dạng. Đám cháy diễn ra quá nhanh, trước khi Rome biết tin thì cả thành phố đã tan hoang:

Bạn nói: “Tôi không nghĩ điều đó sẽ xảy ra.” Bạn có nghĩ rằng có bất kỳ điều gì sẽ không xảy ra hay không, khi mà bạn biết rằng nó có khả năng xảy ra, khi bạn nhìn thấy rằng nó đã từng xảy ra...?

6. Ngày 5 tháng Hai năm 62, thảm họa tương tự cũng xảy ra ở Campania. Mặt đất rung chuyển và phần lớn các khu vực của Pompeii đổ sập. Trong những tháng sau đó, nhiều cư dân quyết định rời Campania đến các khu vực khác trên bán đảo. Với Seneca, sự dịch chuyển này cho thấy họ tin rằng ở một nơi khác trên trái đất này, ở Liguria hay Calabria, họ sẽ tuyệt đối an toàn, nơi bàn tay của Fortune không thể với tới. Ông đáp lại với một lập luận thuyết phục dù nó khá mơ hồ về mặt địa chất:

Ai hứa hẹn rằng vùng đất này hay vùng đất kia có nền đất vững chắc hơn? Mọi nơi đều có điều kiện giống nhau và nếu như một nơi nào đó chưa từng có động đất thì ở đó có thể xảy ra động đất. Làm sao các vị biết được liệu điều kiện thời tiết ở những nơi mà

Fortune đã thể hiện hết quyền năng của mình có tốt hơn những nơi được chống đỡ bởi chính sự đổ nát của nó? Chúng ta sai lầm khi tin rằng bất kỳ nơi nào trên trái đất này được an toàn và miễn nhiễm với thảm họa... Tự nhiên không tạo ra bất kỳ cái gì bất động.

7. Cùng thời gian Caligula lên ngôi, ở một nơi cách xa chính trường, trong một căn nhà ở Rome, một người mẹ đã mất đi đứa con trai. Metilius sắp kỷ niệm sinh nhật lần thứ 25 và là một thanh niên có triển vọng cực kỳ xán lạn. Metilius rất gắn bó với mẹ là Marcia và cái chết của cậu khiến bà suy sụp. Bà xa lánh cuộc đời và chìm đắm trong nỗi buồn thương. Bà rất thương cảm và hy vọng một ngày nào đó bà sẽ phần nào lấy lại tinh thần. Bà không thể làm được điều đó. Một năm trôi qua, rồi năm nữa, rồi đến năm thứ ba nhưng Marcia vẫn không bớt đau buồn chút nào. Sau ba năm, bà vẫn than khóc như ngày đầu mất con. Seneca gửi cho bà một bức thư. Ông bày tỏ sự cảm thông sâu sắc, nhưng nhẹ nhàng viết tiếp “vấn đề giữa chúng ta [là] nỗi đau phải *sâu sắc* hay *không bao giờ chấm dứt*.”

Marcia đang phản kháng lại một sự việc dường như vừa đáng sợ vừa hiếm gặp - và càng đáng sợ hơn bởi nó hiếm gặp. Xung quanh bà là những bà mẹ vẫn còn con trai, những thanh niên trẻ mới bắt đầu sự nghiệp, tham gia quân đội hoặc chính trường. Tại sao con trai bà lại bị mang đi?

8. Cái chết của Metilius là một sự kiện đột ngột và đau buồn nhưng - Seneca nói - nó không phải là điều bất thường. Nếu nhìn rộng ra ngoài vòng tròn nhỏ hẹp những người quen biết của mình thì Marcia sẽ bắt gặp một danh sách dài những đứa con trai mà Fortune đã cướp đi. Octavia mất con trai, Livia mất con trai, Cornelia mất con trai; tương tự như vậy là Xenophon, Paulus, Lucius Bibulus, Lucius

Sulla, Augustus và Scipio. Bằng việc không nhìn đến những thanh niên chết trẻ đó, Marcia đã có một hành động có thể hiểu được nhưng cũng rất nguy hiểm, đó là không chấp nhận sự tồn tại của những cái chết trẻ trong quan niệm của mình:

Chúng ta không bao giờ dè chừng cái xấu trước khi chúng xuất hiện... Biết bao nhiêu đám ma đi qua trước cửa nhà, nhưng không làm ta nghĩ sâu về cái chết. Biết bao nhiêu cái chết diễn ra không đúng lúc nhưng chúng ta vẫn lập kế hoạch cho những đứa con mới ra đời: chúng sẽ mặc áo choàng toga như thế nào, chúng sẽ tham gia quân đội, rồi thừa kế gia sản của cha mình ra sao.

Lũ trẻ có thể sống nhưng thật ngây thơ làm sao khi tin rằng chúng chắc chắn sẽ sống đến lúc trưởng thành - thậm chí là đến bữa tối:

Không ai hứa hẹn gì với bạn cho buổi tối nay, không, như thế vẫn là quá dài, không ai hứa hẹn gì với bạn thậm chí là cho *giờ* này.

Có một sự ngây thơ rất nguy hiểm trong việc kỳ vọng vào một tương lai được xây dựng trên nền tảng xác suất. Mỗi tai nạn xảy ra với con người, dù hiếm, dù xa bao nhiêu, đều là một khả năng mà chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng.

9. Có những giai đoạn Fortune tử tế với chúng ta khá lâu có thể khiến ta mất cảnh giác, vì vậy, Seneca khuyên chúng ta nên dành ra một ít thời gian mỗi ngày để suy nghĩ về Fortune. Chúng ta không biết điều gì sẽ xảy đến: chúng ta phải trông đợi một điều gì đó. Vào mỗi sáng sớm, chúng ta nên tiến hành cái mà Seneca gọi là *praemeditatio* - thiền định hay suy ngẫm trước về những nỗi buồn của tâm trí và cơ thể mà nữ thần Định mệnh có thể mang lại cho chúng ta.

PRAEMEDITATIO THEO KIỂU SENECA

[Người khôn ngoan] sẽ khởi đầu một ngày với ý nghĩ...

Không có điều gì Fortune mang lại cho ta mà ta thực sự sở hữu.

Không điều gì, của công hay của riêng, là ổn định; Định mệnh của con người, giống như của các thành phố, luôn xoay vần.

Những công trình được xây nên từ biết bao mồ hôi và sự tử tế của các vị thần đã nát vụn và tan hoang chỉ trong một ngày. Không, ai mà nói “một ngày” thì người đó đã cho rằng rủi ro bất chợt được trì hoãn quá lâu; một giờ, một khoảnh khắc, là đủ để lật đổ cả một đế chế.

Đã bao lần các thành phố ở châu Á, ở Achaia, sụp đổ chỉ bởi một trận động đất? Bao nhiêu thị trấn ở Syria, ở Macedonia, đã bị nuốt chửng? Đã bao lần sự hủy diệt này khiến Cyprus chỉ còn là đồng đồ nát?

Chúng ta sống trong một thế giới mà tất cả đều sẽ đến lúc phải chết.

Ai sinh ra cũng phải chết, bạn được sinh ra để rồi sẽ chết đi.

Hãy tính đến mọi việc, hãy tiên liệu mọi việc.

10. Ý này còn có thể được nói bằng nhiều cách khác. Theo một ngôn ngữ triết học tinh tảo hơn, chúng ta có thể nói rằng năng lực chỉ là một trong những nhân tố quyết định các sự kiện xảy ra trong cuộc đời một con người. Thay vào đó, Seneca lại liên tục sử dụng phép ngoa dụ:

Khi có bất kỳ ai ngã xuống ở phía sau hay bên cạnh bạn, hãy hét lên: “Fortune, bà không lừa được ta đâu, bà sẽ không thể tấn công ta một cách ngạo mạn và vô lối như thế. Đúng là bà đã quật ngã người khác, nhưng bà nhằm vào ta.”

(Nguyên bản tiếng Latin kết thúc với phần điệp âm hoành tráng hơn:

Quotiens aliquis ad latus aut pone tergum ceciderit, exclama: “Non decipies me, for tuna, nec securum aut neglegentem opprimes. Scio quid pares; ahum quidem percussisti, sed me petisti.”)

11. Phần lớn các nhà triết học khác cho rằng không cần phải viết theo văn phong này vì họ tin rằng cách mà một lập luận được trình bày không quyết định hiệu quả của nó, miễn là lập luận đó có logic.

Seneca lại có một hình dung khác về lý trí. Lập luận giống như con lươn: dù chúng có logic thế nào đi chăng nữa thì lý trí yếu ớt vẫn có thể để tuột mất, trừ phi chúng được gắn chặt vào lý trí bằng hình ảnh và văn phong. Chúng ta cần phép ẩn dụ để nắm bắt được những gì không thể nhìn hay sờ nắm được, nếu không ta sẽ quên chúng. Nữ thần Định mệnh, bất chấp nguồn gốc tôn giáo và phi triết học của mình, lại là hình ảnh hoàn hảo để nhắc nhở rằng tai nạn dễ dàng xảy đến với ta như thế nào, và là sự nhân cách hóa của những mối đe dọa đối với sự an toàn của chúng ta.

Cảm giác bị đối xử bất công

Cảm giác luật công bằng bị vi phạm, những quy tắc nói rằng nếu chúng ta hành xử một cách cao thượng thì sẽ được tưởng thưởng và nếu chúng ta làm điều xấu thì sẽ bị trừng phạt - ý thức về công lý được khắc sâu trong việc giáo dục trẻ em và có thể tìm thấy trong phần lớn các thư tịch tôn giáo, ví dụ như trong Sách Đệ Nhị luật (Book of Deuteronomy), trong đó nói rằng con chiên ngoan đạo “tựa cây trồng bên dòng nước... Người như thế làm chi cũng sẽ thành. Ác nhân đâu được vậy: chúng khác nào vỏ trấu gió thổi bay.”

Điều tốt - Phần thưởng

Điều xấu - Trừng phạt

Trong trường hợp hành động đúng đắn nhưng vẫn phải chịu nghịch cảnh, bạn cảm thấy hoang mang và không thể giải thích sự kiện này bằng phạm trù công lý. Thế giới dường như điên loạn. Bạn dao động giữa hai ý nghĩ, một là mình từng là người xấu và vì thế bị trừng phạt, và hai là mình thực sự chưa từng xấu xa, vì thế chắc hẳn

phải là nạn nhân của một sai lầm thảm hại trong sự vận hành của công lý. Niềm tin kéo dài rằng thế giới này về cơ bản là công bằng được ám chỉ ngay trong lời than rằng sự bất công đã xảy ra.

1. Suy nghĩ về công lý không giúp ích gì cho Marcia.

2. Nó đẩy bà vào trạng thái dao động giữa cảm giác gây suy nhược rằng con trai Metilius đã bị cướp đi khỏi tay bà vì bà xấu xa, và đôi lúc là cảm giác tức giận với thế giới mà trong đó Metilius phải chết cho dù bà luôn là người tốt.

3. Nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng có thể giải thích số mệnh bằng cách quy về hệ giá trị đạo đức của mình; chúng ta có thể bị nguyên rửa và ban phước mà không liên quan gì đến công lý. Không phải mọi điều xảy ra với chúng ta đều liên quan đến điều gì đó về chúng ta.

Metilius không chết vì mẹ chàng xấu xa, cũng không phải thế giới này bất công vì mẹ chàng tốt mà chàng vẫn chết. Cái chết của chàng, theo Seneca, là tác phẩm của Fortune, và vị nữ thần đó không hề là một quan tòa về đạo đức. Bà ta không đánh giá nạn nhân như Chúa trời trong *Sách Đệ nhị luật* và ban thưởng cho họ theo công trạng. Fortune mang lại tai ương với sự mù lòa về đạo đức của một con bão.

4. Seneca hiểu quá rõ sự thôi thúc đến ăn mòn trí óc muốn giải thích thất bại trên cơ sở hình mẫu công lý sai lạc. Khi Claudius lên

ngôi hoàng đế vào đầu năm 41, Seneca trở thành con tốt trong kế hoạch của Hoàng hậu Messalina nhằm loại bỏ em gái của Caligula là Julia Livilla. Hoàng hậu cáo buộc Julia ngoại tình với Seneca, mặc dù điều này hoàn toàn dối trá. Ông lập tức bị tước hết tiền bạc, gia đình, bạn bè, danh tiếng, sự nghiệp chính trị và bị đày ra đảo Corsica, một trong những nơi hẻo lánh nhất của đế chế La Mã rộng lớn.

Lẽ ra ông có thể trải qua những giai đoạn tự đổ lỗi cho mình xen kẽ với cảm giác cay đắng. Ông có thể căm ghét bản thân vì đã hiểu sai bối cảnh chính trị liên quan tới Messalina và căm hận cách mà Claudius trả công cho lòng trung thành và tài năng của mình. Cả hai tâm trạng đều dựa trên bức tranh về một vũ trụ tử tế trong đó hoàn cảnh bên ngoài phản ánh phẩm chất bên trong. Để thoát khỏi cảm giác bị trừng phạt này, hãy nhớ đến Fortune:

Tôi không cho phép [Fortune] áp đặt sự trừng phạt đối với mình.

Thất bại chính trị của Seneca không cần bị coi là cái giá phải trả cho tội lỗi, nó không phải là sự trừng phạt hợp lý được đưa ra sau khi Thượng đế toàn năng đã xem xét chứng cứ trên pháp đình; nó chỉ là sản phẩm phụ tàn ác nhưng vô nghĩa về mặt đạo đức của những mưu đồ của vị Hoàng hậu độc ác. Seneca không chỉ tách mình khỏi sự bẽ bàng. Chức vụ của ông trong triều đình cũng không phải là toàn bộ nguyên nhân cho uy tín của ông.

Sự can thiệp của Fortune, dù tử tế hay độc ác, đều mang yếu tố ngẫu nhiên vào số mệnh của con người.

Lo âu

Trạng thái bồn chồn bởi một tình trạng không chắc chắn mà ta vừa

muốn có kết quả tốt nhất vừa sợ điều tồi tệ nhất có thể xảy ra. Thông thường, sự lo âu làm cho người ta không thể tìm thấy niềm vui từ những hoạt động lẽ ra có thể khiến họ thích thú như văn hóa, tình dục hay xã hội.

Ngay cả khi đứng trước những cảnh đẹp hùng vĩ, người lo âu vẫn bị phân tâm bởi nỗi sợ thầm kín về sự đổ vỡ và có thể muốn ở một mình trong phòng.

1. Cách an ủi thông thường là làm cho họ cảm thấy an tâm. Chúng ta giải thích cho người lo âu hiểu rằng nỗi sợ của họ đang bị thổi phồng và mọi việc chắc chắn sẽ xảy ra theo chiều hướng mong muốn.

2. Nhưng việc trấn an một người lo lắng lại có thể là phương thuốc độc ác nhất. Những dự đoán màu hồng của chúng ta vừa làm cho họ không sẵn sàng chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất, vừa vô tình ám chỉ rằng nếu điều tồi tệ nhất xảy ra thì đó sẽ là thảm họa. Seneca thông thái hơn khi khuyên chúng ta hãy cân nhắc đến khả năng điều tồi tệ có thể xảy ra nhưng thêm rằng chúng không bao giờ tệ như ta nghĩ.

3. Vào tháng Hai năm 63, một người bạn của Seneca là Lucilius, một công chức ở Sicily, bị thừa kiện. Vụ kiện này đe dọa kết thúc sự nghiệp của Lucilius và làm ô nhục danh tiếng của ông mãi mãi. Ông viết thư cho Seneca.

“Anh có thể kỳ vọng rằng tôi sẽ khuyên anh nghĩ về một kết quả tốt đẹp và an tâm với sự cảm dỗ của hy vọng”, nhà triết học trả lời, “nhưng tôi sẽ giúp anh có được sự bình an của tâm hồn qua con

đường khác” - và Seneca đưa ra lời khuyên như sau:

Nếu anh muốn vứt bỏ mọi lo lắng, hãy giả định là điều mà anh lo
sợ có thể xảy ra chắc chắn sẽ xảy ra.

Seneca quả quyết rằng một khi chúng ta nhìn nhận một cách có lý trí những điều sẽ xảy ra nếu mong muốn của chúng ta không được thỏa mãn thì gần như chắc chắn rằng ta sẽ thấy các vấn đề chính hóa ra nhỏ bé hơn nhiều so với những nỗi lo âu mà nó chứa đựng. Lucilius có lý do để buồn chứ không phải hoảng loạn:

Nếu anh thua trong vụ kiện này thì điều tồi tệ nhất là gì, bị bỏ tù hay lưu đày?... “Tôi có thể trở thành một kẻ nghèo khó”; khi đó tôi sẽ là một người thuộc số đông. “Tôi có thể bị lưu đày”; khi đó tôi sẽ coi nơi tôi đến như là nơi tôi đã sinh ra. “Tôi có thể bị bỏ tù.” Thì sao? Hiện giờ tôi có được tự do không?

Ngục tù và lưu đày là điều tồi tệ, nhưng, điểm cốt lõi của lập luận là chúng không tồi tệ như Lucilius tuyệt vọng đã lo sợ trước khi phân tích nỗi sợ hãi đó.

4. Với lập luận như trên thì chúng ta không bao giờ nên trấn an những người giàu có đang sợ mất của cải rằng điều đó khó có khả năng xảy ra. Họ nên dành vài ngày sống trong một căn phòng trống trải với những bữa ăn chỉ có xúp sưng và bánh mì thiêu. Seneca nghe theo lời khuyên của một trong những nhà triết học ưa thích của ông:

Nhà triết học theo chủ nghĩa khoái lạc vĩ đại Epicurus thường dành những khoảng thời gian nhất định, trong đó ông thỏa mãn con đói một cách rất hà tiện với mục đích xem liệu có đáng chịu đựng rắc rối để khiến cho sự thiếu thốn trở thành điều tốt.

Seneca hứa rằng những người giàu có sẽ nhanh chóng nhận ra

điều quan trọng này:

“Đây có thực sự phải là tình cảnh mà tôi lo sợ không?”

... Hãy chịu đựng [sự thiếu thốn này] mỗi lần khoảng ba hoặc bốn ngày, đôi khi lâu hơn... và tôi đảm bảo

...bạn sẽ hiểu rằng sự yên bình trong tâm hồn con người không phụ thuộc vào Fortune.

5. Nhiều người La Mã cho rằng thật kỳ lạ, thậm chí là khôi hài khi nhà triết học đưa ra lời khuyên này lại có một cuộc sống khá xa hoa. Vào khoảng năm 40 tuổi, Seneca đã tích lũy đủ tiền từ sự nghiệp chính trị của mình để mua nhà cửa và trang trại. Ông ăn toàn đồ ăn ngon và có sở thích đồ nội thất đắt tiền, đặc biệt là những chiếc bàn làm bằng gỗ thơm với chân bằng ngà voi.

Ông phản đối ý kiến cho rằng có điều gì đó phi triết học trong cách hành xử của mình:

Hãy thôi việc ngăn cấm các nhà triết học sở hữu tài sản; không ai buộc mình triết phải đi đôi với nghèo khó.

Và ông làm điều này với sự thực dụng rõ ràng:

Tôi sẽ xem thường bất kỳ điều gì nằm trong tay Fortune, nhưng nếu được lựa chọn thì tôi sẽ chọn nửa tốt hơn.

6. Đó không phải là thói đạo đức giả. Chủ nghĩa khắc kỷ không khuyên người ta sống nghèo khổ; nó khuyên ta không sợ hãi hay coi thường sự nghèo khổ. Nó coi sự giàu có, theo nghĩa kỹ thuật của từ này, là một *production*, một thứ được ưa thích - không thiết yếu, cũng không phải tội lỗi. Những người theo chủ nghĩa khắc kỷ có thể được Fortune ban phát nhiều ân huệ giống như những kẻ khờ. Nhà của họ có thể to như thế, đồ đạc của họ có thể đẹp như thế. Họ được coi là

thông thái chỉ nhờ một chi tiết: cách mà họ hành xử với sự nghèo khó bất ngờ xảy đến. Họ sẽ rời khỏi ngôi nhà với những người hầu mà không hề giận dữ hay đau khổ.

7. Quan điểm cho rằng một người thông thái có thể bình thản từ bỏ mọi ân huệ mà Fortune ban tặng là tuyên bố kỳ lạ và cực đoan nhất của chủ nghĩa khắc kỷ, bởi vì Fortune không chỉ ban tặng cho chúng ta nhà cửa và tiền bạc mà còn bạn bè, gia đình và cả thân thể chúng ta nữa:

Người thông thái không thể đánh mất điều gì. Anh ta có mọi thứ ngay trong bản thân mình.

Người thông thái luôn thấy đủ... nếu anh ta mất một cánh tay vì bệnh tật hay chiến tranh, hoặc nếu tai nạn cướp đi của anh ta một hoặc cả hai con mắt thì anh ta sẽ thỏa mãn với những gì còn lại.

Điều này nghe thật điên rồ, trừ phi chúng ta định nghĩa lại cái mà Seneca gọi là “thỏa mãn”. Chúng ta không nên cảm thấy vui khi mất một con mắt nhưng cuộc sống có thể diễn ra như vậy. Số lượng đầy đủ mắt và tai là một *productum*. Sau đây là hai ví dụ cho quan điểm trên:

Người thông thái sẽ không tự coi thường bản thân ngay cả khi anh ta là một người lùn, nhưng anh ta vẫn có thể mong ước được cao lớn.

Người thông thái cảm thấy đủ, nghĩa là có thể sống mà không có bạn bè, chứ không phải anh ta muốn sống mà không có bạn bè.

8. Sự thông thái của Seneca không phải chỉ trên lý thuyết. Bị đày tới đảo Corsica, Seneca đột nhiên bị tước bỏ mọi của cải xa hoa. Hòn

đảo này là lãnh thổ của đế chế La Mã kể từ năm 238 trước Công nguyên nhưng nó chưa hề được hưởng lợi từ nền văn minh. Vài người La Mã ít ỏi trên đảo hiếm khi sinh sống bên ngoài hai lãnh địa nằm trên bờ biển phía Đông là Aleria và Mariana. Seneca khó có thể được sống ở hai lãnh địa này vì ông từng phàn nàn rằng chỉ nghe thấy “những tiếng nói man rợ” xung quanh. Tên của ông cũng được gắn cho “Tháp Seneca”, một công trình bị cấm gần Luri ở mũi phía Bắc của hòn đảo có từ thời cổ đại.

Điều kiện sống ở Corsica chắc hẳn hoàn toàn trái ngược với Rome. Nhưng trong một bức thư gửi mẹ, cựu chính khách giàu có giải thích rằng ông đã thích nghi được với hoàn cảnh mới nhờ thiền mỗi buổi sáng và những giai đoạn ăn uống đạm bạc với xúp súp trong suốt nhiều năm qua:

Con chưa bao giờ tin tưởng Fortune, ngay cả khi bà ta có vẻ như đang ban phát sự an lành. Tất cả những ân huệ mà bà ta ban cho con - tiền bạc, địa vị, ảnh hưởng con dành riêng ra một chỗ để bà ta có thể lấy chúng đi mà không làm phiền đến con. Con tạo khoảng cách giữa mình và những điều đó, vì vậy Fortune chỉ mang chúng đi xa con chứ không thể giằng lấy chúng từ con.

Cảm giác bị chế giễu bởi

(i) những thứ vô tri vô giác

Cảm giác rằng những mong ước của mình bị dập tắt một cách có chủ đích bởi chiếc bút chì rơi khỏi bàn hay cái ngăn kéo không chịu mở ra. Sự thất vọng do những vật vô tri vô giác gây ra bị nhân lên bởi cảm giác rằng chúng coi thường ta. Chúng hành động một cách đáng ghét để phát đi tín hiệu rằng chúng không đồng tình với trí tuệ của ta hay địa vị mà ta có và

người khác tán thành.

(ii) *những thứ có tri giác*

Một nỗi đau sâu sắc giống như trên xuất phát từ cảm giác người khác đang thâm chế giễu tính cách của mình.

Khi tới một khách sạn ở Thụy Điển, tôi được một nhân viên đưa lên phòng và đề nghị mang giúp hành lý. “Nó quá nặng với một người như ông” anh ta cười, nhấn mạnh chữ “người” để ám chỉ điều ngược lại. Anh ta có mái tóc vàng của dân Bắc Âu (có lẽ là một tay trượt tuyết, thợ săn nai; nếu ở các thế kỷ trước thì có thể là một chiến binh) và nét mặt quyết đoán. “Monsieur sẽ hài lòng với căn phòng”, anh ta nói. Không rõ vì sao anh ta gọi tôi là “Monsieur” khi đã biết rằng tôi đến từ London, và việc anh ta dùng từ “sẽ” nghe có vẻ như là một mệnh lệnh. Câu nói của anh ta trở nên hoàn toàn lố bịch và là bằng chứng của một âm mưu, khi mà căn phòng quá ồn bởi tiếng xe cộ ngoài đường còn vòi sen và ti vi thì bị hỏng.

Với những người nhút nhát và kín đáo thì cảm giác ngấm bị chế giễu có thể âm ỉ dồn nén đến lúc bột phát thành cơn la hét giận dữ hoặc những hành động tàn bạo - thậm chí là giết người.

1. Khi bị đau, chúng ta dễ cho là cái làm đau chúng ta cố tình làm như vậy. Chúng ta dễ biến một câu mà các mệnh đề được nối với nhau bằng từ “và” thành một câu mà các mệnh đề được nối với nhau bằng từ “để”; dễ chuyển từ ý nghĩ “Cái bút chì rơi khỏi bàn và tôi bực mình” sang ý nghĩ “Cái bút chì rơi khỏi bàn để làm tôi bực mình.”

2. Seneca tập hợp những ví dụ tương tự về cảm giác bị hành hạ bởi những thứ vô tri vô giác. Bộ *Lịch sử* của Herodotus là một ví dụ. Cyrus, Hoàng đế Ba Tư và là người sáng lập ra đế chế vĩ đại đó, có một con ngựa trắng rất đẹp mà ông thường cưỡi ra trận. Vào mùa xuân năm 539 trước Công nguyên, Hoàng đế Cyrus tuyên chiến với người Assyria với hy vọng mở rộng lãnh thổ của mình và ra trận với một đội quân lớn, hướng tới thủ phủ Babylon trên bờ sông Euphrates. Cuộc hành quân diễn ra tốt đẹp cho đến khi đội quân tiến đến sông Gyndes, con sông chảy dọc theo dãy núi Matienian và hòa vào sông Tigris. Sông Gyndes nổi tiếng là nguy hiểm ngay cả vào mùa hè và vào lúc này nó đang đục ngầu và sỏi bột, phình ra vì những cơn mưa mùa đông. Các vị tướng đề nghị hoãn hành quân nhưng Cyrus không nản chí, ra lệnh cho đội quân vượt sông ngay lập tức. Tuy nhiên khi thuyền vượt sông đang được chuẩn bị thì con ngựa của Cyrus trong lúc không ai để ý đã giằng dây buộc chạy đi và bơi qua sông. Dòng nước vồ lấy nó, quăng quật một hồi và chìm chết nó ở khúc sông phía dưới. Cyrus nổi cơn thịnh nộ. Dòng sông dám cướp đi con bạch mã thần thánh của ông, con ngựa của chiến binh từng nghiền Croesus thành tro bụi và làm cho người Hy Lạp khiếp sợ. Cyrus la hét và chửi bới, và ở đỉnh cao của cơn thịnh nộ, ông quyết định trả thù dòng sông vì sự láo xược của nó. Ông thề sẽ trừng phạt dòng sông bằng cách làm cho nó trở nên yếu ớt đến độ một người phụ nữ cũng có thể lội qua mà không ướt đầu gối.

Đặt kế hoạch mở rộng đế chế của mình qua một bên, Cyrus chia đội quân thành hai phần, cho đánh dấu 180 điểm trên mỗi bờ sông và ra lệnh cho binh sĩ bắt đầu đào các con kênh nhỏ xuất phát từ những

điểm đó theo các hướng khác nhau. Binh sĩ đào kênh trong suốt mùa hè, tinh thần họ trở nên rệu rã và mọi hy vọng về một chiến thắng nhanh chóng trước người Assyria đã tan thành mây khói. Khi việc đào kênh hoàn tất, con sông Gyndes với dòng nước xiết ngày nào nay đã bị chia thành 360 con kênh nước chảy uể oải đến độ những người phụ nữ sống gần đó có thể lội qua lội lại mà không cần phải vén váy. Con giận đã nguôi ngoai, Hoàng đế Ba Tư ra lệnh cho đội quân kiệt sức của mình tiếp tục hành quân đến Babylon.

3. Seneca tập hợp những ví dụ tương tự về cảm giác bị hành hạ bởi những thứ có tri giác. Toàn quyền La Mã ở Syria, Gnaeus Piso, là một viên tướng dũng cảm nhưng có tâm hồn bất an. Khi một binh sĩ trở lại doanh trại sau kỳ nghỉ phép mà không có người bạn đã cùng về phép trước đó và nói rằng không biết người đó đi đâu, Piso cho rằng người lính đó nói dối; rằng anh ta đã giết bạn và sẽ phải trả giá bằng mạng sống của mình.

Người lính bị kết tội thề rằng mình không hề sát hại ai và cầu xin Piso hãy dành thời gian để điều tra nhưng Piso cho rằng mình mới là người hiểu rõ và ngay lập tức ra lệnh xử tử anh ta.

Tuy nhiên, khi viên sĩ quan chỉ huy chuẩn bị chặt đầu người lính nọ thì người lính mất tích đột nhiên xuất hiện ở cửa doanh trại. Cả đội quân vỗ tay ăn mừng và viên sĩ quan cho hoãn thi hành việc xử tử.

Piso thì không vui mừng như thế. Nghe tiếng reo hò, ông cho rằng mọi người đang chế nhạo sự phán xét của mình. Ông đỏ mặt tía tai vì giận dữ, giận dữ đến mức ông triệu cận vệ đến và ra lệnh xử tử cả

binh sĩ không giết người lẫn người không bị sát hại. Và bởi vì lúc này Piso đã cảm thấy quá bẽ mặt, ông ra lệnh xử tử luôn cả viên sĩ quan đã hoãn việc thi hành án tử hình lúc trước.

4. Viên toàn quyền Syria đã lập tức diễn giải sự reo hò của những người lính là mong muốn làm tổn hại quyền lực và nghi ngờ sự phán xét của mình. Cyrus đã lập tức giải thích việc dòng sông cuốn mất con ngựa là sự sát hại có chủ đích.

Seneca có lời lý giải cho sự phán xét sai lầm này; đó là “sự khốn khổ của tâm hồn” của những người như Cyrus và Piso. Đằng sau việc họ sẵn sàng coi mọi thứ là lời sỉ nhục nhằm vào bản thân là nỗi sợ rằng mình xứng đáng bị chế giễu. Khi chúng ta ngỡ rằng mình là đối tượng bị làm tổn thương thì không cần tốn quá nhiều công sức để ta tin rằng ai đó hoặc cái gì đó đang muốn làm tổn thương ta:

“Một người nào đó không muốn gặp tôi hôm nay, nhưng anh ta lại gặp người khác”; “anh ta phản đối tôi một cách ngạo mạn hoặc cười nhạo tôi công khai”; “anh ta không dành ghế danh dự cho tôi mà xếp tôi ngồi ở cuối bàn.”

Có thể có những lý do đơn giản. Anh ta không gặp tôi hôm nay vì anh ta muốn gặp tôi vào tuần sau. Có vẻ như anh ta cười nhạo tôi nhưng hóa ra anh ta bị tật giật cơ mặt. Đây không phải những lời giải thích đầu tiên xuất hiện trong đầu ta nếu như ta là một người khốn khổ về tâm hồn.

5. Vì thế chúng ta phải bao bọc những ấn tượng ban đầu của mình bằng một mái vòm và từ chối không hành động ngay lập tức dựa trên

những giả thiết mà chúng đưa ra. Chúng ta phải tự hỏi rằng người không trả lời thư của ta có *nhất thiết* chậm trễ như vậy để làm ta bực mình hay không, và liệu chùm chìa khóa mà ta không tìm thấy có *nhất thiết* bị ăn cắp hay không:

[Người thông thái] không đưa ra lời giải thích sai cho mọi thứ.

6. Và lý do mà họ có thể làm như vậy được Seneca giải thích một cách gián tiếp trong bức thư gửi Lucilius, vào ngày mà ông đọc được một câu từ một trong số các tác phẩm của nhà triết học Hecato:

Tôi sẽ nói cho anh biết điều mà tôi thích trong [tác phẩm của ông ấy]; đó là câu sau: “Anh hỏi tôi đã đạt được tiến bộ gì? Tôi bắt đầu làm bạn với chính mình.” Đó thực sự là một lợi ích to lớn; ... anh có thể chắc chắn rằng người như vậy là bạn của toàn thể nhân loại.

7. Có một cách đơn giản để đánh giá mức độ khổ khổ và thân thiện của chúng ta đối với bản thân mình: hãy để ý xem bạn phản ứng với tiếng ồn như thế nào. Seneca sống gần một phòng tập thể thao. Các bức tường thì mỏng và tiếng ồn thì không ngừng. Ông tả cho Lucilius nghe:

Hãy tưởng tượng một mớ tiếng động dội vào tai tôi!... Ví dụ như khi một quý ông hăm hở luyện tập môn lắc tạ chì, khi anh ta tập chăm chỉ hoặc giả vờ chăm chỉ, tôi có thể nghe thấy tiếng thở phì phò; và mỗi khi anh ta thở ra sau khi nén hơi, tôi có thể nghe tiếng anh ta hỗn hển với âm điệu khò khè cao vút. Khi sự chú ý của tôi chuyển sang một người ít năng động hơn đang sung sướng hưởng thụ một buổi massage rê tiền bình thường, tôi có thể nghe tiếng bàn tay chặt bôm bóp vào vai... Thêm vào đó là tiếng động khi có kẻ say rượu hoặc tên móc túi nào đó bị tóm cổ, tiếng ồn từ một người lúc nào cũng thích nghe giọng mình trong phòng tắm... một người tự nhổ lông và rít lên the thé... rồi người bán bánh với tiếng rao mỗi lúc một khác, người bán xúc xích, người bán kẹo và đủ loại

hàng rong khác.

8. Những người không làm bạn được với chính mình thấy khó có thể tưởng tượng được rằng người bán bánh gaô lên để *bán được bánh*. Người thợ xây làm việc ở tầng trệt của một khách sạn ở Rome có thể đang giả vờ sửa bức tường nhưng ý đồ thực sự của anh ta là chọc tức vị khách đang đọc sách trong căn phòng ở tầng trên.

Lý giải khốn khổ: Người thợ xây đập búa chan chát *để* làm tôi bức mình. Lý giải thân thiện: Người thợ xây đập búa chan chát *và* tôi thấy bức mình.

9. Để giữ bình tĩnh trên những con phố ồn ào, chúng ta phải tin rằng những người đang gây tiếng ồn đó không biết gì về chúng ta. Chúng ta phải đặt một cái mái vòm chắn giữa những âm thanh bên ngoài và cảm giác đáng bị trừng phạt ở bên trong. Chúng ta không nên mang lý giải bi quan về động cơ của người khác vào những bối cảnh mà ở đó không có chỗ cho chúng. Sau cùng thì tiếng động chẳng bao giờ dễ chịu cả, nhưng chúng không cần thiết phải làm ta tức giận:

Mọi thứ bên ngoài có thể là trại tâm thần cũng chẳng sao, miễn là trong tâm ta không biến động.

3

Dĩ nhiên là nhân loại sẽ chẳng có nhiều thành tựu vĩ đại nếu chúng ta chấp nhận mọi sự bực mình. Cổ máy sáng tạo của con người được vận hành bằng câu hỏi “Mọi thứ có nhất thiết phải diễn ra như thế này không?”, từ đó sinh ra cải cách chính trị, tiến bộ khoa học kỹ thuật, những mối quan hệ tốt đẹp hơn, những quyển sách hay hơn. Người La Mã cực kỳ giỏi từ chối chấp nhận sự thất vọng. Họ ghét mùa đông lạnh giá và đã xây dựng hệ thống sưởi dưới sàn nhà. Họ không muốn đi trên những con đường lầy lội và đã lát gạch cho chúng. Vào giữa thế kỷ 1, những cư dân La Mã sống ở Nîmes, xứ Provence, quyết định rằng họ muốn thành phố có nhiều nước hơn là lượng nước mà tự nhiên ban cho, và thế là họ bỏ ra một triệu đồng xettec* để xây dựng nên một biểu tượng phi thường về sự kháng cự của con người với hiện trạng. Ở phía Bắc của Nîmes, gần Uzès, các kỹ sư La Mã phát hiện ra nguồn nước đủ mạnh để cung cấp nước cho các nhà tắm và đài phun nước trong thành phố, và họ vẽ kế hoạch dẫn nước chảy qua 50 dặm, qua các rừng núi và thung lũng, vào một hệ thống máng dẫn và đường ống ngầm. Khi các kỹ sư gặp phải hẻm núi với nhiều hang động dọc theo con sông Gard, họ không chịu khuất phục trước trở ngại mà thiên nhiên tạo ra và dựng nên một ống máng dẫn nước ba tầng, dài 360 mét và cao 48 mét, có khả năng dẫn 35.000 mét khối nước một ngày - để các cư dân của Nîmes không bao giờ còn phải bực mình vì các bồn tắm thiếu nước.

Thật không may là năng lực trí óc luôn tìm kiếm phương án thay thế lại không chịu nghỉ ngơi. Chúng liên tục đưa ra những kịch bản cho thay đổi và tiến bộ ngay cả khi không có hy vọng nào để thay đổi thực tế. Năng lượng cần thiết để thúc đẩy chúng ta hành động được sản sinh từ những cú đấm choáng váng - lo âu, đau đớn, giận dữ, bị xúc phạm - rằng thực tế không như chúng ta mong muốn. Tuy nhiên, sự thất vọng đó không mang lại tác dụng gì nếu chúng ta không thể cải thiện tình hình, nếu chúng ta đánh mất đi sự bình an trong tâm hồn mà không thể làm các dòng sông đổi hướng; đó là lý do vì sao mà với Seneca, sự thông thái nằm ở chỗ phân biệt được chính xác khi nào thì ta có thể thay đổi thực tế theo mong muốn của mình và khi nào thì phải chấp nhận điều không thể thay đổi với tâm thế bình thản.

Những người theo chủ nghĩa khắc kỷ dùng hình ảnh khác để mô tả tình trạng của chúng ta, những sinh vật đôi khi có thể tạo ra thay đổi nhưng luôn luôn phụ thuộc vào hoàn cảnh bên ngoài: Chúng ta giống như những con chó bị buộc vào một chiếc xe kéo mà đường đi của nó không thể đoán trước. Dây buộc đủ dài để ta có một mức độ thoải mái nhất định nhưng không đủ dài để ta có thể đi đâu tùy thích.

Hình ảnh ẩn dụ này được đưa ra bởi hai nhà triết học theo chủ nghĩa khắc kỷ là Zeno và Chrysippus và được Giám mục La Mã Hippolytus mô tả như sau:

Khi con chó bị buộc vào chiếc xe kéo, nếu nó muốn đi theo, người ta kéo nó đi và nó đi theo, khi đó, hành động tự phát của nó trùng hợp với điều tất yếu. Nhưng nếu con chó không đi theo thì nó cũng bị buộc phải làm như vậy cho dù thế nào đi nữa. Con người

cũng vậy: dù muốn hay không thì họ cũng buộc phải tuân theo cái đã được định trước.

Theo lẽ tự nhiên thì một con chó sẽ hy vọng được đi bất kỳ đâu mà nó thích. Nhưng theo như phép ẩn dụ của Zeno và Chrysippus thì nếu con chó không thể đi bất kỳ đâu mà nó thích thì tốt hơn hết là nó hãy chạy thông dong đằng sau chiếc xe kéo hơn là bị *cái dây lôi đi và thít vào cổ*. Mặc dù phản ứng đầu tiên của con chó có thể là cưỡng lại cú ngoặt đột ngột của chiếc xe sang một hướng khác rất tồi tệ thì nỗi đau khổ của nó sẽ chỉ càng tăng thêm khi nó cố chống cự.

Seneca nói như sau:

Một con vật khi cố gắng cưỡng lại cái thòng lọng thì chỉ càng làm cho nó siết chặt hơn... không có cái ách nào siết cổ con vật nhẹ hơn trừ phi nó để cái ách kéo đi thay vì cưỡng lại. Cách duy nhất để giảm nhẹ tai họa là chịu đựng và thuận theo điều tất yếu.

Để giảm bớt sự kháng cự đối với những sự kiện đã bị chuyển hướng quá xa so với dự định ban đầu của mình, chúng ta nên nghĩ rằng mình cũng không bao giờ thoát khỏi cái dây thòng lọng buộc quanh cổ. Người khôn ngoan sẽ học cách xác định điều gì là cần thiết và thuận theo nó ngay lập tức, hơn là tự làm mình kiệt sức vì chống cự. Khi một người khôn ngoan biết rằng hành lý của mình đã bị thất lạc trong lúc chuyển máy bay, anh ta sẽ lập tức chấp nhận sự thật đó. Seneca thuật lại cách mà người sáng lập ra Chủ nghĩa khắc kỷ ứng xử khi bị mất đồ:

Khi Zeno biết tin về vụ đắm tàu khiến cho toàn bộ hành lý của mình bị đắm, ông nói: "Fortune muốn tôi trở thành một nhà triết học nhẹ gánh hơn."

Nghe có vẻ như đây là công thức cho sự thụ động và yên ổn, khuyến khích ta đầu hàng trước sự thất vọng có thể xảy đến. Nó có thể khiến ta không có động lực xây nên một cái máng dẫn nước thậm chí chỉ bé xiu như ở Bornègre, một thung lũng nằm cách Pont du Gard vài ki lô mét về phía bắc, với kích thước khiêm tốn dài 17 mét và cao 4 mét.

Nhưng ý mà Seneca muốn nói tinh tế hơn. Việc coi một điều là cần thiết khi nó không cần thiết cũng chẳng kém phần vô lý so với việc chống lại một điều khi nó là cần thiết. Chúng ta dễ lầm đường lạc lối với việc chấp nhận cái không cần thiết và chối bỏ cái khả thi, cũng như chối bỏ cái cần thiết và mong ước cái bất khả thi. Nhiệm vụ của lý trí là phải phân biệt được điều này.

Dù cho điểm giống nhau giữa chúng ta và con chó bị buộc dây là gì đi nữa thì chúng ta cũng có một lợi thế quan trọng: ta có lý trí còn con chó thì không. Vì vậy, đầu tiên con chó sẽ không biết rằng nó bị buộc vào sợi dây, nó cũng không hiểu được mối liên hệ giữa những cú ngoặt đổi hướng của cái xe với sự đau đớn ở cổ nó khi bị sợi dây siết vào. Nó sẽ bối rối vì những cú đổi hướng, nó khó có thể tính toán được đường đi của chiếc xe và vì thế sẽ liên tục bị những cú siết đau đớn. Nhưng chúng ta thì khác, lý trí cho phép chúng ta lý thuyết hóa một cách chính xác đường đi của chiếc xe, điều này cho chúng ta cơ hội cảm thấy tự do hơn bằng cách đảm bảo luôn có một khoảng cách tương đối giữa ta và điều tất yếu, và con người là loài duy nhất trong số các sinh vật có được cơ hội này. Lý trí cho phép chúng ta quyết định khi nào thì mong ước của ta mâu thuẫn hoàn toàn với thực tế và

sau đó ra lệnh cho ta chấp nhận điều tất yếu một cách tự nguyện, thay vì tức giận hay cay đắng. Chúng ta có thể bất lực trong việc thay đổi một số sự kiện nhưng vẫn được tự do lựa chọn thái độ đối với chúng, và ta sẽ tìm thấy tự do trong chính việc lập tức chấp nhận điều tất yếu.

Tháng Hai năm 62, Seneca phải đối mặt với một thực tế không thể thay đổi. Nero không còn nghe lời người thầy cũ của mình, né tránh Seneca, khuyến khích việc phỉ báng ông trong triều đình và bổ nhiệm Ofonius Tigellinus, một viên pháp quan khát máu, để giúp hắn thỏa mãn sở thích giết người bừa bãi và dục tính tàn bạo. Nero cho bắt cóc các trinh nữ trên đường phố Rome và đưa họ đến lầu đài của mình. Vợ của các nghị sĩ bị ép buộc tham gia các cuộc truy hoan và chứng kiến cảnh chồng mình bị giết ngay trước mắt. Nero đi lang thang trong thành phố vào ban đêm, cải trang thành dân thường và cửa cổ người đi đường trong những con hẻm tối. Hắn yêu một thanh niên trẻ, người mà hắn muốn là con gái, vì thế hắn cho thiến cậu ta và làm đám cưới giả. Người La Mã châm biếm rằng cuộc sống của họ sẽ dễ chịu hơn nếu như Domitius, cha của Nero, cũng cưới một phụ nữ giả như vậy. Biết rằng tính mạng của mình đang bị đe dọa nghiêm trọng, Seneca cố gắng rút lui khỏi triều đình và sống lặng lẽ trong căn biệt thự ở ngoại ô Rome. Hai lần ông xin từ chức; hai lần Nero từ chối, ôm chặt lấy ông và thề rằng hắn thà chết còn hơn làm hại người thầy yêu quý của mình. Kinh nghiệm không cho phép Seneca tin vào những lời hứa đó, dù chỉ một chút.

Ông hướng về triết học. Ông không thể thoát khỏi Nero, và điều không thể thay đổi, lý trí bảo ông hãy chấp nhận. Trong những năm tháng lo âu căng thẳng chắc hẳn là không thể chịu đựng nổi đó, Seneca dành toàn bộ tâm trí cho việc nghiên cứu tự nhiên. Ông viết một cuốn sách về trái đất và các hành tinh. Ông nhìn lên bầu trời bao la và những chòm sao, ông nghiên cứu đại dương vô tận và những dãy núi cao. Ông quan sát những tia chớp và suy đoán về nguồn gốc của chúng:

Tia sét là lửa bị nén và phóng rất mạnh. Khi chúng ta vốc nước trong lòng bàn tay và đập hai tay vào nhau thật mạnh thì nước sẽ phun ra giống như ở một cái bơm. Giả sử điều tương tự xảy ra với các đám mây. Khoảng không gian hẹp giữa những đám mây bị nén đẩy luồng không khí giữa chúng ra và do áp lực này, luồng không khí bốc cháy và bị phóng ra giống như khi bắn súng cao su.

Ông nghiên cứu về động đất và cho rằng chúng xảy ra do không khí bị mắc kẹt trong lòng đất tìm cách thoát ra ngoài, một dạng bệnh đầy hơi của trái đất:

Trong số các lập luận chứng minh rằng động đất do luồng không khí dịch chuyển gây ra, đây là một lập luận mà bạn không nên ngần ngại theo đuổi: khi một con địa chấn khủng khiếp đã thỏa mãn cơn giận của nó với các thành phố và quốc gia thì sau đó không thể có một trận động đất có độ mạnh tương tự. Sau khi cơn địa chấn lớn nhất xảy ra, những dư chấn sau đó sẽ nhẹ thôi bởi vì cơn địa chấn đầu tiên, với tất cả sự dữ dội của nó, đã tạo ra một lối thoát cho luồng không khí đang tìm cách thoát ra ngoài.

Lập luận khoa học của Seneca có đúng hay không cũng không quan trọng; quan trọng hơn là một người mà mạng sống có thể bị đe dọa bất kỳ lúc nào bởi tính khí thất thường của một tên hoàng đế khát máu lại dường như vẫn tìm thấy sự giải thoát lớn lao từ những hiện

tượng tự nhiên - có lẽ bởi vì trong những hiện tượng tự nhiên kỳ vĩ đó có sự nhắc nhở chúng ta về tất cả những điều mà ta bất lực không thể thay đổi, tất cả những điều mà ta phải chấp nhận. Những dòng sông băng, những ngọn núi lửa, những trận động đất và những cơn bão là biểu tượng hùng vĩ cho những điều vượt quá khả năng của chúng ta. Trong thế giới loài người, ta lớn lên với niềm tin rằng mình luôn có khả năng thay đổi số mệnh, và ta hy vọng, lo lắng theo niềm tin ấy. Từ tiếng sóng vỗ không ngừng của biển cả đến những ngôi sao chổi vụt qua trên bầu trời đêm, rõ ràng là có những thế lực hoàn toàn thờ ơ trước những mong muốn của ta. Sự thờ ơ này không phải chỉ của riêng thiên nhiên; con người cũng có thể thể hiện quyền lực khủng khiếp với người khác, nhưng chính thiên nhiên mang lại cho chúng ta bài học đắt giá nhất về những điều tất yếu mà ta phải tuân theo:

Mùa đông, trời lạnh, ta phải rùng mình. Mùa hè trở lại với cái nóng và ta phải đổ mồ hôi. Thời tiết trái mùa ảnh hưởng đến sức khỏe và ta phải ốm. Ở một số nơi ta có thể gặp thú hoang, hoặc gặp những người còn nguy hiểm hơn bất kỳ con thú nào... Và chúng ta không thể thay đổi trật tự của mọi thứ... linh hồn ta phải tự điều chỉnh để thích ứng với quy luật [tự nhiên] này, điều này phải tuân theo, điều kia phải tuân thủ... Những gì bạn không thể cải tạo thì tốt nhất là chấp nhận.

Seneca bắt đầu viết cuốn sách về tự nhiên ngay sau lần đầu tiên đệ đơn từ chức lên Nero. Ông được yên ổn trong ba năm. Tháng Tư năm 65, âm mưu lật đổ hoàng đế của Piso bị phát hiện, một viên sĩ quan được phái đến căn biệt thự của nhà triết học. Ông đã sẵn sàng. Nàng Paulina ngực trần và những người hầu có thể sụp xuống khóc than nhưng Seneca đã học cách tự nguyện đi theo chiếc xe, và cửa kính mành mà không kháng cự. Như ông đã từng nói với Marcia về cái

chết của con trai Metilius:

Tại sao phải khóc cho phần đời này?

Cả đời lúc nào ta chẳng phải khóc.

IV

NIỀM AN ỦI CHO SỰ THIẾU THỐN

1

Sau hàng thế kỷ bị quên lãng, đôi khi bị thù ghét, sau khi bị xé nát, bị đốt cháy và chỉ còn sót lại đôi chút trên những mái vòm và thư viện của các tu viện, minh triết Hy Lạp và La Mã cổ đại đã có sự trở lại đầy vinh quang vào thế kỷ 16. Trong giới trí thức tinh hoa của châu Âu nổi lên sự đồng thuận cho rằng những tư tưởng vĩ đại nhất mà thế giới từng được biết đã xuất phát từ trí tuệ của một số ít thiên tài trong các thành quốc của Hy Lạp và bán đảo Italy trong khoảng thời gian từ khi điện Parthenon được xây dựng cho đến khi Rome sụp đổ - và rằng đối với một người có giáo dục, không có nhiệm vụ nào lớn hơn là làm quen với sự giàu có của những tác phẩm ấy. Nhiều ấn bản mới của các tác phẩm của Plato, Lucretius, Seneca, Aristotle, Catullus, Longinus, Cicero và nhiều nhà triết học khác được phát hành. Các tuyển tập kinh điển - *Cách ngôn và Châm ngôn* của Erasmus, *Danh ngôn* của Stobaeus, *Những bức thư vàng của các sứ đồ* của Antonio de Guevara và *Sự học tôn kính* của Petrus Crinitus được phổ biến rộng rãi trong các thư viện trên khắp châu Âu.

Ở vùng Tây Nam nước Pháp, trên đỉnh một ngọn đồi được bao phủ bởi cây xanh nằm cách Bordeaux 30 dặm về phía Đông là một lâu đài xinh đẹp với đá vàng và mái ngói đỏ.

Đó là nơi ở của một quý tộc trung niên cùng vợ là Françoise, con gái Léonor, các gia nhân và vật nuôi (gà, dê, chó và ngựa). Ông nội

của Michel de Montaigne đã mua lâu đài này năm 1477 nhờ việc kinh doanh cá muối của gia đình. Cha của Montaigne cho xây thêm mấy chái nhà và mở rộng diện tích đất canh tác, còn bản thân ông thì bắt đầu trông coi cơ ngơi này từ năm 35 tuổi, mặc dù ông không mấy quan tâm đến việc quản lý điền sản và gần như không biết gì về nghề nông (“Tôi gần như không thể phân biệt nổi bắp cải với xà lách”).

Ông thích dành thời gian trong căn phòng thư viện hình tròn trên tầng ba của một tòa tháp ở một góc của lâu đài: “Tôi dành phần lớn số ngày của cuộc đời mình, và phần lớn số giờ trong ngày ở đó.”

Thư viện có ba cửa sổ (Montaigne mô tả quang cảnh nhìn từ các cửa sổ là “huy hoàng và ngút tầm mắt”), một cái bàn, một cái ghế, và trên năm tầng giá sách được xếp theo hình bán nguyệt là khoảng một ngàn cuốn sách triết học, lịch sử, thơ và tôn giáo. Chính tại đây Montaigne đã đọc bài diễn văn kiên định của Socrates (“người thông thái nhất từ trước đến nay”) trước bồi thẩm đoàn nôn nóng của Athens trong một phiên bản tiếng Latin của tác phẩm của Plato do Marsilio Ficino dịch; tại đây ông đã đọc về quan điểm về hạnh phúc của Epicurus trong tác phẩm *Những cuộc đời* của Diogenes Laertius và *Về bản chất của vạn vật* của Lucretius, do Denys Lambin biên soạn năm 1563; và cũng chính tại đây ông đã đọc đi đọc lại Seneca (tác gia “đặc biệt hợp với khiếu hài hước của tôi”) trong một tuyển tập bao gồm các tác phẩm của ông mới được in ở Basle năm 1557.

Montaigne được khai tâm với các tác phẩm kinh điển từ khi còn nhỏ tuổi. Ông học bằng tiếng Latin như tiếng mẹ đẻ. Năm 7 tuổi hoặc

8 tuổi, ông đã đọc *Sự hóa thân* của Ovid. Khi bước sang tuổi 16, ông đã mua tập thơ của Virgil và am hiểu *Sử thi Aeneid*, cũng như Terence, Plautus và *Bình luận* của Caesar. Ông dành trọn tâm trí cho sách, sau 13 năm làm luật sư tại Pháp viện tối cao của Bordeaux, ông nghỉ hưu với ý định toàn tâm toàn ý cho sách vở. Đọc sách là niềm an ủi của cuộc đời ông:

Nó là niềm an ủi khi tôi lui về ẩn dật; nó giúp tôi thoát khỏi gánh nặng của sự biếng nhác sâu thẳm và bất kỳ lúc nào nó cũng có thể giúp tôi thoát khỏi đám khách khứa té nhật. Nó làm nhẹ nỗi đau mỗi khi nỗi đau không quá choáng ngợp và khủng khiếp. Để sao nhãng khỏi những ý nghĩ ừ ừ, tôi chỉ cần viện đến sách.

Nhưng các giá sách trong thư viện, bản thân chúng hàm ý sự ngưỡng mộ vô hạn đối với trí tuệ, lại không cho thấy hết toàn bộ câu chuyện. Chúng ta phải nhìn kỹ hơn xung quanh thư viện, đứng giữa căn phòng và ngửa cổ nhìn lên trần: vào khoảng giữa những năm 1570, Montaigne cho khắc trên các thanh dầm gỗ 57 đoạn trích ngắn từ Kinh Thánh và các tác phẩm kinh điển. Chúng cho thấy sự e ngại sâu sắc về lợi ích của việc có trí óc:

Cuộc đời hạnh phúc nhất là không có suy nghĩ. - Sophocles

Bạn đã từng thấy một người nghĩ rằng mình khôn ngoan chưa? Bạn có thể hy vọng vào một người điên nhiều hơn là vào anh ta. - Tục ngữ

Không có gì là chắc chắn ngoài sự bất định, không có gì khôn khổ và kiêu hãnh hơn con người. - Pliny

Mọi thứ đều quá phức tạp để con người có thể hiểu được. - Ecclesiastes

Các nhà triết học cổ đại tin rằng khả năng suy nghĩ giúp chúng ta có được hạnh phúc và sự vĩ đại mà không loài nào có. Lý trí cho phép chúng ta kiểm soát cảm xúc và sửa chữa những ý định sai lầm này

sinh từ bản năng. Lý trí kiềm chế những nhu cầu hoang dại của cơ thể và giúp ta có được mối quan hệ cân bằng với ham muốn ăn uống và dục vọng. Lý trí là một công cụ tinh tế, gần như thần thánh, giúp ta thống trị thế giới và bản thân mình.

Trong tác phẩm *Những cuộc tranh luận ở Tusculum* mà Montaigne cũng có một cuốn ở thư viện của mình, Cicero dành vô số lời ca ngợi những lợi ích của trí tuệ:

Không có gì ngọt ngào hơn là học thuật; học thuật là phương tiện giúp chúng ta, khi vẫn đang sống trong thế giới này, biết được sự vô hạn của mọi vật, sự vĩ đại bao la của Tự nhiên, biết được thiên đường, các vùng đất và biển cả. Học thuật dạy cho ta lòng mộ đạo, khiêm tốn và sự cao thượng của trái tim; nó kéo linh hồn ta ra khỏi bóng tối và chỉ cho chúng thấy mọi thứ, cao và thấp, cái đầu tiên, cuối cùng và mọi thứ ở giữa; nó dạy chúng ta cách sống không bất mãn và không bức bối.

Dù sở hữu một ngàn cuốn sách và được hưởng lợi từ nền giáo dục kinh điển nhưng sự tán dương này làm cho Montaigne tức giận và nó đối lập với tinh thần được thể hiện trên các thanh dầm của thư viện đến nỗi ông bộc lộ sự phẫn nộ một cách dữ tợn trái ngược hẳn với tính cách của ông:

Thật là một sinh vật khốn khổ... hãy nghe gã khoác lác kia... Như thể gã đang mô tả về Chúa toàn năng và bất diệt! Trên thực tế, có hàng ngàn người phụ nữ bé nhỏ ở những ngôi làng đã sống một cuộc đời nhẹ nhàng, điềm tĩnh và ổn định hơn [Cicero].

Nhà triết học La Mã đã bỏ qua một sự thật là hầu hết các học giả đều có cuộc sống cực kỳ bất hạnh; ông đã ngạo mạn coi thường những điều phiền muộn mà con người, sinh vật duy nhất trong các loài, phải chịu đựng - những nỗi phiền muộn khiến cho ta, trong

những giờ khắc u tối, hận là mình đã không được sinh ra làm một con kiến hay con rùa.

Hay con dê. Tôi thấy nó trong sân một trang trại cách lâu đài của Montaigne vài cây số, ở làng Les Gauchers.

Nó chưa bao giờ đọc *Những cuộc tranh luận ở Tusculum* hay *Luận về Luật pháp* của Cicero. Nhưng trông nó khá hài lòng, chớp chép gặm mấy mẫu xà lách, thỉnh thoảng lại lắc đầu như một bà lão ngẫm tỏ ý không hài lòng. Đó không phải là một cuộc sống không đáng ghen tị.

Bản thân Montaigne cũng thấy kinh ngạc và ông diễn giải những lợi thế của việc sống như một con vật thay vì là một con người có lý trí với một thư viện lớn. Các con vật theo bản năng biết cách tự chữa bệnh khi ốm: nếu bị ốm, lũ dê có thể tìm thấy cây bạch tiễn trong số hàng ngàn loại cây khác, bọn rùa tự động đi tìm cây kinh giới dại khi bị rắn chuông cắn, và lũ cò có thể tự áp dụng liệu pháp bổ sung muối biển. Ngược lại, con người buộc phải dựa vào các vị thầy thuốc đắt đỏ và hay sai lầm (tủ thuốc của họ đầy các đơn thuốc kỳ quặc: “nước tiểu thần lẩn, cắt voi, gan chuột chũi, máu chích từ cánh phải của một con bồ câu trắng, và với những người bị đau bụng kịch phát thì chữa bằng cắt chuột nghiền”).

Các con vật, một cách bản năng, cũng hiểu được những ý tưởng phức tạp mà không cần bao ngày vất vả học hành. Cá ngừ là chuyên gia về thiên văn học. “Vào ngày đông chí, nếu đang ở đâu thì chúng sẽ ở nguyên đó cho đến ngày xuân phân tiếp theo,” Montaigne ghi lại. Chúng cũng hiểu hình học và đại số bởi vì chúng bơi theo đàn, tạo thành một hình khối hoàn hảo: “Nếu bạn đếm được một hàng thì sẽ

ra toàn bộ số cá trong đàn vì số cá trong một hàng là giống nhau ở cả chiều sâu, chiều dài và chiều rộng.” Chó có khả năng hiểu logic biện chứng thiên bẩm. Montaigne kể chuyện một con chó đi tìm chủ, nó gặp một ngã ba. Đầu tiên nó nhìn một con đường, rồi đường thứ hai và sau đó chạy theo con đường thứ ba sau khi kết luận rằng chủ của mình hẳn đã chọn con đường đó:

Logic biện chứng thuần khiết chính là đây: con chó đã sử dụng các mệnh đề nối và phân biệt, liệt kê đầy đủ các bộ phận. Có quan trọng gì không khi nó học những điều này từ chính bản thân nó hay từ *Phép Biện chứng* của George xứ Trebizond?

Động vật cũng thường giỏi hơn chúng ta trong tình yêu. Montaigne ghen tị khi đọc câu chuyện về con voi yêu say đắm một người bán hoa ở Alexandria. Khi được dắt đi qua chợ, nó biết cách vươn vòi chạm vào cổ áo nàng và xoa ngực nàng với sự khéo léo mà không người nào sánh kịp.

Và kể cả một con vật nuôi tầm thường nhất trong trang trại cũng có sự bình thản mang tính triết học vượt trội so với các nhà hiền triết thông thái nhất của thế giới cổ đại. Có lần nhà triết học Hy Lạp Pyrrho đi trên một con tàu đang qua vùng biển có bão lớn. Xung quanh ông, hành khách bắt đầu hoảng loạn, lo sợ những cơn sóng cuồng loạn sẽ xé nát chiếc tàu mong manh. Chỉ có một hành khách không hề mất bình tĩnh và ngồi im lặng trong góc, giữ nguyên dáng vẻ thư thái. Đó là một con lợn:

Chúng ta có dám kết luận rằng ích lợi của lý trí (mà ta hết lời ca ngợi và dựa vào đó ta coi mình là chúa tể và chủ nhân của muôn loài) chỉ là để giày vò ta? Tri thức để làm gì nếu vì nó mà ta đánh mất đi sự bình thản và yên tĩnh mà ta có thể hưởng thụ nếu không có nó và nếu như nó khiến cho tình cảnh của ta tồi tệ hơn chú lợn của Pyrrho?

Lý trí có bao giờ mang lại cho chúng ta điều gì đáng để biết ơn hay chưa:

Nó mang lại cho chúng ta sự bất an, ngần ngại, nghi ngờ, đau đớn, mê tín, lo lắng về điều sẽ xảy ra (kể cả sau khi chết đi), tham vọng, lòng tham, ghen tuông, tị hiềm, sự ương ngạnh, sự ham ăn uống điên cuồng không kiểm soát được, chiến tranh, sự dối trá, phản bội, thói tục mạch và nói xấu sau lưng.

Nếu được lựa chọn, có lẽ Montaigne sẽ chọn sống cuộc đời của một con dê - nhưng điều này cũng đúng thôi. Cicero đã vẽ nên bức tranh đẹp đẽ về lý trí. Mười sáu thế kỷ sau, Montaigne chỉ ra điều ngược lại:

Biết rằng chúng ta đã nói hoặc làm một việc ngu ngốc là một lẽ, ta còn cần học một bài học quan trọng hơn: rằng chúng ta không là gì khác ngoài một lũ ngu xuẩn.

- kẻ ngu xuẩn nhất trong các loài chính là các nhà triết học như Cicero, những người chưa từng nghĩ rằng đó lại là mình. Niềm tin bị đặt nhầm chỗ vào lý trí là nguồn gốc của sự ngu muội - và, một cách gián tiếp, của sự thiếu thốn.

Đằng sau những thanh dầm khắc chữ đó, Montaigne đã vẽ nên những nét khái quát của một trường phái triết học mới, nó thừa nhận rằng chúng ta khác xa so với cái sinh vật bình thường, có lý trí mà phần lớn các tư tưởng gia cổ đại nhắc đến. Chúng ta phần lớn là những linh hồn điên rồ và cuồng loạn, thô thiển và luôn bị kích động. Đứng bên cạnh chúng ta, các loài động vật khác, xét trên nhiều khía cạnh, là mẫu mực của sức khỏe và phẩm hạnh - một thực tế đáng buồn mà triết học có nhiệm vụ phản ánh, nhưng hiếm khi làm được:

Cuộc sống của chúng ta được tạo nên một phần bởi sự điên rồ, một phần nhờ sự thông thái: bất kỳ ai chỉ viết về cuộc sống một cách đáng trân trọng và theo nguyên tắc thì đã bỏ qua một nửa của nó.

Tuy thế, nếu biết chấp nhận nhược điểm của mình và thôi đòi quyền bá chủ muôn loài mà chúng ta không hề có thì ta sẽ thấy - như triết lý rộng lượng và cứu rỗi của Montaigne chỉ ra - rằng ta vẫn đầy đủ theo cách nửa khôn ngoan, nửa ngu ngốc của riêng mình.

2

Về sự thiếu thốn tình dục

Thật rắc rối khi có cả thân thể và trí óc vì cái trước gần như đối nghịch hoàn toàn với phẩm giá và sự thông thái của cái sau. Thân thể chúng ta bốc mùi, đau mỏi, chảy xệ, co bóp, hồi hộp và lão hóa. Nó buộc ta phải đánh trung tiện và ợ hơi, và từ bỏ những kế hoạch hợp lý để nằm trên giường với người khác, vã mồ hôi và phát ra những âm thanh gợi nhớ đến tiếng lũ linh cầu gọi nhau giữa những sa mạc khô cằn của châu Mỹ. Thân thể bắt trí óc làm con tin cho những nhịp điệu và ý thích bất chợt của nó. Toàn bộ cách nhìn nhận cuộc sống của chúng ta có thể bị thay đổi bởi quá trình tiêu hóa một bữa trưa lớn. “Tôi thấy mình như là một người khác vào trước và sau bữa ăn,” Montaigne đồng tình:

Khi sức khỏe và một ngày nắng đẹp mỉm cười với tôi, tôi khá là vui vẻ; nếu có một cái móng chân mọc ngược đâm vào da thì tôi sẽ trở nên giận dữ, cáu kỉnh và khó gần.

Ngay cả những nhà triết học vĩ đại nhất cũng không thoát khỏi sự bẽ bàng mà thân thể mang lại. “Hãy tưởng tượng Plato bị quật ngã bởi bệnh động kinh hoặc trúng gió,” Montaigne nói, “rồi sau đó thách ông ấy tìm thấy bất kỳ sự giúp đỡ nào từ tất cả những khả năng cao quý và tuyệt vời của tâm hồn.” Hoặc hãy tưởng tượng rằng khi đang đứng trước hội nghị, Plato bỗng nhiên cần xì hơi:

Cái cơ thắt có chức năng xả dạ dày của chúng ta có cơ chế dẫn và co thắt riêng, độc lập

và thậm chí còn trái ngược với mong muốn của ta.

Montaigne nghe nói về một người có khả năng đánh trung tiện theo ý muốn và thỉnh thoảng ông ta đánh trung tiện theo chuỗi làm nhạc đệm cho bài thơ. Tuy nhiên, khả năng này không trái ngược với quan sát chung của Montaigne rằng cơ thể của chúng ta cao tay hơn trí óc, và cơ thể là bộ phận “kém thận trọng và mất trật tự nhất”. Montaigne còn nghe nói về trường hợp bi thảm của một người có cơ thể “mãnh liệt và mất dạy” đến mức khiến cho chủ nhân của nó đánh trung tiện ra gió thường xuyên và không ngừng trong suốt 40 năm trời đến chết”.

Không ngạc nhiên là chúng ta thường muốn chối bỏ mối quan hệ cùng tồn tại không thoải mái và đáng xấu hổ với các bộ phận này. Montaigne gặp một phụ nữ biết bộ phận tiêu hóa của mình tệ hại như thế nào và đã sống như thế bà không có nó:

Quý bà [này] (một trong số những người vĩ đại nhất)... cho rằng việc nhai đồ ăn làm biến dạng khuôn mặt, làm tổn hại nghiêm trọng đến sự duyên dáng và vẻ đẹp của người phụ nữ, vì vậy khi đói, bà ta tránh không xuất hiện trước công chúng. Tôi cũng nghe nói về một người đàn ông không thể chịu đựng việc nhìn người khác ăn hoặc để người khác nhìn thấy mình ăn nên đã lảng tránh tiếp xúc với mọi người khi ăn, thậm chí còn hơn cả khi đi vệ sinh.

Montaigne biết có những người đàn ông có ham muốn tình dục quá độ đến mức không thể chịu đựng nổi và chấm dứt sự tra tấn đó bằng cách cắt phég của quý của mình đi. Những người khác thì cố dập tắt ham muốn bằng cách đắp tuyết và giấm lên tinh hoàn hoạt động quá mức của mình. Hoàng đế Maximilian, ý thức được sự mâu

thuần giữa việc là bậc quân vương và việc có một cơ thể, đã ra lệnh cấm bất kỳ ai được nhìn thấy ông ở trần, nhất là từ thắt lưng trở xuống. Trong di chúc của mình, ông yêu cầu được mặc quần lót bằng lanh khi chôn cất. Montaigne cho rằng “Ông ta nên có thêm một điều khoản bổ sung rằng người mặc quần cho mình phải bị bịt mắt.”

Cho dù chúng ta có thiên hướng tìm đến các biện pháp cực đoan đó như thế nào thì triết lý của Montaigne cũng mang tính hòa giải: “Điều kém văn minh nhất trong sự phiền não của chúng ta là khinh miệt cơ thể mình.” Thay vì cố gắng chia bản thân ra làm đôi, ta nên ngừng việc gây nội chiến về cái vỏ bề ngoài thể xác của mình và học cách chấp nhận chúng như là sự thật không thể thay đổi được, không xấu xa cũng không đáng hổ thẹn.

Mùa hè năm 1993, L. và tôi đi nghỉ ở miền Bắc Bồ Đào Nha. Chúng tôi lái xe qua các ngôi làng của vùng Minho rồi dành vài ngày ở phía Nam Viana do Castelo. Chính ở đây, vào đêm cuối cùng của kỳ nghỉ, trong một khách sạn nhỏ nhìn ra biển, tôi nhận ra một điều không hề có dấu hiệu nào báo trước - rằng tôi không thể làm tình được nữa. Có lẽ tôi đã không thể vượt qua trải nghiệm này chứ chưa nói đến chuyện kể lại nó nếu như vài tháng trước khi đi Bồ Đào Nha, tôi không đọc được chương thứ 21 trong tập đầu bộ *Tiểu luận* của Montaigne.

Trong đó, tác giả viết về việc một người bạn của mình nghe một người đàn ông kể lại chuyện cậu nhỏ của ông ta bị xù ngay khi chuẩn bị đi vào bạn tình. Sự xấu hổ vì cú xẹp đó tác động lên người

bạn của Montaigne mạnh đến mức lần sau, khi gần gũi một người phụ nữ, anh ta không thể loại bỏ hình ảnh đó khỏi tâm trí và nỗi lo sợ thảm họa đó xảy ra với mình tràn ngập đến độ anh ta cũng không thể cương cứng được. Từ đó trở đi, mỗi khi ham muốn một người đàn bà, anh ta lại bất lực, và ký ức nhục nhã về mỗi cuộc làm tình bất thành chế giễu và hành hạ anh ta với sức mạnh ngày càng lớn.

Người bạn của Montaigne trở nên bất lực sau khi không có được sự kiểm soát vững chắc của lý trí đối với bộ phận sinh dục, thứ mà anh ta nghĩ là một đặc tính không thể thiếu của người đàn ông bình thường. Montaigne không đổ lỗi cho bộ phận sinh dục: “Trừ trường hợp bị bất lực thực sự, bạn sẽ không bao giờ không thể làm tình nếu như đã từng một lần làm được.” Chính cái quan niệm nặng nề cho rằng lý trí có khả năng kiểm soát hoàn toàn cơ thể, nỗi khiếp sợ phải bước ra ngoài bức tranh mà chúng ta tự vẽ ra về cái gọi là sự bình thường, đã khiến cho người đàn ông không thể làm tình. Giải pháp là vẽ lại bức tranh; chính việc chấp nhận sự mất kiểm soát đối với bộ phận sinh dục như là một khả năng vô hại trong quan hệ tình dục sẽ khiến người đàn ông có thể ngăn việc đó không xảy ra giống như người bạn của Montaigne đã nhận ra.

Khi ở trên giường với một người đàn bà, anh ta học cách:

Thú nhận trước về khiếm khuyết của mình và nói về nó một cách cởi mở, nhờ đó làm giảm sự căng thẳng trong tâm hồn. Bằng cách chấp nhận khiếm khuyết đó như là một điều có thể xảy ra, cảm giác căng thẳng giảm đi và bớt đè nặng lên tâm hồn anh.

Sự thẳng thắn của Montaigne giúp giảm bớt sự căng thẳng trong

tâm hồn người đọc. Tâm trạng bất thường của bộ phận sinh dục được tách rời khỏi những khoảng nghỉ đen tối của sự xấu hổ không nói thành lời và được xem xét lại dưới con mắt từng trải, không hề bị lay động của một nhà triết học mà không một điều gì thuộc về thể xác có thể đánh bại. Cảm giác có lỗi được làm dịu đi bởi cái mà Montaigne mô tả là:

Sự bất tuân lệnh [mang tính phổ quát] của cái bộ phận cứ ngóc đầu lên rất không đúng lúc khi chúng ta không muốn nó làm thế, và lại cũng rất không đúng lúc, nó làm ta thất vọng khi ta cần nó nhất.

Một người đàn ông thất bại trước người tình và không thể làm gì khác ngoài việc lầm bầm câu xin lỗi có thể lấy lại sức mạnh và xoa dịu nỗi lo lắng của tình nhân bằng cách chấp nhận rằng sự bất lực của mình thuộc về một lĩnh vực rộng lớn bao gồm rất nhiều điều không may xảy ra trong tình dục, không quá hiếm hoi cũng chẳng quá đặc biệt. Montaigne biết một nhà quý tộc xứ Gascony sau khi thất bại trước người tình đã chạy về nhà, cắt phăng của quý và gửi nó cho quý cô đó "để chuộc lỗi". Montaigne cho rằng, thay vào đó:

Nếu [các cặp đôi] chưa sẵn sàng thì không nên vội vàng. Thay vì rơi vào bi kịch suốt đời do thất vọng với lần thất bại đầu tiên, tốt hơn hết là họ nên... chờ đến thời điểm phù hợp... một người đàn ông trải qua một lần thất bại nên thực hiện vài màn dạo đầu và thử nghiệm một cách nhẹ nhàng với vài cuộc tấn công đột ngột nho nhỏ; anh ta không nên cứng đầu cứng cổ, điều đó sẽ chỉ chứng tỏ rằng anh ta sẽ mãi mãi thất bại.

Đây là một ngôn ngữ mới, đi thẳng vào bản chất và không để cảm xúc chi phối, nhằm thể hiện những khoảnh khắc cô đơn nhất của dục tính con người, vạch một lối đi vào những nỗi buồn riêng tư vốn chỉ gói gọn trong phòng ngủ, Montaigne khiến cho nó không còn là vấn

đề đáng bị xem thường, đồng thời cố gắng giúp ta giảng hòa với cơ thể của mình. Sự dũng cảm của Montaigne khi đề cập đến cái luôn bí mật tồn tại nhưng ít khi được nhắc đến giúp mở rộng phạm vi những gì chúng ta dám thể hiện ra với người tình và với bản thân mình - có thể thấy lòng can đảm của Montaigne khi tin rằng không gì diễn ra với con người lại phi nhân tính, rằng “mỗi người mang trong mình một chỉnh thể của tình trạng là con người”, tình trạng đó bao gồm nguy cơ thỉnh thoảng cậu nhỏ lại phản kháng bằng cách mềm nhũn ra, và chúng ta không cần phải đỏ mặt hay căm ghét bản thân vì điều đó.

Montaigne cho rằng vấn đề với cơ thể chúng ta một phần nằm ở việc thiếu thảo luận thẳng thắn về chúng trong giới có học thức. Các câu chuyện và hình ảnh mang tính đại diện thường không gắn sự cao quý của phái đẹp với đam mê tình dục mạnh mẽ và cũng không gắn quyền lực với việc sở hữu cơ thất dạ dày hay bộ phận sinh dục. Tranh vẽ các bậc quân vương và các quý bà không khuyến khích chúng ta nghĩ đến cảnh tượng những tâm hồn cao quý này xì hơi hay làm tình. Montaigne vẽ nên bức tranh bằng một thứ tiếng Pháp sỗ sàng và đẹp đẽ:

Au plus eslevé throne du monde si ne sommes assis que sus nostre cul

Trên ngai vàng cao quý nhất của thế giới, chúng ta ngồi bằng đít.

Les Roys et les philosophes fientient, et les dames aussi.

Quân vương và nhà triết học đều phải đi ỉa, các quý bà cũng thế.

Ông có thể nói bằng cách khác. Thay vì “cul” (đít), là “derrière” (phần hậu) hay “fesses” (bộ mông). Thay vì “fienter” (đi ỉa) là “aller au

cabinet” (đi vệ sinh). Cuốn *Từ điển tiếng Anh và tiếng Pháp (vì sự tiến bộ của người học trẻ tuổi, và để giúp mọi người khác muốn có hiểu biết chính xác nhất về Pháp ngữ)* của Randle Cotgrave, được in năm 1611, giải thích từ “*fienter*” chính xác là được dùng để chỉ chất bài tiết của lũ chim hay những con lửng. Nếu như Montaigne thấy cần dùng ngôn ngữ mạnh như vậy thì đó là nhằm sửa sai cho sự phủ nhận cơ thể một cách mạnh mẽ không kém trong các tác phẩm triết học và các phòng tranh. Quan điểm cho rằng các quý bà không bao giờ phải rửa tay và các bậc quân vương không có bộ phận đằng sau khiến cho việc nhắc cho thế giới biết rằng họ cũng đi ngoài và cũng có mông là kịp thời:

Hoạt động của bộ phận sinh dục của con người rất tự nhiên, cần thiết và đúng đắn, chúng đã làm gì để khiến ta không bao giờ dám nhắc đến chúng mà không thấy xấu hổ và loại trừ chúng khỏi các cuộc đối thoại nghiêm túc? Chúng ta không ngại thốt ra những từ như *giết, trộm cắp, hay phản bội*; trong khi những từ kia thì chỉ dám lẩm bầm qua kẽ răng.

Trong khuôn viên lâu đài của Montaigne có mấy vạt rừng sồi, một ở phía Bắc gần làng Castillion-la-Bataille, một ở phía đông gần St. Vivien. Con gái của Montaigne là Léonor chắc hẳn biết về sự tĩnh lặng và mệnh mông của các khu rừng nhưng không được khuyến khích biết tên của chúng: trong tiếng Pháp, từ “cây sồi” là “*fouteau*”, phát âm gần giống với từ “*foutre*” - nghĩa là “fuck”.

“Con gái tôi - tôi không còn đứa con nào khác - đã đến tuổi mà các cô gái bạo dạn hơn đã được lấy chồng một cách hợp pháp.” Montaigne nói về Léonor, lúc đó khoảng 14 tuổi:

Con bé nhỏ nhảnh và dịu dàng, nhìn trẻ hơn tuổi, được mẹ nuôi dạy một cách khá lạnh lẽ;

nó chỉ vừa mới bắt đầu bót nét thơ ngây kiểu trẻ con. Có lần, ngồi cạnh tôi, nó đọc một cuốn sách tiếng Pháp có đoạn nhắc đến "fouteau" - cái cây nổi tiếng đó. Cô gia sư của Léonor đột ngột ngắt lời con bé và bắt nó bỏ qua đoạn đó.

Montaigne hóm hỉnh nhận xét rằng hai mươi tên đầy tớ lỗ mãng cũng không thể dạy cho Léonor về ý nghĩa đằng sau từ "*fouteau*" nhiều hơn là yêu cầu lạnh lùng của cô giáo bắt cô bé nhảy cóc qua từ đó. Nhưng đối với cô gia sư, hay "bà già", như cách mà ông chủ của cô gọi thẳng thừng, cú nhảy cóc này là cần thiết bởi không dễ gì mà một cô gái trẻ có thể kết hợp phẩm giá với kiến thức về điều có thể xảy ra nếu như trong vài năm tới cô thấy mình ở trong phòng ngủ với một người đàn ông.

Montaigne chỉ trích những biểu tượng truyền thống vì chúng bỏ qua quá nhiều điều về con người. Ông viết sách một phần là để sửa chữa điều này. Khi nghỉ hưu ở tuổi 38, ông muốn viết nhưng chưa rõ chủ đề cuốn sách là gì. Ý tưởng về một cuốn sách khác thường, không giống bất kỳ cuốn nào trong số hàng ngàn cuốn sách xếp trên các giá sách hình bán nguyệt chỉ hình thành trong đầu ông một cách chậm chạp.

Ông từ bỏ sự rụt rè vốn có của các tác gia đã thành truyền thống từ hàng thiên niên kỷ nay để viết về bản thân mình. Ông bắt đầu bằng việc mô tả một cách rõ ràng nhất có thể hoạt động của trí óc và cơ thể của chính mình - và tuyên bố ý định này trong lời tựa của bộ *Tiểu luận*, gồm hai tập được xuất bản tại Bordeaux năm 1580, với tập thứ ba được bổ sung trong phiên bản được xuất bản tại Paris tám năm sau đó:

Nếu đã biết mình là một trong số những người sẽ tiếp tục sống trong tự do ngọt ngào của các quy luật Tự nhiên nguyên thủy thì đảm bảo với bạn rằng tôi sẽ rất sẵn lòng miêu tả bản thân một cách đầy đủ, và hoàn toàn trần trụi.

Chưa từng có tác giả nào lại mong muốn thể hiện bản thân trước độc giả mà không có một mảnh quần áo trên người. Không thiếu các bức chân dung chính thức với đầy đủ trang phục và trích yếu về cuộc đời của các vị thánh và giáo hoàng, của các hoàng đế La Mã và chính khách Hy Lạp. Thậm chí còn có một bức chân dung chính thức của Montaigne do Thomas de Leu (1562-1620) vẽ, trong đó ông mặc bộ trang phục của thị trưởng thành phố, trên cổ là tấm huân chương Saint-Michel do Vua Charles XI ban tặng năm 1571, với vẻ mặt bí hiểm, có phần hơi nghiêm nghị.

Nhưng hình ảnh nhà hùng biện trong bộ lễ phục này không phải là con người mà Montaigne muốn tiết lộ trong *Tiểu luận*. Ông quan tâm đến con người hoàn chỉnh, đến việc vẽ ra bức chân dung khác so với những chân dung đã bỏ qua phần lớn những điều thuộc về bản chất con người. Đây là lý do vì sao cuốn sách của ông nói về các bữa ăn, về bộ phận sinh dục, về những cái ghế đầu, về các cuộc chinh phục tình ái và về những vụ xì hơi - những chi tiết hiếm khi được mô tả trong các cuốn sách nghiêm túc trước đó. Chúng được mô tả thật đến mức khiến người ta nghi ngờ hình ảnh của tác giả như là một sinh vật có lý trí. Montaigne nói với độc giả:

Rằng hành vi của bộ phận sinh dục cấu thành bộ phận thiết yếu của bản thể:

Mọi bộ phận trên cơ thể tôi, cái nào cũng quan trọng như cái nào, khiến tôi là chính tôi, và không cái nào khiến tôi là một người đàn ông hơn cái đó. Tôi nợ công chúng một bức chân dung hoàn thiện.

Rằng ông thấy tình dục thật là ồn ào và lộn xộn:

Bạn có thể giữ được phần nào sự đứng đắn ở mọi nơi khác, mọi hoạt động khác chấp nhận các quy tắc chuẩn mực; riêng việc này thì chỉ có thể bị coi là sai lầm hoặc nực cười. Hãy thử tìm một cách khôn ngoan và bí mật để làm điều này xem!

Rằng ông thích yên tĩnh khi ngồi trong toa lét:

Trong toàn bộ mọi hoạt động, đó là nơi mà tôi ít chịu đựng được việc bị làm phiền nhất.

Và rằng ông đi ngoài rất đều đặn:

... và tôi không bao giờ lỡ hẹn, nghĩa là (trừ khi có việc gấp hoặc bị bệnh tật làm phiền) ngay khi tôi bước chân xuống giường.

Nếu chúng ta coi những chân dung quanh mình là quan trọng thì đó là vì chúng ta sống cuộc đời mình theo tấm gương của họ, chấp nhận những khía cạnh của bản thân mình nếu chúng phù hợp với những gì người khác đề cập ở bản thân họ. Điều mà chúng ta thấy hiển nhiên ở người khác, ta sẽ cố gắng đạt được ở bản thân mình, điều mà người khác im lặng, ta có thể coi như không thấy hoặc chỉ trải nghiệm chúng với sự hồ thẹn.

Khi hình dung về một người đàn ông hiểu biết và khôn ngoan nhất trong tư thế [đang làm tình], tôi coi việc ông ta tự cho mình là người hiểu biết và khôn ngoan là sự vô liêm sỉ.

Không phải minh triết là thứ không tồn tại mà chính cái định nghĩa của minh triết là điều mà Montaigne muốn làm mềm đi. Minh triết đích thực phải bao hàm sự chấp nhận bản thể căn bản của chúng ta, nó phải có cách nhìn khiêm tốn về vai trò của trí tuệ và văn hóa cao trong cuộc đời của bất kỳ ai và chấp nhận những đòi hỏi cấp bách và đôi khi phạm tục của cái cơ thể rồi sẽ chết đi của ta. Triết học Epicurus và Stoic (Khắc kỷ) cho rằng chúng ta có thể đạt tới mức làm chủ thân thể và không bao giờ để cho bản thể vật chất và cảm xúc cuốn mình đi. Đó là những lời khuyên cao quý, chạm vào khát vọng

lớn nhất của con người. Chúng cũng là những điều bất khả, và vì thế phản tác dụng:

Những đỉnh cao triết học mà không người nào với tới được và những quy tắc vượt quá quyền năng và sự rèn luyện của con người thì để làm gì?

[con người] thật không thông minh lắm khi điều chỉnh bốn phần của mình cho phù hợp với tiêu chuẩn của người khác.

Thân thể không thể bị chối từ hoặc khuất phục, nhưng, như Montaigne muốn nhắc nhở “bà già”, chúng ta không cần phải lựa chọn giữa phẩm giá và mối quan tâm đến *fouteau*:

Liệu chúng ta có thể không nói rằng trong suốt quãng thời gian ở tù nơi trần thế này, không có gì trong ta là hoàn toàn thuộc về vật chất hoặc hoàn toàn thuộc về tinh thần, và rằng thật đau đớn khi phải xé đôi một con người đang sống thành hai nửa.

3

Về sự thiếu hụt văn hóa

Một nguyên nhân khác của cảm giác thiếu hụt là việc con người dường như chia thế giới thành hai phần, bình thường và bất bình thường, với tốc độ và sự ngạo mạn đáng ngạc nhiên. Kinh nghiệm và niềm tin của chúng ta thường xuyên bị bác bỏ bằng những câu cảm thán giấu cợt, có phần hơi hoảng hốt như “Thật vậy sao? Kỳ lạ thật!”, đi kèm với một cái nhướn mày, và từng bước một, nó dẫn đến sự chối bỏ nhân tính và sự chính đáng của ta.

Mùa hè năm 1580, Montaigne thực hiện khát vọng của đời mình và bắt đầu chuyến đi đầu tiên ra ngoài biên giới nước Pháp. Ông khởi hành bằng ngựa đến Rome qua Đức, Áo và Thụy Sĩ. Cùng đi với ông có bốn nhà quý tộc trẻ, trong đó có em trai ông là Bertrand de Mattecoulon, và một chục người hầu. Họ sẽ xa nhà trong 17 tháng, vượt qua 3.000 dặm (tương đương 4.827 kí lô mét). Trong số các thành phố họ đi qua có Basle, Baden, Schaffhausen, Augsburg, Innsbruck, Verona, Venice, Padua, Bologna, Florence và Siena - họ đến Rome vào buổi tối ngày cuối cùng của tháng Mười một năm 1580.

Trong chuyến hành trình, Montaigne quan sát sự thay đổi lớn trong quan niệm của con người ở những vùng đất khác nhau về cái được gọi là bình thường. Trong các nhà trọ ở Thụy Sĩ, người ta cho

rằng điều bình thường là giường phải được kê cao hơn so với nền nhà, và để trèo lên giường cần phải có bậc thang, phải có những tấm rèm xinh đẹp bao quanh tường và khách trọ phải có phòng riêng. Cách đó vài dặm, ở Đức, người ta cho rằng giường phải đặt sát nền nhà, không có rèm xung quanh và khách trọ ở bốn người một phòng. Chủ nhà trọ ở Đức mang cho khách chăn lông thay vì loại chăn thường thấy ở các nhà trọ Pháp, ở Basle, người ta không thêm nước vào rượu vang và bữa ăn có sáu hay bảy món, và ở Baden, người ta chỉ ăn cá vào ngày thứ Tư. Ngôi làng nhỏ nhất ở Thụy Sĩ cũng có hai cảnh sát canh gác; người Đức cứ 15 phút lại rung chuông một lần, ở một số làng, họ còn rung chuông mỗi phút một lần. Ở Lindau có món xúp nấu bằng quả mọng qua, món chính được mang lên trước món xúp và bánh mì được làm với rau thì là.

Dù khách Pháp thường rất khó chịu vì sự khác biệt này. Ở khách sạn, họ tránh xa những món ăn lạ và yêu cầu những món bình thường mà họ quen. Họ không nói chuyện với ai phạm phải lỗi là không nói ngôn ngữ của họ, và cẩn trọng nhặt sạch rau thì là ra khỏi bánh mì, Montaigne quan sát họ từ bàn của mình:

Một khi đã đi khỏi làng mình, họ giống như cá mắc cạn. Đi đến đâu họ cũng giữ thói quen của mình và nguyên rửa những phong tục lạ. Nếu gặp đồng hương ... họ vô cùng sung sướng... Với sự cẩn trọng mang dáng vẻ khinh khỉnh và lăm lăm, họ quấn trên mình chiếc áo choàng và bảo vệ bản thân tránh khỏi sự ô nhiễm của những vùng đất lạ.

Vào giữa thế kỷ 15, ở các bang miền Nam nước Đức, người ta đã nghĩ ra phương pháp sưởi nhà mới: Kastenofen, một lò sưởi bằng sắt dạng hộp có thể tự đứng, được làm từ các đĩa hình chữ nhật gắn vào

với nhau, trong đó than hoặc củi sẽ được đốt nóng. Chúng mang lại rất nhiều lợi ích trong mùa đông dài. Lò sưởi kín có thể tỏa nhiệt gấp bốn lần so với lò sưởi mở trong khi tiêu tốn ít nhiên liệu hơn và không cần ống khói. Nhiệt được hấp thụ bởi phần vỏ bao ngoài, được phân tán chậm và đều ra không khí bên ngoài. Xung quanh lò sưởi có lỗ để thoát khí và hong khô quần áo và các gia đình có thể dùng khu vực lò sưởi làm nơi sinh hoạt gia đình trong mùa đông.

Nhưng người Pháp không mấy ấn tượng. Họ nghĩ rằng lò sưởi mở rẻ hơn; họ chê lò sưởi Đức không cung cấp ánh sáng và hút quá nhiều lượng ẩm trong không khí, khiến cho căn phòng trở nên ngột ngạt.

Đây là sự không thông hiểu lẫn nhau giữa các vùng. Tháng Mười năm 1580 tại Augsburg, Montaigne gặp một người Đức đã nói một tràng dài chỉ trích cách người Pháp làm hệ thống lò sưởi mở, và sau đó nói về những ích lợi của lò sưởi bằng sắt. Khi nghe nói Montaigne sẽ chỉ ở lại thị trấn vài ngày (ông đến ngày 15 và sẽ rời đi vào ngày 19), người kia tỏ vẻ thương hại, cho rằng một trong số những điều bất tiện khi rời Augsburg là “cảm giác nặng đầu” khi trở lại với lò sưởi mở - chính cái “cảm giác nặng đầu” mà người Pháp từ lâu vẫn chỉ trích lò sưởi bằng sắt.

Montaigne xem xét vấn đề một cách cặn kẽ hơn. Ở Baden, ông nghỉ trong căn phòng có lò sưởi bằng sắt, và một khi đã quen với mùi mà nó tỏa ra, ông cảm thấy khá thoải mái. Ông ghi lại rằng lò sưởi sắt cho phép ông mặc quần áo mỏng, không cần khoác thêm áo choàng lông, và vài tháng sau, vào một buổi tối lạnh ở Italy, ông bày tỏ sự

tiếc nuối rằng nhà trọ không có lò sưởi sắt.

Khi trở về nhà, ông lần lượt cân nhắc điểm mạnh, điểm yếu của từng hệ thống sưởi:

Đúng là lò sưởi sắt mang lại hơi nóng ngọt ngào và chất liệu của nó khi bị làm nóng sinh ra mùi gây đau đầu cho những người không quen... Mặt khác, do hơi nóng tỏa rộng, đều, và ổn định, không có ngọn lửa, khói và gió lùa từ ống khói, nó có khá nhiều lợi thế khi so sánh với hệ thống sưởi của chúng ta.

Như vậy, điều khiến Montaigne khó chịu là niềm tin quả quyết, không được kiểm nghiệm của cả người đàn ông ở Augsburg lẫn người Pháp rằng hệ thống sưởi của mình mới là ưu việt. Nếu như khi từ Đức về, Montaigne cho lắp đặt một cái lò sưởi sắt giống như ở Augsburg trong thư viện của mình thì những người Pháp đồng hương của ông chắc hẳn cũng chào đón nó với sự ngỡ vực mà họ dành cho bất kỳ cái gì mới mẻ:

Mỗi dân tộc đều có nhiều phong tục và tập quán mà với dân tộc khác, chúng không chỉ lạ mà còn man rợ và đáng kinh ngạc.

Trong khi rõ ràng là chẳng có gì man rợ hoặc đáng kinh ngạc về một cái lò sưởi sắt hay lò sưởi đốt củi. Định nghĩa về sự bình thường của bất kỳ xã hội nào xem ra cũng chỉ nắm bắt được một phần nhỏ của bề trải nghiệm mệnh mông, rất hợp lý nhưng lại bị chỉ trích một cách vô lối, của cái mà xã hội đó cho là xa lạ. Với việc chỉ cho người đàn ông từ Augsburg và người hàng xóm xứ Gascony thấy rằng một cái lò sưởi bằng sắt hay lò sưởi đốt củi đều có vị trí chính đáng trong tập hợp các hệ thống sưởi có thể chấp nhận được, Montaigne muốn mở rộng quan niệm mang tính địa phương của độc giả về sự bình

thường - và tiếp bước nhà triết học ưa thích của ông:

Khi người ta hỏi Socrates từ đâu tới, ông không trả lời “Từ Athens” mà là “Từ thế giới”.

Thế giới này đã chứng tỏ nó khác biệt hơn nhiều so với tưởng tượng của bất kỳ ai ở châu Âu thời đó. Thứ Sáu, ngày 12 tháng Mười năm 1492, 41 năm trước khi Montaigne ra đời, Christopher Columbus cập bến một hòn đảo thuộc quần đảo Bahamas ở cửa vịnh Florida và tiếp xúc với vài thổ dân da đỏ Guanahani, những người chưa bao giờ nghe nói đến Chúa Jesus và đi lại hoàn toàn khỏa thân.

Montaigne đặc biệt quan tâm đến chủ đề này. Trong thư viện hình tròn của ông có mấy cuốn sách về cuộc sống của các bộ lạc da đỏ ở châu Mỹ, trong đó có cuốn *Khái quát lịch sử người da đỏ* của Francisco Lopez de Gomara, *Lịch sử Tân thế giới* của Girolamo Benzoni và *Chuyến du hành đến Brazil* của Jean de Léry. Ông đọc được rằng ở Nam Mỹ, người ta thích ăn nhện, châu chấu, kiến, thằn lằn và dơi: “Họ nấu chúng lên và dọn kèm với các loại xốt khác nhau.” Có những bộ tộc châu Mỹ mà ở đó các trinh nữ để vùng kín của mình lộ thiên, cô dâu tham gia sex tập thể trong ngày cưới, đàn ông được cưới nhau, còn người chết thì được nấu chín, xay thành cháo, trộn với rượu và người thân của họ sẽ uống hỗn hợp đó trong bữa tiệc tâm linh. Có nơi phụ nữ đi tiểu đứng còn đàn ông thì tiểu ngồi, đàn ông để lông ở phần trước cơ thể và cạo sạch phía sau. Có nơi đàn ông được cắt bao quy đầu, trong khi ở nơi khác, việc để cho phần đầu của cậu nhỏ nhìn thấy ánh mặt trời là rất đáng sợ, thế nên họ “cẩn trọng kéo miếng da che kín nó và buộc lại bằng những sợi dây nhỏ”. Có nơi bạn chào hỏi người khác bằng cách quay lưng lại phía họ, và ở đó, khi

nhà vua nhổ nước bọt, viên cận thần sẽ đưa tay ra, và sau đó những người có mặt sẽ “gom thứ chất nhầy mà ông thải ra bằng một miếng vải”. Mỗi nước đều có quan niệm khác nhau về cái đẹp:

Ở Peru, tai to là đẹp: họ kéo tai dài hết mức có thể. Một người đàn ông vẫn còn sống đến ngày nay nói rằng ông từng thấy có một đất nước ở phía Đông nơi tập tục kéo tai và đeo đầy trang sức lên tai được coi trọng đến mức ông có thể đưa tay, quần áo và nhiều thứ khác qua lỗ tai của những người phụ nữ ở đó. Có những nơi mà tất cả mọi người đều nhuộm răng đen rất cẩn thận và ghê tởm những hàm răng trắng. Có nơi người ta nhuộm răng màu đỏ... Phụ nữ Mexico cho rằng trán ngắn là biểu hiện của cái đẹp, vì thế, họ nhổ hết tóc và lông trên cơ thể nhưng để tóc mọc dày trên trán và còn cấy tóc giả. Họ coi ngực lớn là điều đáng tự hào đến mức vắt vú qua vai và cho con bú từ đằng sau lưng.

Từ cuốn sách của Jean de Léry, Montaigne biết rằng các bộ lạc Tupi ở Brazil ở trần trong trang phục nguyên thủy của Adam và Eva và không hề tỏ ra xấu hổ (trên thực tế, khi người châu Âu đưa quần áo cho phụ nữ Tupi mặc, họ cười khúc khích và từ chối, không hiểu tại sao lại có người muốn khoác lên mình thứ đồ vướng víu khó chịu như vậy).

Người làm tranh khắc cho De Léry (người đã sống cùng các bộ lạc suốt tám năm trời) đã chú ý đính chính lại tin đồn lan truyền ở châu Âu rằng người Tupi đây lông lá như động vật (theo lời de Léry: *“Ils ne sont point naturellement poilus que nous ne sommes en ce pays”*). Đàn ông cạo trọc đầu còn phụ nữ thì nuôi tóc dài và buộc tóc bằng những cái dây màu đỏ. Thổ dân Tupi thích tắm gội; mỗi khi thấy sông họ đều nhảy xuống và kỳ cọ cho nhau. Họ có thể tắm đến 12 lần mỗi ngày.

Họ sống trong những căn nhà dài giống như nhà kho có thể chứa

đến 200 người. Giường của họ được dệt từ sợi bông và treo giữa các cột giống như những chiếc võng (khi đi săn, người Tupi mang theo giường và mắc chúng vào giữa hai cái cây để ngủ trưa), Cứ sáu tháng một lần, cả làng sẽ chuyển đi chỗ khác vì họ nghĩ rằng thay đổi môi trường xung quanh sẽ tốt cho mình (*"Ils n'ont d'autre réponse, sinon de dire que changeant l'air, ils se portent mieux"* - de Léry). Cuộc sống của người Tupi được tổ chức tốt đến mức họ thường thọ đến 100 tuổi và không bao giờ có tóc trắng hay tóc sâu khi về già. Họ cũng rất mực hiếu khách. Khi có người lạ đến làng, phụ nữ sẽ che mặt, hò reo và kêu lên thật to: "Bạn khỏe không? Bạn thật vất vả khi ghé thăm chúng tôi!" Lữ khách sẽ lập tức được mời thức uống ưa thích của người Tupi làm từ rễ một loại cây và nhuộm màu rượu vang, có vị hăng nhưng tốt cho dạ dày.

Đàn ông Tupi được lấy nhiều hơn một vợ và yêu chiều mỗi bà vợ như nhau. Montaigne viết: "Toàn bộ hệ thống luân lý của họ chỉ bao gồm hai điều: kiên cường trong chiến trận và yêu những người vợ của mình." Và những người vợ tỏ ra hạnh phúc với sự sắp đặt này, không hề thể hiện sự ghen tuông (quan hệ tình dục rất thoáng, chỉ có điều cấm kỵ duy nhất là không được ngủ với họ hàng gần). Montaigne, với bà vợ ở tầng dưới của tòa lâu đài, rất thích thú với chi tiết này:

Một đặc điểm đẹp đáng chú ý của các cuộc hôn nhân đó là: nếu như các bà vợ của chúng ta dành nhiều công sức cho việc ngăn cản các ông chồng đem tình yêu và sự dịu dàng đi cho các cô gái khác thì các bà vợ của họ cũng dành sự tận tâm như thế cho việc tìm các cô gái cho chồng. Vì họ quan tâm đến danh dự của chồng hơn bất kỳ điều gì khác nên họ tìm mọi cách giúp chồng lấy được càng nhiều vợ càng tốt, bởi vì đó là bằng chứng cho lòng dũng cảm của người chồng.

Tất cả những điều này rõ ràng rất kỳ lạ. Montaigne thì không thấy chúng bất thường chút nào.

Ông chỉ là thiếu số. Ngay sau phát hiện của Columbus, thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha bắt đầu tới khai thác vùng đất mới và quyết định rằng người bản địa chỉ hơn động vật một chút. Hiệp sĩ Kitô Viilegagnon nói về họ như là “thú vật với bộ mặt con người”, Richer, mục sư dòng Calvin, cho rằng họ không có ý thức về đạo đức; và bác sĩ Laurent Joubert, sau khi kiểm tra năm phụ nữ Brazil, đã kết luận rằng họ không có kinh nguyệt và do đó không thuộc về loài người.

Sau khi tước bỏ nhân tính của họ, người Tây Ban Nha bắt đầu tàn sát họ như con vật. Đến năm 1534, 42 năm sau khi Columbus đặt chân lên xứ này, đế chế Aztec và Inca bị phá hủy, các dân tộc bị bắt làm nô lệ hoặc tàn sát. Montaigne đọc về sự man rợ này trong cuốn *Tường thuật của Brevissima về Sự tàn sát người Anh-điêng* của Bartolomeo Las Casas (cuốn sách này được in tại Seville năm 1552 và được dịch ra tiếng Pháp với nhan đề *Tyrannies et cruautés des Espagnols perpétrées es Indes occidentales qu'on dit le Nouveau Monde*). Người Anh-điêng bị sát hại bởi chính lòng hiếu khách và vũ khí thô sơ của họ. Họ mở cửa những ngôi làng và thị trấn để chào đón người Tây Ban Nha, để rồi chứng kiến những vị khách đó quay lưng phản lại khi họ ít đề phòng nhất. Các loại vũ khí nguyên thủy của họ không thể sánh được với súng thần công và kiếm của người Tây Ban Nha, và những *conquistadores* đó không hề tỏ sự thương hại nào đối với các nạn nhân. Họ giết trẻ em, mổ bụng phụ nữ mang thai, móc mắt, thiêu

sống cả gia đình và đốt cháy các ngôi làng trong đêm.

Họ huấn luyện chó rồi thả chúng vào rừng nơi người Anh-điêng chạy trốn và để lũ chó xé họ ra từng mảnh.

Đàn ông bị đưa tới làm việc tại các mỏ vàng và mỏ bạc, bị xích lại với nhau bằng cùm sắt. Khi một người chết, cơ thể anh ta bị cắt khỏi chiếc cùm, trong khi những người khác, ở vị trí trước và sau, vẫn tiếp tục làm việc. Phần lớn người Anh-điêng không chịu nổi quá ba tuần làm việc ở các mỏ. Phụ nữ bị hãm hiếp và tra tấn trước mặt chồng.

Kiểu hành hạ được ưa thích là xé cằm và mũi. Las Casas kể lại việc một phụ nữ khi nhìn thấy quân Tây Ban Nha đang tiến đến cùng đàn chó, đã treo cổ cùng đứa con. Một binh sĩ đi tới, dùng kiếm xé đứa trẻ làm đôi, quăng cho lũ chó một nửa rồi bảo thầy dòng thực hiện nghi lễ cuối cùng để đứa trẻ được lên thiên đàng.

Đàn ông và đàn bà bị buộc phải sống tách biệt, đau khổ và lo sợ khiến cho người Anh-điêng tự tử hàng loạt. Trong khoảng thời gian từ khi Montaigne ra đời, năm 1533, đến khi tập thứ ba của bộ *Tiểu luận* được xuất bản, năm 1588, dân số người bản địa ở Tân Thế giới ước tính đã giảm từ 80 đến 100 triệu người.

Người Tây Ban Nha đã tàn sát người Anh-điêng với lương tâm không hề cắn rứt bởi vì họ tự tin rằng họ biết một người bình thường là như thế nào. Lý trí bảo họ rằng người bình thường là người mặc quần tùm ồng, có một vợ, không ăn nhện và ngủ trên giường:

Chúng ta không hiểu tí gì về ngôn ngữ của họ; cách cư xử và thậm chí cả hình dáng và

quần áo họ mặc cũng khác xa so với chúng ta. Liệu có ai trong số chúng ta không cho rằng họ là những kẻ cục súc và man rợ? Ai trong số chúng ta không cho sự im lặng của họ là biểu hiện của sự ngu si và đần độn?

Dù sao đi nữa thì họ cũng không biết gì về những cái hôn tay hay cúi chào thật thấp và đầy phức tạp của chúng ta. Họ có thể trông giống như con người. À! Nhưng họ không mặc quần ống túm...

Đằng sau sự tàn sát này là một lập luận bừa bãi. Việc tách bạch cái bình thường với bất bình thường thường được thực hiện thông qua một kiểu logic quy nạp, trong đó chúng ta rút ra kết luận chung từ những trường hợp cụ thể (một nhà logic học sẽ nói như sau: từ việc quan sát rằng A1 là \emptyset , A2 là \emptyset và A3 là \emptyset , chúng ta đi đến kết luận rằng “Tất cả A đều là \emptyset ”). Để nhận xét ai đó có thông minh hay không, chúng ta dựa vào những đặc tính phổ biến ở tất cả những người thông minh mà ta từng gặp từ trước đến nay. Nếu chúng ta gặp một người thông minh trông giống như người trong bức tranh số 1, một người khác giống số 2, và một người nữa giống số 3, chúng ta có xu hướng kết luận rằng người thông minh thì đọc nhiều, mặc đồ màu đen và mang vẻ trang nghiêm. Có nguy cơ chúng ta sẽ cho rằng người trông giống như người trong bức tranh số 4 là kẻ ngu si, và có thể sau đó giết chết họ.

Những du khách người Pháp tỏ ra ghê sợ việc đặt lò sưởi kiểu Đức trong phòng ngủ có lẽ đã từng biết đến một số loại lò sưởi tốt ở nước mình trước khi tới Đức, từ đó họ kết luận rằng điều cốt yếu của một hệ thống sưởi tốt là buồng đốt mở.

Montaigne thấy phiền lòng về sự ngạo mạn trí tuệ đó. Những kẻ man rợ có tồn tại ở Nam Mỹ, nhưng đó không phải là những người

ăn nhện:

Mọi người gọi cái mà mình không quen là mọi rợ; chúng ta không có tiêu chuẩn nào khác cho chân lý hoặc lẽ phải hơn là những ví dụ và hình mẫu quan niệm và tập quán của chính đất nước mình. Ở đó chúng ta luôn tìm thấy tôn giáo hoàn hảo, chính thể hoàn hảo, cách thức hoàn hảo và tiến bộ nhất để làm mọi việc!

Montaigne không cố phân biệt giữa man rợ với văn minh; có sự khác biệt về giá trị trong tập quán của mỗi quốc gia (thuyết tương đối văn hóa cũng thô thiển như là chủ nghĩa dân tộc). Ông chỉ đang thay đổi cách mà chúng ta phân biệt. Đất nước chúng ta có thể có nhiều điểm tốt, nhưng chúng tốt hay không không phụ thuộc vào việc đó là đất nước *của chúng ta*. Một miền đất xa lạ có thể có nhiều điểm xấu, nhưng chúng không thể bị coi là xấu chỉ dựa trên thực tế là những tập quán của nước đó xa lạ với chúng ta. Tính dân tộc và sự quen thuộc là những tiêu chuẩn nực cười để đánh giá cái gì là tốt.

Tập quán của người Pháp cho rằng nếu anh muốn xì mũi thì phải xì vào khăn tay. Nhưng Montaigne có một người bạn, sau khi suy nghĩ về việc này, đã cho rằng tốt hơn hết là nên xì mũi thẳng vào tay:

Để biện hộ cho hành động của mình, anh ta hỏi tôi rằng tại sao cái chất nhầy bắn thiu ấy lại có đặc ân được chúng ta chuẩn bị một miếng vải đẹp để hứng lấy, gói lại rồi mang theo người một cách cẩn thận... Tôi cho rằng điều anh ta nói không phải hoàn toàn vô lý, nhưng thói quen đã ngăn tôi nhận ra chính sự kỳ lạ đó, một tập tục kiểu như thế mà diễn ra ở nước khác thì có lẽ chúng ta đã thấy thật kinh tởm.

Cho rằng phải đánh giá hành vi dựa trên lập luận cân trọng thay vì thiên kiến, Montaigne bực mình với những người vô tình đánh đồng cái không quen thuộc với sự thiếu hụt, do đó bỏ qua bài học cơ

bản nhất của sự khiêm tốn về trí tuệ mà nhà triết học cổ đại vĩ đại nhất đã dạy chúng ta:

Người khôn ngoan nhất từ trước đến nay là người mà khi được hỏi anh biết gì, trả lời rằng điều duy nhất mà tôi biết đó là tôi không biết gì cả.

Vậy chúng ta cần làm gì khi đối mặt với gợi ý về sự bất bình thường được ngụ ý bằng một câu cảm thán giấu cợt, có phần hơi hoảng hốt như “Thật vậy sao? Kỳ lạ thật!”, đi kèm với một cái nhướn mày, và từng bước một, nó dẫn đến sự chối bỏ nhân tính và sự chính đáng, một phản ứng mà người bạn của Montaigne gặp phải ở Gascony khi anh ta xì mũi vào tay, và cũng kiểu phản ứng đó, ở thái cực cực đoan nhất, đã dẫn đến sự tận diệt các bộ lạc Nam Mỹ?

Có lẽ chúng ta nên nhớ đến ảnh hưởng của lịch sử và địa lý đối với việc điều gì đó bị cáo buộc là bất bình thường. Để bớt bị chúng trói buộc, chúng ta chỉ cần tiếp xúc nhiều hơn với những phong tục tập quán đa dạng cả về không gian và thời gian. Cái được coi là bất bình thường ở một nhóm người tại một thời điểm có thể không, và sẽ không mãi mãi bị coi là bất bình thường. Chúng ta có thể vượt qua những đường ranh giới trong đầu óc mình.

ĐIỀU GÌ ĐƯỢC COI LÀ BẤT BÌNH THƯỜNG Ở ĐÂU

Montaigne chất đầy trong thư viện của mình những cuốn sách giúp ông vượt qua ranh giới của thiên kiến. Ở đó có sách lịch sử, du ký, báo cáo của các đoàn truyền giáo và thuyền trưởng, tác phẩm văn

học của các nước khác và các bộ sách có hình minh họa những bộ lạc bơi lên người những thứ kỳ lạ, ăn các loài cá không ai biết tên. Qua những cuốn sách này, Montaigne tìm thấy sự chính đáng cho những phần thuộc về bản thân mình mà ông không thể tìm thấy ở xung quanh - phần La Mã, phần Hy Lạp, phần con người ông gần với Mexico và Tupi hơn là Gascony, phần muốn có sáu vợ hay tám lưng cạo nhẵn hay tắm 12 lần một ngày; ông cảm thấy đỡ cô đơn hơn khi đọc *Biên niên sử* của Tacitus, đọc về lịch sử Trung Hoa của Gonzalez de Mendoza, về lịch sử Bồ Đào Nha của Goulart, về lịch sử Ba Tư của Lebeliski, về những chuyến du hành quanh châu Phi của Leo Africanus, về lịch sử Cyprus của Lusignano, bộ sưu tập của Postel về lịch sử Thổ Nhĩ Kỳ và phương Đông, và cuốn *Vũ trụ học* của Muenster (hứa hẹn có tranh vẽ về “những con vật kỳ lạ” (“animaulx estranges”).

Nếu cảm thấy bị áp lực bởi tuyên bố của những người khác về chân lý phổ quát, ông có thể, theo một cách tương tự, lôi ra những học thuyết về vũ trụ của tất cả các nhà triết học cổ đại vĩ đại và có thể thấy sự khác biệt nực cười giữa những học thuyết này, cho dù mỗi nhà triết học đều tin rằng mình sở hữu chân lý toàn thiện. Sau khi tiến hành nghiên cứu so sánh, Montaigne thú nhận một cách châm biếm rằng ông không biết phải tin vào:

“Những ý niệm” của Plato, nguyên tử của Epicurus, chất lỏng vô hình (plenum) và chân không (vacuum) của Leucippus và Democritus, nước của Thales, sự vô tận của Tự nhiên của Anaximander, hay nguyên tố thứ năm (aether) của Diogenes, con số và tính đối xứng của Pythagoras, vô cực của Parmenides, Nhất thể của Musaeus, nước và lửa của Apollodorus, hạt đồng nhất của Anaxagoras, sự xung khắc và hòa hợp của Empedocles, lửa của Heraclitus, hay bất kỳ quan điểm nào được rút ra từ mớ hỗn loạn vô tận gồm

những phán đoán và học thuyết sinh ra từ lý trí cao quý của con người, với tất cả sự chắc chắn và rõ ràng của nó.

Việc khám phá ra những thế giới mới và các văn liệu cổ đại đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến cái mà Montaigne miêu tả là “sự ngạo mạn đáng buồn và sự hiếu chiến có lòng trung thành cùng niềm tin trọn vẹn vào chính nó”:

Bất kỳ ai biết tập hợp lại một cách thông minh những dấu hiệu của sự ngu như lừa của trí khôn con người sẽ có một câu chuyện tuyệt vời để kể... Chúng ta sẽ biết nên nghĩ như thế nào về Con người, về ý thức và lý trí của Con người, khi tìm thấy những sai lầm hiển nhiên và tệ hại ở chính những nhân vật quan trọng, những người đã đưa trí tuệ con người lên tới đỉnh cao.

Chuyến du hành vòng quanh châu Âu trên lưng ngựa trong suốt 17 tháng cũng mang lại nhiều ích lợi. Sự chứng thực về những đất nước khác và những cách sống khác làm giảm đi không khí đè nén nặng nề của chính xứ xở quê hương Montaigne. Điều mà một xã hội cho là kỳ lạ thì xã hội khác, một cách hợp lý hơn, lại cho là bình thường.

Những vùng đất khác có thể trả lại cho chúng ta cảm giác về điều khả dĩ mà sự ngạo mạn của chính quê hương ta đã bác bỏ; chúng khuyến khích ta biết chấp nhận bản thân mình hơn. Quan niệm về sự bình thường của mỗi nơi - Athens, Augsburg, Cuzco, Mexico, Rome, Seville, Gascony - đều có chỗ cho chỉ một vài khía cạnh của bản chất con người chúng ta, trong khi quy chụp tất cả những thứ còn lại là man rợ và kỳ dị. Mỗi người đều có thể là một chỉnh thể hoàn thiện của con người, nhưng dường như không một quốc gia nào có thể dung nạp hết được sự phức tạp của chỉnh thể đó.

Trong số 57 câu mà Montaigne khắc trên những thanh dầm của trần thư viện, có một câu sau của Terence:

Homo sum, humani a me nihil alienum puto.

Tôi là con người, không gì thuộc về con người lại xa lạ với tôi.

Với việc vượt qua những đường ranh giới, trên lưng ngựa và trong trí tưởng tượng, Montaigne muốn chúng ta hãy đổi những thiên kiến mang tính địa phương và sự tự chia rẽ mà chúng gây ra để lấy những bản thể ít trói buộc hơn, đó là những công dân thế giới.

Một niềm an ủi khác cho những cáo buộc về sự bất bình thường là tình bạn. Một người bạn là người mà ngoài những thứ khác, đủ tử tế để coi chúng ta là người bình thường hơn so với sự đánh giá của phần lớn mọi người. Chúng ta có thể chia sẻ với bạn bè những nhận xét mà với người khác ta không thể chia sẻ vì chúng quá chua cay, gọi dục, tuyệt vọng, ngớ ngẩn, thông minh hoặc yếu đuối - tình bạn là âm mưu nhỏ chống lại cái mà mọi người cho là hợp lý.

Giống như Epicurus, Montaigne tin rằng tình bạn là một phần thiết yếu của hạnh phúc:

Tôi cho rằng sự ngọt ngào của một tình bạn tương hợp là vô giá. Ôi! Một người bạn! Cái nhận xét từ thời cổ đại ấy mới đúng làm sao: rằng được gặp một người bạn thường xuyên còn dịu dàng hơn nước, còn cần thiết hơn lửa.

Montaigne đã may mắn có được một tình bạn như thế trong một thời gian. Năm 25 tuổi, ông được giới thiệu với nhà văn 28 tuổi và là nghị sĩ Nghị viện Bordeaux, Étienne de La Boétie. Đó là tình bạn từ

cái nhìn đầu tiên:

Chúng tôi đi tìm nhau trước khi mắt chạm mắt vì những thông tin mà người này đã được nghe về người kia, chúng tôi đón nhận nhau bằng tên. Trong buổi gặp gỡ đầu tiên, tình cờ là nó diễn ra ở một lễ hội đông đúc của thành phố, chúng tôi thấy quá bị cuốn hút vào nhau, quá biết nhau, quá gắn bó với nhau, đến nỗi từ đó trở đi, không có gì gần gũi chúng tôi hơn là người kia nữa.

Montaigne tin rằng một tình bạn như thế 300 năm mới có một lần, nó không có điểm gì chung với những mối quan hệ nhạt nhẽo thường được gán mác tình bạn:

Cái mà chúng ta gọi là bạn bè và tình bạn không là gì hơn ngoài những mối quen biết và quan hệ thân thuộc, gắn với nhau bởi sự tình cờ hoặc vài điểm chung, nhờ chúng mà tâm hồn chúng ta nâng đỡ lẫn nhau. Trong tình bạn mà tôi đang nói đến, những tâm hồn được hòa trộn và tan vào nhau thành một hỗn hợp đồng nhất đến mức nó xóa nhòa cái đường nối đã kết chúng lại với nhau, để không ai tìm thấy đường nối ấy nữa.

Tình bạn đó chắc hẳn đã không quý giá đến thế nếu như phần lớn những người xung quanh không đáng thất vọng đến như vậy, nếu như Montaigne đã không phải che giấu quá nhiều thứ thuộc về bản chất con người ông khi đứng trước họ. Sự gắn bó sâu sắc của Montaigne với La Boétie cho thấy mức độ mà ông buộc phải trưng ra cái hình ảnh đã qua kiểm duyệt của bản thân mình trong quan hệ với những người khác, để tránh sự nghi ngờ và những cái nhướn mày. Nhiều năm sau đó, Montaigne phân tích nguồn gốc của tình cảm ông dành cho La Boétie:

Luy seul jouyssoit de ma vraye image.

Chỉ mình anh ta có đặc quyền biết hình ảnh thực của tôi.

Nghĩa là, La Boétie người duy nhất trong số những người quen biết Montaigne - hiểu đúng về ông. La Boétie cho phép ông là chính mình; bằng tâm lý nhạy bén của mình, La Boétie cho phép Montaigne làm như vậy. Ông cho Montaigne không gian để thể hiện những khía cạnh có giá trị của bản thân, mà cho đến lúc đó vẫn bị người khác bỏ qua - điều này cho thấy chúng ta chọn bạn bè không chỉ vì họ tử tế và thú vị, mà có lẽ quan trọng hơn là vì họ hiểu chúng ta như cách mà ta nghĩ về bản thân mình.

Quãng thời gian tuyệt vời ấy ngắn ngủi đến đau lòng. Bốn năm sau lần gặp gỡ đầu tiên, vào tháng Tám năm 1563, La Boétie bị đau bụng và qua đời vài ngày sau đó. Mất mát ấy đã ám ảnh Montaigne suốt đời:

Thật lòng mà nói nếu so sánh phần còn lại của cuộc đời tôi với bốn năm mà tôi có được tình bằng hữu ngọt ngào của một con người như thế, thì nó chẳng khác nào khói bụi và tro tàn, chẳng khác nào đêm đen ảm đạm. Từ ngày mất đi người bạn ấy... tôi chỉ còn một mỗi lê bước trên đường đời.

Xuyên suốt toàn bộ *Tiểu luận* là những lời bộc bạch về niềm khát khao có được một người bạn tâm giao như người bạn đã mất. 18 năm sau cái chết của La Boétie, Montaigne vẫn trải qua những quãng thời gian đau buồn vì nhớ thương. Tháng Năm năm 1581, ở La Villa gần Lucca, nơi nghỉ dưỡng của Montaigne, ông viết trong nhật ký du hành rằng mình đã dành nguyên một ngày đắm chìm trong “những suy nghĩ đau đớn về Monsieur de La Boétie. Tôi đã chìm trong tâm trạng này quá lâu, không thể hồi phục được, đến mức nó gây ra nhiều tác hại”.

Ông không bao giờ được may mắn như thế trong tình bạn nữa nhưng đã tìm ra cách bù đắp tốt nhất. Trong cuốn *Tiểu luận*, bằng phương tiện khác, ông tái hiện hình ảnh thực của mình mà La Boétie từng nhìn ra. Ông trở thành chính bản thân mình trên trang giấy, như đã từng là chính mình trước người bạn đó.

Sự nghiệp viết lách của ông khởi nguồn từ nỗi thất vọng với những người xung quanh nhưng nó cũng hàm chứa hy vọng rằng có ai đó ở đâu đó sẽ thấu hiểu; cuốn sách của ông dành cho mọi người nhưng cũng không dành cho người nào cụ thể. Ông hiểu rõ nghịch lý của việc bộc lộ cái tôi sâu thẳm nhất của mình ra trước những người lạ trong hiệu sách:

Nhiều điều tôi không muốn nói cho bất kỳ ai biết thì tôi nói ra với công chúng, và nếu những người bạn trung thành nhất muốn biết những bí mật sâu kín nhất của tôi, tôi giới thiệu họ đến hiệu sách.

Tuy thế, chúng ta vẫn nên biết ơn nghịch lý này. Hiệu sách là điểm đến giá trị nhất cho những người cô đơn, nếu chúng ta để ý đến số lượng sách được viết ra bởi vì tác giả không thể tìm được ai chuyện trò.

Montaigne có thể đã bắt đầu viết sách để xoa dịu nỗi cô đơn nhưng cuốn sách của ông cũng có thể giúp chúng ta xoa dịu nỗi cô đơn của chính mình, dù ít hay nhiều. Bức chân dung tự họa chân thực, không che đậy của con người, trong đó ông nhắc đến sự bất lực và đánh trung tiện giúp chúng ta cảm thấy bớt lẻ loi khi nghĩ đến những khía cạnh của bản thân đã bị bỏ qua khi ở bên người khác

hoặc ở bên những chân dung bình thường khác, nhưng những khía cạnh ấy dường như là một phần không thể chối bỏ của nguyên bản con người chúng ta.

4

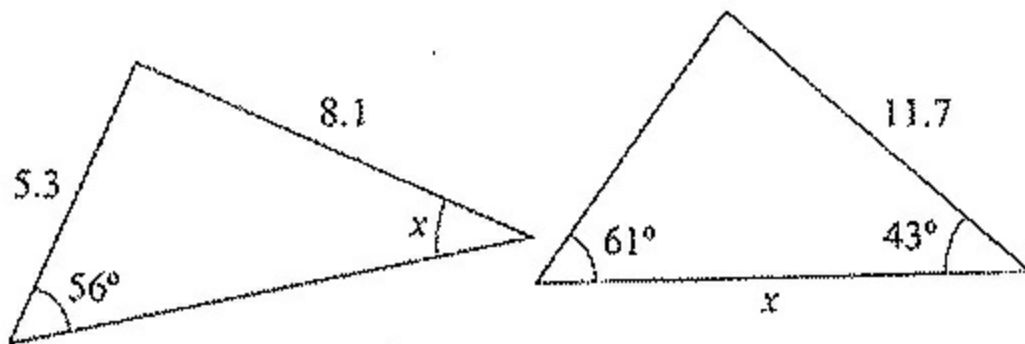
Về sự thiếu hụt trí tuệ

Có một số giả định chủ yếu về điều cần thiết để trở thành người thông minh:

Điều mà người thông minh cần biết.

Một trong những điều đó, phản ánh ở những thứ được dạy trong nhiều trường phổ thông và đại học, đó là người thông minh thì phải biết trả lời những câu hỏi như:

1. Tìm chiều dài hoặc độ lớn của cạnh hoặc góc đánh dấu X trong các tam giác sau:



2. Tìm chủ ngữ, vị ngữ, từ nối, từ chỉ số lượng (nếu có) trong các câu sau: Chó là bạn tốt nhất của con người; Licilius là kẻ xấu xa; Tất cả các con dơi thuộc loài gặm nhấm; Không có cái gì màu xanh trong căn phòng này sao?

3. Luận điểm *Nguyên nhân đầu tiên* của Thomas Aquinas phát biểu như thế nào?

4. Dịch đoạn sau:

Πάσα τέχνη και πάσα μέθοδος, ομοίως δέ πραξίς τε και προαιρεσις, αγαθού τίνος εφιεσθαι δοκεῖ διό καλώς ἀπεφήναντο τάγαθόν ο•5 πάντ' εφίεται. (διαφορά δέ τις φαίνεται των τελών τα μὲν γάρ εἰσιν ἐνέργειαι, τα δε παρ' αὐτάς ἐργα τινά' ων δ' εἰσι τέλη τινά παρὰ τὰς πράξεις, ἐν τούτοις βελτίω πέφυκε των ενεργειῶν τὰ ἐργα.) πολλῶν δε πράξεων οὔσων καί τεχνῶν και επιστήμων πολλά γίνεται και τα τέλη• ιατρικῆς μὲν γὰρ ὑγίεια, ναυπηγικῆς δέ πλοῖον, στρατηγικῆς δε νίκη, οικονομικῆς δέ πλούτος.

(Aristotle, *Nicomachean Ethics*, 1 i-iv)

5. Dịch đoạn sau:

In capitis mei levitatem iocatus est et in oculorum valitudinem et in crurum gracilitatem et in staturam, Quae contumelia est quod apparet audire? Coram uno aliquid dictum ridemus, coram pluribus indignamur, et eorum aliis libertatem non relinquimus, quae ipsi in nos dicere adsuevimus; locis temperatis delectamur, immodicis irascimur.

(Seneca, *De Constantia*, XVI. 4)

Montaigne đã gặp nhiều câu hỏi như vậy và đã trả lời chúng rất tốt. Ông theo học tại một trong những cơ sở giáo dục tốt nhất của Pháp, Collège* Guyenne ở Bordeaux, được thành lập năm 1533 để thay thế cho Collège des Arts của thành phố đã cũ và không còn đáp ứng được nhu cầu. Trong số các giáo viên của trường có vị hiệu trưởng khai sáng André de Gouvéa - một học giả Hy Lạp nổi tiếng, Nicolas de Grouchy - một học giả về triết học Aristotle, Guillaume Guerente, và nhà thơ Scotland, George Buchanan.

Nếu cố gắng xác định triết lý giáo dục làm nền tảng cho Collège de Guyenne, hay đúng ra là của hầu hết các trường phổ thông và đại học tồn tại trước và sau nó, ta có thể thấy nó ít nhiều dựa trên quan điểm cho rằng một học sinh càng học nhiều về thế giới (lịch sử, khoa học, văn học) thì càng tốt. Nhưng Montaigne, sau khi học tập chăm chỉ theo giáo trình của trường, đã thêm vào đó hai điều kiện:

Một người thông thái sẽ đánh giá giá trị thực của mọi thứ dựa trên sự hữu dụng và phù hợp của nó với cuộc sống của anh ta.

Chỉ những gì khiến ta cảm thấy tốt hơn mới đáng để hiểu.

Có hai nhà tư tưởng cổ đại xuất hiện khá nhiều trong giáo trình của Collège de Guyenne và được tôn vinh là những tấm gương về trí tuệ. Học sinh được dạy các cuốn *Các phân tích Trước và Sau* của Aristotle, trong đó nhà triết học Hy Lạp, người tiên phong trong khoa học logic, phát biểu rằng nếu A được khẳng định bởi mọi B và B được khẳng định bởi mọi C thì A được khẳng định bởi mọi C. Aristotle lập luận rằng nếu một mệnh đề khẳng định hoặc phủ định việc P được

khẳng định bởi S thì S và P là các điều kiện của lập luận đó, với P là điều kiện thụ động và S là điều kiện chủ động, và thêm rằng mọi mệnh đề đều phổ quát hoặc cá biệt, khẳng định hoặc phủ định việc P được khẳng định bởi mọi S hoặc một phần của S. Người thứ hai là học giả La Mã Marcus Terentius Varro, người đã xây dựng một thư viện cho Julius Caesar và viết 600 cuốn sách, bao gồm một cuốn bách khoa toàn thư về khoa học xã hội và 25 cuốn sách về từ nguyên học và ngôn ngữ học.

Montaigne không thờ ơ trước những nhân vật này. Để viết nên cả một giá sách về nguồn gốc các từ và khám phá ra các mệnh đề phổ quát là cả một kỳ công. Tuy thế, nếu như chúng ta biết rằng những người làm việc đó không hạnh phúc hay thực ra là hơi bất hạnh hơn những người chưa bao giờ nghe về logic triết học, chúng ta có thể phải suy nghĩ. Montaigne nghiên cứu cuộc đời của Aristotle và Varro, và đặt câu hỏi:

Sự uyên bác đã mang lại điều gì tốt đẹp cho Varro và Aristotle? Nó có giải thoát cho họ khỏi những tai ương mà con người phải gánh chịu hay không? Nó có giúp giảm bớt rủi ro giống như những rủi ro xảy ra với một người cừu vận bình thường hay không? Logic có thể an ủi họ khi mắc bệnh gout không...?

Để hiểu tại sao hai người đàn ông có thể vừa uyên bác lại vừa bất hạnh đến thế, Montaigne đã phân biệt hai loại tri thức: *kiến thức* và *sự thông thái*. Trong thể loại kiến thức, ông xếp vào đó những môn như logic học, từ nguyên học, ngữ pháp, tiếng Latin và tiếng Hy Lạp. Trong thể loại sự thông thái, ông xếp vào đó một loại tri thức rộng hơn, khó nắm bắt hơn và giá trị hơn, tất cả mọi thứ có thể giúp con người sống tốt, điều đó, theo Montaigne, có nghĩa là giúp họ sống

hạnh phúc và có đạo đức.

Vấn đề với Collège de Guyenne, bất chấp việc có một vị hiệu trưởng và đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp, là nó rất giỏi trong việc truyền đạt kiến thức nhưng hoàn toàn thất bại trong việc truyền đạt sự thông thái - và như thế, nó lặp lại ở cấp độ thể chế những sai lầm đã làm hỏng cuộc sống riêng tư của Varro và Aristotle:

Tôi vui mừng trở lại với chủ đề sự ngu xuẩn của nền giáo dục của chúng ta: mục đích của nó không phải để làm cho ta trở nên tốt đẹp và thông thái mà thành người có học. Và nó đã thành công. Nó không dạy ta tìm kiếm phẩm hạnh và đi theo minh triết: nó áp đặt lên ta nguồn gốc và từ nguyên của những từ này...

Chúng ta hỏi ngay, “Thế ông ta có biết tiếng Hy Lạp và tiếng Latin không?” “Ông ta có biết làm thơ và viết văn không?” Nhưng điều quan trọng nhất là điều mà chúng ta hỏi sau cùng: “Ông ta có trở nên tốt đẹp và thông thái hơn hay không?” Chúng ta cần tìm ra không phải người hiểu *nhều nhất* mà là người hiểu *đúng nhất*. Chúng ta làm việc chỉ để lấp đầy trí nhớ, còn phần dành cho hiểu biết và ý thức về cái đúng, cái sai thì trống rỗng.

Montaigne chưa bao giờ giỏi thể thao: “Với môn khiêu vũ, quần vợt và đấu vật, kỹ năng của tôi chỉ sơ sài và tầm thường; ở môn bơi, đấu kiếm, nhảy ngựa và nhảy cao, tôi không hề có chút kỹ năng nào.” Tuy nhiên, sự phản đối của Montaigne đối với sự thiếu minh triết mà phần lớn các giáo viên truyền đạt cho học sinh mạnh mẽ đến mức ông không e ngại đề xuất một sự thay đổi quyết liệt về giáo dục cho thế hệ trẻ Pháp:

Nếu như tâm hồn của học sinh đó không chuyển động với một chuyển động tốt hơn và nếu nó không có được sự phán xét lành mạnh hơn, tôi nghĩ rằng em ấy nên dành thời gian chơi quần vợt ngay lập tức.

Đương nhiên là ông muốn học sinh đi học, nhưng phải là những

ngôi trường dạy chúng sự thông thái thay vì từ nguyên học và có thể thay đổi khuynh hướng trí tuệ từ lâu quá coi trọng các câu hỏi trừu tượng. Thales, người xứ Miletus ở bán đảo Tiểu Á, là một ví dụ về khuynh hướng này. Ông được tôn vinh suốt bao năm qua vì từ thế kỷ 6 trước Công nguyên, ông đã tìm cách đo kích thước của bầu trời và xác định chiều cao của Đại Kim tự tháp Ai Cập theo định lý tam giác đồng dạng - một công việc phức tạp và cũng là thành tựu sáng chói của ông. Điều này không có gì phải nghi ngờ, nhưng đó không phải là cái mà Montaigne muốn sẽ đóng vai trò chủ đạo trong giáo trình của mình. Ông dành sự đồng cảm lớn hơn đối với triết lý giáo dục không được thể hiện ra của một trong số những người quen trẻ tuổi và hỗn xược của Thales:

Tôi luôn thầm cảm ơn cô gái đến từ Miletus đó, người mà khi thấy nhà triết học của vùng với cặp mắt đắm đắm nhìn lên trời, lúc nào cũng trầm ngâm suy tưởng về việc đo độ lớn của bầu trời, đã ngáng chân ông để cảnh báo rằng vẫn có đủ thời gian cho ông nghĩ đến những thứ bên trên các đám mây sau khi ông đã giải thích hết mọi thứ nằm ngay dưới chân mình. Bạn có thể dùng lý lẽ này của cô gái để chỉ trích bất kỳ ai bận lòng với triết học: họ không nhìn thấy điều gì nằm ngay dưới chân mình.

Montaigne nhận thấy rằng trong các lĩnh vực khác cũng tồn tại khuynh hướng tương tự, khuynh hướng coi trọng các hoạt động phi thường hơn là những thứ khiêm tốn nhưng không kém phần quan trọng - và giống y như cô gái xứ Miletus, ông tìm cách đưa chúng ta trở lại mặt đất:

Chọc thủng một phòng tuyến, chỉ huy một phái đoàn, cai quản một quốc gia, đó là những công việc hào nhoáng. Trách mắng, cười, mua, bán, yêu, ghét và sống cùng nhau một cách dịu dàng và phù hợp với gia đình của mình và với bản thân mình, không chênh mảng, cũng không lừa dối bản thân, điều đó đáng nói hơn, hiếm hơn và khó hơn.

Dù người ta có nói gì đi nữa thì cuộc sống tự tại như vậy sẽ giúp ta thực hiện được những trách nhiệm mà ít ra cũng khó khăn và căng thẳng như của người khác với sự ung dung tự tại như thế.

Vậy Montaigne muốn học sinh học được gì ở trường? Bài kiểm tra như thế nào thì sẽ kiểm tra được trí thông minh thuộc về sự thông thái mà ông muốn nói đến, loại trí thông minh đã bị loại bỏ khỏi kỹ năng tinh thần của Aristotle và Varro bất hạnh?

Các bài kiểm tra sẽ đặt câu hỏi về những thách thức của cuộc sống hằng ngày: tình yêu, tình dục, bệnh tật, cái chết, con cái, tiền bạc và tham vọng.

Nghiên cứu của Montaigne về sự thông thái

1. Khoảng bảy hoặc tám năm về trước, có một người dân làng sống cách đây khoảng hai dặm, ông ta hiện vẫn còn sống; từ lâu ông đã điên đầu vì sự ghen tuông của bà vợ; một ngày, ông vừa đi làm về đã nghe thấy những lời đay nghiến thường lệ của bà ta; nó khiến ông tức giận đến nổi, trên tay vẫn cầm cái liềm, ông bất thành linh chặt đứt cái bộ phận cơ thể đã khiến bà ta rơi vào cơn điên loạn như vậy và ném vào mặt bà ta. (*Tiểu luận*, 11.29)

a) Chúng ta nên giải quyết mâu thuẫn gia đình như thế nào?

b) Người vợ đang chì chiết chồng hay đang thể hiện tình cảm?

2. Hãy đọc hai câu sau:

Tôi muốn thần chết tìm đến mình lúc đang trồng bắp cải, không lo nghĩ

về nó cũng như về mảnh vườn chưa làm xong. (*Tiểu luận*, 1.20)

Tôi hầu như không phân biệt nổi bắp cải với xà lách. (*Tiểu luận*, 11.17)

Đâu là sự tiếp cận cái chết một cách khôn ngoan?

3. Có lẽ sẽ hiệu quả và trong sáng hơn nếu để cho phụ nữ học về thực tế [kích thước bộ phận sinh dục nam] từ sớm thay vì để cho họ đoán mò theo sự phóng túng của trí tưởng tượng bị hun nóng: thay vì dạy cho họ biết về bộ phận sinh dục như chúng vốn thế, những hy vọng và mong muốn của họ thay thế chúng bằng những cái to gấp ba lần... Thật tai hại làm sao khi bọn con trai vẽ đây hình những cái dương vật khổng lồ lên khắp các bức tường hành lang và cầu thang của các tòa lâu đài hoàng gia! Từ đó nảy sinh sự lầm tưởng ghê gớm về năng lực tự nhiên của chúng ta. (*Tiểu luận*, III.5)

Một người đàn ông với cái “Thực tế sống động” nhỏ bé sẽ nêu lên chủ đề này như thế nào?

4. Tôi biết một người hầu đã phục vụ một buổi tiệc lớn tại phòng ăn của một lâu đài, và bốn hoặc năm ngày sau đó, anh này khoác lác (chỉ đùa thôi vì không có chút sự thật nào trong đó) rằng mình đã cho họ ăn bánh làm từ thịt mèo; một trong số các quý cô dự bữa tiệc sợ hãi đến nỗi bị suy nhược vì một cơn đau bụng trầm trọng và sốt cao: người ta không thể cứu sống cô. (*Tiểu luận*, I.21)

Hãy phân tích sự phân chia trách nhiệm đạo đức.

5. Giá như việc tự nói chuyện với mình không bị cho là điên rồ thì sẽ không có ngày nào mà tôi không tự nghe tiếng mình tự gào vào mặt, “Mày là đồ cặn bã ngu xuẩn!” (*Tiểu luận*, 1.38)

Nỗi đau khổ kỳ lạ nhất của con người là ghê tởm sự tồn tại của mình. (*Tiểu luận*, III.13)

Mỗi chúng ta nên tự yêu bản thân mình bao nhiêu?

Thiết kế các bài kiểm tra để đánh giá sự thông thái của con người thay vì kiến thức có lẽ sẽ dẫn đến sự sắp xếp lại thứ bậc của trí thông minh - và sự ra đời của một giới tinh hoa mới đầy kinh ngạc. Montaigne thích thú với viễn cảnh mà ở đó những con người lạ lùng này sẽ được coi là thông minh hơn các ứng cử viên truyền thống được tán dương nhưng thường là không xứng đáng.

Trong đời mình, tôi đã thấy hàng trăm người thợ thủ công và thợ cày thông thái hơn và hạnh phúc hơn những vị hiệu trưởng trường đại học.

Người thông minh nên nói gì và trông như thế nào?

Thông thường chúng ta hay cho rằng mình đang đọc một cuốn sách rất cao siêu khi ta còn không hiểu nó đang viết gì. Sau cùng thì những ý niệm sâu sắc không thể được giải thích bằng ngôn ngữ trẻ con. Tuy nhiên, việc gắn sự khó khăn với sự thâm sâu có thể bị mô tả một cách hơi nhỏ nhen là biểu hiện bằng con chữ của sự vô lý thường gặp trong đời sống tình cảm, nơi mà những người bí hiểm và khó nắm bắt lại có thể có được sự trân trọng của những bộ óc khiêm tốn

hơn là những người đáng tin cậy và rõ ràng.

Montaigne chẳng e ngại gì mà không thừa nhận vấn đề của mình với những cuốn sách bí hiểm. “Tôi không thể giao du lâu với [chúng],” ông viết, “Tôi chỉ thích [những cuốn] vui vẻ, nói về thứ mà tôi quan tâm.

Tôi không định tẩy não vì bất kỳ cái gì, kể cả vì mục đích học hành, dù nó có cao quý đến thế nào đi nữa. Cái tôi tìm kiếm từ sách vở chỉ là để mang lại sự hài lòng cho bản thân từ một thú vui danh giá... Khi đọc đến một đoạn khó, tôi không bao giờ ngồi đấy mà cắn móng tay: sau một hay hai lần cố hiểu, tôi sẽ mặc kệ nó... Nếu một cuốn sách khiến tôi mệt mỏi, tôi sẽ bỏ đấy và đi đọc quyển khác.”

Điều này nghe thật ngớ ngẩn, hoặc hẳn là sự giả vờ, giấu cợt của quý ông với hàng ngàn cuốn sách trong thư viện và kiến thức như một cuốn bách khoa toàn thư về triết học Hy Lạp và Latin. Nếu Montaigne thích thể hiện bản thân như là một quý ông u ám thường lơ đãng khi nghe các bài thuyết trình triết học thì đó là sự không thành thật một cách có mục đích. Những tuyên bố lặp đi lặp lại về tính lười biếng và chậm chạp là những thủ thuật để chống lại nhận thức mục nát về trí tuệ và những tác phẩm tốt.

Theo Montaigne, không có lý do chính đáng nào mà sách về khoa học nhân văn lại phải khó đọc hay nhàm chán; sự thông thái không cần đến từ vựng hay cú pháp riêng, và đọc giả cũng không được ích lợi gì nếu cảm thấy mệt mỏi. Tính đến mức độ nhàm chán của chúng ta, mặc dù nó không bao giờ là một viên quan tòa đủ công bằng (và trong bộ dạng suy đồi nhất của mình, nó trở thành sự thờ ơ và thiếu

kiên nhẫn có chủ ý), có thể giúp chúng ta giảm bớt sự khoan dung thái quá dành cho những thứ vô nghĩa. Người không lắng nghe sự nhàm chán của bản thân mình khi đọc sách, giống như người không chú ý đến sự đau đớn, có thể sẽ càng làm tăng sự đau khổ của bản thân một cách không cần thiết. Cho dù mối nguy hại của việc bị làm phiền lòng một cách sai trái là gì đi nữa thì vẫn có rất nhiều chông gai trong việc không bao giờ cho phép bản thân mình mất kiên nhẫn với thứ mà ta đọc.

Mọi tác phẩm khó đọc đều mang lại cho chúng ta lựa chọn nên đánh giá tác giả kém cỏi vì không viết được rõ ràng hay chúng ta đổ lỗi khi không hiểu được. Montaigne khuyến khích chúng ta đổ lỗi cho tác giả. Văn phong khó hiểu thường là kết quả của sự lười biếng hơn là tài năng; thứ dễ đọc hiếm khi được viết như vậy, hoặc, kiểu văn phong như vậy che giấu sự thiếu hụt về mặt nội dung; tỏ ra khó hiểu mang lại cho tác giả sự bảo vệ tuyệt vời trước việc không có gì để nói:

Sự khó hiểu là một đồng tiền mà người có học làm trò ảo thuật với nó để không phải tiết lộ sự phù phiếm của các nghiên cứu của mình, và là cái mà sự ngu xuẩn của con người háo hức đón nhận như là sự trả công cho việc đọc những thứ đó.

Không có lý do gì mà các triết gia lại sử dụng những ngôn từ vốn xuất hiện trên phố hay ở chợ:

Giống như quần áo là cách mà một bộ óc tầm thường dùng để thu hút sự chú ý tới phong cách thời trang riêng hoặc kỳ dị thì lời nói cũng vậy; việc tìm kiếm những cách thể hiện mới và những từ ít ai biết xuất phát từ một tham vọng muốn được trở thành vị hiệu trưởng đáng kính từ thuở thiếu thời. Giả như tôi có thể giới hạn bản thân, chỉ cho

phép mình dùng những từ ngữ được sử dụng ở Les Halles* tại Paris.

Nhưng viết một cách giản dị đòi hỏi phải có lòng can đảm, bởi vì điều nguy hiểm là chúng ta có thể bị coi thường, bị cho là đầu óc đơn giản bởi những người với niềm tin chắc chắn rằng văn phong khó hiểu là đỉnh cao của trí tuệ. Khuynh hướng này mạnh đến nỗi Montaigne tự hỏi liệu phần đông các sinh viên đại học có đánh giá cao Socrates đến thế nếu như người mà họ tuyên bố là tôn kính hơn tất cả mọi người, đến gặp họ ở chính quê hương của họ, trong chiếc áo choàng bản thủ, không có vinh hạnh được giới thiệu qua những đoạn đối thoại của Plato, và nói bằng một ngôn ngữ đơn giản:

Hình ảnh về các cuộc đối thoại với Socrates mà bạn bè ông truyền lại cho chúng ta được tán đồng chỉ vì ta bị choáng ngợp trước sự đồng tình chung dành cho nó. Điều này không xuất phát từ kiến thức của chúng ta; vì họ không làm theo cách của chúng ta: nếu những thứ như vậy được sinh ra vào thời đại ngày nay thì sẽ được ít người đánh giá cao. Chúng ta không thể thương thức vẻ đẹp yêu kiều mà không ai chỉ cho, không được thổi phồng và tán dương bởi sự khéo léo. Những vẻ đẹp bên dưới cái tên ngây thơ hoặc giản dị sẵn sàng bị lờ đi dưới con mắt thô thiển như của chúng ta... Với chúng ta, sự ngây thơ chẳng phải là họ hàng gần của đầu óc đơn giản và là một đặc tính đáng bị chỉ trích hay sao? Socrates làm cho tâm hồn mình chuyển động cùng nhịp điệu với chuyển động tự nhiên của người thường, vì thế ông nói tiếng nói của người nông dân, tiếng nói của một phụ nữ... Phép quy nạp và so sánh của ông được rút ra từ những hoạt động đời thường nhất và được biết đến nhiều nhất của con người; bất kỳ ai cũng hiểu ông. Với vẻ ngoài bình thường như vậy, chúng ta ngày nay sẽ không bao giờ thấy được sự cao quý và chói lọi của những quan điểm đáng kinh ngạc của ông; chúng ta - những người cho rằng mọi thứ nếu không được thổi phồng lên nhờ học thức uyên bác là những thứ cơ bản và tầm thường, những người không bao giờ biết được sự phong phú trừ phi chúng được bày ra trước mắt ta một cách mỹ miều.

Đó là lời kêu gọi khẩn thiết chúng ta hãy đọc sách với một thái độ nghiêm túc, ngay cả khi cách viết của nó không đáng sợ và ý tưởng

của nó rõ ràng, và cũng với thái độ như thế, chúng ta nên thôi cho mình là ngu ngốc nếu vì một khoảng trống trong túi tiền hay trong giáo dục, tấm áo choàng của chúng ta giản dị và vốn từ vựng không lớn hơn vốn từ vựng của một người bán hàng ở Les Halles.

Điều mà người thông minh nên biết

Họ nên biết các dữ kiện, nếu họ không biết, và thêm vào đó, nếu ngốc nghếch đến mức học được chúng từ sách nhưng học sai, thì họ không nên trông chờ vào sự thương hại của các học giả, những người có lý do để vả vào mặt họ, và với phép lịch sự mang vẻ khinh khỉnh, sẽ chỉ ra rằng ngày đó là sai hoặc từ đó bị trích dẫn nhầm, một đoạn bị lấy ra khỏi văn cảnh hay một nguồn quan trọng đã bị bỏ quên.

Tuy nhiên, trong giản đồ của Montaigne về trí thông minh thì điều quan trọng ở một cuốn sách là tính hữu dụng và sự phù hợp của nó với cuộc sống. Nếu cuốn sách chuyển tải một cách chính xác những gì Plato viết hay Epicurus nói thì nó vẫn ít giá trị hơn khi nó chỉ được ra rằng điều họ nói có thú vị không và có thể giúp chúng ta vượt qua sự lo âu hay cô đơn hay không. Trách nhiệm của tác giả trong lĩnh vực khoa học nhân văn không phải trách nhiệm đối với tính chính xác của cái tựa như khoa học, mà là với hạnh phúc và sức khỏe. Montaigne trút sự bức dọc lên những người từ chối không chịu nhìn ra điểm này:

Những học giả mà mối quan tâm là buông lời nhận xét về những cuốn sách không hề nhận ra chút giá trị nào của chúng ngoài kiến thức và không dành chỗ cho bất kỳ hoạt động trí tuệ nào ngoài học tập và trau dồi sự uyên bác. Lẽ nào nếu nhằm một Scipio này

với một Scipio khác thì anh không còn điều gì để nói nữa! Theo họ, không hiểu Aristotle nghĩa là không hiểu bản thân mình.

Chính cuốn *Tiểu luận* cũng mắc nhiều lỗi trích dẫn sai, quy kết sai, lập luận bị chệch hướng thiếu logic và không định nghĩa thuật ngữ. Nhưng tác giả không quan tâm:

Tôi viết sách tại nhà, ở vùng quê, nơi không ai giúp hoặc sửa lỗi cho tôi, nơi tôi thường không gặp mấy người biết thậm chí cả *Bài cầu nguyện chung* bằng tiếng Latin chứ chưa nói đến tiếng Pháp chuẩn.

Đương nhiên là cuốn sách có lỗi (“Tôi đầy lỗi lầm”, ông khoe), nhưng những lỗi này không đủ để hạ bệ *Tiểu luận*, cũng như sự chính xác không đủ đảm bảo cho giá trị của nó. Viết ra một thứ mà không nỗ lực hướng tới sự thông thái là tội lớn hơn so với việc nhầm lẫn giữa Scipio Aemilianus (185-129 tr.CN) và Scipio Africanus (236-183 tr.CN).

Người thông minh nên tìm ý tưởng từ đâu?

Từ người thông minh hơn. Họ nên dành thời gian trích dẫn và bình luận về những nhân vật ngự trên tầng cao của cây tri thức. Họ nên viết chuyên luận về tư tưởng đạo đức của Plato hay luân lý của Cicero.

Montaigne học được nhiều điều từ họ. Trong *Tiểu luận*, ta thường xuyên bắt gặp những đoạn bình luận và hàng trăm câu trích dẫn từ các tác giả mà Montaigne cho rằng nắm bắt những luận điểm đó một

cách tinh tế và chuẩn xác hơn mình. Ông trích dẫn Plato 128 lần, Lucretius 149 lần và Seneca 130 lần.

Thật khó cưỡng lại việc trích dẫn các tác giả khi họ thể hiện suy nghĩ của chính bản thân ta nhưng với sự rõ ràng và chính xác về tâm lý mà ta không thể sánh được. Họ hiểu rõ ta hơn ta hiểu bản thân mình. Điều mà ta thấy xấu hổ và bối rối, họ viết ra một cách súc tích và tao nhã, ta gạch chân và ghi chú bên lề những trang sách của họ và những gì ta trích dẫn cho thấy nơi ta tìm ra một phần con người mình, một hoặc hai câu đã xây nên chính cái chất liệu làm ra trí óc ta - sự so sánh càng nổi bật nếu như tác phẩm đó được viết trong thời đại của những áo choàng toga và lễ hiến tế động vật. Chúng ta đưa những ý, những lời đó vào sách của mình như là một cách bày tỏ lòng kính trọng vì họ đã giúp nhắc nhở rằng ta là ai.

Nhưng thay vì soi sáng trải nghiệm của ta và thúc giục ta tự tìm ra những khám phá của riêng mình thì những quyển sách vĩ đại có thể phủ lên ta cái bóng mơ hồ. Chúng có thể khiến ta chối bỏ những khía cạnh của bản thân mình mà chưa từng có bằng chứng trong sách vở. Thay vì mở rộng chân trời, chúng có thể đánh dấu những giới hạn một cách sai lầm. Montaigne biết một người dường như đã để sự tầm chương trích cú của mình đi quá xa:

Mỗi khi tôi bảo người quen [này] của mình hãy nói tôi nghe anh ta biết gì về một vấn đề nào đó thì anh ta đều đưa cho tôi một cuốn sách, anh ta không dám nói với tôi rằng mình bị ghẻ ở mông mà chưa tra từ điển từ *ghẻ* và từ *mông*.

Sự do dự không tin vào chính kinh nghiệm bản thân bên ngoài

sách vở có thể không đáng giận nếu như chúng ta có thể dựa vào sách vở để bộc lộ toàn bộ tiềm năng của mình, nếu sách vở biết hết về bệnh ghê của ta. Nhưng Montaigne nhận ra rằng những quyển sách vĩ đại nhất giữ im lặng trước quá nhiều chủ đề, vì vậy nếu ta cho phép chúng xác định đường ranh giới cho trí tò mò của mình thì chúng sẽ kìm hãm sự phát triển trí tuệ của ta. Một cuộc gặp gỡ ở Italy đã thể hiện rõ nét vấn đề này:

Ở Pisa tôi gặp một người đàn ông từ tế, ông là người theo trường phái triết học Aristotle tận tụy đến mức điều cơ bản nhất trong các học thuyết của ông là tiêu chuẩn và thước đo của mọi ý tưởng đúng đắn phải phù hợp với lời dạy của Aristotle, ngoài ra, những thứ còn lại đều vô nghĩa và ảo tưởng; Aristotle đã thấy mọi thứ, làm mọi thứ.

Đúng là Aristotle đã làm và đã nhìn thấy nhiều thứ.

Trong số các nhà tư tưởng cổ đại, Aristotle có lẽ là người toàn diện nhất, các tác phẩm của ông trải dài trên các lĩnh vực của tri thức *Về sự phát sinh và biến chất, Về các thiên đường, Khí tượng học, Về linh hồn, Về Cơ thể Sinh vật, Về Cử động của Sinh vật, Sự Phản bác Ngụy biện, Đạo đức học của Nichomachus, Vật lý học, Chính trị luận.*

Nhưng chính cái thước đo thành tựu của Aristotle đã để lại một di sản rất có vấn đề. Có những tác giả quá giỏi đối với ta. Vì đã nói quá nhiều nên dường như họ có tiếng nói cuối cùng đối với chủ đề đó. Tài năng thiên phú của họ kìm hãm sự bất kính cần thiết trong công việc sáng tạo ở những người kế thừa. Thật là một nghịch lý khi Aristotle có lẽ lại đang cản trở những người sùng kính ông nhất đi theo con đường của ông. Aristotle chỉ trở nên vĩ đại vì ông đã nghi ngờ phần lớn khối kiến thức từng được xây dựng nên trước đó, không phải bằng việc từ chối đọc Plato hay Heraclitus mà bằng việc phê bình

những điểm yếu của họ dựa trên sự ghi nhận những điểm mạnh. Để hành động theo một tinh thần Aristotle đích thực, điều mà Montaigne nhận ra, còn người đàn ông ở Pisa thì không, có lẽ cần phải cho phép một sự giải thoát nào đó về mặt trí tuệ ra khỏi ngay cả những nhân vật vĩ đại nhất.

Tuy nhiên, dễ hiểu là chúng ta thường thích trích dẫn và bình luận hơn là tự nói và tự nghĩ cho mình. Một bài bình sách của người khác, mặc dù là công việc rất nặng nhọc về mặt kỹ thuật, cần đến hàng giờ nghiên cứu và đánh giá, nhưng lại miễn dịch trước những đòn tấn công tàn bạo nhất có thể nhằm vào một tác phẩm nguyên gốc. Các nhà bình luận có thể bị chỉ trích vì không đánh giá đúng ý tưởng của các nhà tư tưởng vĩ đại; bản thân họ không thể bị quy trách nhiệm cho những ý tưởng đó - đó là lý do vì sao Montaigne trích dẫn và bình luận nhiều trong *Tiểu luận*:

Đôi khi tôi để người khác nói điều mà tôi không thể nói hay bằng họ do sự yếu kém về ngôn ngữ của tôi, và đôi khi do sự yếu kém về trí tuệ của tôi... [và] đôi khi, để kiềm chế sự tào bạo của những lời chỉ trích vội vàng chỉ chực nhảy xổ ra để tấn công tất cả mọi thứ được viết ra thuộc mọi thể loại, nhất là những thứ viết ra bởi những người hiện vẫn còn sống... Tôi phải giấu điểm yếu của mình bên dưới những cái tên vĩ đại đó.

Mức độ tôn trọng mà mọi người dành cho ta sau khi chết thường cao hơn một cách đáng kinh ngạc so với khi còn sống. Những phát ngôn có thể được chấp nhận nếu chúng chảy ra từ ngòi bút của các tác giả thời cổ đại lại thường bị giấu cọt nếu được thể hiện bởi các tác giả hiện đại. Các nhà bình luận thường không sẵn sàng nghiêng mình trước những tuyên bố vĩ đại của đồng môn của mình ở trường đại

học. Những người đó không được phép nói *như thế họ là một nhà triết học cổ đại*. “Không ai mà không phải trả giá cho việc được sinh ra trên đời.” Seneca viết, nhưng một người ở thời đại sau mà nghĩ tương tự thì sẽ được khuyên không nên nói ra giống như thế trừ phi họ bộc lộ sở thích đặc biệt với việc bị làm bẽ mặt. Montaigne, người không thích bị bẽ mặt, đã tìm nơi trú ẩn, và ở phần cuối của *Tiểu luận*, đã thú nhận một điều rất cảm động vì tính dễ tổn thương của nó:

Nếu tôi có tự tin để làm điều tôi thực sự muốn thì tôi sẽ hoàn toàn tự nói cho mình, dù cho điều gì xảy ra đi nữa.

Nếu Montaigne thiếu tự tin thì đó là bởi vì khi người ta càng đến gần ông về không gian và thời gian thì những suy nghĩ của ông càng ít được đối xử như thế nó cũng có giá trị như của Seneca hay Plato:

Ở Gascony, mọi người buồn cười khi thấy tôi trên sách vở.

Nơi mà tên tôi được biết đến càng xa nhà tôi thì ở đó tôi càng được đánh giá cao.

Trong cách cư xử của gia đình và gia nhân, những người nghe thấy ông ngáy hoặc thay ga giường cho ông, không hề có sự tôn kính giống như cách người ta đối xử với ông ở Paris, chứ chưa nói đến sau khi ông chết:

Đối với thế giới thì một người có thể là phi thường, nhưng vợ và người hầu thì chẳng nhìn thấy điều gì kỳ diệu về ông ta. Ít người đàn ông lại là điều kỳ diệu với chính gia đình mình.

Chúng ta có thể hiểu điều này theo hai cách: không ai thực sự phi thường, chỉ có gia đình và người hầu đủ gần gũi để nhận ra sự thật đáng thất vọng, hoặc nhiều người thú vị nhưng nếu họ quá gần

chúng ta về tuổi tác và không gian thì ta thường không quá coi trọng họ vì một khuynh hướng lạ lùng là chống đối những gì trong tầm tay.

Không phải Montaigne đang tự thương thân; thay vào đó, ông đang chỉ ra rằng những lời chỉ trích nhằm vào các tác phẩm hiện đại tham vọng là triệu chứng của sự thôi thúc độc hại khi nghĩ rằng chân lý luôn nằm xa chúng ta, ở một miền khác, trong một thư viện cổ, trong các cuốn sách của những người sống từ thời xa xưa. Vấn đề nằm ở chỗ liệu sự tiếp cận những điều thực sự có giá trị chỉ giới hạn ở một vài thiên tài ra đời trong khoảng thời gian từ khi điện Parthenon được xây dựng đến khi Rome sụp đổ, hay, như Montaigne dũng cảm đề xuất, có thể mở ra cho cả tôi và bạn.

Một nguồn minh triết rất kỳ lạ đã được chỉ ra, còn kỳ lạ hơn cả con lợn đi biển của Pyrrho, một thổ dân Tupi hay một thợ cày xứ Gascony: đó là độc giả. Nếu chúng ta chú ý một cách nghiêm túc đến trải nghiệm của bản thân và học cách coi mình là ứng cử viên có khả năng tham gia đời sống trí tuệ, thì như Montaigne nói, chúng ta có thể đạt được hiểu biết không kém phần sâu sắc so với điều mà ta tìm thấy trong các cuốn sách vĩ đại từ thời cổ đại đó.

Ý nghĩ này không hề dễ dàng. Chúng ta được giáo dục phải gắn phẩm chất với sự phục tùng uy quyền của sách vở, thay vì khám phá những cuốn sách đang hằng ngày cuộn chảy trong ta nhờ bộ máy tri giác. Montaigne cố gắng đưa chúng ta trở lại với chính mình:

Chúng ta biết cách nói “Đây là điều Cicero nói”; “Đây là đạo đức của Plato”; “Đây là *ipsissima verba* của Aristotle.” Nhưng điều mà chúng ta phải nói là gì? Chúng ta đưa ra

nhận xét gì? Chúng ta đang làm gì? Một con vẹt cũng nói được như chúng ta.

Nhắc lại như con vẹt không phải là cách mà học giả mô tả việc viết một bài bình luận. Một loạt lập luận có thể cho thấy giá trị của việc viết một bài bình luận về tư tưởng đạo đức của Plato hay luân lý học của Cicero. Thay vào đó, Montaigne nhấn mạnh sự hèn nhát và chán ngất của hành động này. Nghiên cứu thứ cấp không cần đến nhiều kỹ năng (“Sáng tạo phải được ưu tiên hơn nhiều so với trích dẫn”), khó khăn chỉ mang tính kỹ thuật, chỉ cần có lòng kiên trì và một thư viện yên tĩnh. Hơn nữa, nhiều cuốn sách mà nền giáo dục truyền thống khuyến khích chúng ta nhại theo chính bản thân chúng cũng không có gì hấp dẫn. Chúng chiếm vị trí trung tâm trong giáo án chẳng qua là vì chúng là tác phẩm của các tác giả danh tiếng, trong khi nhiều chủ đề đáng nghiên cứu như thế hoặc thậm chí hơn thế lại mờ nhạt bởi vì không có nhân vật tên tuổi nào từng lý giải chúng. Mỗi quan hệ giữa nghệ thuật và thực tế từ lâu đã được coi là một chủ đề triết học nghiêm túc, một phần vì Plato là người đầu tiên nêu ra; mỗi quan hệ giữa sự xấu hổ với vẻ bề ngoài thì chưa, một phần vì nó không thu hút sự chú ý của bất kỳ nhà triết học cổ đại nào.

Vì sự tôn trọng truyền thống một cách trái tự nhiên này, Montaigne cho rằng đáng để thú nhận với độc giả rằng thực ra ông nghĩ Plato có thể bị hạn chế về trí tuệ và ngu ngốc:

Liệu sự phóng khoáng của thời đại chúng ta có thứ lỗi cho tôi vì sự báng bổ càn rỡ khi nghĩ rằng bộ *Đôi thoại* [của ông ấy] cứ lái nhài nhiều quá hóa ra lại bóp chết vấn đề mà ông ấy muốn nói, và khi tôi thấy đau khổ vì một con người có bao nhiêu điều đáng nói hơn lại đi dành chừng ấy thời gian cho những tranh luận dài và vô dụng?

(Ta thấy nhẹ lòng hơn khi nghĩ về Montaigne, một tác giả danh tiếng lại tin vào sự nghi ngờ bền lễn và lặng lẽ của người khác). Với Cicero, thậm chí ông còn không cần xin lỗi khi tấn công:

Phần giới thiệu, định nghĩa, đề mục và từ nguyên học đã chiếm phần lớn tác phẩm của ông... Nếu tôi dành một giờ để đọc Cicero (với tôi là nhiều) và nghĩ lại xem mình rút ra được điều gì hay nội dung cốt yếu nào thì phần lớn thời gian tôi chẳng tìm thấy gì ngoài những lời rỗng tuếch.

Theo Montaigne, giới học giả quan tâm đến các tác phẩm kinh điển do mong muốn tự mãi được người khác cho là có trí tuệ bằng việc gắn tên mình với những tên tuổi danh tiếng.

Kết quả dành cho công chúng là một núi sách được đọc rất nhiều, rất không thông thái:

Có nhiều sách viết về sách hơn là về bất kỳ chủ đề nào khác: tất cả những gì chúng ta làm là bôi lông tìm vết lẫn nhau. Tất cả chỉ là một bày bình luận gia còn tác giả thì hiếm hoi.

Nhưng Montaigne nhấn mạnh rằng các ý tưởng thú vị có thể được tìm thấy trong mọi cuộc đời. Dù câu chuyện của chúng ta có khiếm tốn thế nào thì ta cũng có thể rút ra nhiều hiểu biết sâu sắc từ chính bản thân mình hơn là từ tất cả những quyển sách của quá khứ:

Nếu là một học giả giỏi, tôi sẽ tìm thấy đủ thứ từ kinh nghiệm bản thân để khiến mình trở nên thông thái. Bất kỳ ai nhớ lại cơn bức tức gần đây nhất của mình đều thấy sự xấu xa của cảm xúc này rõ hơn là ở Aristotle. Bất kỳ ai nhớ lại những bệnh tật mình từng mắc phải, những người từng đe dọa mình và những sự việc vụn vặt đã xô đẩy mình từ hoàn cảnh này sang hoàn cảnh khác, đều có thể tự chuẩn bị sẵn sàng đối mặt với những thay đổi trong tương lai và khám phá hoàn cảnh của mình. Ngay cả cuộc đời của Caesar cũng không phải là tấm gương mẫu mực cho ta hơn chính cuộc đời ta; một cuộc đời dù

vuơng giả hay bình dân vẫn luôn là một cuộc đời chịu tác động của mọi thứ có thể xảy ra với con người.

Chỉ có một nền học thuật hăm dọa mới khiến chúng ta nghĩ khác:

Mỗi người trong số chúng ta đều giàu có hơn mình nghĩ.

Tất cả chúng ta đều có thể nghĩ ra những ý tưởng thông thái nếu dừng nghĩ về bản thân như là những người không phù hợp cho nhiệm vụ này bởi vì ta không sống đến 2000 tuổi không quan tâm đến những cuộc đối thoại của Plato và sống lặng lẽ ở vùng quê:

Một cuộc đời kín đáo bình thường cũng có thể mang trong nó toàn bộ triết lý đạo đức giống như một cuộc đời giàu có hơn.

Có lẽ để nhấn mạnh điểm này, Montaigne đã kể rất chi tiết để độc giả biết cuộc đời của ông bình thường và kín đáo như thế nào, tại sao ông lại muốn nói cho ta biết:

Rằng ông không thích ăn táo.

Tôi không quá thích... bất kỳ loại quả nào, trừ quả dưa.

Rằng ông có mối quan hệ phức tạp với củ cải:

Đầu tiên tôi thấy củ cải hợp với mình; rồi không; rồi bây giờ chúng lại hợp.

Rằng ông chăm sóc răng miệng cực kỳ cẩn thận:

Răng của tôi... từ trước đến giờ vẫn cực kỳ tốt... Từ khi còn trẻ tôi đã học cách chùi răng bằng khăn, cả khi vừa ngủ dậy lẫn trước và sau mỗi bữa ăn.

Rằng ông ăn quá nhanh:

Khi tôi vội, tôi thường cắn phải lưỡi và đôi khi cả ngón tay.

Rằng ông thích lau miệng:

Tôi có thể ăn uống dễ dàng mà không cần khăn trải bàn, nhưng tôi cảm thấy rất khó chịu khi ăn mà không có khăn ăn sạch... Tôi lấy làm tiếc rằng chúng ta không còn tiếp tục truyền thống mà các vị vua của chúng ta đã khởi xướng, đó là thay khăn ăn như thay đĩa

sau mỗi món mới.

Những điều này có lẽ là tởn mủn nhưng chúng là lời nhắc nhở mang tính tượng trưng rằng có một “Tôi” đang suy nghĩ đằng sau cuốn sách, rằng một triết lý đạo đức đã sinh ra - và có thể sinh ra lần nữa - từ một tâm hồn bình thường, ghét ăn hoa quả.

Không có gì đáng phải chán nản nếu như nhìn bề ngoài chúng ta trông không giống chút nào với những tư tưởng gia trầm mặc trong quá khứ.

Trong bức chân dung mà Montaigne vẽ lại về con người hoàn thiện, bán duy lý, con người có thể không biết nói tiếng Hy Lạp, đánh trung tiện, thay đổi ý định sau bữa ăn, chán đọc sách, không biết một nhà triết học cổ đại nào, và nhầm lẫn giữa các Scipio.

Một cuộc sống bình thường, tử tế, nỗ lực đạt tới sự thông thái nhưng không bao giờ quá xa sự điên rồ, đã đủ để được coi là một thành tựu.

V
NIỀM AN ỦI CHO TRÁI TIM TAN VỠ

1

Về nỗi đau tình ái, ông có lẽ là người xuất sắc nhất trong số các triết gia:

Cuộc đời (1788-1860)

1788: Arthur Schopenhauer ra đời tại Danzig. Trong những năm sau này, ông nhìn lại sự kiện đó với niềm tiếc nuối: “Chúng ta có thể coi cuộc đời mình như là một giai đoạn vô dụng chỉ làm xáo trộn sự yên bình hạnh phúc của hư không.” “Sự tồn tại của con người chắc hẳn là một sai lầm,” ông nói rõ hơn, “người ta có thể nói về nó thế này, ‘Hôm nay là một ngày xấu và mỗi ngày lại xấu hơn, cho đến khi điều xấu nhất xảy ra.’” Cha của Schopenhauer là Heinrich, một thương gia giàu có, và mẹ ông là Johanna, một phụ nữ với tài giao thiệp trẻ hơn chồng 20 tuổi, ít quan tâm đến con trai mình, người mà sau này lớn lên sẽ trở thành một trong những người bi quan nhất trong lịch sử triết học: “Ngay từ khi tôi mới chỉ là một đứa trẻ 6 tuổi, cha mẹ tôi, một hôm đi dạo buổi tối về, thấy tôi đang tuyệt vọng sâu sắc.”

1803-5: sau khi cha của Schopenhauer tự tử (người ta tìm thấy xác ông nổi trên con kênh cạnh nhà kho của gia đình), cậu bé Schopenhauer lúc đó 17 tuổi được thừa kế một gia tài đảm bảo cho cậu cả đời không phải làm việc. Ý nghĩ ấy không an ủi Schopenhauer chút nào. Sau này ông nhớ lại: “Vào năm tôi 17 tuổi, dù không hề

được học ở trường nhưng tôi đã thấu hiểu *bế khổ cuộc đời*, giống như đức Phật thời trẻ tuổi khi Ngài chứng kiến bệnh tật, tuổi già, đau đớn và cái chết. Sự thực là thế giới này không thể là sản phẩm của một đấng Chí tôn đầy tình thương mà là của một con quỷ, kẻ đã đem sự sống đến với muôn loài để thích thú nhìn chúng phải đau đớn; các dữ kiện đã chỉ ra điều này, và niềm tin rằng nó đúng đã thắng thế.”

Schopenhauer được gửi tới London để học tiếng Anh tại trường nội trú Eagle House ở Wimbledon. Sau khi nhận được thư của ông, một người bạn là Lorenz Mayer trả lời, “Tôi rất lấy làm tiếc rằng quãng thời gian ở Anh đã gieo vào lòng anh nỗi căm ghét cả đất nước.” Dù ghét nước Anh, ông vẫn học được cách sử dụng tiếng Anh gần như hoàn hảo và thường bị nhầm là người Anh khi nói chuyện.

Schopenhauer đi du lịch xuyên nước Pháp, ghé thăm thành phố Nîmes, ở đó, 1.800 năm trước; các kỹ sư La Mã đã dẫn nước qua máng nước ba tầng Pont du Gard kỳ vĩ để đảm bảo người dân luôn có đủ nước tắm. Schopenhauer không mấy ấn tượng với những gì còn sót lại từ thời La Mã: “Những vết tích này nhanh chóng đưa suy nghĩ của ta hướng về những con người đã bị phân hủy từ lâu.”

Mẹ của Schopenhauer phàn nàn về đam mê “suy nghĩ về sự khổ khổ của con người” của ông.

1809-1811: Schopenhauer nghiên cứu tại Đại học Göttingen và quyết định trở thành nhà triết học: “Cuộc đời là một thương vụ buồn, tôi đã quyết sử dụng nó vào việc suy tưởng về nó.”

Trong một chuyến đi tới vùng quê, một người bạn nam gợi ý họ

nên tìm gặp các cô gái. Schopenhauer số toét kế hoạch, cho rằng “cuộc đời quá ngắn, quá đáng ngờ và phù du, nó không đáng để ta phải nỗ lực nhiều”.

1813: Ông đến thăm mẹ ở Weimar. Johanna Schopenhauer đã kết bạn với cư dân nổi tiếng nhất của thị trấn, Johann Wolfgang von Goethe, người đến gặp bà thường xuyên (và thích nói chuyện với Sophie, cô hầu gái của Johanna, và Adele, em gái của Arthur). Sau buổi gặp đầu tiên, Schopenhauer mô tả Goethe như là một con người “điềm tĩnh, dễ gần, sẵn lòng giúp đỡ, thân thiện: cầu cho tên ông được ca tụng mãi mãi!” Goethe kể lại, “Cậu Schopenhauer trẻ tuổi xem ra là một thanh niên kỳ lạ và thú vị.” Tình cảm của Arthur dành cho thi sĩ không bao giờ được đáp lại hoàn toàn. Khi nhà triết học rời Weimar, Goethe viết tặng Schopenhauer hai câu:

*Willst du dich des Lebens freuen,
So musst der Welt du Worth verleihen.*
Nếu muốn tìm thấy niềm vui từ cuộc đời,
Phải nghĩ rằng thế giới này có giá trị.

Schopenhauer không bị ấn tượng, và trong cuốn sổ ghi chép bên cạnh lời khuyên của Goethe, ông viết một câu trích dẫn của Chamfort: “*Il vaut mieux laisser les hommes pour ce qu’ils sont, que les prendre pour ce qu’ils ne sont pas.*” (Tốt hơn hết là chấp nhận con người như họ vốn thế, hơn là thứ mà họ không phải.)

1814-15: Schopenhauer chuyển tới Dresden và viết một luận đề (Về

Bốn Cội rễ của Lý trí Túc lý). Ông có ít bạn bè và tham gia các cuộc hội thoại với kỳ vọng rất thấp: “Đôi khi tôi nói chuyện với những người đàn ông và phụ nữ như thể một cô bé nói chuyện với con búp bê. Đương nhiên cô bé biết rằng con búp bê không hiểu nhưng cô tạo ra niềm vui giao tiếp thông qua sự lừa dối bản thân một cách có ý thức và dễ chịu. Ông trở thành khách hàng quen thuộc của một quán rượu Italy, nơi phục vụ món thịt ưa thích của ông - salami enezia, xúc xích cuộn nấm và thịt hun khói Parma.

1818: Viết xong cuốn *Thế giới: Ý dục và Biểu hiện* và biết nó sẽ trở thành một tác phẩm kinh điển. Nó giải thích việc ông có ít bạn: “thiên tài thường khó gần vì có cuộc hội thoại nào thông minh hơn và thú vị hơn là những đoạn tự thoại của họ?”

1818-19: Để kỷ niệm việc hoàn thành cuốn sách, Schopenhauer đi Italy chơi. Ông thích thú với nghệ thuật, thiên nhiên và khí hậu, mặc dù tâm trạng ông vẫn mong manh: “Chúng ta phải luôn để ý đến thực tế là không ai cách quá xa cái tình trạng mà trong đó họ muốn chop lấy cây gươm hay viên thuốc độc để kết thúc sự tồn tại của mình; và những người ít tin tưởng vào điều này có thể dễ bị thuyết phục ngược lại bởi một vụ tai nạn, một trận ốm, một sự thay đổi khủng khiếp trong vận mệnh - hay bởi thời tiết.” Ông đi thăm Florence, Rome, Naples và Venice và gặp vài phụ nữ hấp dẫn ở các buổi tiệc: “Tôi rất thích họ - giá như họ chấp nhận tôi.” Việc bị từ chối khơi nguồn cảm hứng cho quan điểm rằng: “Chỉ có trí tuệ của đàn ông, bị che phủ bởi ham muốn tình dục, mới gọi những con người bé

nhỏ, vai hẹp, hông rộng và chân ngắn, là phái đẹp.”

1819: Cuốn *Thế giới: Ý dục và Biểu hiện* được xuất bản. 230 bản được bán ra. “Mỗi câu chuyện cuộc đời đều là một câu chuyện về sự đau khổ”; “Giá như tôi có thể vứt bỏ được ảo giác coi bọn rắn hổ lục và cóc là đồng đẳng với mình thì điều đó sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều.”

1820: Schopenhauer muốn làm giáo sư giảng dạy môn triết học ở Berlin. Ông đứng lớp về “Toàn bộ triết học, tức là lý thuyết về bản chất của thế giới và trí óc con người.” Có năm sinh viên theo học. Ở tòa nhà cạnh đó, đối thủ của ông là Hegel đang giảng bài cho 300 người. Schopenhauer nhận xét về triết học của Hegel: “Những quan điểm cơ bản [của nó] là sự vô đoán điên rồ nhất, một thế giới lộn ngược, một trò hề triết học... nội dung của nó là sự phô bày ngôn từ một cách nông cạn và vô nghĩa nhất mà những kẻ ngu dốt từng tin vào, và hình thức trình bày của nó là lời lấp bắp góm ghiếc và vô lý nhất, gọi nhớ đến lời làm nhảm của những kẻ điên.” Khởi đầu của sự vô mộng với giới học thuật: “Chưa ai từng nghĩ là có người nào đó lại nghiêm túc về triết học, nhất là một giảng viên môn triết, cũng như không ai tin vào Thiên Chúa giáo hơn là Giáo hoàng, và đó là một quy luật.”

1821: Schopenhauer yêu Caroline Medon, một ca sĩ 19 tuổi. Quan hệ của họ kéo dài 10 năm với những giai đoạn ngắt quãng nhưng Schopenhauer không muốn chính thức hóa nó: “Kết hôn có nghĩa là

mọi thứ có thể để trở thành người đáng ghê tởm trong mắt người kia.” Tuy vậy, ông có suy nghĩ tích cực về chế độ đa thê: “Một trong số nhiều lợi ích của chế độ đa thê là người chồng sẽ không phải giữ quan hệ gần gũi với gia đình bên vợ, chính nỗi lo đó hiện đang cản trở vô số cuộc hôn nhân. Mười bà mẹ vợ thay vì một!”

1822: Lần thứ hai đến Italy (Milan, Florence, Venice). Trước khi đi, ông đề nghị một người bạn là Friedrich Osann tìm xem có bất kỳ “dòng nào nhắc đến tôi trong sách, báo, tạp chí văn học hay những thứ tương tự” hay không. Osann thấy công việc này không hề tốn thời gian.

1825: Thất bại trong học thuật, Schopenhauer muốn trở thành dịch giả. Tuy nhiên, đề nghị của ông về việc dịch Kant sang tiếng Anh và cuốn *Tristram Shandy* sang tiếng Đức bị các nhà xuất bản từ chối. Ông thổ lộ trong một bức thư về mong ước buồn bã có được “một vị trí trong xã hội tư sản”, dù không bao giờ đạt được. “Nếu Chúa là người tạo ra thế giới này thì tôi sẽ không muốn làm Chúa; sự đau đớn và khốn khổ của nó sẽ làm tan nát trái tim tôi.” Thật may là ông có thể dựa vào cảm giác về giá trị của bản thân trong những thời khắc đen tối nhất: “Tôi cần phải học điều này thường xuyên như thế nào rằng trong mọi việc hằng ngày tinh thần và trí óc của tôi giống như chiếc ống nhòm trong rạp hát opera hay khẩu súng trong cuộc đi săn thỏ?”

1828: Bước sang tuổi 40. “Sau tuổi thứ bốn mươi”, ông tự an ủi bản thân, “bất kỳ người đàn ông có giá trị nào cũng khó thoát khỏi

một chút cảm giác chán ghét người đời.”

1831: 43 tuổi, sống ở Berlin, Schopenhauer một lần nữa nghĩ đến việc kết hôn. Ông để ý Flora Weiss, một cô gái xinh đẹp, hoạt bát mới bước sang tuổi 17. Tại một buổi tiệc trên du thuyền, trong một nỗ lực quyến rũ nàng, ông cười và mời nàng một chùm nho trắng. Sau này Flora thổ lộ trong nhật ký: “Tôi không muốn chúng. Tôi thấy ghê người khi ông già Schopenhauer đã chạm vào nó, vì thế tôi nhẹ nhàng để nó rơi khỏi tay xuống dòng nước đằng sau.” Schopenhauer rời Berlin vội vã: “Cuộc đời về bản chất không hề có giá trị, nó chỉ chuyển động nhờ mong muốn và ảo giác.”

1833: Chuyển đến sống trong một căn hộ ở Frankfurt am Main, một thị trấn nhỏ với khoảng 50.000 dân. Ông mô tả thành phố, trung tâm ngân hàng của châu Âu lục địa, là “một vương quốc nhỏ, cứng nhắc, bản chất tàn bạo, với bộ máy hành chính phình to quá mức của người Aberdite, một đám nông dân kiêu ngạo, những người mà tôi không thích đến gần”.

Mối quan hệ gần gũi nhất của ông là với mấy con chó poodle, con vật mà ông cảm thấy có sự dịu dàng và khiêm tốn mà con người không có: “Nhìn thấy bất kỳ con vật nào đều lập tức khiến tôi vui sướng và trái tim tôi mừng rỡ.” Ông dồn hết sự quan tâm cho những con chó, gọi chúng là “Ngài”, và rất quan tâm đến quyền của động vật: “Chó, loài vật vô cùng thông minh, người bạn đích thực và trung thành nhất của con người, lại bị con người xích cũi! Tôi chưa từng thấy một con chó mà không cảm thông sâu sắc với nó và không thấy cảm

phần sâu sắc với người chủ của nó. Tôi hài lòng khi nghĩ về một vụ đã được đưa lên báo *The Times* vài năm trước, trong đó Lord X buộc một con chó lớn vào xích. Một ngày, khi đi bộ qua sân, ông ta quyết định đi đến để nựng con chó, con vật liền cắn nát cánh tay ông ta từ trên xuống dưới, và nó làm thế cũng đúng thôi! Điều mà nó muốn nói là: “Ông không phải là ông chủ của tôi mà là con quỷ khiến cho sự tồn tại ngắn ngủi của tôi biến thành địa ngục!” Mong là điều này xảy ra với tất cả những ai xích cổ lũ chó.”

Nhà triết học cũng tuân thủ một thời gian biểu hằng ngày rất nghiêm ngặt. Ông làm việc ba giờ đồng hồ vào buổi sáng, chơi sáo (Rossini) một giờ, rồi mặc áo đuôi tôm thắt nơ trắng đi ăn trưa ở Englischer Hof ở Rossmarkt. Ông ăn rất nhiều và giặt một chiếc khăn ăn trắng ở cổ áo. Ông không quan tâm đến những người cùng ăn khác, nhưng thỉnh thoảng nói chuyện với họ khi uống cà phê. Một trong số họ mô tả ông là một người “hay cáu kỉnh một cách kỳ cục, nhưng thực ra lại vô hại và thô lỗ một cách tốt bụng”.

Một người khác kể lại rằng Schopenhauer thường khoe rằng mình cực tốt như là bằng chứng chứng tỏ mình siêu việt hơn người khác, hay theo như cách ông nói, siêu việt hơn “loài động vật hai chân tầm thường”.

Sau bữa trưa, Schopenhauer trở về thư viện hoặc câu lạc bộ Casino Society ở gần đó, nơi ông đọc *The Times* - tờ báo mà ông cho rằng cung cấp thông tin tốt nhất về nổi thống khổ của thế giới. Giữa buổi chiều, ông đi dạo hai giờ với chú chó dọc bờ sông Main, vừa đi vừa lầm bầm trong hơi thở. Buổi tối, ông đi xem opera hoặc kịch, nơi ông thường nổi khùng vì tiếng động của những người đến muộn, đôi

chỗ hoặc ho - và ông viết thư cho quản lý rạp hát đề nghị áp dụng các biện pháp mạnh với những người này. Mặc dù đọc nhiều và ngưỡng mộ Seneca nhưng Schopenhauer không đồng tình với nhận định của nhà triết học La Mã về tiếng ồn: “Từ lâu tôi đã cho rằng số lượng tiếng ồn mà bất kỳ ai có thể chịu đựng một cách thoải mái tỷ lệ nghịch với năng lực trí tuệ của người đó... Người thường xuyên sập cửa rầm rầm thay vì đóng nhẹ nhàng bằng tay không chỉ là người thiếu văn hóa mà còn thô lỗ và hẹp hòi... Chúng ta sẽ chỉ trở nên tương đối văn minh khi không ai có quyền cắt ngang ý thức của mọi sinh vật biết suy nghĩ với việc huýt sáo, rú rít, rống lên, nện búa rầm rầm, quất roi ngựa vun vút... vân vân.”

1840: Ông nuôi một con chó poodle trắng mới tên là Atma, nghĩa là linh hồn thế giới trong đạo Bà La Môn. Ông bị cuốn hút bởi các tôn giáo phương Đông nói chung và đạo Bà La Môn nói riêng (mỗi đêm ông đọc vài trang *Áo nghĩa thư* (Upanishad)). Ông mô tả những người Bà La Môn là “những người cao quý nhất và cổ xưa nhất”, và đe dọa sa thải người giúp việc, Margaretha Schnepf, khi bà này không nghe theo lệnh của ông là không được phủ bụi trên bức tượng Phật trong phòng đọc sách.

Ông dành ngày càng nhiều thời gian một mình. Mẹ ông lo lắng: “Hai tháng trời trong phòng không gặp ai, điều đó không tốt, con trai của mẹ, và nó làm mẹ buồn, một người không thể và không nên tự cô lập mình theo cách đó.” Ông bắt đầu ngủ ngày: “Nếu cuộc sống và sự tồn tại là trạng thái thú vị thì mọi người sẽ ngại ngần đi đến trạng thái vô thức của giấc ngủ và sẽ vui mừng khi thoát ra khỏi nó. Nhưng

thực tế lại trái ngược, vì mọi người đều rất háo hức đi ngủ và không muốn thức dậy.” Ông biện hộ cho sự thích ngủ của mình bằng cách so sánh bản thân với hai trong số các nhà tư tưởng ưa thích: “Con người càng phát triển càng cần ngủ nhiều và càng ngủ nhiều thì bộ não càng hoạt động tích cực. Montaigne kể rằng ông luôn là người ngủ nhiều; rằng ông dành phần lớn thời gian cuộc đời để ngủ; và rằng khi tuổi đã cao, ông vẫn ngủ tám đến chín tiếng mỗi giấc. Descartes cũng kể rằng ông ngủ rất nhiều.”

1843: Schopenhauer chuyển đến ngôi nhà mới ở Frankfurt, số 17 Schöne Aussicht (dịch ra có nghĩa là: Cảnh đẹp), gần bờ sông Main, nằm ở trung tâm thành phố. Ông sống ở khu phố này đến cuối đời, tuy vậy, năm 1859 ông chuyển sang nhà số 16 sau một trận cãi nhau với chủ nhà về con chó.

1844: Tái bản tập 1 và viết tập 2 của cuốn *Thế giới: Ý dục và Biểu hiện*. Trong Lời đề tựa, ông viết: “Tôi dành tác phẩm hiện đã hoàn thiện này không phải cho những người cùng thời hay cho đồng bào của tôi mà cho toàn thể loài người, với niềm tin rằng nó sẽ không phải là không có giá trị gì đối với nhân loại, ngay cả nếu giá trị này chỉ được nhận ra muộn màng, giống như số phận không tránh khỏi của cái tốt dưới mọi hình thức.” Tác phẩm bán được dưới 300 cuốn: “Sự hài lòng lớn nhất của chúng ta bao gồm việc được ngưỡng mộ; nhưng người ngưỡng mộ, ngay cả khi có đủ mọi lý do, cũng không mấy sẵn lòng thể hiện sự ngưỡng mộ của mình. Và như thế người hạnh phúc nhất là người biết cách ngưỡng mộ bản thân một cách chân thành, dù

có thể nào đi nữa.”

1850: Atma chết. Ông mua một con chó poodle màu nâu tên là Butz. Nó trở thành con chó ưa thích của Schopenhauer. Người ta kể lại rằng khi một đoàn quân nhạc đi ngang qua nhà, Schopenhauer đứng lên giữa một cuộc nói chuyện và kéo chiếc ghế ra cửa sổ để Butz có thể leo lên nhìn. Butz được lũ trẻ nhà hàng xóm gọi là “Schopenhauer trẻ”.

1851: Xuất bản một tuyển tập tiểu luận và cách ngôn, *Parerga và Paralipomena*. Nó trở thành một bestseller, trước sự ngạc nhiên lớn của tác giả.

1853: Danh tiếng của ông lan rộng khắp châu Âu (“tấn hài kịch của danh tiếng”, theo lời ông). Triết học của ông được đưa vào giảng dạy tại các trường đại học ở Bonn, Breslau và Jena. Ông nhận được thư của người hâm mộ. Một phụ nữ từ Silesia gửi cho ông một bức thư dài, kêu gọi. Một người đàn ông từ Bohemia viết thư kể rằng ông ta đặt một vòng hoa lên bức chân dung của ông mỗi ngày. “Sau khi bạn dành cả cuộc đời dài cảm thấy mình không quan trọng và không được để ý, cuối cùng họ đã đến với trống và kèn và nghĩ rằng đó là cái gì ghê gớm” là câu trả lời của ông, nhưng ở đó cũng có sự thỏa mãn: “Liệu đã từng có bộ óc vĩ đại nào có mục tiêu tạo ra một tác phẩm trường tồn và vĩnh cửu mà lại lấy dư luận, nghĩa là ý kiến của những cái đầu nhỏ hẹp, với thứ ánh sáng lập lòe như ma troi, làm kim chỉ nam dẫn đường?” Những người Frankfurt quan tâm đến triết

học mua chó poodle để tỏ lòng kính trọng ông.

1859: Khi danh tiếng mang lại sự quan tâm lớn hơn của phụ nữ dành cho ông thì quan điểm của ông về họ cũng mềm mỏng hơn. Từ chỗ cho rằng họ “phù hợp làm y tá và giáo viên của những đứa trẻ nhỏ nhất chính xác là vì bản thân họ trẻ con, khờ dại và thiển cận, nói cách khác là trong suốt cả cuộc đời mình, họ là những-đứa-trẻ-to-xác” thì giờ đây ông cho rằng họ biết sống vì người khác và có suy nghĩ sâu sắc. Elizabeth Ney (một hậu duệ của Napoleon), một nữ điêu khắc gia hấp dẫn và là người ngưỡng mộ triết học của Schopenhauer, đến Frankfurt vào tháng Mười và ở lại căn hộ của ông một tháng để tạc một bức tượng bán thân của ông.

“Cô ấy làm việc cả ngày ở chỗ tôi. Khi tôi đi ăn trưa về, chúng tôi uống cà phê cùng nhau, chúng tôi ngồi cùng nhau và tôi cảm giác như mình đã kết hôn.”

1860: Sức khỏe ngày càng yếu báo hiệu cái chết đã đến gần: “Tôi có thể chịu đựng được ý nghĩ rằng không lâu nữa lũ dòi sẽ ăn hết cơ thể tôi; nhưng ý nghĩ rằng các giáo sư triết học sẽ gặm nhấm triết lý của tôi khiến cho tôi ghê tởm.” Cuối tháng Chín, sau khi đi dạo trên bờ sông Main, ông trở về nhà, kêu khó thở và qua đời, vẫn tin rằng “sự tồn tại của con người hẳn phải là một sai lầm”.

Đó là cuộc đời của một nhà triết học, người có thể mang lại cho trái tim sự an ủi không gì sánh được.

2

Một câu chuyện tình hiện đại

VỚI CHÚ THÍCH THEO PHONG CÁCH SCHOPENHAUER

Một người đàn ông đang cố tập trung làm việc trên chuyến tàu từ Edinburg đến London. Lúc đó là đầu buổi chiều một ngày mùa xuân ấm áp.

Trên chiếc bàn trước mặt anh ta có mấy tờ báo và cuốn nhật ký, và một cuốn sách đang mở đặt trên tay ghế. Nhưng người đàn ông không thể có nổi một suy nghĩ mạch lạc từ Newcastle, khi một cô gái bước lên toa tàu và ngồi ở hàng ghế bên kia. Sau khi lặng lẽ nhìn ra ngoài cửa sổ một lúc, cô hướng sự chú ý sang một tập tạp chí. Cô đọc Vogue từ Darlington. Cô làm cho người đàn ông nhớ lại bức chân dung Bà Høegh-Guldberg của Christen Kobke (dù anh không nhớ nổi bất kỳ cái tên nào) mà anh từng nhìn thấy trong một bảo tàng ở Đan Mạch vài năm trước đó, và việc nó đã làm anh xúc động và buồn bã một cách lạ lùng như thế nào.

Nhưng không giống như Bà Høegh-Guldberg, cô có mái tóc ngắn màu nâu, đi giày thể thao, mặc quần jeans và chiếc áo len cổ chữ V màu vàng như lông chim hoàng yến bên ngoài chiếc áo phông. Anh chú ý đến chiếc đồng hồ thể thao điện tử to quá khổ trên cổ tay trắng xanh, lấm tấm vết tàn nhang của cô. Anh tưởng tượng mình đang lùa bàn tay vào mái tóc màu hạt dẻ của cô, vuốt ve phía sau cổ, luồn vào cổ áo cô, ngắm cô ngủ bên cạnh anh, môi hé mở. Anh tưởng tượng mình sống cùng cô trong một căn nhà ở phía Nam

London, trên một con phố trồng toàn cây anh đào. Anh đoán có thể cô là một nghệ sĩ cello hoặc nhà thiết kế đồ họa, hoặc một tiến sĩ nghiên cứu về gien. Đầu óc anh bắt đầu chuyển sang chiến thuật làm quen. Anh tính sẽ hỏi mượn cô cây bút chì, hỏi lối đến nhà vệ sinh, hỏi xem cô nghĩ gì về thời tiết, mượn cô một cuốn tạp chí. Anh ước gì con tàu gặp sự cố, khi đó toa tàu của họ sẽ bị ném vào một trong những cánh đồng lúa mạch mênh mông mà họ đang đi qua. Trong cơn hỗn loạn, anh sẽ đưa cô ra ngoài an toàn và cùng cô trú tạm trong một chiếc lều gần đó do lực lượng cứu hộ dựng lên, nơi họ sẽ uống trà ấm và nhìn sâu vào mắt nhau. Nhiều năm sau, họ sẽ thu hút mọi sự chú ý khi tiết lộ rằng họ gặp nhau trong thảm kịch va chạm tàu Edinburg Express. Nhưng vì con tàu chẳng có vẻ gì là sẽ trật bánh, và mặc dù biết rằng điều mình nói ra nghe thật mờ ám và lố bịch, người đàn ông vẫn không thể kìm được, hăng giọng và nghiêng người hỏi thiên thần liệu nàng có thừa chiếc bút bi nào không. Cảm giác như nháy xuống từ một chiếc cầu rất cao.

1. Theo truyền thống, các nhà triết học không thấy ấn tượng với điều này: sự sâu não của tình yêu dường như quá trẻ con để khiến họ phải xem xét. Chủ đề này nên dành cho các nhà thơ và những kẻ cuồng loạn thì hơn. Công việc của nhà triết học không phải là đi suy đoán về những cái nắm tay hay những bức thư ướp hương thơm. Schopenhauer thấy lạ về sự thờ ơ này:

Chúng ta nên thấy ngạc nhiên là một vấn đề nhìn chung chiếm một phần quan trọng đến như vậy trong cuộc đời con người lại gần như bị các nhà triết học bỏ qua, và nó nằm trước mặt chúng ta như là một thứ nguyên liệu thô và chưa qua xử lý.

Sự thờ ơ này dường như là kết quả của sự chối từ kiêu ngạo đối với cái khía cạnh của cuộc sống đã vi phạm tự ảnh duy lý của con

người. Schopenhauer nhấn mạnh vào thực tế đầy rối rắm này:

Tình yêu làm gián đoạn ngay cả những công việc nghiêm túc nhất, bất kể giờ giấc, và đôi khi làm bối rối cả những bộ óc vĩ đại nhất. Nó không ngần ngại can thiệp vào cuộc đàm phán của các chính khách và quá trình nghiền ngẫm của các học giả uyên bác. Nó biết cách cài những bức thư tình và những lộn tóc quần vào giữa mớ công việc của các vị bộ trưởng và bản thảo của các nhà triết học. Đôi khi nó đòi hỏi sự hy sinh, sức khỏe, đôi khi là tiền bạc, địa vị và hạnh phúc.

2. Giống như người viết tiểu luận xứ Gascony sinh trước ông 225 năm, Schopenhauer quan tâm đến cái làm cho con người - lẽ ra phải là sinh vật có lý trí nhất - trở nên kém lý trí. Có một bộ tác phẩm của Montaigne trong thư viện tại căn hộ của Schopenhauer ở Schöne Aussicht. Schopenhauer đọc về việc lý trí có thể bị hạ bệ như thế nào bởi một cú đánh trung tiện, một bữa trưa lớn hay một cái móng chân mọc ngược vào trong và tán đồng quan điểm của Montaigne rằng lý trí của chúng ta phục tùng cơ thể, mặc cho sự ngạo mạn của chúng ta khi tin vào điều ngược lại.

3. Nhưng Schopenhauer còn đi xa hơn. Không dừng lại ở việc chỉ ra những ví dụ lỏng lẻo về sự hạ bệ của lý trí, ông đặt tên cho nguồn sức mạnh bên trong chúng ta mà ông luôn cảm thấy có vị trí cao hơn so với lý trí, một sức mạnh đủ lớn để làm biến dạng mọi kế hoạch và sự phán xét của lý trí, và ông gọi nó là ước-vọng-tồn-tại (*Wille zum Leben*) - được định nghĩa là nghị lực bên trong mỗi con người để sống và tái sinh sản. Ước-vọng-tồn-tại khiến cho ngay cả những người bị chứng trầm cảm nặng cũng đấu tranh để sinh tồn khi họ bị đe dọa bởi một vụ đắm tàu hay một trận ốm trầm trọng. Nó đảm bảo rằng

những người cứng rắn nhất, coi trọng sự nghiệp nhất cũng mềm lòng khi thấy một đứa trẻ bi bô, hoặc nếu vẫn không xúc động thì nhiều khả năng họ vẫn sẽ sinh con, và sẽ yêu nó mãnh liệt ngay khi nó đến bên đời. Và chính ước-vọng-tồn-tại là thứ khiến cho người ta đánh mất lý trí trước những hành khách dễ thương mà họ nhìn thấy ở hàng ghế đối diện, trên những chuyến tàu dài.

4. Schopenhauer có thể thất vọng với sự đổ vỡ trong tình yêu (không dễ gì mà mời các cô gái trẻ ăn nho); nhưng ông không coi nó là thứ không tương xứng hay ngẫu nhiên. Nó hoàn toàn xứng với chức năng của tình yêu:

Tất cả những tiếng động và sự phiền phức này để làm gì? Tất cả những sự hồi thúc, náo động, đau khổ và cố gắng này để làm gì? Tại sao một chuyện vật vãn lại có vai trò quan trọng như thế? Không có chuyện gì là vật vãn ở đây cả; trái lại, tầm quan trọng của vấn đề này hoàn toàn phù hợp với sự nghiêm túc và nhiệt thành của những nỗ lực. Thật ra, mục đích cuối cùng của mọi cuộc tình quan trọng hơn mọi mục đích khác trong cuộc đời con người; và do vậy nó xứng đáng với sự nghiêm túc sâu sắc mà mọi người theo đuổi.

Và mục đích đó là gì? Không phải sự chia sẻ hay giải phóng tình dục, hiểu biết hay giải trí. Sự lãng mạn chỉ phôi cuộc sống bởi vì:

Điều mà nó quyết định chính là sự sản sinh ra thế hệ tiếp theo, sự tồn tại và cấu thành đặc biệt của loài người trong tương lai.

Vì tình yêu, với sức mạnh ghê gớm, hướng ta tới điều thứ hai trong số hai mệnh lệnh vĩ đại nhất của ước-vọng-tồn-tại nên Schopenhauer cho rằng nó là nỗi ám ảnh quen thuộc và dễ hiểu nhất của chúng ta.

5. Việc ta hiếm khi nghĩ đến sự duy trì nòi giống khi xin số điện thoại của một người nào đó không mâu thuẫn với học thuyết này. Schopenhauer cho rằng chúng ta bị chia thành hai phần, có ý thức và vô thức, phần vô thức chịu sự chi phối của ước-vọng-tồn-tại, phần có ý thức phục tùng nó và không thể biết được mọi kế hoạch của nó. Thay vì là một thực thể độc lập, ý thức phần nào là kẻ đầy tớ nhìn thấy được của cái ước-vọng-tồn-tại đóng vai trò chi phối, bị ám ảnh bởi trẻ con:

[Trí tuệ] không thâm nhập vào nhà xưởng bí mật nơi sản sinh ra các quyết định của ý chí. Tất nhiên, nó là bạn tâm tình của ý chí, nhưng không phải cái gì người bạn tâm tình cũng được biết.

Trí tuệ chỉ hiểu đủ để thúc đẩy sự sinh sản, điều này có thể đồng nghĩa với việc nó hiểu rất ít:

[Nó] vẫn cơ bản bị loại trừ khỏi những ý định thật và quyết định bí mật của chính ý chí của mình.

Một sự loại trừ giúp giải thích tại sao, một cách có ý thức, chúng ta không cảm thấy gì hơn là khao khát mãnh liệt được gặp lại ai đó, trong khi một cách vô thức, chúng ta đang bị chi phối bởi một sức mạnh hướng tới quá trình tái sản xuất cho thế hệ tiếp theo. Tại sao sự lừa dối đó lại cần thiết? Bởi vì, theo Schopenhauer, chúng ta sẽ không chắc chắn đồng ý tái sản xuất trừ phi chúng ta phải mất lý trí trước đã.

6. Phân tích này rõ ràng là vi phạm tự ảnh duy lý, nhưng ít nhất nó phản biện quan điểm cho rằng tình yêu lãng mạn là sự sao nhãng khỏi những nhiệm vụ quan trọng hơn mà ta có thể tránh được, rằng có thể tha thứ cho những người trẻ tuổi với quá nhiều thời gian rảnh rỗi khi họ ngây ngất dưới ánh trăng và thồn thức trong chăn. Nhưng thật điên rồ và vô bổ khi những người lớn tuổi hơn sao nhãng công việc vì *một khuôn mặt mà họ thoáng thấy trên chuyến tàu*. Với việc coi tình yêu là điều không tránh khỏi mang tính sinh học, là chìa khóa cho sự kéo dài nòi giống, học thuyết của Schopenhauer về ước-vọng-tồn-tại cho phép chúng ta vị tha hơn với hành vi kỳ lạ mà tình yêu thường áp đặt lên con người.

Người đàn ông và cô gái ngồi ở chiếc bàn cạnh cửa sổ trong một nhà hàng Hy Lạp ở Bắc London. Giữa họ là một bát ô liu nhưng không ai nghĩ ra cách gì để nhai hết ô liu mà vẫn giữ được vẻ lịch thiệp cần thiết nên họ không đụng đến chúng.

Cô không mang theo bút bi nhưng cho anh mượn một chiếc bút chì. Sau một khoảng lặng, cô nói cô rất ghét các chuyến tàu dài, một nhận xét vô thường vô phạt mang lại cho anh sự khuyến khích ít ỏi mà anh cần. Cô không phải một nghệ sĩ cello hay nhà thiết kế đồ họa mà là luật sư chuyên về tài chính doanh nghiệp tại một công ty lớn trong thành phố. Cô đến từ Newcastle nhưng đã sống ở London tám năm qua. Khi tàu đến Euston, anh đã xin được số điện thoại của cô và lời chấp thuận đi ăn tối cùng.

Người phục vụ đến ghi món ăn. Cô gọi salad và món cá cò kiếm (swordfish). Cô đến thẳng nhà hàng sau khi vừa tan làm, mặc một bộ vest màu ghi

nhật và đeo chiếc đồng hồ hôm trước.

Họ bắt đầu nói chuyện. Cô nói rằng vào cuối tuần, hoạt động ưa thích của cô là leo núi đá. Cô bắt đầu chơi môn này ở trường và từ đó đến nay đã đi leo núi ở Pháp, Tây Ban Nha và Canada. Cô miêu tả cảm giác hồi hộp sung sướng khi treo người lơ lửng trên cao hàng trăm feet phía trên một thung lũng và cắm trại trên núi cao, nơi mà vào buổi sáng, trong lều đóng băng. Người cùng ăn bữa tối với cô thì bị chóng mặt khi leo đến tầng hai của các tòa nhà. Một đam mê khác của cô là khiêu vũ, cô yêu cái năng lượng và cảm giác tự do mà nó mang lại. Khi có thể, cô thích thức suốt đêm. Anh thì thường lên giường trước 11 giờ 30. Họ nói chuyện về công việc. Cô đang tham gia vào một vụ kiện liên quan đến bằng sáng chế. Một nhà thiết kế ẩm thực nước ở Frankfurt bị cáo buộc vi phạm bản quyền của một công ty của Anh. Công ty của cô có trách nhiệm theo khoản 60,1,a của Luật Bằng sáng chế năm 1977.

Anh không nắm bắt hết chi tiết câu chuyện dài về vụ kiện sắp tới nhưng tin rằng cô cực kỳ thông minh và họ cực kỳ hợp nhau.

1. Một trong những bí ẩn lớn nhất của tình yêu là “Tại sao lại là anh ấy?”, và “Tại sao lại là cô ấy?” Tại sao, trong tất cả những ứng cử viên tiềm năng, khao khát của chúng ta lại được đặt vào sinh vật đó một cách mạnh mẽ đến vậy, tại sao chúng ta lại trân trọng họ hơn mọi người khác trong khi câu chuyện mà họ nói trong bữa tối không phải lúc nào cũng là câu chuyện hay nhất, hoặc thói quen của họ không phải lúc nào cũng phù hợp nhất với ta? Và tại sao, cho dù có ý định tốt, chúng ta cũng không thể có được mối quan tâm về tình dục với

một số người khác, những người có lẽ xét một cách khách quan cũng hấp dẫn không kém. Và sống với họ có khi còn dễ chịu hơn?

2. Sự kén cá chọn canh này không làm Schopenhauer ngạc nhiên. Chúng ta không được tự do yêu tất cả mọi người vì chúng ta không thể sinh ra những đứa con khỏe mạnh với tất cả mọi người. Ước-vọng-tồn-tại đẩy chúng ta về phía những người giúp tăng cơ hội sinh ra những đứa con xinh đẹp và khỏe mạnh, và đẩy ta ra xa những người làm cơ hội đó thấp xuống. Tình yêu không là gì khác ngoài biểu hiện có ý thức của việc ước-vọng-tồn-tại phát hiện ra một người có thể cùng ta làm cha làm mẹ:

Khoảnh khắc mà [hai người] bắt đầu yêu nhau - tơ tưởng về nhau, như cách nói rất chuẩn của tiếng Anh (to fancy each other) - thực ra được coi là xuất phát điểm của một cá nhân mới.

Trong những buổi gặp ban đầu, đằng sau các câu chuyện thông thường, phần vô thức của cả hai bên sẽ đánh giá xem liệu một ngày nào đó mối quan hệ của họ có cho ra đời một đứa trẻ khỏe mạnh hay không:

Có điều gì đó khá lạ lùng trong sự nghiêm túc sâu sắc, vô thức mà hai người trẻ tuổi ở hai giới đối nghịch nghĩ về nhau khi họ gặp nhau lần đầu, trong ánh nhìn tìm kiếm và xuyên thấu mà họ dành cho người kia, trong sự xem xét cẩn thận mọi đặc điểm và bộ phận của người kia. Sự soi mói và kiểm tra này là sự suy ngẫm của giống loài thiên tài bậc nhất về khả năng một cá thể mới được sinh ra từ hai cá thể này.

3. Và ước-vọng-tồn-tại tìm kiếm điều gì từ bài kiểm tra này? Bằng chứng về những đứa trẻ khỏe mạnh. Ước-vọng-tồn-tại cần bảo đảm

rằng thể hệ tiếp theo sẽ đủ khỏe mạnh cả về tâm lý và thể chất để tồn tại trong một thế giới đầy nguy hiểm, vì thế nó muốn rằng trẻ con phải có chân tay cân đối (không quá ngắn hay quá dài, không quá béo hay quá gầy), và đầu óc cân bằng (không quá nhút nhát hay liều lĩnh, không quá lạnh lùng hay ủy mị, v.v.)

Do cha mẹ chúng ta mắc sai lầm trong việc chọn bạn đời nên chúng ta khó mà là những cá thể cân bằng một cách hoàn hảo. Chúng ta thường quá cao, quá nam tính, quá nữ tính; mũi thì to, cằm thì bé. Nếu sự mất cân bằng đó tiếp diễn hoặc nếu chúng tăng lên thì không bao lâu nữa loài người sẽ trở nên kỳ dị. Do đó, ước-vọng-tồn-tại phải đẩy ta về phía những người, với sự không hoàn hảo của mình, có thể khử được sự không hoàn hảo của ta (một cái mũi to kết hợp với một cái mũi nhỏ như chiếc cúc áo hứa hẹn sinh ra một cái mũi hoàn hảo), và do đó giúp chúng ta khôi phục lại sự cân bằng về thể chất và tâm lý trong thế hệ tiếp theo:

Mọi người đều nỗ lực thông qua người khác để xóa bỏ điểm yếu, tật xấu và sự lệch lạc của mình ra khỏi giống loài, nếu không chúng sẽ được duy trì hoặc thậm chí phát triển thành sự bất thường ở lứa trẻ sẽ được sinh ra.

Lý thuyết về sự trung hòa mang lại tự tin cho Schopenhauer trong việc dự đoán đường đi của sự hấp dẫn. Phụ nữ thấp sẽ yêu đàn ông cao, nhưng hiếm khi đàn ông cao lại yêu phụ nữ cao (vô thức của họ sợ sinh ra người khổng lồ). Những người đàn ông nữ tính không thích thể thao thường bị cuốn hút bởi những người phụ nữ tomboy, có mái tóc ngắn (và đeo những chiếc đồng hồ khủng):

Sự trung hòa của hai cá thể đòi hỏi rằng một mức độ nam tính cụ thể của anh ấy phải

tương thích một cách chính xác với mức độ nữ tính cụ thể của cô ấy, sao cho sự phiến diện của mỗi người khử được sự phiến diện của người kia một cách chính xác.

4. Thật không may là thuyết hấp dẫn đưa Schopenhauer đến một kết luận u ám đến mức các độc giả chuẩn bị kết hôn không nên đọc mấy đoạn tiếp sau đây để không suy nghĩ lại về đám cưới của mình. Kết luận của ông là: một người rất phù hợp cho đứa con của chúng ta gần như không bao giờ rất phù hợp với ta (mặc dù lúc đó ta không thể nhận ra được vì ta bị mờ mắt bởi ước-vọng-tồn-tại).

“Một tình yêu vừa có sự tương hợp lại vừa nóng bỏng là điều may mắn hiếm hoi nhất”, Schopenhauer nhận xét. Người tình giúp con ta không có chiếc cảm khổng lồ hay tính tình éo lá lại hiếm khi là người sẽ khiến ta hạnh phúc trọn đời. Sự theo đuổi hạnh phúc cá nhân và việc sinh ra những đứa trẻ khỏe mạnh là hai công trình hoàn toàn đối lập mà tình yêu, trong một số năm nhất định, thường khiến ta nhầm rằng chúng là một. Chúng ta không nên ngạc nhiên trước các cuộc hôn nhân giữa những người lẽ ra không thể là bạn:

Tình yêu gieo mình vào những người mà ngoài quan hệ tình dục ra thì sẽ căm ghét, khinh bỉ, thậm chí là ghê tởm người yêu. Nhưng ý chí của giống loài mạnh hơn ý chí của cá nhân quá nhiều, khiến cho người đang yêu nhắm mắt trước mọi tính cách mà anh ta thấy phản cảm, lờ đi mọi thứ, phán xét sai mọi thứ và tự buộc mình vào đối tượng mà anh ta đam mê mãi mãi. Vì thế, anh ta hoàn toàn bị mê đắm bởi cái ảo tưởng đó, thứ sẽ tan biến ngay khi ý chí của giống loài đã được thỏa mãn, và để lại cho anh ta người bạn đời đáng ghét. Chỉ điều này mới có thể giải thích tại sao chúng ta thường thấy những người đàn ông rất lý trí, thậm chí có tiếng tăm, lại gắn bó với những người bạn đời lắm điều và đáng sợ, và không thể hiểu tại sao họ lại lựa chọn như vậy. Một người đàn ông đang yêu có thể nhìn ra và cảm nhận một cách cay đắng ở cô dâu của mình những tính

khí không thể chấp nhận được và những thói xấu hứa hẹn biến cuộc đời anh ta trở nên khổn khổ, nhưng vẫn không vì thế mà sợ hãi tránh xa cô ta vì cuối cùng điều mà anh ta tìm kiếm không phải là lợi ích của mình, mà của một người thứ ba vẫn chưa xuất hiện, mặc dù anh ta ảo tưởng rằng cái mà anh ta tìm kiếm là lợi ích của bản thân mình.

Lý thuyết của Schopenhauer hàm ý rằng khả năng của ước-vọng-tồn-tại thúc đẩy mục đích của riêng nó thay vì hạnh phúc của chúng ta có thể được cảm nhận một cách rõ ràng ở sự mệt mỏi và phiền não thường thấy ở các cặp đôi ngay sau khi làm tình:

Chẳng phải tiếng cười của quỷ vang lên ngay sau khi giao hợp đó sao? (illico post coitum cachinnus auditur Diaboli?)

Và như thế, một ngày, một người phụ nữ nam tính với một người đàn ông nữ tính sẽ bước vào nhà thờ với những động cơ mà không một ai, kể cả bản thân họ (trừ vài người hiểu lõm bõm về lý thuyết của Schopenhauer) có thể hiểu được. Chỉ sau này, khi đòi hỏi của ý chí đã được thỏa mãn và đã xuất hiện một cậu bé khỏe mạnh đá bóng trong khu vườn ở ngoại ô thì trò bịp bợm mới bị phát hiện. Cặp đôi sẽ chia tay hoặc cùng ăn tối trong sự im lặng thù địch. Schopenhauer cho chúng ta một lựa chọn -

Dường như khi tạo ra một cuộc hôn nhân, hoặc cá nhân, hoặc lợi ích của giống nòi, phải bị hy sinh.

- tuy nhiên, ông không để cho chúng ta phải nghi ngờ gì về năng lực siêu việt của giống nòi trong việc bảo đảm lợi ích của nó. Thế hệ tiếp theo được nuôi sống nhờ sự hy sinh của thế hệ hiện tại.

Người đàn ông trả tiền cho bữa tối, và với vẻ tự nhiên một cách có chủ ý,

anh hỏi cô có muốn về nhà anh để uống chút gì không. Cô gái cười và nhìn xuống sàn nhà. Dưới gầm bàn, cô đang gấp chiếc khăn giấy thành những hình vuông bé xíu. “Điều đó rất tuyệt, thực sự rất tuyệt,” cô nói, “nhưng sáng mai em phải dậy rất sớm để bay đi Frankfurt vì cuộc họp đó. 5 giờ 30, có khi còn sớm hơn. Có lẽ để lúc khác. Điều đó sẽ rất tuyệt, thực sự là rất tuyệt.” Một nụ cười nữa. Chiếc khăn giấy nát vụn dưới áp lực.

Nỗi thất vọng dấy lên phần nào khi cô hứa sẽ gọi cho anh từ Đức và cô nói họ sẽ gặp lại nhau sớm, có lẽ ngay khi cô trở lại. Nhưng vào ngày đã hẹn, không có cuộc gọi nào cho đến tận tối khuya, khi cô gọi cho anh từ một bộ điện thoại ở sân bay Frankfurt. Xung quanh là đám đông và giọng nói máy móc thông báo chuyển bay khởi hành về phương Đông. Cô nói cô nhìn thấy những chiếc máy bay khổng lồ từ cửa sổ, và rằng nơi này giống như địa ngục.

Cô nói chuyến bay Lufthansa chết tiệt bị chậm và cô sẽ cố tìm chuyến khác, nhưng anh không nên đợi. Sau đó là một khoảng lặng và điều tồi tệ nhất được xác nhận. Cuộc sống của cô hiện khá phức tạp, thực sự, cô nói tiếp, cô không rõ mình muốn gì, nhưng cô biết mình cần không gian và một chút thời gian, và nếu anh đồng ý, cô sẽ liên lạc với anh khi đâu đó cô đỡ rõ ràng hơn.

1. Nhà triết học có thể đã đưa ra những lý giải không lấy gì làm đẹp đẽ về việc tại sao chúng ta yêu, nhưng trong đó có sự an ủi cho việc bị từ chối - sự an ủi khi biết rằng nỗi đau của chúng ta là bình thường. Chúng ta không nên bối rối trước sự đau khổ khủng khiếp được sinh ra chỉ sau vài ngày hy vọng. Sẽ thật vô lý khi một sức mạnh đủ lớn để thúc đẩy chúng ta sinh con đẻ cái với nhau lại có thể - nếu

nó thất bại trong mục đích của mình - biến mất mà không để lại sự tàn phá nào. Tình yêu không thể xui chúng ta nhận lấy gánh nặng kéo dài nòi giống mà không hứa hẹn đem lại niềm hạnh phúc lớn nhất mà ta có thể tưởng tượng được. Bị sốc khi thấy bị từ chối đau đớn đến mức nào nghĩa là phớt lờ những thứ đi kèm với việc được chấp nhận. Đừng bao giờ để sự đau khổ của mình trầm trọng thêm bởi ý nghĩ rằng có điều gì đó không bình thường khi cảm thấy đau đớn sâu sắc đến vậy. Nếu ta không thấy đau thì mới là bất bình thường.

2. Còn nữa, chúng ta không phải bẩm sinh là những người không đáng để yêu. Bản thân chúng ta không có gì sai. Tính nết của chúng ta không khó chịu, khuôn mặt của chúng ta không đáng ghét. Sự kết hợp bị đổ vỡ vì ta không phù hợp để sinh ra một đứa trẻ cân bằng với một người cụ thể nào đó. Không cần phải tự căm ghét chính mình. Một ngày nào đó ta sẽ gặp một người cho rằng ta thật tuyệt vời và cảm thấy đặc biệt tự nhiên và thoải mái khi ở bên cạnh ta (bởi vì chiếc cằm của ta và chiếc cằm của họ tạo thành một kết hợp đáng mong muốn, theo quan điểm của ước vọng tồn tại).

3. Qua thời gian, chúng ta nên học cách tha thứ cho những người đã từ chối mình. Chia tay không phải là lựa chọn của họ. Khi một người cố gắng giải thích với người kia rằng họ cần thêm không gian và thời gian, rằng họ chưa sẵn sàng hoặc sợ gần bó lâu dài, thì người từ chối chỉ đang cố gắng dùng lý trí để biểu đạt phán quyết tiêu cực cơ bản mang tính vô thức mà ước-vọng-tồn-tại đưa ra. Lý trí của họ có thể đánh giá cao phẩm chất của ta nhưng ước-vọng-tồn-tại của họ

thì không và nó thông báo điều này cho họ theo cách mà họ không thể cãi lại được - bằng cách rút cạn hứng thú tình dục của họ đối với ta. Nếu họ bị quyến rũ bởi những người kém thông minh hơn ta thì cũng không nên buộc tội họ là nông cạn. Chúng ta nên nhớ, như Schopenhauer đã giải thích:

Điều mà người ta tìm kiếm ở hôn nhân không phải là sự thỏa mãn về trí tuệ mà là việc tạo ra những đứa trẻ.

4. Chúng ta nên tôn trọng chỉ dụ của tự nhiên về sự phản đối sinh sản được hàm chứa trong mỗi sự chối từ, như cách mà ta tôn trọng tia sét hay trận phun trào của núi lửa - một sự kiện khủng khiếp nhưng vĩ đại hơn bản thân ta. Chúng ta nên tìm sự an ủi từ suy nghĩ rằng việc không có tình yêu:

giữa một người đàn ông và một người phụ nữ là lời tuyên bố rằng con người mà họ sinh ra sẽ chỉ là một con người được chuẩn bị kém, bất hạnh, mong muốn sự hòa hợp ngay trong chính bản thân mình.

Chúng ta có thể đã rất hạnh phúc với người mình yêu, nhưng tự nhiên thì không - đó là một lý do lớn hơn để từ bỏ tình yêu.

Người đàn ông mất một thời gian chìm đắm trong nỗi buồn. Vào cuối tuần, anh đi dạo trong Công viên Battersea và ngồi trên ghế băng nhìn ra sông Thames. Trên tay anh là cuốn “Nỗi đau của Chàng Werther” của Goethe, xuất bản lần đầu năm 1774 tại Leipzig.

Vài cặp đôi đẩy xe nôi và dắt con đi dạo. Một cô bé mặc chiếc váy xanh dính đầy sô cô la, chỉ tay lên chiếc máy bay đang hạ độ cao về phía sân bay Heathrow. “Bố ơi, Chúa ở trên đó phải không?” cô bé hỏi, nhưng ông bố đang vội vã và không vui, bế cô bé lên và nói bố không biết, như thể anh ta vừa được nhờ chỉ đường. Một cậu bé 4 tuổi phi chiếc xe ba bánh vào bụi cây và khóc gọi mẹ, bà mẹ vừa mới nhắm mắt trên tấm thảm trải trên một đám cỏ trụi. Cô bảo chồng ra giúp thằng bé. Anh ta cộc cằn bảo bây giờ đến lượt cô. Cô cãi đây là lượt của anh. Anh không nói gì. Cô nói anh là đồ chết tiệt và đứng dậy. Một cặp đôi già ngồi trên chiếc ghế băng cạnh đó lặng lẽ ăn chung chiếc bánh sandwich trứng với rau cải xoong.

1. Schopenhauer nói rằng chúng ta không nên ngạc nhiên trước cảnh tượng khốn khổ đó. Không nên đòi hỏi một thời điểm sẽ kéo dài mãi mãi, dù là ở một cặp đôi hay một bậc phụ huynh.

2. Trong thư viện của Schopenhauer có rất nhiều sách về khoa học tự nhiên - trong đó có cuốn *Nhập môn Côn trùng học* (Introduction to Entomology) của William Kirby và William Spence, *Loài ong* (Des Abeilles) của Francois Huber và cuốn *Về loài chuột chũi*, cách thức, thói quen của chúng và cách diệt trừ (De la taupe, de ses moeurs, de ses habitudes et des moyens de la détruire) của Cadet de Vaux. Schopenhauer đọc về kiến, bọ hung, ong, ruồi, châu chấu, chuột chũi và chim di trú, và ông quan sát, với lòng trắc ẩn và sự tò mò, về cách mà tất cả các sinh vật này thể hiện ước vọng tồn tại nồng nhiệt và điên rồ. Ông đặc biệt cảm thông với lũ chuột chũi, những con vật kỳ dị cư ngụ ở các hành lang hẹp và ẩm thấp nhưng vẫn làm mọi thứ

trong khả năng của chúng để tồn tại và duy trì nòi giống:

Công việc cả đời của chúng là đào bới không mệt mỏi với những cái móng không lồ như chiếc xẻng; bao quanh chúng là bóng đêm vĩnh cửu, những cặp mắt kém phát triển chỉ dùng để tránh ánh sáng, chúng có được gì từ cuộc đời đầy rắc rối và không chút niềm vui này? Những mối quan tâm và rắc rối của cuộc đời vượt xa lợi ích có được từ nó.

Với Schopenhauer, dường như mọi sinh vật trên trái đất đều có ước-vọng-tồn-tại như nhau đối với những cuộc đời cũng vô vị như nhau:

Hãy xem sự siêng năng không biết mệt mỏi của những con kiến bé bỏng tội nghiệp, cuộc đời của hầu hết lũ côn trùng không có gì khác ngoài lao động không ngừng nghỉ để kiếm ăn và chuẩn bị cho lũ con sẽ được sinh ra từ những quả trứng của chúng. Sau khi bọn côn trùng con đã tiêu thụ hết chỗ thức ăn và bước vào giai đoạn nhộng, chúng bước vào đời chỉ để bắt đầu lại từ đầu cái công việc giống như thế, chúng ta không thể không đặt câu hỏi: tất cả những thứ đó để làm gì? Không có gì để trưng ra ngoài việc thỏa mãn cái đói và ham muốn tình dục, và thỉnh thoảng là chút sung sướng chỉ kéo dài trong khoảnh khắc giữa những nhu cầu và nỗ lực không bao giờ chấm dứt.

3. Nhà triết học không cần phải chỉ ra sự tương đồng. Chúng ta theo đuổi các cuộc tình, tán gẫu trong quán cà phê với đối tác tiềm năng và sinh con, với lựa chọn cũng chỉ hạn hẹp như bọn chuột chũi và kiến - và hiếm khi hạnh phúc hơn.

4. Schopenhauer không định làm chúng ta trầm cảm mà thực ra là đang giải thoát ta khỏi những kỳ vọng khơi nguồn cho sự cay đắng. Khi tình yêu làm ta đau khổ thì điều an ủi là được biết rằng hạnh phúc chưa bao giờ nằm trong kế hoạch của tự nhiên. Nghịch lý là những người suy nghĩ đen tối nhất có thể lại là những người vui vẻ

nhất:

Chúng ta chỉ có một lỗi thuộc về bản chất, đó là nghĩ rằng ta sinh ra là để hạnh phúc... Cho đến khi nào ta vẫn còn sống với sai lầm này thì thế giới đối với ta đầy rẫy mâu thuẫn. Trong mỗi bước đi, trong những thứ vĩ đại và nhỏ bé, chúng ta buộc phải trải nghiệm rằng thế giới và cuộc đời rõ ràng là không được sắp xếp với mục đích duy trì sự tồn tại của hạnh phúc, điều này được thể hiện trên nét mặt của hầu hết những người già, nét mặt họ thể hiện cái mà chúng ta gọi là *sự thất vọng*.

Họ sẽ không bao giờ trở nên thất vọng như vậy nếu họ bước vào tình yêu với kỳ vọng đúng đắn:

Tuổi trẻ của chúng ta bị xáo trộn và trở nên bất hạnh do sự kiếm tìm hạnh phúc với niềm tin chắc chắn rằng ta sẽ tìm thấy nó trong cuộc đời mình. Từ đây sinh ra cái hy vọng thường xuyên bị lừa dối và kéo theo nó là sự bất mãn. Ảo ảnh về niềm hạnh phúc mơ hồ trong những giấc mơ lẩn quất trước mặt ta dưới những hình thù được lựa chọn ngẫu nhiên và ta đi tìm xuất xứ của chúng trong vô vọng. Sẽ có ích hơn nếu như với lời khuyên và hướng dẫn kịp thời, những người trẻ tuổi có thể xóa khỏi tâm trí mình cái suy nghĩ sai lầm rằng thế giới này có thể mang lại cho họ nhiều thứ.

3

Chúng ta có một lợi thế so với lũ chuột chũi. Chúng ta có thể phải đấu tranh sinh tồn và tìm kiếm bạn đời và sinh con đẻ cái giống như chúng, nhưng ngoài ra ta có thể đi xem kịch, xem opera, nghe hòa nhạc, và mỗi buổi tối, trên giường, ta có thể đọc tiểu thuyết, sách triết học và sử thi - và đây là những hoạt động mà Schopenhauer cho rằng có thể giúp ta làm dịu đi những đòi hỏi của ước-vọng-tồn-tại. Cái mà chúng ta gặp trong các tác phẩm nghệ thuật và triết học là phiên bản khách quan của nỗi đau và cuộc đấu tranh của chính ta, được gọi lên và xác định bằng âm thanh, ngôn ngữ hoặc hình ảnh. Các nghệ sĩ và triết gia không chỉ chỉ ra cảm xúc của ta mà còn thể hiện trải nghiệm của ta một cách sâu sắc và rõ ràng hơn là tự bản thân ta; họ mang lại hình dáng cho những khía cạnh của cuộc sống mà ta nhận ra chúng chính là của mình nhưng chưa bao giờ tự mình hiểu rõ được. Họ giải thích cho ta hiểu về hoàn cảnh của mình, qua đó giúp ta đỡ cô đơn và bối rối. Ta có thể vẫn cứ phải đào hang dưới lòng đất, nhưng qua các tác phẩm nghệ thuật và triết học, ít nhất ta cũng có được những khoảnh khắc mà ở đó ta thấu hiểu nỗi phiền muộn của mình, nhờ đó thoát khỏi cảm giác hoảng sợ và cô độc (thậm chí là cảm giác bị hành hạ) mà chúng mang lại. Bằng cách riêng của mình, nghệ thuật và triết học giúp ta, như lời của Schopenhauer, biến nỗi đau thành tri thức.

Nhà triết học ngưỡng mộ người bạn của mẹ - Johann Wolfgang von Goethe bởi vì ông đã biến biết bao nỗi đau tình yêu thành tri

thức, nổi tiếng nhất là cuốn tiểu thuyết được xuất bản năm ông 25 tuổi, nhờ đó mà tên tuổi ông được biết đến trên khắp châu Âu. *Nỗi đau của chàng Werther* kể về tình yêu đơn phương mà một chàng trai cụ thể dành cho một cô gái cụ thể (nàng Lotte quyến rũ, người chia sẻ sở thích của Werther với tác phẩm *Cha xứ Wakefield* và hay mặc váy trắng với nơ hồng ở tay áo), nhưng đồng thời nó cũng kể về những cuộc tình của hàng ngàn độc giả (người ta nói rằng Napoléon đã đọc tác phẩm này tới 9 lần). Những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại nhất trò chuyện với ta không cần biết ta là ai. Theo lời Schopenhauer:

Nhà thơ rút ra từ đời sống những điều cụ thể và riêng tư, và miêu tả tính riêng tư của nó một cách chính xác; nhưng bằng cách của riêng mình, ông hé lộ sự tồn tại của con người một cách toàn diện, mặc dù ông có vẻ quan tâm đến cái cá biệt nhưng thực ra ông quan tâm đến cái tồn tại ở mọi nơi, mọi lúc. Từ đây sinh ra những câu văn, nhất là của những tác giả kịch thơ, không cần cách ngôn mà vẫn được dùng trong đời thực.

Độc giả của Goethe không chỉ thấy mình trong *Nỗi đau của chàng Werther* mà qua đó họ còn hiểu rõ bản thân mình hơn vì Goethe đã làm sáng tỏ một loạt khoảnh khắc ngưng đọng và phù du của tình yêu, những khoảnh khắc mà độc giả từng trải qua nhưng chưa chắc đã hiểu. Ông chỉ rõ một số quy luật của tình yêu, những quy luật mà Schopenhauer gọi là “Ý niệm” cốt lõi của tâm lý học lãng mạn. Chẳng hạn, Goethe nắm bắt một cách hoàn hảo cái cách thức có vẻ tử tế - nhưng lại vô cùng độc ác, mà một người không yêu đối xử với người yêu mình. Trong phần sau của cuốn tiểu thuyết, bị tra tấn bởi cảm xúc, Werther suy sụp trước mặt Lotte:

“Lotte,” chàng khóc, “Ta sẽ không bao giờ gặp lại nàng nữa!” - “Tại sao lại không?” nàng đáp: “Werther, chàng có thể và chàng phải gặp lại bọn em, nhưng hãy đừng để xúc động

như thế. Ôi, tại sao chàng lại sinh ra với tâm hồn mãnh liệt như thế, với cảm xúc không thể kiềm chế trước mọi thứ mà chàng thân thiết! Em xin chàng đấy,” nàng tiếp lời, cầm tay Werther, “Hãy bình tĩnh hơn. Hãy nghĩ đến biết bao niềm vui mà tinh thần, kiến thức và những tài năng mang lại cho chàng!”

Chúng ta không cần sống ở Đức vào nửa cuối thế kỷ 19 để hiểu được cảnh tượng này. Trên thế giới này, con người thì nhiều mà các câu chuyện thì ít, cốt truyện lặp đi lặp lại không ngừng, trong khi chỉ có tên người và bối cảnh là thay đổi. “Tinh túy của nghệ thuật là một trường hợp của nó được áp dụng cho hàng ngàn trường hợp khác,” Schopenhauer biết vậy.

Rồi chúng ta lại được an ủi khi nhận ra rằng trường hợp của mình chỉ là một trong hàng ngàn trường hợp. Schopenhauer đi Florence hai lần, năm 1818 và 1822. Chắc hẳn ông đã tới thăm tu viện Brancacci ở Santa Maria del Carmine, ở đó Masaccio đã vẽ một loạt tranh tường trong khoảng từ năm 1425 đến 1426.

Sự đau khổ của Adam và Eva khi phải rời thiên đường không phải là nỗi đau của riêng họ. Trên khuôn mặt và dáng vẻ của hai nhân vật, Masaccio đã nắm bắt được cái tinh túy nhất của nỗi đau, chính là cái Ý niệm về nỗi đau. Bức tranh tường của ông là biểu tượng phổ quát của sự mong manh và dễ đổ vỡ của chúng ta. Chúng ta đều từng bị trục xuất khỏi vườn địa đàng.

Nhưng khi đọc một câu chuyện tình bi thương, người bị từ chối nâng mình lên khỏi hoàn cảnh của chính mình; anh ta không còn là một người đàn ông chịu đau khổ một mình, đơn độc và bối rối, anh ta là một trong số biết bao con người từng yêu người khác vì sự thôi

thức đau đớn phải duy trì nỗi giống. Sự đau khổ của anh ta bớt nhức nhối đi một chút, nó trở nên dễ hiểu hơn, ít giống như lời nguyên dành cho cá nhân hơn. Về một người có thể đạt tới sự khách quan như vậy, Schopenhauer nhận xét:

Trong cuộc đời và sự bất hạnh của mình, anh ta sẽ ít nhìn vào nỗi khổ của cá nhân mình hơn là vào nỗi thống khổ của toàn nhân loại, và như thế sẽ sống như một *người biết* hơn là *người chịu đựng*.

Giữa những khoảng thời gian đào bới trong bóng đêm, chúng ta phải luôn luôn nỗ lực biến nước mắt thành tri thức.

VI

NIỀM AN ỦI CHO KHÓ KHĂN

1

Ít có nhà triết học nào từng đánh giá cao cảm giác khốn khổ. Một cuộc đời khôn ngoan thường gắn liền với nỗ lực giảm bớt sự đau khổ: cảm giác lo lắng, thất vọng, giận dữ, căm ghét bản thân và trái tim tan nát.

2

Nhưng, như Friedrich Nietzsche chỉ ra, phần lớn các nhà triết học là những kẻ “đầu bấp cải”. “Định mệnh của tôi là trở thành người tử tế đầu tiên”, ông nhận ra điều này với chút bối rối vào mùa thu năm 1888. “Tôi có một nỗi sợ khủng khiếp là đến một ngày tôi sẽ được gọi là thánh”; và ông cho rằng điều đó sẽ xảy ra vào buổi bình minh của thiên niên kỷ thứ ba: “Hãy giả định là con người sẽ được đọc [tác phẩm của tôi] vào khoảng năm 2000.” Ông chắc rằng họ sẽ thích:

Tôi nghĩ rằng bất kỳ ai cầm cuốn sách của tôi trên tay thì đó là vinh dự hiếm hoi nhất mà người đó có thể mang lại cho bản thân mình. Thậm chí tôi đồ rằng họ còn cời giầy ra khi cầm cuốn sách chứ chưa nói là cời bột.

Đó là một vinh dự bởi vì trong số những kẻ đầu bấp cải, một mình Nietzsche nhận ra rằng những người nào tìm kiếm sự thỏa mãn trong cuộc sống thì phải chào đón mọi khó khăn:

Bạn muốn, nếu có thể, và không có điều gì điên rồ hơn là cái “nếu có thể” này xóa bỏ mọi khổ đau; còn chúng tôi? - đúng là dường như chúng tôi muốn có nhiều khổ đau hơn, và làm cho những nỗi đau tồi tệ hơn bao giờ hết!

Mặc dù rất cầu kỳ trong việc gửi lời chúc đến bạn bè nhưng trong thâm tâm, Nietzsche hiểu họ cần điều gì:

Với những người mà tôi quan tâm, dù chỉ một chút, tôi muốn họ đau khổ, cô độc, bệnh tật, bị đối xử tệ bạc, bị sỉ nhục - tôi muốn họ không xa lạ với sự căm ghét bản thân một

cách sâu sắc, bị tra tấn bởi cảm giác không tin vào chính mình, sự khốn cùng của kẻ bại trận.

Điều này giúp giải thích tại sao tác phẩm của ông trở thành:

Món quà vĩ đại nhất mà [nhân loại] từng được ban tặng.

- ngay cả khi đây là điều mà chính ông nói ra.

3

Chúng ta không nên hoảng sợ trước vẻ bề ngoài.

Trong con mắt của những người nhìn thấy ta lần đầu tiên, thường thì ta không là gì khác ngoài một đặc điểm nổi bật duy nhất đập vào mắt họ và quyết định toàn bộ ấn tượng của họ về ta. Do đó, người đàn ông lịch thiệp nhất và biết điều nhất, nếu có một bộ ria mép rậm rạp có thể bị coi là điểm phụ của bộ ria mép rậm rạp, không hơn, nghĩa là kiểu người trong quân đội, dễ tức giận và đôi khi bạo lực - và người ta sẽ đối xử với anh ta theo cách đó.

4

Không phải lúc nào Nietzsche cũng nghĩ tốt về khó khăn như vậy. Quan điểm ban đầu của ông chịu ảnh hưởng của nhà triết học mà ông phát hiện ra ở tuổi 21 khi đang là sinh viên trường Đại học Leipzig. Mùa thu năm 1865, trong một hiệu sách cũ ở Blumengasse, Leipzig, ông tình cờ cầm lên cuốn *Thế giới: Ý dục và biểu hiện*, tác giả của nó đã qua đời trước đó năm năm trong một căn hộ ở Frankfurt, cách đó 300 cây số về phía Tây.

Tôi cầm [cuốn sách của Schopenhauer] trên tay như là một cái gì đó hoàn toàn xa lạ và mở các trang sách. Tôi không biết có con quỷ nào đó thì thâm vào tai tôi: “Hãy mang cuốn sách này về”. Dù sao đi nữa, tôi đã mua nó và điều đó hoàn toàn trái ngược với thói quen của tôi là không bao giờ vội vàng khi mua sách, về nhà, tôi chui vào một góc sofa với kho báu mới của mình và bắt đầu để tác phẩm sôi nổi, âm đạm thiên tài đó chiếm lĩnh mình. Mỗi dòng đều như những tiếng kêu chứa đựng trong nó sự từ bỏ, phủ nhận và buông xuôi.

Nhà triết học lớn tuổi đã làm thay đổi cuộc đời của nhà triết học trẻ tuổi. Theo Schopenhauer, tinh túy của minh triết triết học là phát biểu của Aristotle trong *Đạo đức học Nicomachus*:

Người khôn ngoan nỗ lực được tự do thoát khỏi nỗi đau, chứ không phải có được niềm vui.

Ưu tiên đối với mọi người tìm kiếm niềm vui là phải nhận ra sự bất khả của sự mãn nguyện để tránh những rắc rối và lo lắng thường gặp trong quá trình tìm kiếm sự mãn nguyện:

[Chúng ta nên] hướng mục tiêu của mình không phải vào những điều dễ chịu và vui vẻ trong cuộc sống, mà vào việc tránh càng xa càng tốt vô vàn điều xấu của nó... Những người hạnh phúc nhất là những người đi hết cuộc đời mà không gặp phải bất kỳ nỗi đau quá lớn nào, về thể chất cũng như về tinh thần.

Sau đó, khi viết thư cho người mẹ góa chồng và cô em gái 19 tuổi của mình ở Naumburg, thay vì kể về việc ăn uống và học hành như bình thường, Nietzsche tóm tắt triết lý mới của mình về sự từ bỏ và buông xuôi:

Chúng ta biết rằng cuộc sống toàn là khổ đau và ta càng cố hưởng thụ cuộc sống thì càng làm nô lệ cho nó, do đó, ta [nên] vứt bỏ những điều tốt trong cuộc sống và tập tiết chế.

Bà mẹ của Nietzsche thấy điều này rất kỳ lạ, bà viết thư trả lời rằng bà không thích “kiểu phô trương đó và kiểu suy nghĩ đó bằng một bức thư đúng nghĩa, đầy tin tức”, và khuyên con trai nên trao trái tim cho Chúa và chú ý ăn uống cho tốt.

Nhưng ảnh hưởng của Schopenhauer không vì thế mà mờ nhạt đi. Nietzsche bắt đầu sống một cách thận trọng. Tình dục được nêu đậm trong một danh sách mà ông viết ra, dưới tiêu đề “Ảo tưởng của con người”. Khi thực hiện nghĩa vụ quân sự ở Naumburg, ông đặt bức ảnh Schopenhauer trên bàn, và trong những lúc khó khăn, ông kêu to “Schopenhauer, hãy giúp tôi!” Năm 24 tuổi, khi đang là Giáo sư Ngữ văn cổ đại ở Đại học Basle, ông tham gia vào hội của Richard và Cosima Wagner nhờ tình yêu chung với nhà hiền triết cần trọng của Frankfurt.

5

Sau đó, sau hơn một thập kỷ gẩn bó, mùa thu năm 1876, Nietzsche đi Italy và có sự thay đổi căn bản trong suy nghĩ. Ông nhận lời mời của Malwida von Meysenbug, một phụ nữ trung niên giàu có say mê nghệ thuật, để đến sống vài tháng cùng bà và một nhóm bạn trong căn biệt thự ở Sorrento, trên Vịnh Naples.

“Tôi chưa từng thấy ông ấy sống động như thế bao giờ. Ông cười to thành tiếng vì vui sướng,” Malwida kể lại phản ứng đầu tiên của Nietzsche khi đến Villa Rubinacci, nằm trên một đại lộ rợp bóng cây ở ngoại vi Sorrento. Từ phòng khách có thể nhìn ra vịnh, đảo Ischia và đỉnh Vesuvius, phía trước ngôi nhà là một khoảnh vườn nhỏ kéo dài tới biển trồng cây vả, cam, cây bách và giàn nho.

Những người khách trong nhà đi bơi, đi thăm Pompeii, Vesuvius, Capri và các ngôi đền Hy Lạp ở Paestum. Đến bữa, họ ăn đồ ăn nhẹ nấu với dầu ô liu và buổi tối, họ đọc cùng nhau trong phòng khách: những bài giảng của Jacob Burckhardt về văn minh Hy Lạp, đọc Montaigne, La Rochefoucauld, Vauvenargues, La Bruyère, Stendhal, bản ballad *Cô dâu xứ Corinth* (Die Braut von Korinth) và vở kịch *Con gái của tự nhiên* (Die naturliche Tochter) của Goethe, đọc Herodotus, Thucydides, và *Luật pháp* của Plato (mặc dù có lẽ do chịu ảnh hưởng từ lời thú nhận của Montaigne rằng ông không thích Plato, Nietzsche ngày càng khó chịu với Plato: “Các cuộc đối thoại của Plato, kiểu biện chứng trẻ con và tự thỏa mãn chán ngấy đó, chỉ có thể có tác động kích thích nếu người ta chưa từng đọc một tác giả Pháp hay ho nào...”

Plato thật là chán ngắt”).

Khi đi bơi ở Địa Trung Hải, ăn thức ăn nấu với dầu ô liu thay vì bơ, hít thở không khí ấm áp và đọc Montaigne và Stendhal (“Những điều nhỏ bé - đồ ăn, chỗ ở, khí hậu, giải trí, toàn bộ phân xét đúng sai về sự ích kỷ - trên tất cả, quan trọng hơn so với bất kỳ điều gì từng được cho là quan trọng”), Nietzsche dần dần thay đổi triết lý về nỗi đau và niềm vui, và cùng với nó là quan điểm về khó khăn. Khi ngắm hoàng hôn trên Vịnh Naples vào một ngày cuối tháng Mười năm 1976, ông cảm thấy tràn đầy một niềm tin mới, khá là phi-Schopenhauer, về sự tồn tại. Ông cảm thấy mình già khi giờ đây mới bắt đầu cuộc sống và chảy nước mắt trước ý nghĩ rằng mình đã được cứu sống vào phút chót.

6

Ông tuyên bố một cách chính thức về sự thay đổi niềm tin của mình trong một bức thư gửi Cosima Wagner vào cuối năm 1876: “Cô có ngạc nhiên không nếu tôi thú nhận một điều diễn ra từ từ, nhưng đã ít nhiều xuất hiện trong ý thức của tôi một cách đột ngột: rằng tôi không đồng tình với lời dạy của Schopenhauer? Về tất cả mọi luận điểm chung, tôi đều không đứng về phía ông ấy.”

Một trong những luận điểm đó là cho rằng sự mãn nguyện là một ảo giác, người khôn ngoan cần phải chú tâm vào việc né tránh nỗi đau thay vì tìm kiếm niềm vui, sống một cách lạnh lẽ, như lời khuyên của Schopenhauer, “trong một căn nhà nhỏ được chống cháy” - một lời khuyên mà nay Nietzsche cho rằng vừa nhút nhát vừa không đúng, một nỗ lực ngoan cố để sống, như Nietzsche miêu tả một cách miệt thị vài năm sau đó, “chui lủi trong khu rừng như một con hươu nhát chết”. Sự mãn nguyện không thể có được bằng cách né tránh nỗi đau mà phải thừa nhận vai trò của nó như là bước đi tự nhiên, không tránh khỏi trên con đường đạt được bất kỳ điều gì tốt đẹp.

Ngoài thức ăn và khí hậu, điều đã giúp thay đổi quan điểm của Nietzsche là suy nghĩ của ông về một vài nhân vật trong toàn bộ lịch sử, những người có vẻ như đã sống một cuộc đời mãn nguyện, những người có thể được miêu tả một cách công bằng bằng một trong những thuật ngữ gây tranh cãi nhất trong từ vựng của Nietzsche - là *Übermenschen*.

Tiếng xấu và sự điên rồ gắn liền với từ này không phải do triết lý của Nietzsche mà do sự say mê Chủ nghĩa Quốc gia về sau này của em gái ông, Elizabeth (người mà Friedrich gọi là “con ngỗng bài Do Thái hần học” từ lâu trước khi bà ta bắt tay Quốc trưởng), và quyết định của các dịch giả Anglo-Saxon đầu tiên khi lấy tên của một người hùng trong truyện tranh để chuyển ngữ từ *Übermenschen*.

Tuy nhiên các *Übermenschen* không có gì liên quan đến siêu nhân biết bay hay phát xít. Danh tính của họ được biết đến trong một nhận xét lướt qua trong bức thư ông gửi mẹ và em gái:

Thực sự là không có ai đang còn sống mà khiến con quan tâm. Những người con thích đều đã chết từ lâu lắm rồi” ví dụ như đức Cha Galiani, hay Henri Beyle, hay Montaigne.

Ông có thể thêm vào danh sách một người hùng nữa là Johann Wolfgang von Goethe. Bốn người này có lẽ là manh mối rõ ràng nhất giúp ta biết Nietzsche hiểu một cuộc sống mãn nguyện là như thế nào khi bước vào tuổi trưởng thành.

Họ có nhiều điểm chung. Họ hiếu kỳ, có năng khiếu nghệ thuật và có đời sống tình dục mạnh mẽ. Ngoài những mặt tối, họ vẫn cười, và nhiều người còn khiêu vũ; họ bị hấp dẫn bởi “ánh mặt trời dịu dàng, không khí sôi nổi và tươi sáng, rau trái phương nam, hơi thở của biển [và] những bữa ăn nhẹ nhàng gồm có thịt, hoa quả và trứng”. Vài người trong số họ có vẻ ngoài nguy hiểm một cách hóm hỉnh gần với Nietzsche - điệu cười vui vẻ, tinh quái phát ra từ một vùng sâu thẳm bí quan ở bên trong. Họ đã khám phá những khả năng của mình, họ sở hữu cái mà Nietzsche gọi là “cuộc đời”, lòng dũng cảm, tham vọng, phẩm chất, tính cách mạnh mẽ, khiếu hài hước và sự độc lập (cùng với đó, họ không có những thói xấu như cao đạo, phục tùng, oán giận và câu nệ).

Họ gắn bó với thế giới. Montaigne từng là thị trưởng Bordeaux trong hai nhiệm kỳ và đã đi khắp châu Âu bằng ngựa. Đức Cha Galiani xứ Naples từng là Sứ thần ở Paris và viết sách về cung tiền và phân phối ngũ cốc (tác phẩm được Voltaire ca ngợi vì kết hợp sự dí dỏm của Molière và trí tuệ của Plato). Goethe từng làm công chức trong Triều đình ở Weimar suốt một thập kỷ; ông từng đề xuất những cải cách về nông nghiệp, công nghiệp và hỗ trợ người nghèo, từng dẫn đầu các phái đoàn ngoại giao và đã hai lần được tiếp kiến Napoléon.

Trong chuyến đi Italy năm 1787, Goethe đã tới thăm các đền thờ Hy Lạp ở Paestum và ba lần leo lên đỉnh Vesuvius, đến gần miệng núi lửa đến mức phải né các trận phun trào đất đá và tro bụi.

Nietzsche gọi ông là người “vĩ đại”, “người Đức cuối cùng mà tôi tôn kính”: “Ông ấy tận dụng những hoạt động thực tế, ông không

cách ly khỏi đời sống mà đắm mình trong đời sống, [ông] thu nhận càng nhiều càng tốt. Cái mà ông muốn là toàn thể, ông đấu tranh chống lại sự tách biệt lý trí, khoái lạc, cảm xúc và ý chí.”

Stendhal từng cùng với đội quân của Napoléon đi khắp châu Âu, từng đi thăm phế tích Pompeii bảy lần và chiêm ngưỡng Pont du Gard trong ánh trăng rằm vào lúc 5 giờ sáng (“Đấu trường Coliseum ở Rome cũng không khiến tôi rơi vào trạng thái mơ màng như thế...”).

Những người hùng của Nietzsche cũng từng yêu nhiều lần. “Toàn bộ chuyển động của thế giới đều hướng tới và phục vụ cho tình dục.”, Montaigne nói. Vào tuổi 74, khi đi nghỉ ở Marienbad, Goethe gặp và mê mẩn Ulrike von Levetzow, một cô gái 19 tuổi xinh đẹp. Ông mời nàng đi uống trà và đi dạo, trước khi cầu hôn (và bị nàng từ chối). Stendhal, người từng biết và yêu thích *Werther*, cũng nồng nhiệt như tác giả của nó. Nhật ký của ông kể chi tiết về các cuộc chinh phục tình ái qua nhiều thập kỷ. Ở tuổi 24, khi đang đóng quân ở Đức cùng quân đội của Napoléon, ông đưa con gái của một chủ nhà trọ lên giường và ghi lại một cách đầy tự hào trong nhật ký rằng cô ấy là “người phụ nữ Đức đầu tiên mà tôi chứng kiến hoàn toàn kiệt sức sau cơn cực khoái. Tôi khiến cô ấy trở nên khao khát bằng những cái vuốt ve; cô ấy rất sợ sệt.”

Và cuối cùng, những người trên đều là nghệ sĩ (“Nghệ thuật là chất kích thích vĩ đại cho cuộc sống”, Nietzsche nhận ra), và chắc hẳn họ thấy vô cùng thỏa mãn khi hoàn thiện các tác phẩm *Tiểu luận* (Essais), *Socrates trong tưởng tượng* (II Socrate immaginario), *Khúc bi thương La Mã* (Romische Elegien) và *Về tình yêu* (De L’amour).

8

Theo Nietzsche, đó là một số yếu tố mà con người, một cách tự nhiên, cần để có được một cuộc sống viên mãn. Ông bổ sung thêm một chi tiết quan trọng là ta không thể có được chúng nếu đôi khi không cảm thấy cực kỳ khốn khổ:

Sẽ ra sao nếu như niềm vui và nỗi buồn gắn bó với nhau chặt chẽ đến mức bất kỳ ai muốn có một trong hai thứ càng nhiều thì cũng phải có thứ kia càng nhiều, bạn được lựa chọn: hoặc càng ít nỗi buồn càng tốt, tóm lại là không đau khổ, hoặc càng nhiều nỗi buồn càng tốt, như là cái giá phải trả cho thật nhiều niềm vui và lạc thú tinh tế mà ta chưa từng được nếm trải? Nếu bạn chọn phương án đầu tiên và muốn thu nhỏ và hạ thấp mức độ đau khổ của con người thì bạn sẽ phải thu nhỏ và hạ thấp năng lực hưởng thụ niềm vui của họ.

Những công trình mãn nguyện nhất của con người dường như không tách rời sự đau khổ ở mức độ nào đó, nguồn gốc của những niềm vui lớn nhất của chúng ta nằm gần nguồn gốc của nỗi buồn một cách nguy hiểm:

Hãy xem cuộc đời của những con người, những dân tộc vĩ đại nhất và thành công nhất và hãy tự hỏi mình liệu một cái cây muốn phát triển cao lớn có thể lớn lên mà không gặp thời tiết xấu và bão tố hay không, liệu rủi ro và sự kháng cự bên ngoài, sự thù ghét, tị hiềm, ngoan cố, bất tín, khắc nghiệt, tham lam và bạo lực không là một phần của hoàn cảnh thuận lợi mà nếu không có chúng thì hiếm khi sinh ra bất kỳ sự phát triển vĩ đại nào, kể cả của nhân cách.

9

Tại sao? Bởi vì không ai có thể sáng tạo ra một tác phẩm nghệ thuật vĩ đại mà không có trải nghiệm, hoặc ngay lập tức vươn tới vị trí cao, cũng không ai là người tình tuyệt vời ngay từ lần đầu tiên; và trong khoảng lặng giữa thất bại ban đầu và thành công về sau, ở khoảng trống giữa con người mà chúng ta muốn trở thành với con người hiện tại của chúng ta, phải có nỗi đau, sự lo lắng, lòng ghen tị và sự nhục nhã. Chúng ta phải chịu đựng đau khổ bởi vì chúng ta không thể tự nhiên làm chủ được những nguyên liệu cho sự viên mãn.

Nietzsche đang cố thay đổi niềm tin rằng sự mãn nguyện phải đến một cách dễ dàng, hoặc không hề xuất hiện, một niềm tin có hại bởi nó khiến chúng ta sớm đầu hàng trước những thử thách mà lẽ ra ta có thể vượt qua nếu đã chuẩn bị trước cho sự tàn bạo mà gần như mọi thứ có giá trị trong cuộc đời này đều đòi hỏi.

Chúng ta có thể nghĩ rằng cuốn *Tiểu luận* này sinh trong đầu Montaigne dưới hình dạng hoàn thiện và coi sự vụng về của những nỗ lực đầu tiên của ta trong việc viết nên một triết lý sống như là dấu hiệu cho thấy sự bất lực bẩm sinh đối với nhiệm vụ này. Thay vào đó, chúng ta nên nhìn vào bằng chứng về sự vật vã ghê gớm của tác giả đăng sau tuyệt tác này, với chỉ chút những chỗ cần bổ sung và sửa lại.

Đỏ và đen (Le rouge et le noir), *Cuộc đời của Henry Brulard* (Vie de Henry Brulard) và *Về tình yêu* (De L'amour) cũng không hề được viết ra một cách dễ dàng hơn. Stendhal bắt đầu sự nghiệp viết lách với việc phác thảo vài vở kịch rất tệ. Một vở kịch xoay quanh cuộc đổ bộ vào Quiberon của đội quân lưu vong* (các nhân vật gồm có William Pitt và Charles James Fox), và một vở nói về quá trình thâm tóm quyền lực của Bonaparte, vở thứ ba - ông dự định đặt tên là *Người sợ bị cai trị* (L'homme qui craint d'être gouverné) - nói về quá trình lão suy của một ông già. Stendhal đã dành hàng tuần ở Thư viện Quốc gia, chép định nghĩa của những từ như “plaisanterie”, “ridicule” và “comique”. Nhưng chừng đó vẫn chưa đủ để thay đổi sự nghiệp viết kịch tầm tối của ông. Phải mất nhiều thập kỷ miệt mài làm việc thì tuyệt tác mới ra đời.

Theo Nietzsche, phần lớn các tác phẩm văn học không xuất sắc bằng *Đỏ và đen* không phải vì tác giả của chúng thiếu tài năng mà do họ có quan niệm sai lầm về việc cần trải qua bao nhiêu đau đớn trước khi đạt được thành công. Để viết được một cuốn tiểu thuyết thì bạn phải nỗ lực kinh khủng như thế này:

Công thức để trở thành một tiểu thuyết gia tốt, cho thì dễ nhưng để làm theo thì cần đến những phẩm chất mà người ta thường bỏ qua khi nói “Tôi không đủ tài năng.” Bạn chỉ cần viết khoảng 200 bản phác thảo cốt truyện, mỗi bản không quá hai trang nhưng phải đặc biệt đến mức không chữ nào là thừa; bạn phải ghi chép lại những câu chuyện mỗi ngày cho đến khi bạn học được cách viết chúng một cách hàm súc và hiệu quả nhất; bạn phải sưu tầm và mô tả các dạng người và tính cách khác nhau một cách không mệt mỏi; trên hết, bạn phải kể chuyện cho người khác nghe và nghe người khác kể chuyện, dòng tai lên và mở mắt ra để quan sát tác động của câu chuyện lên những người có mặt ở đó, bạn phải đi giống như họa sĩ vẽ tranh phong cảnh hoặc nhà thiết kế trang phục, cuối cùng, bạn phải suy nghĩ về động cơ hành động của con người, không coi thường bất kỳ

dấu hiệu nào về họ và trở thành người thu thập những điều này, cả ngày lẫn đêm. Bạn phải tiếp tục bài tập đa chiều này trong khoảng 10 năm; khi đó cái mà bạn viết ra sẽ sẵn sàng để đi ra thế giới thực.

Triết lý này chung quy lại là một sự kết hợp kỳ lạ của niềm tin tốt bậc vào tiềm năng của con người (sự mãn nguyện là dành cho mọi người, cũng như việc viết những cuốn tiểu thuyết vĩ đại) và sự khó khăn tốt bậc (có lẽ phải cần một thập kỷ vật vã ta mới viết xong cuốn sách đầu tiên).

Nietzsche dành nhiều thời gian nói về những ngọn núi chính là để giúp chúng ta làm quen với sự chính đáng của nỗi đau.

Cứ vài trang ta lại bắt gặp một đoạn có nói về những ngọn núi:

Ecce Homo: Người biết cách hít thở không khí của tác phẩm của tôi biết rằng đó là thứ không khí trên những đỉnh cao, một thứ không khí mạnh mẽ. Bạn phải được chuẩn bị cho thứ không khí đó bởi vì nguy cơ bị cảm lạnh là không hề nhỏ. Xung quanh là băng tuyết, nổi cô đơn thì kinh khủng - nhưng mọi vật phơi mình dưới ánh sáng mới yên bình làm sao! Bạn được hít thở một cách tự do làm sao! Bạn cảm thấy biết bao nhiêu thứ bên dưới mình! Triết học, như tôi đã hiểu và đã sống trong nó, là một cuộc sống tự nguyện trong băng tuyết và trên núi cao.

Phổ hệ luân lý (On the Genealogy of Morals): Chúng ta sẽ phải cần một tinh thần khác cái mà chúng ta dễ dàng bắt gặp trong thời đại này [để hiểu triết học của tôi], chúng cần thích nghi với không khí loãng ở trên cao, với những chuyến đi vào mùa đông, với băng tuyết và núi non trong mọi khía cạnh.

Phàm phu, Quá đỗi phàm phu (Human, All Too Human): Trên những ngọn núi của chân lý, bạn sẽ không bao giờ leo trong vô vọng: hoặc hôm nay bạn sẽ leo cao hơn, hoặc bạn sẽ luyện tập sức mạnh để có thể leo cao hơn vào ngày mai.

Suy ngẫm không đúng lúc (Untimely Meditations): Trèo lên cao đến làn không khí băng giá tinh khiết của dãy Alps như một triết gia có thể trèo, đến nơi mà mọi màn sương và sự mơ hồ chấm dứt và nơi mà luật cơ bản của mọi vật nói lên bằng giọng nói thô ráp và cứng nhắc nhưng hoàn toàn dễ hiểu!

Ông thuộc về những ngọn núi - cả trên khía cạnh vật chất lẫn tinh thần. Nhập quốc tịch Thụy Sĩ năm 1869, Nietzsche có thể được coi là nhà triết học nổi tiếng nhất của Thụy Sĩ. Ngay cả khi đó, thỉnh thoảng ông vẫn không chịu nổi cảm giác mà ít người Thụy Sĩ chưa từng biết đến. “Con khốn khổ vì là người Thụy Sĩ!” ông phàn nàn với mẹ, một năm sau khi nhập quốc tịch.

Sau khi từ chức tại Đại học Basle ở tuổi 35, ông bắt đầu dành các mùa đông ở Địa Trung Hải, chủ yếu là ở Genoa và Nice, và mùa hè trên dãy Alps, trong ngôi làng nhỏ Sils-Maria nằm cách mặt nước biển 1.800 mét ở vùng Engadine phía Đông Nam Thụy Sĩ, cách St. Moritz vài cây số, nơi mà những cơn gió từ Italy va chạm với những cơn gió mát hơn từ phương Bắc và khiến bầu trời có màu xanh nước biển.

Nietzsche tới Engadine lần đầu vào tháng Sáu năm 1879 và ngay lập tức yêu khí hậu và địa hình của vùng này. “Giờ đây tôi đã có thể hít thở bầu không khí tuyệt vời nhất và hùng vĩ nhất của châu Âu,” ông kể với Paul Rée, “bản chất của nó giống của tôi”. Trong thư gửi Peter Gast, ông viết, “Đây không phải là Thụy Sĩ mà là một nơi rất khác, ít nhất nó giống phương Nam hơn - tôi sẽ phải đi đến vùng cao nguyên của Mexico nhìn ra Thái Bình Dương mới bắt gặp được điều tương tự (Oaxaca chẳng hạn), và các loại rau quả ở đó đương nhiên là rau quả nhiệt đới. Tôi sẽ cố giữ Sils-Maria này cho riêng mình.” Với bạn học cũ Carl von Gersdorff, ông giải thích, “Tôi cảm thấy ở đây và không phải nơi nào khác là ngôi nhà đích thực và là nơi nuôi dưỡng tôi.”

Nietzsche dành bảy mùa hè ở Sils-Maria trong một căn phòng trọ ở một ngôi nhà gỗ nhìn ra những cây thông và núi non. Ở đó, ông đã viết toàn bộ hoặc những phần quan trọng nhất của các cuốn *Khoa học vui* (The Gay Science), *Zarathustra đã nói như thế* (Thus Spake Zarathustra), *Vượt qua thiện ác* (Beyond Good and Evil), *Phổ hệ luân lý* (On the Genealogy of Morals) và *Buổi hoàng hôn của những thần tượng* (Twilight of the Idols), ông thường dậy lúc 5 giờ sáng và làm việc đến

trưa, sau đó leo bộ lên những đỉnh núi khổng lồ bao quanh làng như Piz Corvatsch, Piz Lagrev, Piz de la Margna, những ngọn núi lởm chởm và nguyên sơ như thể chúng mới chỉ vừa nhô lên khỏi vết nứt trên bề mặt trái đất dưới áp lực địa chất khủng khiếp. Buổi tối, một mình trong phòng, ông thường ăn vài lát thịt xông khói, một quả trứng và một ổ bánh mì nhỏ rồi đi ngủ sớm. (“Làm sao mà một người có thể trở thành nhà tư tưởng nếu không dành ít nhất một phần ba thời gian trong ngày mà không có cảm xúc, con người và sách vở?”)

Ngày nay, có một bảo tàng ở ngôi làng, chắc chắn rồi. Với vài đồng franc, bạn có thể tham quan phòng ngủ của nhà triết học, đã được trùng tu, mà theo cuốn sách hướng dẫn thì nó “giống như khi Nietzsche còn ở đây, với tất cả sự đơn sơ”.

Tuy nhiên, để hiểu tại sao Nietzsche lại thấy có sự tương đồng giữa triết lý của mình với những ngọn núi, có lẽ chúng ta nên lướt qua căn phòng và thay vào đó, nên đến một trong nhiều cửa hàng bán đồ thể thao ở Sils-Maria để mua giày leo núi, ba lô, chai nước, găng tay, bản đồ và một cái cuốc chim.

Một chuyến leo núi lên đỉnh Piz Corvatsch, cách nơi Nietzsche ở vài cây số, sẽ lý giải cho chúng ta tốt hơn bất kỳ bảo tàng nào về tinh thần triết học của Nietzsche, sự bào chữa cho khó khăn và lý do mà ông từ bỏ sự nhút nhát như-con-hươu theo kiểu Schopenhauer.

Dưới chân núi ta sẽ thấy một bãi đỗ xe lớn, một dãy thùng rác, điểm đỗ xe chở rác và một nhà hàng có món xúc xích béo ngậy và bánh khoai tây rösti.

Trái lại, đỉnh núi Piz Corvatsche rất hùng vĩ. Từ đây có thể nhìn bao quát toàn bộ vùng Engadine: mặt nước xanh ngọc của hồ Segl,

Silvaplana và St. Mortiz, và ở phía Nam, gần biên giới Italy là dòng sông băng khổng lồ Sella và Roseg. Không khí mang vẻ tĩnh lặng kỳ lạ đến nỗi dường như ta có thể chạm vào nóc nhà của thế giới. Độ cao làm ta khó thở nhưng phấn chấn một cách lạ lùng. Thật khó mà không mỉm cười, có lẽ là cười thành tiếng, không vì lý do gì cả, một nụ cười hồn nhiên xuất phát từ đáy lòng và thể hiện niềm vui sướng ban sơ vì được sống để nhìn thấy vẻ đẹp ấy.

Nhưng việc trèo lên một ngọn núi cao 3.451 mét so với mặt nước biển để hiểu được tinh thần của triết lý về núi của Nietzsche không hề dễ dàng. Phải mất ít nhất 5 giờ, phải bám chặt vào những đường mòn dốc đứng, đi vòng qua những tảng đá và xuyên qua rừng thông dày, hệt hơi vì không khí loãng, phải mặc thêm quần áo để chống chọi với gió và nghiêng răng vượt qua lớp tuyết tương chừng vô tận.

Nietzsche đưa ra một hình ảnh ẩn dụ khác về núi. Cách căn phòng của ông ở Sils-Maria vài bước chân là con đường mòn dẫn xuống thung lũng Fex, một trong những mảnh đất màu mỡ nhất của Engadine. Những sườn dốc thoai thoải được tận dụng để canh tác. Vào mùa hè, từng đàn bò nhàn nhai gặm những đám cỏ xanh màu mỡ đến mức chúng gần như là sáng bóng lên, những chiếc chuông trên cổ lũ bò kêu leng keng khi chúng di chuyển từ bãi cỏ này qua bãi cỏ khác. Những dòng suối nhỏ thông dong chảy qua cánh đồng với âm thanh róc rách như nước rót vào cốc thủy tinh. Bên cạnh nhiều trang trại nhỏ, sạch bóng (mỗi trang trại đều treo cờ quốc gia và cờ của tỉnh) là những mảnh vườn trồng rau, trên lớp đất mùn mọc lên nào súp lơ, củ cải đường, cà rốt và xà lách, tất cả đều xanh tươi mơn mơn khiến người ta chỉ muốn quỳ xuống và gặm mấy miếng giống như lũ thỏ.

Vùng này có những cây xà lách ngon đến vậy bởi vì thung lũng Fex đóng băng vào mùa đông, khi lớp băng bề mặt tan đi để lại cho đất rất nhiều khoáng chất. Đi xa hơn nữa, cách những nông trại ngay ngắn vài giờ đi bộ không nghĩ là một dòng sông băng khổng lồ và đáng sợ. Trông nó giống như một tấm vải trải bàn với các nếp gấp chò được kéo phẳng nhưng những nếp gấp đó lớn bằng cả ngôi nhà và là những tảng băng sắc như dao cạo, đôi khi chúng phát ra tiếng gầm đau đớn khi tự sắp xếp lại dưới ánh nắng mặt trời mùa hè.

Khi đứng trên mép của dòng sông băng xù xì này, thật khó mà

tưởng tượng được làm thế nào mà khối băng này lại có ảnh hưởng đến sự phát triển của các loài rau và những đám cỏ ở dưới thung lũng chỉ cách đó vài cây số, khó mà tưởng tượng được rằng một thứ có vẻ đối nghịch với cánh đồng xanh như là dòng sông băng lại có thể chịu trách nhiệm cho sự màu mỡ của cánh đồng.

Nietzsche, người thường xuyên đi dạo trên thung lũng Fex với cây bút chì và cuốn sổ bìa da trong tay (“Chỉ có những ý nghĩ xuất hiện khi đang đi dạo mới có giá trị”), liên tưởng đến sự phụ thuộc của những yếu tố tích cực trong cuộc sống con người vào các yếu tố tiêu cực, sự phụ thuộc của sự mãn nguyện vào khó khăn:

Khi chúng ta nhìn vào những chỗ trũng với những cái rãnh sâu hoắm mà dòng sông băng đã chảy qua, ta nghĩ thật khó mà tưởng tượng rằng đến một lúc nào đó, những thung lũng đầy cỏ xanh và cây cối, được tưới tắm bởi những dòng suối sẽ trải rộng trên cùng chỗ đó. Lịch sử loài người cũng vậy: những lực lượng tàn bạo nhất mở ra một con đường, và nó thường là sự hủy diệt; tuy nhiên, điều mà họ làm lại cần thiết để cho những thế hệ sau, hiền lành hơn, có thể xây nhà trên đó. Những nguồn năng lượng đáng sợ - bị gọi là ma quỷ - là những kiến trúc sư vĩ đại và là người mở đường của nhân loại.

12

Nhưng, điều đáng buồn là những khó khăn đáng sợ là chưa đủ. Mọi cuộc đời đều khó khăn; điều làm cho một số trở nên viên mãn là cách mà người ta ứng xử với nỗi đau. Mọi nỗi đau đều là dấu hiệu lò mờ cho thấy có điều gì đó không ổn, nó có thể mang lại kết quả tốt hoặc xấu tùy thuộc vào sự khôn ngoan và mạnh mẽ của trí óc người phải gánh chịu nỗi đau. Sự lo lắng có thể dẫn đến hoảng loạn hoặc phân tích chính xác về những cái không ổn. Cảm giác bị đối xử bất công có thể dẫn đến việc giết người hoặc một tác phẩm đột phá về lý thuyết kinh tế. Nỗi ghen tị có thể dẫn đến sự cay đắng hoặc quyết định cạnh tranh với đối thủ và tạo ra một kiệt tác.

Như Montaigne yêu quý của Nietzsche từng giải thích trong chương cuối của *Tiểu luận*, nghệ thuật sống nằm ở chỗ tìm ra công dụng cho những nghịch cảnh của ta:

Chúng ta phải học cách chịu đựng những gì không tránh được. Cuộc đời của chúng ta, giống như sự hài hòa của thế giới, được tạo nên từ những nghịch âm cũng như từ những âm sắc khác nhau, ngọt ngào và chói tai, thăng và giáng, nhẹ nhàng và ầm ĩ. Nếu người nhạc sĩ chỉ thích vài âm thanh thì anh ta sẽ hát được gì? Anh ta phải biết cách sử dụng mọi âm thanh và hòa trộn chúng lại với nhau. Chúng ta cũng cần làm như thế với cái tốt và cái xấu mà đối với cuộc đời ta, chúng cùng là một nguyên liệu.

300 năm sau đó, Nietzsche trở lại với tư tưởng đó:

Nếu chúng ta là những cánh đồng màu mỡ thì dưới lớp đất sâu, chúng ta sẽ không để điều đáng sợ nào trở nên vô dụng và tìm thấy phân bón cho cánh đồng ta trong mọi sự kiện, mọi thứ và mọi người.

Vậy phải làm thế nào để trở thành cánh đồng màu mỡ?

13

Sinh năm 1483 tại Urbino, từ khi còn nhỏ tuổi, Raphael đã bộc lộ đam mê hội họa. Cha của Raphael đưa cậu đến Perugia để theo học danh họa Pietro Perugino. Không lâu sau đó, Raphael đã tự vẽ những bức tranh của mình và vào đoạn cuối của tuổi thiếu niên, cậu đã vẽ chân dung cho một số thành viên trong triều đình Urbino, vẽ tranh cho các nhà thờ ở Citta di Castello, cách Urbino một ngày đi ngựa, xuyên qua các rừng núi trên đường tới Perugia.

Nhưng Raphael, một trong những họa sĩ ưa thích của Nietzsche, biết rằng mình không phải là một nghệ sĩ vĩ đại vì ông đã thấy các tác phẩm của hai danh họa Michelangelo Buonarroti và Leonardo da Vinci. Chúng cho ông thấy ông chưa vẽ được những hình ảnh chuyển động, và mặc dù có năng khiếu về hình họa nhưng ông chưa nắm bắt được phối cảnh tuyến tính. Sự ghen tị có thể biến thành con quái vật gớm ghiếc. Thay vào đó, Raphael biến nó thành phân bón cho cánh đồng của mình.

Năm 1504, khi 24 tuổi, Raphael rời Urbino đến Florence để nghiên cứu tác phẩm của hai bậc thầy trên. Ông quan sát hình mẫu mà họ vẽ trong Đại sảnh của Cộng đồng Florence, nơi mà Leonardo vẽ bức *Trận chiến Anghiari* và Michelangelo vẽ bức *Trận chiến Cascina*. Ông học nhuần nhuyễn những bài học của Leonardo và Michelangelo về hình họa giải phẫu và theo gương họ đi mổ xác và vẽ xác chết. Ông học hỏi từ bức *Sự tôn thờ của Magi* (Adoration of the Magi) của Leonardo và hình mẫu về Đức mẹ Đồng trinh và Chúa Hài đồng, và

xem xét tỉ mỉ một bức chân dung khác thường mà Leonardo được đặt hàng vẽ cho một quý tộc, Francesco del Giocondo, người muốn có một bức chân dung giống hệt vợ mình, một thiếu phụ trẻ có nụ cười hơi bí ẩn. Kết quả của những nỗ lực của Raphael nhanh chóng được thể hiện. Chúng ta có thể so sánh bức *Chân dung một thiếu phụ* mà ông vẽ trước khi đến Florence với bức *Chân dung một phụ nữ* được hoàn thiện vài năm sau đó.

Mona mang lại cho Raphael ý tưởng về kiểu tạo dáng nửa người ở tư thế ngồi, trong đó hai cánh tay tạo thành phần đáy của hình kim tự tháp. Nàng dạy cho ông cách sử dụng các trục tương phản để vẽ đầu, vai và cánh tay để mang lại hình khối cho nhân vật. Cô gái trẻ mà Raphael vẽ ở Urbino trông có vẻ bị gò bó một cách ngượng ngịu trong bộ trang phục, cánh tay của cô bị cắt đi một cách thiếu tự nhiên. Trong khi đó, người phụ nữ ở Florence trông sống động và thoải mái.

Raphael không tự nhiên mà có được năng khiếu; ông trở thành họa sĩ vĩ đại nhờ ứng xử một cách thông minh với cảm giác kém cỏi, cái có thể khiến những người khác trở nên tuyệt vọng.

Con đường sự nghiệp đó mang lại cho Nietzsche một bài học về lợi ích của nỗi đau được hiểu đúng:

Đừng nói về năng khiếu trời cho, bẩm sinh! Ta có thể kể tên biết bao nhiêu con người vĩ đại mà không có nhiều năng khiếu cho lắm. Họ đạt được sự vĩ đại, trở thành “thiên tài” (như cách mà ta gọi họ) nhờ những phẩm chất mà những người biết là mình không có chúng không muốn nhắc đến: tất cả bọn họ đều có sự nghiêm túc một cách cần mẫn của người thợ thủ công, trước hết họ học cách làm chuẩn xác từng bộ phận rồi mới dám làm ra sản phẩm hoàn thiện. Họ cho mình thời gian để làm việc đó bởi vì họ tìm thấy nhiều niềm vui từ việc tạo ra những thứ nhỏ bé, thứ yếu một cách tử tế hơn là kết quả của một sản phẩm hoàn thiện lấp lánh.

Raphael đã có thể - dùng từ của Nietzsche - chế ngự (*sublimieren*), mang lại ý nghĩa tinh thần (*vergeistigen*) và biến (*aufheben*) những khó khăn trên con đường mình đi trở thành thành quả.

Nhà triết học có mối quan tâm vừa thực tế vừa mang tính ẩn dụ đối với nghề làm vườn. Sau khi từ chức ở Đại học Basle năm 1879, Nietzsche quyết tâm trở thành nhà làm vườn chuyên nghiệp. “Mẹ biết rằng con thích sống một cách đơn giản, tự nhiên”, ông báo tin cho cho bà mẹ đang kinh ngạc của mình, “và con ngày càng thích thú với nó. Không có phương thuốc nào khác cho sức khỏe của con. Con cần làm việc thực sự, đòi hỏi thời gian và làm cho cơ thể mệt mỏi mà không gây căng thẳng tinh thần.” Ông nhớ là có một tòa tháp cũ ở Naumburg, gần nhà bà mẹ, và định thuê nó để ở trong khi chăm sóc khu vườn cạnh đó. Cuộc đời làm vườn bắt đầu với sự hào hứng vào tháng Chín năm 1879 nhưng không bao lâu sau đã xuất hiện nhiều vấn đề. Thị lực yếu của Nietzsche khiến ông không nhìn được mình đang cắt tỉa cái gì, ông gặp khó khăn khi cúi lưng, có quá nhiều lá trong vườn (lúc đó là mùa thu) và sau ba tuần, ông không còn lựa chọn nào khác là từ bỏ nghề làm vườn.

Tuy nhiên, một số dấu vết của niềm đam mê làm vườn vẫn xuất hiện trong triết lý của Nietzsche vì ở một số đoạn, ông nói rằng chúng ta nên nhìn nhận khó khăn giống như những người thợ làm vườn. Ở phần gốc, cây cối có thể trông kỳ dị và xấu xí nhưng một người có kiến thức và niềm tin vào khả năng của mình sẽ làm cho nó nở hoa thơm trái ngọt - cũng như trong cuộc sống, ở phần gốc có thể là những cảm xúc và hoàn cảnh khó khăn, mặc dù vậy, nhờ chăm bón cẩn thận, chúng có thể mang lại những niềm vui và thành tựu vĩ đại

nhất.

Chúng ta có thể sử dụng nỗ lực của mình giống như người thợ làm vườn, mặc dù ít người biết điều này, và chăm bón cho những cái mầm của sự tức giận, thương hại, hiếu kỳ, phù phiếm một cách hiệu quả và mang lại ích lợi như một cái cây ăn quả leo trên giàn.

Nhưng phần lớn chúng ta không nhận ra món nợ mà ta mang đối với những cái mầm khó khăn này. Chúng ta thường nghĩ rằng sự lo âu và lòng ghen tị không có gì chính đáng để dạy dỗ ta và vì thế loại bỏ chúng như loại bỏ đám cỏ dại trong tâm hồn. Chúng ta tin rằng, như lời của Nietzsche, “cái cao quý không được phép lớn lên từ cái thấp hèn, hoàn toàn không được phép lớn lên, mọi thứ hạng-nhất phải là *causa sui* [do tự thân nó].”

Tuy nhiên, Nietzsche nhấn mạnh “những thứ tốt đẹp và đáng trân trọng”, được “gắn vào, thắt nút, đan cài với những thứ xấu xa và có vẻ như đối lập.” “Yêu và ghét, lòng biết ơn và sự trả thù, hiền lành và tức giận... thuộc về nhau,” không có nghĩa là chúng phải được thể hiện cùng nhau, mà có nghĩa là cái tích cực có thể là kết quả của cái tiêu cực được chăm bón thành công. Do đó:

Các cảm xúc thù ghét, ghen tị, tham lam, thèm khát thống trị [là] những cảm xúc tạo nên cuộc sống, chúng cần xuất hiện như là những điều căn bản và thiết yếu trong cơ cấu tổ chức của cuộc đời.

Cắt bỏ mọi gốc rễ tiêu cực đồng nghĩa với việc bóp nghẹt những

điều tích cực có thể nảy sinh từ đó.

Chúng ta không nên xấu hổ vì những khó khăn của mình mà chỉ nên xấu hổ vì trên đó ta không thể trồng được cái gì đẹp đẽ.

Nietzsche thán phục người Hy Lạp cổ đại vì dường như họ thấu hiểu điều này.

Khi thưởng ngoạn những ngôi đền thanh bình của người Hy Lạp vào lúc hoàng hôn, ví dụ như những ngôi đền ở Paestum, cách Sorrento vài cây số - nơi mà Nietzsche đã tới thăm cùng Mahvida von Meysenbug hồi đầu năm 1877 - không khó để tưởng tượng rằng người Hy Lạp là những người cực kỳ chừng mực, các ngôi đền của họ là biểu hiện bên ngoài của cái trật tự mà họ cảm nhận bên trong bản thân mình cũng như trong xã hội của mình.

Đây là ý kiến của học giả cổ điển vĩ đại Johann Winckelmann (1717-68) và đã được các giáo sư đại học ở Đức tán đồng từ thế hệ này qua thế hệ khác. Nhưng Nietzsche cho rằng nền văn minh Hy Lạp cổ đại không hề xuất phát từ sự thanh bình mà từ sự thăng hoa của những sức mạnh đen tối nhất:

Những cảm xúc mà một thời đại, một dân tộc, một con người cho phép chính mình trải nghiệm, bởi vì họ có khả năng sử dụng chúng như là một phương tiện, mà càng vĩ đại và càng kinh khủng thì nền văn hóa của họ ở vị trí càng cao.

Các ngôi đền nhìn có vẻ thanh bình nhưng chúng chính là bông hoa của những cái cây với bộ rễ xù xì được vun trồng cẩn thận. Các lễ hội tế thần Dionysus thể hiện cả bóng tối lẫn nỗ lực chế ngự và nuôi dưỡng nó:

Không có gì khiến những người nghiên cứu thế giới Hy Lạp cổ đại kinh ngạc hơn khi phát hiện ra rằng đôi khi người Hy Lạp coi nó là một lễ hội của mọi cảm xúc và thiên hướng xấu xa tự nhiên của họ. Thậm chí họ còn quy định một dạng nghi lễ chính thức để tôn vinh những điều quá-phạm-phu trong con người họ... Họ coi những điều quá-phạm-phu này là không tránh khỏi, và thay vì ghê tởm chúng, họ cho phép chúng được là một dạng quyền hạn hai bằng cách quản lý chúng thông qua xã hội và tôn giáo. Thực ra, con người coi mọi thứ thuộc quyền sở hữu của mình là thần thánh và ghi tạc chúng trên những bức tường của Thiên đường. Họ không khước từ cái động cơ tự nhiên được thể hiện trong những đặc tính xấu xa mà điều hoà chúng, và ngay khi họ tìm ra các biện pháp đủ hiệu quả để cho phép dòng nước hoang dã này có chỗ để thoát ra thì họ sẽ khoanh chúng lại trong một số ngày lễ và nghi thức thờ cúng nhất định. Đây là gốc rễ của sự an tâm mang tính đạo đức của cổ nhân. Hãy để cho cái xấu và cái đáng ngờ có chỗ khiêm tốn để xả ra và bạn không cần phải cố gắng tiêu diệt nó hoàn toàn.

Người Hy Lạp không loại bỏ tai ương ra khỏi cuộc sống mà họ nuôi dưỡng chúng:

Mọi cảm xúc đều trải qua giai đoạn mà chúng không là gì khác ngoài thảm họa, trong đó chúng chìm nặn nhân xuống với sức nặng của sự ngu xuẩn - và ở giai đoạn sau đó, rất lâu sau đó, chúng kết hôn với tinh thần, "tinh thần hóa" bản thân chúng. Ngày xưa, do sự ngu ngốc của cảm xúc, con người gây chiến với cảm xúc: họ bày mưu hủy diệt chúng. Hủy diệt cảm xúc và khát vọng chỉ để né tránh sự ngu xuẩn và hậu quả khó chịu mà chúng mang lại có vẻ như chỉ đơn giản là một hình thức khác của sự ngu xuẩn. Chúng ta không còn thần phục những nhà sĩ chữa bệnh đau răng bằng cách nhổ răng.

Chúng ta có được sự mãn nguyện nhờ ứng xử một cách khôn ngoan với những khó khăn có thể vùi dập ta. Những tâm hồn yếu đuối có thể ủng hộ việc nhổ răng ngay lập tức hoặc ngừng cuộc leo núi Piz Corvatsch ở lưng chừng. Nietzsche tha thiết khuyên ta nên chịu đựng.

16

Và một lời khuyên không hề ngẫu nhiên khác, đó là đừng bao giờ uống rượu.

Mẹ yêu quý,

Hôm nay con viết cho mẹ là vì một trong những sự việc khó chịu và đau đớn nhất mà con từng gây ra. Thực ra, con đã rất hư và con không biết mẹ có thể hoặc sẵn lòng tha thứ cho con hay không. Con cầm bút với sự ngần ngại và cảm giác nặng nề trong tim, nhất là khi con nghĩ về cuộc sống dễ chịu của mẹ con mình trong kỳ nghỉ lễ Phục sinh, ở đó không có chút bất đồng nào. Hôm Chủ nhật tuần trước con đã say rượu, và con không có lời nào để bào chữa, ngoại trừ việc con đã không biết lượng sức mình, và con đã rất phấn khích vào buổi chiều.

Chàng Friedrich 18 tuổi đã viết cho mẹ là Franziska sau bốn cốc bia ở nhà ăn của Attenburg gần trường học vào mùa xuân năm 1863. Vài năm sau đó, ở đại học Bonn và Leipzig, ông thấy khó chịu với các bạn bè vì tình yêu mà họ dành cho rượu bia: “Tôi thấy sự thể hiện tình bằng hữu trong các nhà câu lạc bộ thật là đáng ghê tởm. Tôi không chịu nổi một số người vì sự ham mê rượu chè của họ.”

Thái độ trên không hề thay đổi trong suốt cuộc đời của nhà triết học:

Đồ uống có cồn không tốt cho tôi; chỉ một cốc rượu hoặc bia một ngày là đủ để khiến cuộc đời tôi trở thành “Thung lũng nước mắt” - Munich là nơi sinh sống của những kẻ hoàn toàn trái ngược với tôi.

“Đầu óc của người Đức chứa biết bao nhiêu là *bia*” ông phàn nàn. “Có lẽ sự bất mãn ở châu Âu hiện nay là do cha ông chúng ta đã chèn xuyên thời Trung cổ... Thời Trung cổ nghĩa là sự đầu độc châu Âu bằng rượu.”

Mùa xuân năm 1871, Nietzsche đi nghỉ cùng em gái và ở tại Hotel du Pare ở Lugano. Hóa đơn khách sạn từ ngày mùng 2 đến mùng 9 tháng 3 cho thấy ông uống 14 cốc sữa.

Đây không chỉ là sở thích cá nhân. Bất kỳ ai muốn tìm kiếm hạnh phúc đều được khuyên chân thành là không bao giờ uống bất kỳ thứ đồ uống có cồn nào. Không bao giờ:

Tôi không thể nghiêm túc hơn khi khuyên tất cả những ai có trí tuệ một chút hãy tuyệt đối tránh xa bia rượu. Nước lọc là đủ.

Tại sao? Bởi vì Raphael không tìm đến rượu để trốn chạy khỏi sự ganh tị của mình ở Urbino năm 1504, ông tới Florence và học cách trở thành một họa sĩ vĩ đại. Bởi vì Stendhal không tìm đến rượu vào năm 1805 để trốn chạy sự thất vọng với *Người sợ bị cai trị*, ông vun trồng cho nỗi đau trong suốt 17 năm và cho ra đời *Về tình yêu* năm 1822:

Nếu bạn từ chối để cho nỗi đau khổ bao trùm lấy mình thậm chí chỉ là một giờ đồng hồ và nếu bạn liên tục cố ngăn ngừa và chặn đứng từ sớm mọi tai họa có thể xảy ra; nếu bạn trải nghiệm đau khổ và bất hạnh như thể chúng là ma quỷ, đáng căm ghét, đáng bị hủy diệt và là sai lầm của sự tồn tại thì rõ ràng là [bạn nuôi dưỡng trong tim mình] đạo tôn thờ sự dễ chịu. Hiểu biết của bạn về hạnh phúc mới ít ỏi làm sao, hỏi những người dễ chịu, vì hạnh phúc và bất hạnh là chị em, thậm chí là chị em sinh đôi lớn lên cùng nhau,

hay, trong trường hợp của bạn, mãi bé nhỏ cùng nhau.

Ác cảm với rượu bia của Nietzsche đồng thời lý giải cho ác cảm của ông đối với trường phái triết học đạo đức vốn có vai trò chi phối ở Anh: Thuyết vị lợi (Utilitarianism), và người ủng hộ vĩ đại nhất thuyết này là John Stuart Mill. Những người theo thuyết vị lợi lập luận rằng trong một thế giới đầy rẫy sự mơ hồ về đạo đức thì cách để phán xét xem liệu một hành động là đúng hay sai là đánh giá khối lượng niềm vui và nỗi đau mà nó mang lại. Mill đề xuất:

Hành động là đúng khi chúng có xu hướng thúc đẩy hạnh phúc, sai khi chúng có xu hướng tạo ra cái đối lập với hạnh phúc. Cùng với hạnh phúc là niềm vui và sự vắng mặt của nỗi đau; cùng với bất hạnh là nỗi đau và sự thiếu vắng hạnh phúc.

Tư tưởng của Thuyết vị lợi và ngay cả đất nước đã sinh ra học thuyết này khiến cho Nietzsche tức giận:

Sự thô lỗ của châu Âu, sự tầm thường của các quan niệm hiện đại [là tác phẩm và phát minh] của nước Anh. Con người không nỗ lực tìm kiếm hạnh phúc; chỉ có người Anh mới làm thế.

Đương nhiên là Nietzsche cũng nỗ lực tìm kiếm hạnh phúc; chỉ có điều ông tin rằng không thể có được hạnh phúc mà không đau đớn theo như quan điểm của những người theo thuyết vị lợi:

Mọi lối suy nghĩ đánh giá giá trị của sự vật dựa trên niềm vui và nỗi đau, nghĩa là dựa trên những hiện tượng thứ yếu và phụ thuộc, là những lối suy nghĩ thiển cận và ngây thơ mà bất kỳ ai có ý thức về sức mạnh sáng tạo và lương tâm của người nghệ sĩ sẽ nhìn với sự nhạo báng.

Nói đến lương tâm của người nghệ sĩ là vì sáng tạo nghệ thuật cho chúng ta ví dụ rõ ràng về một hoạt động có thể mang lại sự mãn nguyện lớn lao nhưng cũng luôn đòi hỏi sự đau đớn khủng khiếp. Nếu Stendhal đánh giá giá trị tác phẩm của mình dựa trên “niềm vui” và “nỗi đau” mà nó từng mang lại thì sẽ không có sự tiến bộ từ *Người sợ bị cai trị* đến đỉnh cao năng lực của ông.

Thay vì ngồi uống bia ở chân núi, Nietzsche muốn chúng ta chấp nhận sự đau đớn của việc leo núi. Ông cũng đưa ra gợi ý cho các nhà quy hoạch thành phố:

Bí mật của việc thu hoạch thành quả vĩ đại nhất và niềm vui sướng lớn lao nhất từ sự tồn tại - đó là hãy “sống một cách nguy hiểm!” Hãy xây dựng thành phố của bạn trên các sườn núi Vesuvius!

Và nếu như bạn vẫn muốn uống rượu nhưng không đánh giá cao Kitô giáo thì Nietzsche bổ sung thêm một lập luận để can ngăn họ. Ông cho rằng bất kỳ ai thích uống rượu đều có quan điểm về cuộc sống cơ bản là theo Kitô giáo:

Để tin rằng rượu khiến tôi vui vẻ thì tôi sẽ phải là một tín đồ Kitô giáo, nghĩa là tin rằng sự ngu xuẩn là cái dành riêng cho tôi.

Ông có nhiều trải nghiệm với Kitô giáo hơn là với rượu. Ông sinh ra tại ngôi làng Röcken nhỏ bé gần Leipzig thuộc vùng Saxony. Cha của ông, Carl Ludwig Nietzsche, là một mục sư, người mẹ vô cùng ngoan đạo của ông cũng là con gái của một mục sư, David Ernst Oehler, người phụ trách giáo phận ở làng Pobles cách đó một giờ. Buổi lễ rửa tội của Friedrich tại nhà thờ Röcken vào tháng Mười năm 1844 được tiến hành với sự hiện diện của các giáo chức địa phương.

Friedrich yêu cha mình, người đã qua đời khi ông chỉ mới 4 tuổi, và tôn thờ mẹ suốt cả cuộc đời. Một lần, nhận được một khoản tiền sau khi thắng kiện nhà xuất bản năm 1885, ông liền đặt một tấm bia mộ lớn cho cha, trên đó khắc một câu trích từ sách Corinthians (1 Cor 13.8):

Die Liebe höret nimmer auf

Lòng nhân ái không bao giờ sai lầm.

“Ông là hiện thân hoàn hảo của một cha xứ vùng thôn quê,” Nietzsche nhớ về cha mình, Carl Ludwig, “Một thân hình dong dỏng cao, một khuôn mặt với đường nét đẹp, một con người nhã nhặn và nhân ái. Được chào đón ở mọi nơi và được yêu mến bởi cách nói chuyện hóm hỉnh cũng như sự cảm thông ấm áp, được những người nông dân tôn trọng và yêu mến, và ông ban phúc lành bằng lời nói

và hành động trong khả năng của mình, với tư cách là người dẫn dắt về tinh thần.

Tuy nhiên, tình yêu của người con dành cho cha không ngăn được những nghi ngờ sâu sắc của Nietzsche về sự an ủi mà cha ông, và Kitô giáo nói chung, có thể mang lại cho những người đang phải chịu đau đớn:

Tôi cáo buộc Nhà thờ Kitô giáo cái tội nặng nề nhất mà bất kỳ công tố viên nào từng thốt ra. Với tôi, nó là sự mục nát kinh khủng nhất mà người ta có thể nghĩ đến... [nó] không tha cho bất kỳ cái gì khỏi sự truy lặc của mình... Tôi gọi Kitô giáo là một lời nguyên vĩ đại nhất, một sự truy lặc thuộc về bản chất vĩ đại nhất...

Tốt hơn hết là chúng ta nên đeo găng tay khi cầm Kinh Tân Ước. Quá nhiều sự bắn thiu ở quá gần buộc ta phải làm như thế. Mọi thứ trong nó đều là sự hèn nhát, mọi thứ đều là sự tự lừa dối và khiến con người ta nhắm mắt với chính mình... Tôi có cần nói thêm là trong toàn bộ cuốn Kinh Tân Ước chỉ có một nhân vật mà ta buộc phải tôn trọng? Đó là Pilate, thái thú La Mã.

Rất đơn giản:

Ngày nay, thật không đáng khi là một người Cơ Đốc.^[Câu nói của Pilate.]

19

Kinh Tân Ước an ủi ta trong khó khăn như thế nào? Bằng cách nói rằng nhiều khó khăn không hề là khó khăn mà đúng hơn là phẩm chất:

Nếu có người lo lắng về tính nhút nhát thì Kinh Tân Ước bảo rằng:

Phúc cho những kẻ hiền lành, vì họ sẽ được đất làm cơ nghiệp. (Matthew 5.5)

Nếu có người lo lắng về việc không có bạn bè, Kinh Tân Ước khuyên rằng:

Phúc cho các người, khi thiên hạ oán ghét các người, khi họ loại các người đi cùng, khi trừ tên các người như đồ xấu xa, phần thưởng các người sẽ lớn trên trời. (Luke 6.22-3)

Nếu có người lo lắng về việc bị lợi dụng trong công việc, Kinh Tân Ước khuyên rằng:

Nô lệ, hãy vâng phục các người làm chủ đời này trong mọi sự. Biết rằng anh em sẽ được lĩnh công nơi Chúa, chính cơ nghiệp của Ngài. Anh em hãy làm tôi Chúa Kitô! (Colossians 3.22-4)

Nếu có người lo lắng vì không có tiền, Kinh Tân Ước dạy rằng:

Lạc đà qua lỗ kim còn dễ hơn là người giàu có vào được Nước Thiên Chúa. (Mark 10,25)

Có thể có sự khác biệt giữa những lời trên và một cốc rượu, nhưng Nietzsche nhất định cho rằng về bản chất chúng giống nhau. Cả Kitô giáo lẫn rượu đều có khả năng thuyết phục chúng ta rằng điều mà trước đây ta cho là mình thiếu thì thế giới không cần quan tâm; cả hai đều làm suy nhược quyết tâm của ta trong việc chăm bón cho các vấn đề; cả hai không cho ta cơ hội được thỏa mãn:

Hai thứ thuốc phiện vĩ đại của châu Âu, đó là rượu và Kitô giáo.

Theo Nietzsche, Kitô giáo khởi phát từ đầu óc của những người

nô lệ nhút nhát trong Đế chế La Mã, những người không có gan leo lên các đỉnh núi, vì thế đã xây nên một triết lý cho rằng ở chân núi mọi thứ thật dễ chịu. Tín đồ Kitô giáo muốn hưởng thụ những thành phần thực sự tạo nên sự mãn nguyện (vị trí trên thế giới, tình dục, làm chủ kiến thức, sự sáng tạo) nhưng không có can đảm chịu đựng những khó khăn mà những điều tốt đẹp kia đòi hỏi. Vì thế, họ tạo ra một tín ngưỡng lên án điều mà họ muốn nhưng quá yếu đuối để đấu tranh cho chúng trong khi ca ngợi điều mà họ không muốn nhưng lại có. Sự bất lực trở thành “lòng tốt”, hèn hạ thành “khiêm tốn”, quy phục người mà ta ghét trở thành “vâng phục”, và, như lời của Nietzsche, “không-thể-trả-thù” trở thành “tha thứ”. Mỗi cảm giác yếu đuối được phủ lên bằng một cái tên thần thánh, khiến cho chúng có vẻ như là “một thành tựu tự nguyện, một cái gì đó được mong muốn, được lựa chọn, một *việc làm*, một *thành quả*”. Bị nghiền “thứ đạo tôn thờ sự dễ chịu”, những người Kitô giáo, trong hệ giá trị của mình, ưu tiên cái dễ chứ không phải cái đáng để khao khát, vì thế rút cạn những tiềm năng của cuộc đời mình.

Không chỉ những thành viên của nhà thờ Kitô giáo mới có quan điểm “Kitô giáo” về khó khăn; đối với Nietzsche, đây là một khả năng tâm lý thường trực. Chúng ta đều trở thành những người Kitô khi ta thể hiện sự thờ ơ với cái mà ta thầm khao khát nhưng không có; khi ta bình thản nói rằng ta không cần tình yêu hay địa vị trên đời, tiền bạc hay thành công, sáng tạo hay sức khỏe - trong khi khoe miệng ta co rúm lại vì cay đắng; và chúng ta phát động cuộc chiến thầm lặng với điều mà ta công khai chối bỏ, bắn qua tường thành, bắn tia từ những gốc cây.

Vậy Nietzsche muốn ta nhìn nhận thất bại như thế nào? Hãy tiếp tục tin vào điều mà ta mong muốn, *ngay cả khi ta không có nó, và có thể không bao giờ có*. Nói cách khác, hãy cưỡng lại sự cám dỗ của việc phỉ báng và tuyên bố một số điều tốt là xấu xa bởi vì ta khó có được chúng - một kiểu hành xử mà chính cuộc đời bi kịch vô hạn của Nietzsche là tấm gương có lẽ là tốt nhất để ta soi vào.

Từ khi Nietzsche còn trẻ, Epicurus đã là một trong những nhà triết học cổ đại ưa thích của ông; ông gọi Epicurus là “người làm dịu tâm hồn của thời Hậu Cổ đại”, “một trong những người vĩ đại nhất, người sáng tạo ra các triết lý anh hùng ‘bình dị’”. Điều đặc biệt lôi cuốn ông là quan điểm của Epicurus cho rằng hạnh phúc nghĩa là được sống quanh bạn bè. Nhưng ông hiếm khi biết đến cảm giác hài lòng đó: “Lá thăm của chúng ta định đoạt rằng chúng ta phải là những tu sĩ khổ hạnh về trí tuệ, chỉ thỉnh thoảng nói chuyện với vài người có cùng suy nghĩ.” Năm 30 tuổi, ông sáng tác một bài ca về nỗi cô đơn, “*Hymnus auf die Einsamkeit*”, bài hát mà ông không dám hoàn thành.

Công cuộc tìm kiếm một người vợ cũng không kém phần buồn thảm, nguyên nhân một phần là do vẻ ngoài của Nietzsche - bộ ria quặp khổng lồ của ông - và sự nhút nhát của ông, nó càng làm cho ông có bộ dạng vụng về cứng nhắc của một vị đại tá về hưu. Mùa xuân năm 1876, trong chuyến đi tới Geneva, Nietzsche đem lòng yêu cô gái 23 tuổi tóc vàng, mắt xanh, Mathilde Trampedach. Trong một cuộc trò chuyện về nhà thơ Henry Longfellow, Nietzsche nói rằng ông chưa có bản dịch tiếng Đức của bài thơ “*Excelsior*” (Cao hơn nữa) của Longfellow. Mathilde nói ở nhà nàng có một cuốn và nàng sẽ chép lại cho ông. Được bật đèn xanh, Nietzsche mời nàng đi dạo. Nàng đưa bà chủ nhà đi cùng. Mấy hôm sau, ông đề nghị được chơi piano cho nàng nghe, và điều tiếp theo mà nàng nghe được từ vị Giáo

sư Ngữ văn cổ đại 31 tuổi của Đại học Basle là lời cầu hôn. “Em có nghĩ rằng, cùng nhau, chúng ta sẽ tốt đẹp hơn và tự do hơn là khi mỗi người ở một mình - và *excelsior*?” vị đại tá hài hước hỏi nàng. “Em có dám đi cùng tôi trên mọi nẻo đường cuộc sống và suy nghĩ hay không?” Mathilde không dám.

Hàng loạt những lần bị từ chối tương tự đã để lại hậu quả thấy rõ. Trước bệnh trầm cảm và sức khỏe tồi tệ của Nietzsche, Richard Wagner cho rằng chỉ có hai cách chữa trị: “Anh ta phải kết hôn hoặc viết một vở opera.” Nhưng Nietzsche không thể viết opera, và rõ là không có khả năng để viết ra thậm chí là một điệu nhạc nghe được. (Tháng Bảy năm 1872, ông gửi cho nhạc trưởng Hans von Billow một bản nhạc viết cho song tấu piano mà ông sáng tác và đề nghị nhạc trưởng nhận xét một cách trung thực. Von Billow trả lời rằng đó là “sự ngông cuồng kỳ quặc cực đoan nhất, một tập hợp nốt phản âm nhạc nhất trên tổng phổ mà tôi từng thấy trong một thời gian dài”, và ông tự hỏi liệu Nietzsche có đang tự lừa dối mình không. “Anh đã đặt tên cho thứ âm nhạc của mình là “đáng sợ” - nó thực sự đáng sợ.”)

Wagner càng nhấn mạnh hơn. “Vì Thượng đế, hãy cưới một phụ nữ giàu có!” ông ca cẩm, và liên lạc với Otto Eiser, bác sĩ của Nietzsche, người mà ông chia sẻ suy đoán là sức khỏe tồi tệ của nhà triết học là do tự sướng quá đà. Có một điều trớ trêu mà Wagner không biết, đó là người phụ nữ giàu có duy nhất mà Nietzsche thực sự yêu lại chính là vợ của Wagner, bà Cosima. Trong nhiều năm, Nietzsche cẩn thận che giấu tình cảm dành cho Cosima dưới vỏ bọc sự quan tâm dành cho bạn bè. Chỉ một lần ông đánh mất lý trí thì sự

thật mới lộ diện. “Ariadne, anh yêu em,” Nietzsche viết, ký tên Dionysus, trong một tấm bưu thiếp gửi cho Cosima từ Turin đầu tháng Một năm 1889.

Tuy nhiên, đôi khi Nietzsche cũng đồng tình với quan điểm của Wagner về tầm quan trọng của hôn nhân. Trong một bức thư gửi người bạn đã có gia đình, Franz Overbeck, ông phàn nàn: “Nhờ vợ mà cuộc đời anh tốt hơn cuộc đời tôi hàng trăm lần. Hai người có một tổ ấm cùng nhau. Còn tôi, thứ tốt nhất mà tôi có là một cái hang... Đôi khi được tiếp xúc với mọi người giống như là một kỳ nghỉ, một sự cứu rỗi tôi khỏi ‘tôi’.”

Năm 1882, một lần nữa ông hy vọng đã tìm thấy người vợ phù hợp, Lou Andreas-Salomé, tình yêu lớn lao nhất, đau đớn nhất của ông. Nàng 21 tuổi, xinh đẹp, thông minh, lá loi và bị mê hoặc bởi triết lý của ông. Nietzsche hoàn toàn mất khả năng tự vệ trước nàng. “Tôi không muốn cô đơn nữa, tôi muốn học lại cách là một con người. À, tôi phải học gần như mọi thứ!” ông nói với nàng như vậy. Họ cùng nhau trải qua hai tuần trong rừng Tautenburg, và ở Lucerne, họ chụp ảnh cùng người bạn chung là Paul Rée, một tấm ảnh khá kỳ quặc.

Nhưng Lou quan tâm đến Nietzsche với tư cách một nhà triết học hơn là một người chồng. Sự chối từ của nàng làm ông rơi vào một quãng thời gian trầm cảm kéo dài, nặng nề. “Sự thiếu tin tưởng của tôi giờ đây quá lớn,” ông kể với Overbeck, “mọi thứ tôi nghe thấy đều khiến tôi nghĩ rằng mọi người coi thường tôi”. Ông cảm thấy đặc biệt cay đắng với mẹ và em gái, người đã can thiệp vào mối quan hệ của ông với Lou, và đã cắt đứt liên lạc với họ, khiến cho sự cô độc càng trở nên tồi tệ. (“Tôi không thích mẹ tôi, và nghe giọng của em

gái tôi thật là khủng khiếp. Cứ ở cạnh họ là tôi phát ốm.”)

Sự nghiệp của ông cũng gặp khó khăn. Khi còn tỉnh táo, không có quyển sách nào của ông bán được hơn 2.000 bản, phần lớn chỉ khoảng vài trăm bản. Sống bằng khoản lương hưu ít ỏi và một ít cổ phần được thừa kế từ bà cô, tác giả hiếm khi có tiền mua quần áo mới và kết quả là, theo chính lời tác giả, nhìn ông “xơ xác như một con cừu núi”. Ở khách sạn, ông thuê phòng rẻ nhất, thường không thể trả tiền phòng đúng hạn và không đủ tiền để thuê phòng có lò sưởi hay mua món thịt xông khói và xúc xích mà ông thích.

Sức khỏe của ông rất có vấn đề. Từ ngày còn đi học ông đã có nhiều bệnh: đau đầu, tiêu hóa kém, buồn nôn, chóng mặt, gần như mù và mất ngủ, theo đó phần nhiều là các triệu chứng của bệnh giang mai mà gần như chắc chắn là ông bị nhiễm từ một nhà thổ ở Cologne vào tháng Hai năm 1865 (mặc dù Nietzsche tuyên bố rằng ông không hề chạm vào thứ gì ở đó trừ cây đàn piano). Trong bức thư gửi Malwida von Meysenbug được viết ba năm sau chuyến đi tới Sorrento, ông giải thích: “Về sự hành hạ và tự chối bỏ bản thân, cuộc đời tôi trong những năm qua có thể so sánh với bất kỳ tu sĩ khổ hạnh nào tại bất kỳ thời điểm nào.” Và ông kể với bác sĩ, “Đau đớn thường xuyên, cảm giác gần như bị tê liệt, tình trạng giống như khi bị say sóng, khi đó tôi nói cũng khó khăn - cảm giác này kéo dài vài giờ mỗi ngày. Ngoài những lúc đó ra, tôi bị những cơn tai biến khủng khiếp (lần gần đây nhất tôi nôn ọe ba ngày ba đêm liền; tôi khát khao được chết đi). Không thể đọc được! Tỉnh thoảng lắm tôi mới viết được! Không thể chịu nổi những người khác! Không thể nghe nhạc nổi!”

Cuối cùng, đầu tháng Một năm 1889, Nietzsche phát điên ở quảng

trường Carlo Alberto ở Turin, ôm một con ngựa, và được đưa về nhà trọ, nơi ông nghĩ đến việc bắn chết Hoàng đế, lên kế hoạch cho một cuộc chiến tranh chống lại những kẻ bài Do Thái, và ngày càng quả quyết - tùy theo từng giờ - rằng mình là Dionysus, Chúa Jesus, Thượng đế, Napoléon, Vua Italy, đức Phật, Alexander Đại đế, Caesar, Alexander Herzen và Richard Wagner; trước khi ông bị ấn lên tàu và đưa đến một bệnh viện tâm thần ở Đức để bà mẹ già và cô em gái chăm sóc, cho đến tận khi ông qua đời 11 năm sau đó ở tuổi 55.

Tuy vậy, trong nỗi cô đơn đáng sợ, trong sự vô danh, nghèo đói và sức khỏe tồi tệ, Nietzsche không hề thể hiện cách hành xử mà ông lên án các tín đồ Kitô giáo; ông không chống lại tình bạn, ông không công kích địa vị, sự giàu có hay hạnh phúc. Đức Cha Galiani và Goethe vẫn là những người hùng. Mặc dù Mathilde không mong muốn gì ở ông ngoài việc trò chuyện về thơ ca, ông vẫn tiếp tục tin rằng “phương thuốc hiệu nghiệm nhất cho căn bệnh coi thường bản thân của đàn ông là được yêu bởi một người phụ nữ thông minh”. Dù ốm yếu và không có được sự khéo léo trên lưng ngựa giống như Montaigne hay Stendhal nhưng ông vẫn không xa rời quan điểm về một cuộc sống năng động: “Vào buổi sáng sớm, khi bắt đầu ngày mới trong lúc sức khỏe đang mon mọn và rạn vỡ mà đi đọc sách thì tôi gọi đó là tội ác!”

Ông đấu tranh quyết liệt vì hạnh phúc, nhưng khi không thành công thì ông cũng không quay lưng lại với cái mà mình từng khao khát. Ông vẫn tin vào điều mà theo ông là đặc điểm quan trọng nhất của một con người cao quý: trở thành một người *“không còn chồi bỏ”*.

Sau 7 giờ đi bộ, chủ yếu là trong mưa, tôi leo tới đỉnh Pitz Corvatsch, trên những đám mây phủ bóng xuống các thung lũng của Engadine ở dưới, trong tình trạng kiệt sức tột độ. Trong ba lô, tôi mang theo một chai nước, một cái bánh sandwich Emmental và một chiếc phong bì của Khách sạn Edelweiss ở Sils-Maria, bên trong có mẫu giấy mà buổi sáng hôm đó tôi chép lại một câu của nhà triết học núi non, với ý định hướng về phía nước Italy và đọc to nó lên cho gió và đá ở độ cao 3.400 mét nghe.

Giống như người cha mục sư của mình, Nietzsche tận tâm với nhiệm vụ an ủi. Giống cha, ông mong muốn chỉ cho ta những con đường dẫn tới sự mãn nguyện. Nhưng không giống như các mục sư và nhà sĩ chuyên nhổ rằng đau và những người thợ làm vườn phá bỏ những cái cây mà họ không thích phần gốc, ông coi khó khăn là điều kiện tiên quyết của sự mãn nguyện, và vì thế, ông biết rằng những lời an ủi ngọt như đường thường độc ác hơn là hữu ích:

Căn bệnh lớn nhất của con người bắt nguồn từ cách mà họ chống lại bệnh tật. Cái đường như là phương thuốc thì trong dài hạn lại tạo ra những thứ bệnh còn tồi tệ hơn cái mà chúng cần chữa. Những cách chữa bệnh mang lại hiệu quả tức thì, gây mê và thái độc, cái gọi là an ủi, thường được coi một cách ngu dốt là những phương thuốc thực sự. Người ta không nhận ra sự thật là những cách giảm đau tức thì này sẽ phải trả giá bằng sự tồi tệ trên quy mô lớn hơn và sâu sắc hơn của căn bệnh.

Không phải mọi thứ làm chúng ta cảm thấy tốt hơn đều tốt cho ta.
Không phải mọi thứ làm ta đau đều xấu.

Coi tình trạng đau khổ nói chung là điều khó chịu, một điều gì đó cần bị loại bỏ, là [sự ngu xuẩn tối thượng], nhìn chung là một thảm họa thực sự khi nói đến hậu quả của nó, cũng ngu xuẩn như là ý chí muốn loại bỏ thời tiết xấu.